



CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

# BÀ RỊA - VŨNG TÀU

## THỂ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

BA RIA - VUNG TAU  
NEW IMAGE IN CENTURY XXI



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

# **BÀ RỊA - VŨNG TÀU THỂ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI**

**BA RIA - VUNG TAU, NEW IMAGE IN THE CENTURY XXI**

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**  
TRỊNH THỨC HUỖNH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**  
TS. LÊ MINH NGHĨA

**Biên tập nội dung:**  
PHẠM ĐẮC CHUYÊN  
ĐỖ QUANG DŨNG  
NGUYỄN MINH HUỆ

**Biên tập kỹ, mỹ thuật:**  
TRẦN ĐẮC HẢI

**Sửa bản in:**  
BAN KINH TẾ

**Đọc sách mẫu:**  
ĐỖ QUANG DŨNG  
NGUYỄN MINH HUỆ

---

In 4.000 cuốn, khổ 19x26,5 cm, tại xưởng in Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại.  
Giấy phép xuất bản số: 472/CXB-QLXB cấp ngày 05/5/2003  
In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2003

**Giá bán: 90.000 đ**



CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

TRẦN THỨC HUYNH  
Ông Trần Thức Huỳnh là Giám đốc điều hành của xuất bản Công ty Đối ngoại

NGUYỄN TUẤN MINH  
Ông Nguyễn Tuấn Minh là Giám đốc điều hành của Công ty Đối ngoại

ĐÀO ĐUY QUÁT  
Ông Đào Duy Quát là Giám đốc điều hành của Công ty Đối ngoại

# BÀ RỊA - VŨNG TÀU

## THẾ VÀ LỰC MỚI TRONG THẾ KỶ XXI

BA RIA - VUNG TAU - NEW IMAGE IN THE CENTURY XXI

THÀNH VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN  
Là các tác giả, biên tập viên và các chuyên gia của Công ty Đối ngoại

BIÊN DỊCH VÀ HIỆN DỊNH TIẾNG ANH  
Các tác giả biên dịch và hiện dịnh tiếng Anh của Công ty Đối ngoại

TRÌNH BAY VÀ THIẾT KẾ  
THIẾT KẾ BỐ CỤC

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2003

## CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

### ĐÀO DUY QUÁT

Phó Trưởng Ban Tư tưởng-  
Văn hóa Trung ương

### NGUYỄN TUẤN MINH

Ủy viên Trung ương Đảng  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

### TRỊNH THỨC HUỖNH

Quyền Giám đốc - Tổng biên tập  
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

## CHỦ BIÊN

### CHU VIẾT LUÂN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

## BAN BIÊN SOẠN

Lương Quang Huy - Phạm Minh Đường  
Triệu Lệ Quyên - Nguyễn Thanh Hương

## THÀNH VIÊN THAM GIA THỰC HIỆN

Lê Thị Thu Hằng - Hoàng Anh Tú - Vũ Thị Thêu  
Phạm Phan Ngọc Dung - Nguyễn Thư Hương  
Nguyễn Thị Thanh Thắm

## BIÊN DỊCH VÀ HIỆU DÍNH TIẾNG ANH

Vô Tử Cường - Nguyễn Hồng Diệp  
Trần Thị Hoàn - Nguyễn Thùy Liên  
Lê Ngọc Trung

## TRÌNH BÀY VÀ THIẾT KẾ

Trần Đức Hải

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh mới được thành lập từ hơn 10 năm nay, nhưng cái tên Bà Rịa - Vũng Tàu đã được nhiều người, không chỉ ở trong nước, mà cả quốc tế biết đến từ rất lâu. Đây là miền đất giàu truyền thống cách mạng, miền đất của du lịch với những cảnh đẹp biển trời tự nhiên làm say lòng người, và sau nữa đây còn là nơi cho ra đời một ngành công nghiệp mới ở nước ta - ngành công nghiệp dầu khí.

Tuy là tỉnh mới được thành lập, song so với các địa phương khác, Bà Rịa - Vũng Tàu có tốc độ phát triển khá cao, kinh tế phát triển mạnh, tốc độ đô thị hoá nhanh,... đồng thời lại là một trong số ít địa phương trên cả nước hàng năm có đóng góp cho ngân sách nhà nước. Hiện nay Bà Rịa - Vũng Tàu đang là một tỉnh của vùng kinh tế phát triển thuộc khu vực phía Nam. Nơi đây có kết cấu hạ tầng phát triển, là trung tâm công nghiệp dầu khí và chẳng bao lâu nữa sẽ là một trong những trung tâm của ngành công nghệ sản xuất điện, đạm ở Việt Nam, là nơi có điều kiện phát triển mạnh lĩnh vực du lịch, dịch vụ, vận tải biển, hải sản...

Để giúp bạn đọc hiểu rõ thêm tiềm năng, lợi thế, những thông tin tổng quan, bức tranh toàn cảnh về Bà Rịa - Vũng Tàu, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia phối hợp với Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Công ty cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại xuất bản cuốn sách **Bà Rịa - Vũng Tàu - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI**.

Cuốn sách bao gồm 4 phần, trong đó:

- **Phần I** nêu lên những thông tin tổng quan về điều kiện tự nhiên, tiềm năng kinh tế - xã hội những thế mạnh của tỉnh cũng như của các đơn vị hành chính trong tỉnh.

- **Phần II** phân tích bức tranh toàn cảnh kinh tế của Bà Rịa - Vũng Tàu thông qua việc giới thiệu những ngành kinh tế trọng điểm (như dầu khí, điện, thương mại, du lịch, giải trí, ngân hàng, khoa học - công nghệ,...), những nguồn lực, sự phát triển của các thành phần kinh tế trên địa bàn, và những bài học thành công rút ra ở mười đơn vị sản xuất kinh doanh tiêu biểu.

- **Phần III** giới thiệu hệ thống kết cấu hạ tầng mạnh của tỉnh bao gồm sự phát triển của các khu công nghiệp, các hệ thống giao thông vận tải (nhất là hệ thống cảng biển, vận tải biển), điện lực, bưu điện, cấp nước.

- **Phần IV** giới thiệu các khu công nghiệp đóng vai trò chủ lực trong phát triển kinh tế của Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Phần V** nêu lên những vấn đề văn hoá - xã hội.

Có cuốn sách trong tay, bạn đọc sẽ thấy rõ hơn những thành tựu của Bà Rịa - Vũng Tàu trong hơn 10 năm qua trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, xã hội, an ninh - quốc phòng; những tiềm năng, lợi thế lớn của tỉnh, cách thức tháo gỡ khó khăn cũng như những định hướng phát triển...

Hy vọng cuốn sách này sẽ mang lại nhiều điều bổ ích, giúp bạn đọc trong và ngoài nước thêm thông tin để nghiên cứu, tăng cường mở rộng hợp tác, tìm nơi đầu tư có hiệu quả ở vùng đất có nhiều tiềm năng phát triển.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10 năm 2003

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

## PUBLISHING HOUSE'S WORDS

Ba Ria - Vung Tau has been established for more than 10 years only, but well-known not only across the country but also over the world as a land rich of revolutionary traditions, of tourism with lovely landscapes. Above all, it is the cradle of a new industry in Vietnam - petroleum.

Though newly established, Ba Ria - Vung Tau has achieved high development pace, strong economic growth and rapid urbanization. It is one of the few localities across the country to make annual contributions to the State's budget. Ba Ria - Vung Tau is now one of the provinces in the planned economic development zones in the south. With good infrastructure, as the centre of petroleum industry and will soon be one of the centre of electricity and nitrogenous fertilizer production in Vietnam, Ba Ria - Vung Tau enjoys favourable conditions for strong development of tourism, service, sea transportation and seafood.

Providing readers with more information about the potentials, advantages, and an overview on Ba Ria - Vung Tau, the Political Publishing House, in co-operation with the Foreign Economic Information Joint-stock Company, publishes the book: *Ba Ria - Vung Tau - New Image in Century XXI*. The publication consists of four parts:

- **Part I:** General information about natural features, socio-economic potentials and strengths of the province as well as its administration structure.

- **Part II:** An overview of Ba Ria - Vung Tau's economic development through introductions of the key economic sectors (petroleum, electricity, trade, tourism, entertainment, bank, science and technology, etc.), internal strengths and development of the local economic classes, and the lessons of success from ten typical businesses.

- **Part III:** introduction of the local infrastructure with the development of industrial zones, transport systems (especially the system of ports and sea transport), electricity, post offices and water supply.

- **Part IV:** A sketch of social-cultural issues.

- **Part V:** Industrial zones that play crucial roles in economic development of Ba Ria - Vung Tau

Ba Ria - Vung Tau 's economic, cultural, educational, social achievements as well as those in national security and defense; major potentials and advantages, solutions for difficulties overcoming and shortcomings are all available in the publication.

Hopefully, the information in this publication is useful to readers and partners in researching for co-operations and investments in such an area of rich development potentials.

We would like to introduce this publication to the mass readers.

*October 2003*

**National Political Publishing house**

*Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*  
**HỒ VĂN NIÊN**



## **LỜI TỰA**

Với tinh thần tăng cường thông tin trao đổi, giao tay rộng mở chào đón bạn bè đến với Bà Rịa - Vũng Tàu tham quan, tìm kiếm cơ hội làm ăn, chúng tôi vui mừng giới thiệu với đồng bào bạn đọc thêm một ấn phẩm mới có giá trị mang tên: "Bà Rịa - Vũng Tàu - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI", nhằm ghi nhận những thành quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong vòng 10 năm trở lại đây và dự báo những thay đổi quan trọng của địa phương trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI.

Cuốn sách là một cách tiếp cận khá thú vị với hình ảnh các huyện, thị, các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội và bộ mặt các doanh nghiệp trong nhiều thành phần khác nhau đang hoạt động tại địa phương. Qua những trang sách, Bà Rịa - Vũng Tàu hiện lên không chỉ là nơi bắt nguồn của ngọn lửa dầu khí thấp sáng Biển Đông, là một thương cảng quốc gia và quốc tế với những cụm cảng lớn và hiện đại, mà còn là trung tâm của ngành công nghiệp điện năng, khí đốt, đạm, là vùng đất của những bãi biển đẹp nên thơ có ngành du lịch đang trong giai đoạn bùng nổ, và là vựa hải sản có ngành đánh bắt xa bờ mạnh nhất khu vực phía Nam...

Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay không chỉ đi lên bằng những dự án công nghiệp lớn của quốc gia trị giá hàng trăm triệu đôla, mà còn lớn mạnh bằng các dự án đầu tư của nước ngoài, của các thành phần kinh tế thuộc khu vực ngoài quốc doanh với số vốn khiêm tốn hơn. Trong con mắt nhiều nhà đầu tư và du khách đến đây, Bà Rịa - Vũng Tàu ngày càng có qui hoạch tốt hơn, cơ sở hạ tầng hiện đại hơn, chính quyền địa phương cởi mở và bộ máy hành chính có nhiều cải cách thông thoáng hơn. Đây chính là những thay đổi to lớn mà phải mất nhiều năm phấn đấu, Bà Rịa - Vũng Tàu mới đạt được. Quá trình phấn đấu này cũng tạo nên thế và lực mới để địa phương bước vào thế kỷ XXI với một tư thế tự tin và chủ động đón nhận cơ hội phát triển mới.

Nhiều hình ảnh mới sinh động, phản ánh tiềm năng, lợi thế, khát vọng làm giàu mới của Bà Rịa - Vũng Tàu được tái hiện qua ấn phẩm này, đem lại cho bạn đọc một bức tranh tổng thể của những thay đổi đã và có thể diễn ra trong tương lai tại địa phương. Sự thay đổi đó có thể thấy qua các dự án xây dựng mới ở Thị xã Bà Rịa và Thành phố Vũng Tàu, hay qua những khát vọng làm giàu bằng nghề thủy sản và dịch vụ của người dân ở huyện đảo Cồn Đảo, một trong những huyện đảo xa đất liền.

Cuốn sách ra đời với sự hợp tác chỉ đạo biên soạn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Phần thu thập thông tin do Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại trực tiếp tiến hành. Hy vọng, ấn phẩm sẽ là một nguồn thông tin bổ ích cho những ai muốn có được những hiểu biết hơn nữa về một vùng đất thuộc địa bàn kinh tế trọng điểm ở khu vực phía Nam.

**Phó Chủ tịch  
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỒ VĂN NIÊN**

## **PREFACE**

In an attempt to bring readers useful information and in response to Ba Ria-Vung Tau Province's development policies on expanding cooperation with external partners, we respectfully introduces a valuable book entitled "Ba Ria-Vung Tau-New Image in Century XXI". The publication is meant to provide readers with the province's socio-economic achievements during the last 10 years as well as forecast its prominent changes in the first decade of the twenty-first century.

The book takes an interesting approach to the images of towns, different branches, social fields and some highlighted enterprises from many sectors in Ba Ria-Vung Tau Province. The publication also presents images of a land of great oil and gas potentials, an advantageous position for national and international communication with a range of modern sea ports. Besides, readers are supplied with useful information about a center of energy, gas and chemical industry, a land of picturesque beaches whose tourism is booming, as well as the leading fishing industry in the South.

Nowadays, Ba Ria-Vung Tau has gained striking economic growth thanks to big national projects worth hundreds of thousands of dollars, foreign-invested projects and other non-state owned projects with a modest sum of capital investment. Many investors and tourists have remarked that Ba Ria-Vung Tau had undergone a lot of fundamental changes such as better city plans, more modern infrastructure, open-minded authority and flexible administrative renovation. In order to obtain these results, Ba Ria-Vung Tau has tried its utmost for years. However, it is its great effort that enhances Ba Ria-Vung Tau's strength and opportunity of development in the twenty-first century.

The book is also updated with a lot of latest images of Ba Ria-Vung Tau, reflecting its potentials, advantages as well as ambitions to become a prosperous province. Further, readers will have a panorama view of changes that have taken place therein. All of these shifts can be seen through new projects in Ba Ria-Vung Tau and the residents' great efforts to have a better life in Con Dao, one of the farrest places from inland, thanks to sea food and services.

Last but not least, the publication comes into existence thanks to the help of Ba Ria-Vung Tau People's Committee, the Central Committee for Culture and Ideology and National Politics Publishing House. The Foreign Economic Information Joint-Stock Company is in charge of collecting information. Hopefully, this book will prove itself invaluable for those who are interested in one of the key economic provinces in the South.

**Deputy Chairman  
Ba Ria - Vung Tau People's Committee**

**HO VAN NIEN**



*Bi thư Tỉnh ủy tỉnh  
Bà Rịa - Vũng Tàu*  
**TRẦN VĂN KHANH**

## LỜI NÓI ĐẦU

*Các bạn đọc giả thân mến,*

Bà Rịa - Vũng Tàu là một vùng đất mới có quá trình hình thành và phát triển khoảng trên 300 năm, với diện tích tự nhiên 1975 km<sup>2</sup> và dân số 84 vạn dân. Ở vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng nên trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; chiến trường nơi đây diễn ra hết sức ác liệt, tạo nên một truyền thống cách mạng vô cùng quý giá. Nhiều tên ngỗ, tên làng, nhiều địa danh đã đi vào lịch sử; từ tỉnh đến hầu hết các huyện, thị, xã, phường đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, nhiều đơn vị và cá nhân anh hùng.

Sau giải phóng, với vị trí cửa ngõ miền Đông Nam Bộ có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển, Đảng bộ và nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu đã có nhiều nỗ lực đoàn kết thống nhất, ra sức thi đua, khắc phục nhiều khó khăn yếu kém của một tỉnh sống chủ yếu bằng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đã vươn lên trở thành một địa phương có bước phát triển kinh tế, xã hội nhanh, tốc độ đầu tư tăng mạnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 10 năm qua 14%, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người 12% và đã đạt 3.820 USD/ người/ năm. Về cơ cấu kinh tế, công nghiệp chiếm tỷ trọng trên 80%, nông nghiệp chỉ còn 4%. Sự nghiệp văn hóa - xã hội có bước đổi mới phát triển hài hoà với tăng trưởng kinh tế; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của đông đảo nhân dân đã có bước thay đổi căn bản, chất lượng cuộc sống được nâng cao; tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, đang giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Hiện nay Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong khu vực phát triển sôi động của địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, là trung tâm công nghiệp khai thác và dịch vụ dầu khí, trung tâm sản xuất điện sử dụng nguồn nhiên liệu khí đốt lớn nhất cả nước; có du lịch và dịch vụ du lịch, công nghiệp khai thác và chế biến hải sản phát triển, tương lai gần sẽ là khu vực phát triển cảng biển, dịch vụ hàng hải có quy mô lớn với nhiều tuyến giao lưu quốc tế. Đến năm 2010, Bà Rịa - Vũng Tàu phấn đấu thành một trung tâm công nghiệp, du lịch và khai thác hải sản lớn, một thương cảng quốc gia và quốc tế.

Nhìn lại những thành tựu trên các mặt trận kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, chúng ta không thể không tự hào về những kết quả đã đạt được. Đồng thời cũng nhận thấy rằng những tiềm năng, lợi thế

trên địa bàn tỉnh là rất lớn nhưng việc khai thác, sử dụng có hiệu quả, biến nó thành những nguồn lực to lớn cho sự phát triển thì còn nhiều hạn chế. Tiềm năng để phát triển cảng biển, phát triển du lịch và các ngành dịch vụ khác, khai thác và chế biến hải sản, phát triển các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn rất lớn, đang chờ đón nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tập trung sức đầu tư. Điều đó đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải nhanh chóng có qui hoạch chi tiết, có những kế hoạch phát triển đồng bộ, nhất là sớm ban hành nhiều chủ trương, chính sách ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư đến hợp lực cùng địa phương khai thác có hiệu quả tài nguyên, tiềm năng đó, tạo nên thế và lực mới của Bà Rịa - Vũng Tàu trong thế kỷ XXI.

Ấn phẩm "Bà Rịa - Vũng Tàu - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI" mà Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia và Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế Đối ngoại xuất bản với mong muốn góp phần đáp ứng nhu cầu hiểu biết của độc giả về những thông tin tổng quan lịch sử phát triển, những tiềm năng lợi thế của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; về bức tranh toàn cảnh kinh tế - văn hóa - xã hội và kết cấu hạ tầng... đồng thời cung giới thiệu với các tổ chức, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các nhà ngoại giao những thông tin cần thiết, nhằm tăng cường sự giao lưu, hợp tác, mở rộng thị trường và phục vụ thu hút đầu tư đến với tỉnh.

Hy vọng ấn phẩm này được xuất bản sẽ là cẩm nang có giá trị cho nhiều độc giả hiểu thêm về đất nước, con người và sự phát triển năng động của Bà Rịa - Vũng Tàu, đồng thời sẽ là tài liệu có giá trị phục vụ công tác nghiên cứu, thông tin, tuyên truyền đối ngoại của địa phương.

**Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**



**TRẦN VĂN KHÁNH**

## INTRODUCTION

*Dear readers,*

Ba Ria-Vung Tau province is a relatively new area found and developed some 300 years ago with a natural area of 1,975 square metres and total population of 840 thousand. It is located in a very important strategic terrain where there occurred fierce battles during the two anti-French and anti-US wars, making it become an extremely precious revolutionary tradition. Many lanes, villages and places in Ba Ria - Vung Tau province have become historical names. The entire province and its districts, towns, communes and wards were awarded the name: "Hero of Armed Forces" with many individuals and organizations making great contribution to enriching the tradition of the land.

After the national liberation, functioning as the gate of Southeast central area, this province was recognised to have many potentials and advantages for development. Ba Ria Vung Tau's Party Committee and people have made greatest efforts to unifying, emulating and overcoming difficulties and deficiencies of the province mainly relying on agriculture, forestry and fisheries. As a result, the province has become a developed socio-economic zone with intensive investment and economic re-structuring pace towards the orientation of Industry-Service-Agriculture. Its average economic growth rate is 14 percent over the last 10 years, and income per capita grows by 12 percent per year, equivalent to US\$3,820 per person per year.

The province's industry occupies over 80 percent, and agriculture makes up only four percent. The activities of culture and society have been promoted to harmonize with the economic growth rate. Physical, cultural and spiritual life of people has basically improved. The urbanization is developing very fast, narrowing the gap between rural and urban areas. At present, Ba Ria-Vung Tau is situated in a seething economic development area of southern Vietnam. It is not only a centre of oil exploitation industry and oil-relating services but also a centre for electronics manufacture that consumes the greatest volume of fuel over the country. In addition to this, the province has developed tourist services. The exploitation and processing industry of marine products has developed. The sea harbor and large-scale marine services with various international marine lanes will develop in the near future. By the year 2010, Ba Ria-Vung Tau expects to become a famous tourism destination, a large-scale marine product exploitation centre, and a national and international commercial harbor.

Reviewing the achievements in socio-economic, cultural and educational aspects; safe security and stable politics, social orders in the province, the local Party and people are proud of such achievements. However, although the province has many potentials and advantages, it has not brought into full play such strengths or turned them into great resources for its development. There exists a great potential to develop the sea harbor, tourism and other services, exploitation and processing of marine products, industrial

zones, and industrial areas and handicraft industry. The province is expecting for investment sources from domestic and foreign investors and various economic components.

This implied that the Party Committee, local authority and people of Ba Ria-Vung Tau should promptly make detail planning and design out synchronous development plan. Especially, they shall promulgate many guidelines and incentive policies in order to encourage investors to cooperate with localities to exploit natural resources, creating a new strength and status in the 21st century.

The joint publication “Ba Ria-Vung Tau-A new strength and status in the 21st century” published by Ba Ria-Vung Tau Provincial People’s Committee, National Politics Publishing House and Foreign Economics Information Joint Stock Company aims to introduce readers general information on the development history, potentials and advantages of Ba Ria-Vung Tau province; socio-economic and cultural overall picture and infrastructure. Moreover, it provides domestic and international organizations and investors, diplomats with necessary information in an attempt to enhance culture exchange, cooperation and market expansion and further investment mobilization.

We do hope that this publication will be of a high-value manual for readers to more understand about the country, people and dynamic development of Ba Ria-Vung Tau. It is also a valuable document, serving local research, dissemination and foreign communication.

*Secretary of Party Committee of Ba Ria Vung Tau province*

**TRAN VAN KHANH**

# HÌNH ẢNH CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU



Chủ tịch nước **TRẦN ĐỨC LƯƠNG** đến thăm Nhà  
máy Khí hóa lỏng Dinh Cố



Chủ tịch nước **TRẦN ĐỨC LƯƠNG** tặng quà cho  
Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại thị xã Bà Rịa



Chủ tịch nước **TRẦN ĐỨC LƯƠNG** đến thăm  
Công ty Gạch men Hoàng Gia



Phó Chủ tịch nước **TRƯƠNG MỸ HOA** đến thăm  
Công ty cổ phần May Vũng Tàu



Thủ tướng **PHAN VĂN KHẢI** thăm Trại thương  
bình nặng tại Long Hải

# NỖ LỰC XÂY DỰNG BÀ RỊA - VŨNG TÀU TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG ĐỊA PHƯƠNG NĂNG ĐỘNG Ở KHU VỰC PHÍA NAM



*Đồng chí*  
**NGUYỄN TUẤN MINH**  
*Ủy viên Trung ương Đảng*  
*Chủ tịch UBND tỉnh*  
*Bà Rịa - Vũng Tàu*

**B**à Rịa - Vũng Tàu là vùng đất có tiềm năng kinh tế và vị trí hết sức quan trọng. Trong suốt thời Pháp thuộc rồi chiến tranh chống Mỹ, nó là tiền đồn bảo vệ Sài Gòn và nơi nghỉ mát. Sau ngày giải phóng và bước vào thời kỳ mở cửa hội nhập khu vực, vùng đất này đã nhanh chóng cùng Đồng Nai, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh trở thành vùng kinh tế tăng trưởng năng động nhất tại khu vực phía Nam. Tháng 8 - 1991, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Quốc hội khoá VII kỳ họp thứ 9 quyết định thành lập trên cơ sở đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và 3 huyện Long Đất, Châu Thành, Xuyên Mộc tách ra từ tỉnh Đồng Nai.

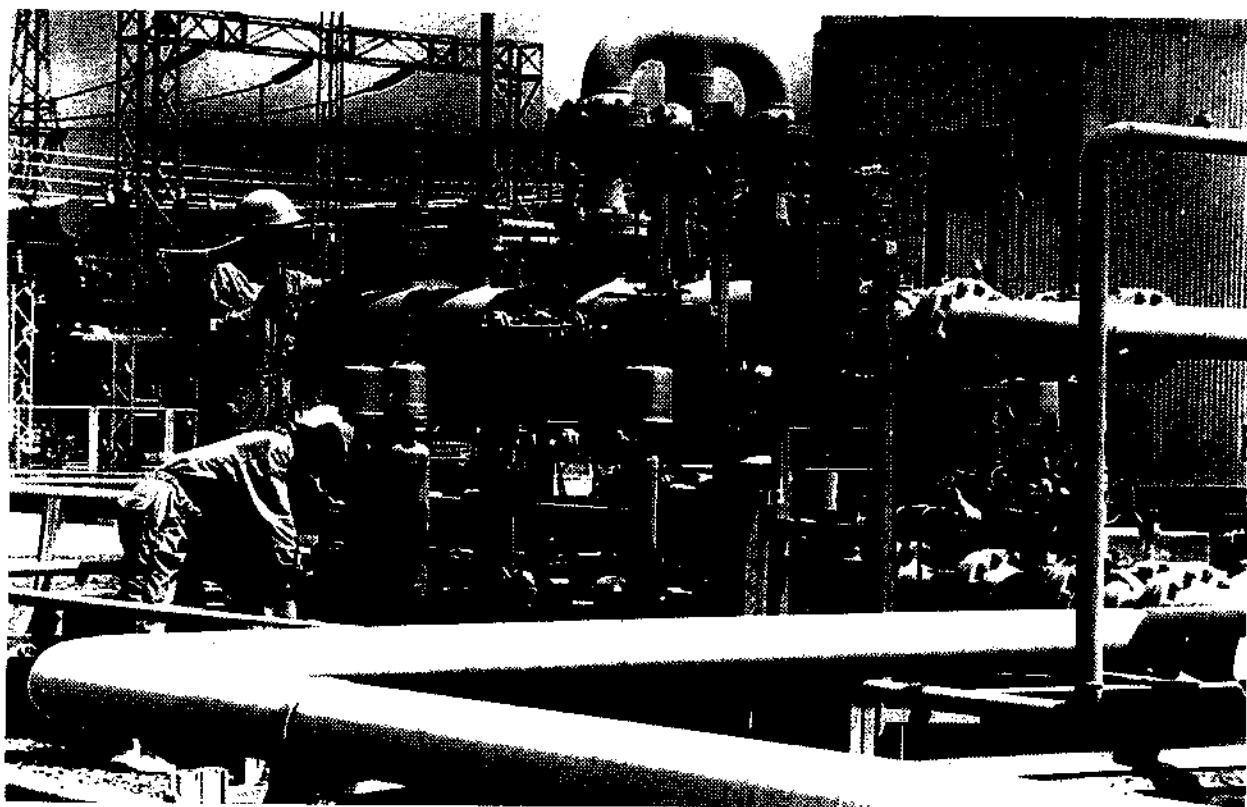
Từ một địa phương có kết cấu hạ tầng và các mặt hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội hầu như không có gì đáng kể sau chiến tranh, đến nay Bà Rịa - Vũng Tàu đang phát triển nhanh chóng, trở thành tiền cảng và đầu mối giao thông quan trọng, chẳng những cho toàn vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, mà còn là cảng trung chuyển quốc tế, đầu mối giao thông nối kết Biển Đông và hệ thống giao thông liên Á. Sự phát triển đồng bộ của hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng đã tạo tiền đề cho quá trình thúc đẩy gia tăng kinh tế. Kinh tế công nghiệp, dịch vụ, du lịch, hải sản phát triển nhanh: nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao. Hết năm 2002, GDP tính theo giá cố định năm 1994 cả dầu khí tăng 12,8%, nếu trừ dầu khí tăng 20,1%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 10,4%, trong đó riêng dầu khí tăng 1,7%, trừ dầu khí tăng 38,2%; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,2%, ngư nghiệp

tăng 10,9%; thương mại - dịch vụ - du lịch tăng 14,2%.

## **Một địa phương có thể mạnh về công nghiệp - du lịch - thủy sản**

Trong quá trình khai thác, phát huy những thế mạnh của mình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang dần dần trở thành địa bàn phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch và thủy sản lớn của cả nước.

Ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, phát triển với tốc độ khá nhanh. Sau hơn 10 năm thành lập tỉnh, ngành đã đầu tư nhiều nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất đạt hiệu quả cao. Giá trị sản xuất (tính năm so sánh là 1992) kể cả dầu khí tăng bình quân 14,23%/năm, không kể dầu khí tăng 37%/năm. Công nghiệp dầu khí, ngành kinh tế mũi nhọn, đang trên đà phát triển mạnh. Hàng năm sản lượng khai thác đạt 15 triệu tấn (năm 2002 sản lượng dầu thô đạt 17,2 triệu tấn), thu gom 2 tỷ m<sup>3</sup> khí đồng hành. Ngoài dầu khí, công nghiệp điện năng, vật liệu xây dựng, chế biến nông hải sản, may mặc cũng ngày càng phát triển. Đến nay, Bà Rịa - Vũng Tàu mỗi năm đã sản xuất hơn 3 tỷ kWh điện và trong tương lai khi các Nhà máy Điện ở Phú Mỹ hoàn thành và đi vào hoạt động, công suất điện sẽ đạt tới 3.600 MW. Nhiều sản phẩm từ khi thành lập tỉnh chưa có nay đã đạt sản lượng khá như khí hoá lỏng 485.000 tấn, thép 265.000 tấn, phân bón NPK 140.000 tấn, gạch men 1,2 triệu m<sup>2</sup>, thùng phuy 140.000 chiếc, giày xuất khẩu 3,5 triệu đôi,



Đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp trên địa bàn, tỉnh đã hoàn tất việc quy hoạch dành hơn 1.300 ha đất để xây dựng các khu công nghiệp như Mỹ Xuân A, Mỹ Xuân A2, Mỹ Xuân B1, Phú Mỹ 1, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Cái Mép. Một số khu công nghiệp đang được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Nhiều dự án đã được cấp giấy phép đầu tư và có dự án đi vào hoạt động. Hệ thống các cảng biển, cảng sông, kho bãi được hình thành bao gồm các cụm cảng phục vụ dầu khí, khu công nghiệp, xuất nhập khẩu, thủy sản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trên địa bàn. Hiện tại các cảng lớn ở Vũng Tàu, Thị Vải đã tiếp nhận được tàu vận tải lớn từ 30.000 - 60.000 tấn và đã có sự hỗ trợ các cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong tương lai sẽ trở thành trung tâm của khu vực phía Nam.

Do được thiên nhiên ưu đãi và nhất là khí hậu bốn mùa nắng ấm, cùng nhiều bãi biển đẹp, có di tích lịch sử Côn Đảo nổi tiếng, du lịch ở tỉnh có điều kiện phát triển. Mỗi năm tỉnh đón khoảng 3,6 - 4,4 triệu lượt khách đến tham quan nghỉ ngơi, vui chơi tắm biển, tốc độ

tăng bình quân 12,5%/năm, trong đó có khoảng 8 - 10% là khách quốc tế. Lượng khách năm 2002 nhiều gấp 3 lần so với năm 1992, trong đó khách nội địa tăng gấp 3,1 lần, khách quốc tế gấp 2,1 lần. Những năm gần đây, khách du lịch đến tỉnh ngày càng đông do cơ sở vật chất được đầu tư khá. Năm 1992 chưa có khách sạn nào được xếp hạng sao, năm 1996 có 6 khách sạn được xếp hạng sao với 400 phòng, đến nay trên toàn tỉnh có 73 khách sạn với 2.776 phòng, trong đó có 21 khách sạn được xếp hạng từ 1 - 3 sao với 1.285 phòng. Ngoài hệ thống khách sạn, có nhiều dự án du lịch lớn cũng đã được đầu tư và đưa vào sử dụng gồm Khu Du lịch Biển Đông - Bãi Sau, Khu Du lịch Kỳ Vân - Long Hải, Khu du lịch Lam Sơn, Khu Du lịch suối nước nóng Bình Châu, đang chuẩn bị xây dựng hệ thống cáp treo Núi Lớn - Núi Nhỏ, tháp truyền hình kết hợp du lịch ngắm cảnh trên Núi Lớn, cầu tàu du lịch Long Hải và nhiều tuyến giao thông lớn phục vụ du lịch.

Bờ biển Bà Rịa - Vũng Tàu có độ dốc không lớn, độ sâu giảm dần từ bờ ra khơi, đáy

*Công nghiệp  
dầu khí đang là  
ngành kinh tế  
mũi nhọn*

biển có dạng của một đồng bằng lớn nên rất thích hợp cho nghề khai thác hải sản, nhất là cá. Đến cuối năm 2002, toàn tỉnh có trên 4.600 tàu đánh cá với tổng công suất 408.200 CV, trong đó tàu có công suất khai thác vùng ngoài khơi hơn 2.000 chiếc có sản lượng khai thác hàng năm đạt hơn 130.000 tấn. Ngành thủy sản có cơ hội phát triển kéo theo ngành chế biến hải sản cũng thu hút được sự quan tâm của các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các nhà máy phục vụ xuất khẩu. Năm 2002 sản lượng hải sản chế biến đông lạnh đạt 19.000 tấn, tăng gấp 4,86 lần năm 1992, xuất khẩu được khoảng 66 triệu USD.

### **Cuộc sống của người dân được nâng cao**

Sự tăng trưởng về kinh tế đã tạo tiền đề để tiếp tục cải thiện có hiệu quả đời sống của nhân dân, tăng khả năng đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội. Bộ mặt đô thị và nông thôn trong lĩnh vực đều có sự đổi thay, tiến bộ nhanh, đặc biệt là ở vùng nông thôn nơi chiến trường ác liệt trong những năm trước đây. Thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa đã khá khang trang, sạch đẹp, hiện đại, văn minh. Hệ thống kết cấu hạ tầng ở nông thôn đã phát triển mạnh. Đến nay 100% số xã đã có hệ thống giao thông nông thôn liên thôn, liên xã, các huyện có đường bê tông nhựa chiếm tỷ lệ cao. Tại các khu vực hành chính của các huyện xã, đường sá đã

được cải tạo, nâng cấp cùng với các công trình điện nước, cây xanh, vỉa hè, đèn chiếu sáng. Đặc biệt là xã đảo Long Sơn đã được nối với đất liền bằng cầu được xây dựng khá hiện đại, đáp ứng lòng mong mỏi của người dân.

Các huyện đều có trung tâm y tế, các xã có trạm y tế và xây dựng được mạng lưới y tế ở nông thôn, áp trong đó 75% số xã có bác sĩ. Chương trình xoá mù chữ phổ cập tiểu học của tỉnh được hoàn thành từ năm 1997, có 41 xã phường hoàn thành việc phổ cập trung học cơ sở. Hai huyện Tân Thành và Côn Đảo đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Tất cả các xã, kể cả vùng sâu, vùng xa, hải đảo thuộc tỉnh đều đã có điện thoại và được phủ sóng phát thanh truyền hình. Đến nay trên địa bàn tỉnh, số hộ khá và giàu ngày càng tăng, cơ bản không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhiều. Tiềm lực đảm bảo quốc phòng được tăng cường, hệ thống chính trị không ngừng được củng cố, phát huy quyền làm chủ nhân dân, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý điều hành của bộ máy chính quyền các cấp, bảo đảm các yêu cầu ổn định về chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

### **Những yếu tố tác động tới quá trình phát triển**

Đến ngày hôm nay, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã nhanh chóng bắt nhịp với công cuộc đổi mới đất nước. Nhìn lại chặng đường hơn 25 năm từ ngày giải phóng Miền Nam và hơn 10 năm xây dựng, phát triển, Bà Rịa - Vũng Tàu đã tiếp tục phát huy được truyền thống của một địa phương "miền Đông gian lao mà anh dũng". Đảng bộ, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đoàn kết phấn đấu giành được nhiều thành tựu quan trọng.

Yếu tố cơ bản nhất tác động tích cực đến quá trình phát triển là chủ trương chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã phát huy tác dụng trong cuộc sống, giải phóng được năng lực sản xuất, kích thích các thành phần kinh tế cùng bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và một số

*Khu Du lịch suối nước nóng Bình Châu*



lĩnh vực xã hội. Về phía địa phương, Bà Rịa - Vũng Tàu có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên nên đã tạo ra những tiềm năng về dầu khí, du lịch, hải sản và cảng biển. Chính những tiềm năng này đã thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư làm cho kinh tế của tỉnh phát triển nhanh. Kinh tế phát triển nhanh nên có nguồn thu ngân sách lớn, vừa đóng góp nhiều cho Trung ương, vừa có điều kiện để lại đầu tư cho phát triển kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Mặt khác, sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cũng như sự nỗ lực phấn đấu thực hiện của các cấp, các ngành và của toàn thể nhân dân trong tỉnh trong 10 năm qua đã tạo nên những kết quả và sự phát triển nhanh chóng của tỉnh.

Những yếu tố nêu trên đã được tỉnh quan tâm, tiếp tục tạo điều kiện để phấn đấu đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới (2005 - 2010). Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (2001) đã xác định những định hướng lớn của tỉnh trong 10 năm đầu thế kỷ XXI như sau:

- Phấn đấu đến năm 2010, Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản trở thành một trong

*Chuẩn bị ra khơi đánh bắt*



những trung tâm công nghiệp, du lịch và khai thác hải sản của khu vực và cả nước, một thương cảng quốc gia và quốc tế. Trong đó một số mục tiêu cụ thể như tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm tính cả dầu khí 12,5 - 13,1%, không tính dầu khí là 12,6 - 14,4%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2010 tính cả dầu khí là công nghiệp và xây dựng 79 - 80,2%, dịch vụ 17,4 - 18,5%, nông nghiệp 2,3 - 2,5%; không tính dầu khí: công nghiệp và xây dựng 50,1 - 53,7%, dịch vụ 39,8% - 43,7%, nông nghiệp 6,2 - 6,4%.

- Phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế cùng sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế hợp tác có bước phát triển khá. Phổ cập trung học cơ sở trong toàn tỉnh; số đông thanh niên tốt nghiệp phổ thông được tiếp tục học phổ thông trung học hoặc học nghề, cơ bản giải quyết việc làm cho người lao động ở cả nông thôn và thành thị...

Tiềm năng và thế mạnh của Bà Rịa - Vũng Tàu còn rất lớn. Tiếp nối truyền thống anh dũng kiên cường của các chiến sĩ cách mạng Côn Đảo năm xưa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quê hương của người nữ anh hùng cách mạng Võ Thị Sáu đang từng bước khẳng định vị thế chiến lược của mình trên các mặt dầu khí, điện năng, thương mại - du lịch, hải sản ... tiếp tục trở thành một trong những tỉnh có nền kinh tế phát triển năng động khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. ■

**Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**Nguyễn Tuấn Minh**

# EFFORTS FOR THE SAKE OF A DYNAMIC SOUTHERN LOCALITY

**B**a Ria-Vung Tau province is rich of economic potentials with a crucial location. During the period under the French domination and the war against American imperialists, Ba Ria-Vung Tau was a stronghold to protect Sai Gon and the sea resort. After the national reunification, with the process of openness and regional integration, together with Bien Hoa and Thu Dau I, Ba Ria-Vung Tau has developed into a counterbalanced city to Ho Chi Minh city. The province of Ba Ria-Vung Tau was established on the basis of the special region of Vung Tau -Con Dao and the 3 districts of Long Dat, Chau Thanh, Xuyen Moc separated from Dong Nai province, with the approval by the National Assembly, VIIIth Tenure, 9th Plenum in August 1991.

From a locality with insignificant infrastructure and socio-economic and cultural activities after the war, Ba Ria-Vung Tau has, so far, developed rapidly into a front sea-port and an important junction for the key economic zone of the South and served as an international transit port, and a sea junction connecting South China Sea and inter-Asian route. The synchronic development of infrastructure has laid groundwork for the economic development. The province's industry, service, tourism, and aqua-products have developed dramatically with high economic growth rate. As at the end of 2002, the Gross Domestic Products (GDP) with fixed value in 1994 increased 12.8 percent (including oil revenue) and 20.1 percent (excluding oil value). The



*Long Son Bridge*

industrial value increased 10.4 percent with 1.7 percent from oil industry and the figure would be 38.2 percent (excluding oil value); the agricultural production value rose by 4.2 percent, fisheries 10.9 percent; commerce, service and tourism 14.2 percent.

## **Some localities with advantages for the development of industrial, tourist, and aquaculture products**

During the exploitation and enhancement of the advantages, Ba Ria-Vung Tau is becoming a region with rapid development of industry, service, commerce, tourism and aqua-products of the nation.

The province's industry has accounted for a large proportion in the economic structure with fairly rapid development. 10 years after the foundation, many factories, enterprises, and production establishments have been invested with high efficiency. The production

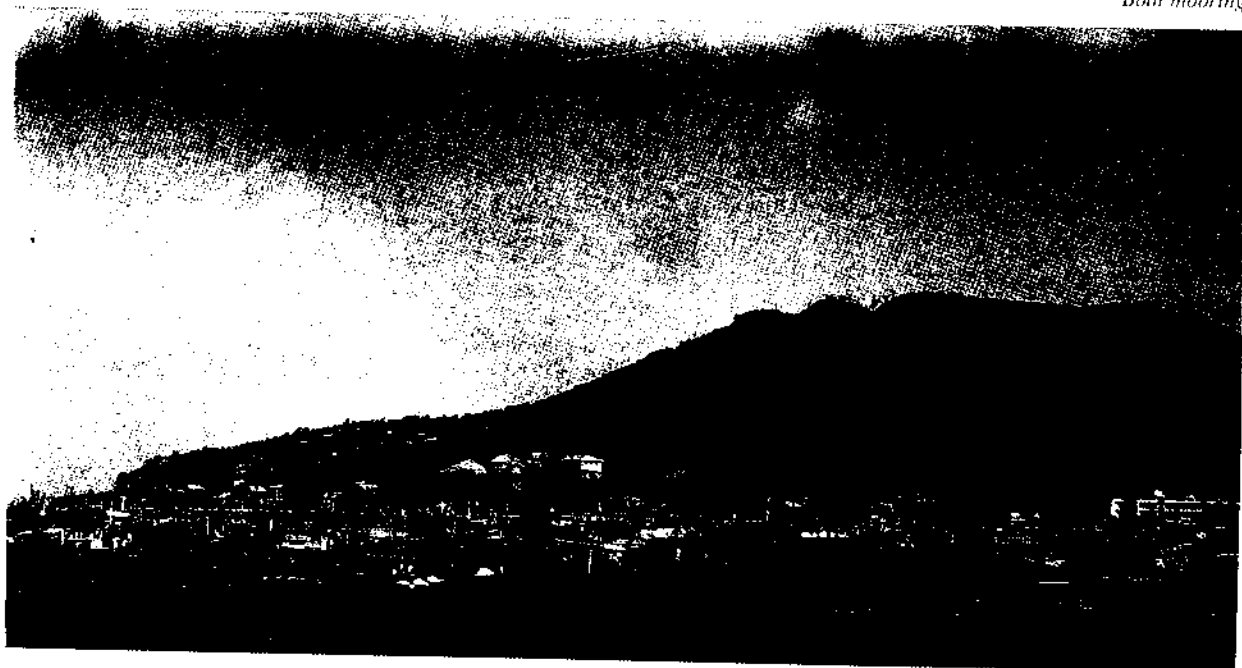
value (as compared to 1992) has increased by 14.23 per annum (including oil value) and 37 percent (excluding that value). The oil industry, as a cutting edge economy is developing sharply. The annual exploitation productivity reaches 15 million tonnes (with a crude oil productivity of 17.2 million tonnes), collecting two billion cubic meters of accompanied gas. In addition to oil and gas, the industries of electric power, construction materials, agricultural and marine products processing, and garment are also on the rise. Up to now, Ba Ria-Vung Tau has produced three billion KWh of electric power per annum and the figure is likely to amount to 3,600 MW when other power plants in Phu My come into operation. Many products which were not available when the province was founded has recently developed with high annual productivity such as liquidized gas - 485,000 tonnes, steel-265,000 tonnes, NPK fertilizers-140,000 tonnes, enameled tiles-1.2 million square meters, iron barrel-140,000 units, shoes and boots for export-3.5 million pairs.

In order to meet the demands for the local industrial development, the province has completed planning 1,300 ha for the construction of such industrial zones as My Xuan A, My Xuan A2, My Xuan B1, Phu My 1, Dong Xuyen, and Cai Mep some of which have already started

investing in their infrastructure. Many projects have been granted with licenses and some have come into operation. The system of sea and river ports, and warehouses has been established including complexes in service of oil and gas exploitation, industrial zones, import and export, aqua-products to meet the demand for economic development. At present, the big ports in Vung Tau, Thi Vai can receive big cargo ships with a capacity of 30,000-60,000 tonnes, and at the same time support the ports in Ho Chi Minh city. In the future, the region is bound to become the center of the Southern provinces.

With favorable natural conditions and warm climate all the year around, as well as many picturesque beaches and the famous historical relic of Con Dao, the tourism of the province could seize opportunities for development. Every year, the province welcomes 3.6 - 4.4 million tourists, 8-10 percent of which are foreigners with an annual increase of 12.5 percent. The number of tourists in 2002 was three times as many as those in 1992 with a triple-increase in the number of domestic tourists and 2.1 time- increase in that of foreign ones. In recent years, more and more tourists have visited the province thanks to its big investment in tourist facilities. In 1992, no hotel was standardized, however 6 became standardized in

*Boat mooring*



1996 with a total number of 400 rooms. At present, the figure is 73 with 2,776 rooms, 21 of which have been rated as one to three star-hotels with 1,285 rooms. Apart from the system of hotels, many remarkable tourist projects have been invested and completed including the East Sea- Bai Sau and Ky Van- Long Hai resorts, Lam Son dog race field, and Binh Chau hot spring. Besides, in the time to come, the system of Nui Lon-Nui Nho peak trams, TV tower and observatory in Nui Lon, Long Hai tourist quay and many wide roads for the sake of tourism.

Ba Ria-Vung Tau beach, with insignificant slope, a gradual decrease in the depth from the shore and the seabed in the shape of a large plain, is quite suitable with the netting of aqua-products especially fish. Till late 2002, the province had 4,660 fishing vessels with a total capacity of 408,200 HP, more than 2,000 of which could involve in deep-sea fishing with an annual productivity of 130,000 tonnes. The branch of aqua-products with opportunities for development leads to the attention by economic sectors to aqua-products processing with their investments in processing factories in service of exports. In 2002, the productivity of frozen marine products stood at 19,000 tonnes, a 4.86 times-increase against 1992, with an export value of US\$66 million.

### **Improved people's living conditions**

The economic growth rate has laid foundation for the effective continuous improvement of people's living conditions, more investment in technical and social infrastructure, and better solution to social problems. The urban and rural profiles have seen rapid changes and progress especially in rural areas which used to be fierce battlefields during the war. Vung Tau city and Ba Ria town are quite spacious, clean and pretty, modern and civilized. The rural infrastructure has seen dramatic changes. Up to now, there have been communication systems of inter-village and inter-commune in 100 percent of the villages, and asphalt and concrete roads made up high proportion in the districts. In the administrative areas of the districts and villages, the road system has been improved and upgraded along

with power and water supply system, trees, pavements and lights. Especially, the island village of Long Son has been connected to the mainland with a fairly modern bridge, responding to the desires by the people.

There are healthcare centers in the districts, healthcare clinics in the villages with healthcare system in the communes and hamlets as well as doctors in 75 percent of the villages. The province program for illiteracy eradication and primary universalisation was fulfilled in 1997 with junior secondary universalisation in 41 villages and wards, and secondary universalisation in Tan Thanh and Con Dao districts. There is also telephone system and TV broadcast coverage in all of the villages including those in remote and island areas in the province. Up to now, the number of wealthy households has increased without those with insufficient food supply and the number of poor households decreased. The provincial potentials of national defense has been strengthened, political system consolidated, the people's right to self mastering improved, the leading role of the Party and administration and management of the authorities at all levels enhanced to ensure security and political stability and social safety and order in the locality.

### **The factors affecting development process**

So far, Ba Ria-Vung Tau has caught up with the national renewal process. Reviewing

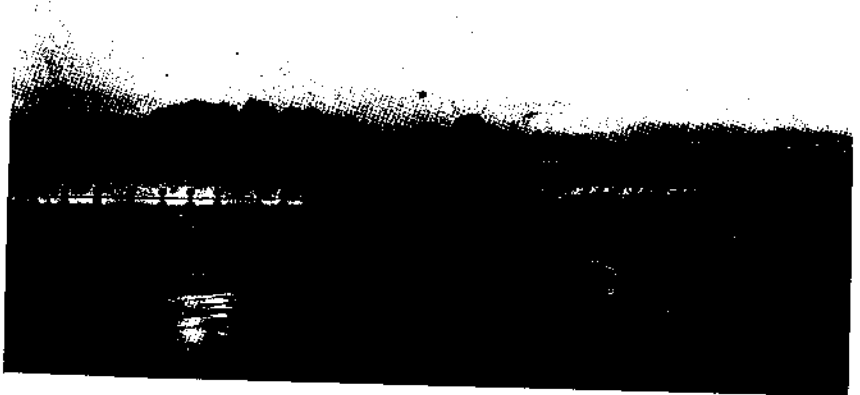


25 years since the national reunification and 10 years since its establishment, Ba Ria-Vung Tau has continued to bring into full play the tradition of "a hardworking and heroic Eastern area". The local Party committee, People's council and People's committee have overcome quite a few difficulties and challenged, unified, made every effort and recorded many significant achievements.

The most fundamental factor exerting positive effect on the process of development is the Party's and State's renewal guidelines which has had great influence in daily life, liberating production capacity and stimulating economic sectors to invest in several social field. As an area endowed with favorable natural and geographical conditions, Ba Ria-Vung Tau has its own potentials in oil and gas, tourism, marine products and sea ports which have attracted international and domestic investors, leading to the rapid economic development. The province's economic development has generated big revenue, making remarkable contribution to the State budget as well as reinvesting in socio-economic and infrastructure development. On the other hand, the close guidelines and leadership by the provincial Party committee, People's council and People's committee together with the efforts of all sectors at all levels and the people as a whole over the past 10 years have resulted in the dramatic development.

The above-mentioned factors keeps attracting attention and priority by the province to fulfill the objectives for the development of socio-economy in the next period (2005-2010). The provincial Party Congress session III (2001) defined significant directions for the province for the first 10 years of the XXI century as follows:

Basically, Ba Ria-Vung Tau will become one of the industrial, tourist and fishery centers of the country and a national and international commercial port. Some of the specific objectives are: annual GDP will be 12.5 to 13.1 percent (including oil value) and 12.6-



*Shrimp breeding*

14.4 percent (excluding oil value). In the economic structure by 2010, the industry and construction will account for 79-80.2 percent, service 17.4-18.5 percent, agriculture 2.3 to 2.5 percent (including oil value) and 50.1-53.7 percent, 39.8-43.7 percent, 6.2-6.4 percent respectively (excluding oil value).

Dramatically developing all economic sectors with efficient production and business, maintenance of the State's key leadership and remarkable development in the cooperative economy; universalize junior secondary education in the whole province; providing higher-level or vocational education for the vast majority of pupils who finish secondary schools, as well as generating jobs for most of urban and rural laborers.

Ba Ria-Vung Tau has a lot of potentials and advantages. Inheriting the heroic and steadfast tradition of the former Con Dao revolutionaries, Ba Ria-Vung Tau, as the hometown of Vo Thi Sau, a revolutionary heroine, is gradually determining its strategic status in terms of oil and gas, electric power, commerce-tourism, marine products, and becoming one of the provinces with the most dynamic developed economy of the Southern key economic zones. ■

**Chairman of People's Ba Ria-Vung Tau**

**Nguyen Tuan Minh**

# PHẦN I

## THÔNG TIN TỔNG QUAN

PHẦN I

GENERAL INFORMATION



# CHƯƠNG I: LÀM QUEN VỚI BÀ RỊA - VŨNG TÀU

## ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TIỀM NĂNG KINH TẾ, XÃ HỘI TẠO NỀN TẢNG PHÁT HUY THỂ VÀ LỰC

**Đ**iều kiện tự nhiên và những tiềm năng về kinh tế, xã hội là những nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### A. Vị trí địa lý

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ có diện tích tự nhiên khoảng 2.006 km<sup>2</sup>, trong đó:

- Phía bắc và tây bắc giáp huyện Long Thành, Long Khánh, Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai)
- Phía tây nam giáp huyện Cần Giuộc (Thành phố Hồ Chí Minh)
- Phía đông bắc giáp huyện Hàm Tân (tỉnh Bình Thuận)
- Phía nam và đông nam giáp Biển Đông.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chiếm khoảng 37% diện tích khu trung tâm vùng địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam - một trong 3 địa bàn kinh tế trọng điểm quốc gia dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Là nơi tập trung nhiều cơ sở công nghiệp hàng đầu của cả nước (về sản xuất - chế tạo - chế biến), sản lượng công nghiệp chiếm 50% cả nước.

- Là một khu vực ven biển, tập trung nhiều cảng biển quốc tế lớn, thuận lợi cho các ngành kinh tế biển phát triển.

- Là một thị trường lớn tiêu thụ các loại sản phẩm.

- Trong vùng có nhiều loại khoáng sản quý, đặc biệt là bôxít và dầu mỏ.

- Là đầu mối giao thông quan trọng (đường biển - hàng không - đường bộ), rất thuận lợi cho giao lưu trong nước và quốc tế.

- Bao gồm và kề cận các tỉnh miền Đông Nam Bộ - một khu vực chính cung cấp các sản phẩm cây công nghiệp (cao su, cà phê, tiêu, hạt điều, bông vải tơ tằm.

- Nằm cạnh Đồng bằng sông Cửu Long - một vựa



Đường Hạ Long - Thành phố Vũng Tàu

lúa và rau quả lớn nhất của cả nước, sản lượng thóc chiếm khoảng 50%, giá trị thủy sản xuất khẩu chiếm 50% của cả nước.

- Thị xã Bà Rịa là đầu mối giao thông đường bộ nối liền các trung tâm kinh tế lớn trong vùng và tất cả các huyện - thị - thành phố của tỉnh thông qua các trục quốc lộ 51, 56, 55, hay tỉnh lộ 52, 44, 328, 329, 765.

- Tỉnh nằm trên trục đường xuyên Á, đoạn cuối thông ra cửa biển quốc tế, rất thuận lợi cho giao lưu với các nước trong khu vực.

- Tỉnh nằm trên trục đường hàng hải quốc tế có chum cảng biển nước sâu thuận tiện cho giao lưu hàng hoá trong nước và quốc tế, là cửa ngõ trung chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu cho thị trường các nước ASEAN, APEC, EU ...

**B. Đặc điểm tự nhiên**

**a. Khí hậu:**

Khí hậu Bà Rịa - Vũng Tàu mang tính đặc thù chung của khu vực Nam Bộ, được chia làm 2 mùa (mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10):

- Lượng mưa bình quân hàng năm 1.528 mm, số ngày mưa trung bình trong các năm là 115 ngày (mưa nhiều nhất vào tháng 6 -7).

- Mùa khô hướng gió thịnh hành là đông bắc và chuyển thành hướng đông khi vào đất liền (gió chướng). Mùa mưa hướng gió chính là tây nam. Khu vực này ít gặp bão lớn.

- Nhiệt độ trung bình là 27,1°C (cao nhất vào tháng 5 và thấp nhất vào tháng 1).

- Độ ẩm trung bình là 85%.

Nhìn chung khí hậu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu rất thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế và du lịch.

**b. Nguồn nước**

Lượng mưa hàng năm trên địa bàn tỉnh khoảng 3.066 triệu m<sup>3</sup>, là nguồn nước chính phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của tỉnh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp.

- Nguồn nước mặt từ các sông hồ là nguồn cung cấp chính cho tưới tiêu nông nghiệp, các nhà máy nước phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của tỉnh.

- Nước ngầm trên địa bàn tỉnh có khả năng khai thác từ 20 - 50 m<sup>3</sup>/h ở độ sâu từ 50 - 90 m, trong đó có 3 hành lang nước ngầm chính là Bà Rịa - Long Điền (20.000 m<sup>3</sup>/ngày), Long Điền - Đất Đỏ (25.000 m<sup>3</sup>/ngày), Mỹ Xuân (15.000 m<sup>3</sup>/ngày).

- Do địa hình có nhiều dãy núi, núi độc lập, thung lũng nhỏ tạo nên nhiều hồ tự nhiên và có nhiều khả năng xây dựng hồ nhân tạo. Các hồ thủy lợi vừa làm công tác tưới tiêu, vừa cấp nước sinh hoạt - sản xuất, vừa là môi trường cân bằng sinh thái, đồng thời tạo nên cảnh quan thiên nhiên tươi mát, thu hút khách du lịch.

**c. Tài nguyên biển**

Tỉnh có tổng chiều dài bờ biển là 305,4 km (huyện Xuyên Mộc 31,03 km, Long Đất 26,27 km, thành phố Vũng Tàu 48,1 km, huyện Côn Đảo 200 km), trên 100.000 km<sup>2</sup> thềm lục địa, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế biển:

- Thềm lục địa của tỉnh rất giàu tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là dầu khí (trữ lượng khoảng 1,5 - 3 tỷ tấn dầu và 300 tỷ m<sup>3</sup> khí).

- Bờ biển có nguồn hải sản lớn với trữ lượng cho phép khai thác khoảng 150.000 - 170.000 tấn/năm.

- Bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp, một tiềm năng lớn cho phát triển du lịch.

- Biển Vũng Tàu có vịnh Gành Rái, rộng khoảng 50 km<sup>2</sup>, phía trong vịnh là các cửa sông lớn như sông Long Tàu, sông Cái Mép - Thị Vải, sông Dinh, sông Chà Và. Vịnh có độ sâu nghiêng về phía mũi Sao Mai (sâu 30 m), thủy triều biển Bà Rịa - Vũng Tàu có chế độ theo qui luật bán nhật triều, biên độ triều từ 3,5 - 4 m. Ở đây, có đủ mọi điều kiện xây dựng những cụm cảng hàng hải tốt nhất (sâu, rộng, không bị bão lại tiếp cận với đường hàng hải quốc tế).

**d. Tài nguyên đất đai**

Toàn tỉnh có tổng chiều dài ranh giới trên đất liền là 162 km (giáp tỉnh Bình Thuận 29,26 km, giáp tỉnh Đồng Nai 116,5 km, giáp Thành phố Hồ Chí Minh 16,33 km). Các huyện Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc, Tân Thành có tiềm năng lớn về nông nghiệp, đặc biệt là các loại nông sản làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Vùng đồi núi phổ biến là đất đỏ badan và đất sỏi đỏ, vùng ven biển là đất pha cát, vùng đầm lầy là đất bùn. Nhìn chung đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đa dạng, rất thuận lợi cho phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là lương thực - cây trái - thực phẩm - chăn nuôi - thủy sản và rừng.



*Thành phố Vũng Tàu hôm nay*

**e. Tài nguyên rừng**

Rừng phía bắc và đông bắc của tỉnh (Châu Đức và Xuyên Mộc) xen kẽ là khu vực rừng rậm có nhiều động vật quý hiếm thuộc dạng rừng nguyên sinh. Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu diện tích 11.293 ha và Vườn quốc gia Côn Đảo diện tích 6.043 ha với nhiều loại cây và thú quý hiếm là tiềm năng lớn cho phát triển du lịch của tỉnh. Phía tây nam có các rừng ngập mặn (chủ yếu trồng cây đước) hiện đang được phát triển với qui mô phục vụ cho các ngành công nghiệp giấy.

**g. Tài nguyên khoáng sản**

Ngoài tiềm năng dầu khí với trữ lượng lớn nhất cả nước, tỉnh còn có nhiều loại khoáng sản khác như sắt, titan, chì, thiếc, thạch anh ... nhưng chưa xác định được trữ lượng. Đáng kể nhất là đá xây dựng trữ lượng khoảng 4,3 tỷ m<sup>3</sup>, cát thủy tinh Bình Châu trữ lượng khoảng 1,3 triệu tấn. Đá mỹ nghệ ở xã Hội Bài (Tân Thành) khả năng có thể khai thác 40.000 m<sup>2</sup> đá tấm và 3.000 m<sup>3</sup> đá tảng/năm.

**C. Đánh giá về các tiềm năng kinh tế chính của địa phương**

**1. Tiềm năng dầu khí**

Thềm lục địa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu rộng trên 100.000 km<sup>2</sup> giàu tài nguyên biển, quan trọng nhất là dầu khí với trữ lượng đạt khoảng 1,5 - 3 tỷ tấn dầu và 300 tỷ m<sup>3</sup> khí tự nhiên. Hiện nay đã thăm dò và xác định sơ bộ trữ lượng ở một số mỏ:

- Mỏ Địa Hùng: 300 - 600 triệu thùng
- Mỏ Bạch Hổ: 175 - 300 triệu thùng
- Mỏ Rồng: 100 - 150 triệu thùng
- Mỏ Thanh Long: 250 - 500 triệu thùng

Sản lượng khai thác dầu thô của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt khoảng 15 triệu tấn/năm, đưa Việt Nam trở thành quốc gia thứ 4 ở Đông Nam Á và 44 trên thế giới về khai thác dầu thô. Công nghiệp dầu khí phát triển đang là động lực thúc đẩy nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ khác như công nghiệp sửa chữa tàu, công nghiệp thiết bị cứu sinh, công nghiệp sản xuất cầu kiện giàn khoan.

**2. Tiềm năng du lịch**

Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh được thiên nhiên ưu đãi với bờ biển dài gần 100 km, trong đó có 70 km bãi cát thoải, rất thuận lợi phát triển các bãi cát đẹp: Bãi Trước, Bãi Sau, Bãi Dâu, Bãi Dứa, Long Hải, Hồ Tràm, Hồ Cốc.

Tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh và di tích lịch

sử mang đậm bản sắc dân tộc như Niết Bàn Tịnh Xá, Thích Ca Phật Đài, Hải Đăng trên núi nhỏ, Bạch Dinh trên sườn núi Lớn, đình cổ Long Phước, Đình Cô, chùa Long Bàn, chiến khu Minh Đạm, địa đạo Long Phước, nhà tù Côn Đảo. Ngoài ra, tỉnh còn có những khu rừng nguyên sinh Côn Đảo hay Phước Bửu, suối nước nóng Bình Châu ...

Ngành du lịch đang phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của tỉnh. Ngành du lịch đang thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia, đặc biệt là các dự án liên doanh, liên kết của các công ty du lịch lớn trong và ngoài nước.

**3. Tiềm năng ngư nghiệp**

Vùng biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có vùng nước sâu, tiếp cận hải lưu và cửa sông lớn giàu phù sa thu hút nhiều sinh vật biển, nhiều loại thức ăn thực vật tạo nên một vùng có môi trường sinh trưởng tốt cho cá. Vì vậy mật độ và trữ lượng cá của tỉnh thuộc loại lớn nhất quốc gia. Hiện nay ngư dân Vũng Tàu mới chỉ khai thác trong phạm vi gần bờ. Theo dự báo của các nhà nghiên cứu, cả nước có 5 tỉnh có khả năng đạt và vượt 100.000 tấn hải sản/năm (Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận).

Cuối năm 2002, toàn tỉnh có 4.618 tàu đánh cá với tổng công suất 408.200 CV, trong đó tàu có công suất khai thác vùng ngoài khơi hơn 2.000 chiếc. Sản lượng hải sản đánh bắt năm 2002 đạt 160.465 tấn.



*Thẻ thùa trên biển*

# **CHAPTER I: BA RIA-VUNG TAU IN CLOSE-UP**

## **NATURAL CONDITION AND SOCIO-ECONOMIC POTENTIAL, A BACKGROUND TO PROMOTE INTERNAL FAVOURED STRENGTH**

To be endowed with natural blessings and socio-economic potential are key resources for socio-economic development of Ba Ria-Vung Tau province.

### **A. Geographical location**

Ba Ria-Vung Tau is a province located in the South-East, Southern Vietnam with a natural area of 2,006 square kilometre, in which:

Bordered on the North and North-West by Long Thanh, Long Khanh and Xuan Loc districts, Dong Nai province.

Bordered on the South-West by Can Gio district, Ho Chi Minh City.

Bordered on the North-East by Ham Tan district, Binh Thuan province.

Bordered on the South and South-East by Eastern Sea.

Ba Ria-Vung Tau province is on of 37% central area of the Southern key economic region which is one of the three most-developed economic areas in the country and distinguished as:

A place attracting a good deal of top industrial manufacturers of the country in the fields of manufacturing and processing with an industrial output of 50% the whole country.

A coastal area with international seaports to be advantages for development of marine economic domain.

A great market for consumption of various products.

Endowed with rare minerals, particularly bo-xit in the highland and oil in the continental shelf.

An important transport thread (sea way, air way and road), that is convenient for both

inland and international communication.

Located inside and the neighbor of South East provinces, Southern Vietnam, a main region providing industrial products (rubber, coffee, pepper, cashew, silk, cotton and etc).

Being adjacent to Cuu Long Delta-the biggest granary and vegetable area of the country, the province contributes around 50% rice output and 50% aquatic exported products in the country.

Ba Ria town is a traffic clue linking among local economic centers, districts, towns and cities of the province through the national road No. 51, 56 and 55 or provincial roads 52, 44, 328, 329 and 765 as well.

Being in the Asia-transcontinental road with the ending part adjoining to international seaports is favorable for exchange of relations with regional countries.

Being in the international seaway with a bunch of deep-

*A section of Vung Tau city*



water port is an auspex of internal and external exchange of goods and an intermediate gateway for ex-import products to ASEAN, APEC and EU markets.

## **B. Natural background**

### **a. Climate**

The climate in Ba Ria-Vung Tau is typical for the Southern region which has 2 distinct seasons. The dry season usually lasts from November to the following April and the rainy remains from May to October:

- The annual average rainfall is roughly around 1,528 mm with 115 rainy days and most between June and July.

- The regular windward in the dry season is the Northern East, and then hauls to the East when coming to the land called north-easterlies. The main windward in dry season is the Southern West. It rarely suffers typhoon attacks.

- The average temperature is 27.1°C with the highest in May and the lowest in January.

- The average humidity is 85%.

- In general, the climate in Ba Ria-Vung Tau province paves favorable conditions for development of trade and tourist.

### **b. Water source**

Annum rainfall in province is around 3,066 million m<sup>3</sup> providing essential water source for daily living and provincial manufacturing, especially agriculture.

The source from rivers and ponds is for irrigation. Water plants are for daily activities and production.

The undercurrent can be exploited about 20-50 m<sup>3</sup> per hour from the depth of 50-90 m, with 3 main sources: Ba Ria-Long Dien (20,000 m<sup>3</sup> per day), Long Dien-Dat Do (25,000 m<sup>3</sup> per day) and My Xuan (15,000 m<sup>3</sup> per day).

Mountainous terrain with separate mountains and small valleys forming natural lakes can possibly create man-made pools. Irrigational pools play a role for irrigation, supply of living and production water, ecological balance and lovely natural landscapes to adsorb visitors.

### **c. Marine resources**

The entire seashore of the province lasts 305.4 km (31.03 km of Xuyen Moc district, 26.27 km of Long Dat district, 48.1 km of Vung Tau city and 200 km of Con Dao district) and there is over 100,000 square km of continental self favorable for promotion of marine economics.

The provincial continental self is rich in natural resources, especially gas and oil (with a reserve around 1.5-3 billion tones of oil and 300 billion m<sup>3</sup> of gas).

There is a great source of sea products in the coastal line with an available reserve of exploitation between 155,000 to 170,000 tones per annum.

Many elegant beaches along seaside favor a potential of tourist development.

Vung Tau Sea consists of Ganh Rai inlet about 50 square kilometre large, that being inside is big estuaries as Long Tau River, Cai Mep-Thi Bai River, Dinh River and Cha Va River. The depth of inlet tilts towards Sao Mai cape (30m deep). The tide herein follows the rule of semi-tide with amplitude from 3.5 to 4 m. It is gathered here all good construction conditions of the best navigation complex (deep, large, without typhoon and approaching international navigation way).

### **d. Soil resources**

The total provincial border line in mainland is 162 km (bordered 29.26 km by Binh Thuan district, 116.5 km by Dong Nai province, and 16.33km by Ho Chi Minh City). The districts Chau Duc, Long Dat, Xuyen Moc and Tan Thanh have fairly agricultural potentialities, particularly farm products providing materials for processing industry. It is popular of basalt and gravel soil in mountainous area, sandy soil in coastal area and muddy soil in wetlands. By the large, soil resources in Ba Ria-Vung Tau are plentiful and give propitious conditions to develop an all-sided agriculture including food, fruit-planting, livestock breeding, aquiculture and afforesting.

### **e. Forest resources**

Forests are located in the North and North East of the province (Chau Duc and Xuyen Moc District) and interposed by primeval junks with rare species therein. The Binh Chau-Phuoc Buu Nature Preservation Park stretching 11,293 hectares and Con Dao National Park with an area of 6,043 hectares containing various rare plants and animals opens up a potential for development of the provincial tourist. Being in the South West is mangrove forests (mostly mangrove) which are being relatively promoted in order to supply materials for paper industry.

### **f. Minerals resources**

Apart from oil and gas potentialities with the biggest deposits in the country, there additionally have other various minerals i.e. iron, titanium, lead, quartz,

with an indefinite volume. It is considerable of building stone with a reserve of 4.3 billion m<sup>3</sup> and Binh Chau crystal sand about 1.3 million tones. Fine stone in Hoi Bai commune (Tan Thanh) possibly provides an exploiting amount of 40,000 m<sup>2</sup> for flagstone and 3,000 m<sup>3</sup> carved stone per year.

## C. Observation on the local economic potentialities

### 1. Oil and gas potential

The continental shelf of Ba Ria-Vung Tau province occupies an area of over 100,000 km<sup>2</sup> rich in marine potential, noticeably a reserve of oil and gas which is between 1.5 to 3 billion tones of oil and 300 billion m<sup>3</sup> of gas. There have had explorations with preliminary results about the reserve in several oil fields as follows:

Dia Hung Field:	300 - 600 million barrels
Bach Ho Field:	175 - 300 million barrels
Dragon Field:	100 - 150 million barrels
Thanh Long Field:	250 - 500 million barrels

The exploiting yield of crude oil in Ba Ria - Vung Tau province reaches 15 million ton per annum, taking Vietnam to become the fourth of leading countries in South East Asia and the No. 44th in the world in regards to exploitation of crude oil. The development of this industry is currently acting as an impetus to heaps of other industries and services i.e. ship repair, lifebuoy equipment and derrick fitting manufacturing.

### 2. Tourist potential

Ba Ria-Vung Tau province is naturally endowed with long seashore of nearly 100 km with 70 km of sloping ground among that, setting favorable conditions to develop pretty sand-plains: Front, Rear, Dau, Dua, Long Hai, Ho Tram and Ho Coc.

The province is grouped with a great deal of landscapes and historical vestiges full of national identities namely Niet Ban Tinh Xa (Nirvana Vihara), Thich Ca Phat Dai (Sakmuni Monument Pagoda), Lighthouse in the small mountain and White Palace in the side of big mountain, Long Phuong Ancient Temple, Dinh Co, Long Ban Pagoda, Minh Dam Revolutionary Base, Long Phuoc Tunnel and Con Dao Prison. Besides that, it exists also in the province Con Dao and Phuoc Bui Primitive Park, Preservation Parks, Binh Chau Geyer and etc.

Tourism is nowadays expanding to be the key economics contributing remarkably to the movement ahead of the province. It is attracting participation of many economic units that are mainly joint-ventures and

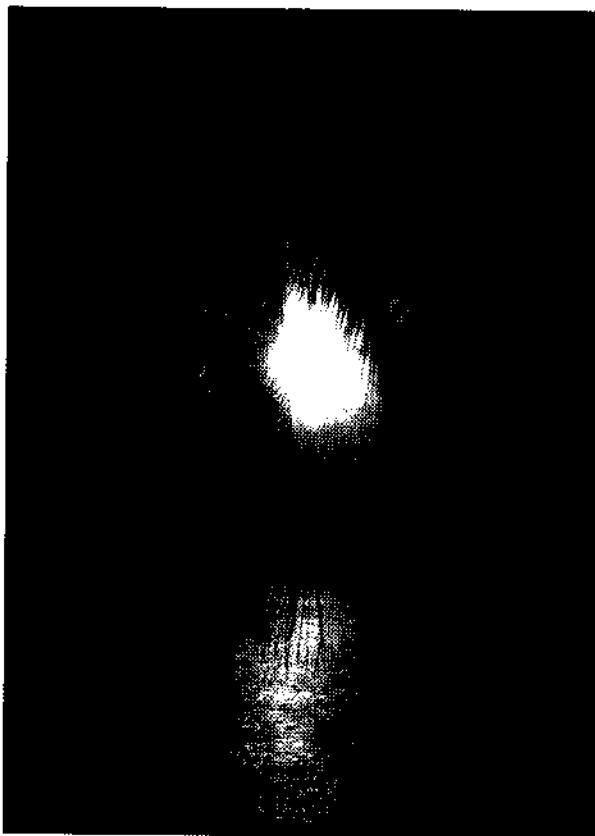
co-operations among both domestic and oversea tourist corporations.

### 3. Piscicultural potential

The sea of Ba Ria-Vung Tau province has deep-ater area adjacent to sea current and estuaries rich in alluvial, attracting lots of ocean creatures and full of vegetal food which is a good setting for process of fish growth. That is the reason why density and capacity of fish is ranked among the biggest ones in the country. Currently fishermen in Vung Tau are exploiting in the area near the shore only. As forecasted by specialists, there are five provinces in the country possibly achieving or over 100,000 tones of sea products per year (Kien Giang, Ca Mau, Ba Ria-Vung Tau, Ninh Thuan and Binh Thuan).

In the end of the year 2002, there were 4,618 fishing boats with total capacity of 408,200 HP in the whole province, among that over 2,000 boats possibly exploited in the offshore area getting productivity of 160,465 tones in 2002.

*Sunset in Vung Tau seaside*



# BÀ RỊA - VŨNG TÀU QUA NHỮNG MỐC SON LỊCH SỬ

**M**ảnh đất Bà Rịa - Vũng Tàu chính thức được khai sinh vào thời điểm năm 1698, khi mà chúa Nguyễn Phúc Chu cử Thống suất Lê thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng Đông Nai - Gia Định, lập ra phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long và Tân Bình. Huyện Phước Long được chia làm 4 tổng trong đó có Phước An là phần đất ngày nay của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Từ thời điểm này trở đi, qua những năm tháng và những biến cố của lịch sử, Bà Rịa - Vũng Tàu đã ghi dấu ấn riêng cho những bước phát triển của mình.

## Thời kỳ đầu mới khai sinh (trước năm 1859)

**1698:** Vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập, lúc này thuộc huyện Phước Long.

**1783:** Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ vào cửa Cần Giờ tiến đánh Gia Định, quân Nguyễn Ánh thua, chạy ra Côn Lôn (Côn Đảo ngày nay). Cũng trong năm này, Hiệp ước Versailles gồm 10 điều khoản, trong đó có việc để cho Pháp sử dụng đảo Côn Lôn.

**1788:** Chúa Nguyễn lập Phong hoá đài (đài quan sát truyền tin) ở núi Ngọa Ngưu (khu vực Bạch Dinh ngày nay) để bảo vệ cửa biển và bán đảo quan trọng này.

**1808:** Gia Long đổi trấn Gia Định làm Gia Định thành, vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu được gọi là huyện Phước An, thuộc trấn Biên Hoà, thành Gia Định.

**1832:** Cơ cấu hành chính được thay đổi, bỏ cấp Gia Định thành, Bà Rịa - Vũng Tàu lúc này thuộc huyện Phước An của tỉnh Biên Hoà.

**1850:** Phủ Phước Tuy được nhà Nguyễn đặt lại gồm 2 huyện Long Thành và Phước An.

**Ngày 10 - 2 - 1859:** Đại bác từ tàu chiến Pháp nã vào pháo đài Phước Thắng ở Vũng Tàu.

## Thời kỳ kháng chiến chống xâm lược (đến năm 1975)

**7 - 2 - 1862:** Pháp nổ súng đánh chiếm tỉnh lỵ Bà Rịa.

**5 - 6 - 1862:** Hoà ước Nhâm Tuất được ký kết gồm 12 khoản, trong đó có 3 khoản ghi "nhường trọn chủ quyền cho Pháp 3 tỉnh là Biên Hoà (trong đó có vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu), Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn".

**Tháng 7 - 1862:** Đường dây điện tín từ Biên Hoà đi Vũng Tàu được lắp đặt

**1863:** Đường dây điện tín Sài Gòn - Vũng Tàu được nối thông với tổng chiều dài 157 km.

**1 - 1 - 1863:** Nghĩa quân Trương Định tiêu diệt một bộ phận quan trọng của tiểu pháo đoàn dã chiến Coques của Pháp tại Bà Rịa.

**4 - 1865:** Phủ Phước Tuy được đổi thành Sở tham biện Bà Rịa

**1 - 7 - 1871:** Trạm đầu mối đường điện tín liên lạc Sài Gòn - Quốc tế đặt tại Vũng Tàu, nối liền đường dây cáp ngầm trên biển do Hãng Điện tín tên là China Submarine Company thiết lập.

**1876:** Phủ Phước Tuy trở thành tỉnh Bà Rịa mới.

**1887:** Thực dân Pháp chia tỉnh Bà Rịa thành Bà Rịa và Cap Saint Jacques (Vũng Tàu).

**1 - 5 - 1895:** Thực dân Pháp thành lập thành phố Cap Saint Jacques (Vũng Tàu).

**1899:** Thực dân Pháp lập lại tỉnh Bà Rịa bao gồm cả thành phố Vũng Tàu.

**1908:** Thực dân Pháp cho xây dựng đôn điền cao su đầu tiên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa tại Bình Ba mang tên Gallie.

*Một góc Bù Trừc - Vũng Tàu 1890*



**1925:** Bru diên Bà Rịa và Cap Saint Jacques đầu tiên được lấp dặt và đưa vào hoạt động.

**1929:** Thành phố Vũng Tàu được tách ra khỏi Bà Rịa để thành lập một tỉnh mới có tên là Cap Saint Jacques.

**1930:** Cờ đỏ búa liềm xuất hiện tại cảng Rạch Dừa.

**Tháng 2 - 1934:** Chi bộ Đảng đầu tiên của Bà Rịa-Vũng Tàu được thành lập tại xã Phước Hải (Đất Đỏ).

**Tháng 6 - 1937:** Cuộc bãi công đầu tiên của trên 200 thợ cưa đã nổ ra tại Bà Rịa.

**Tháng 8 - 1941:** Quân Nhật đổ bộ lên Phước Tỉnh (Long Đất) và Cầu Đá (Bãi Trước - Vũng Tàu). Sau đó mở rộng các điểm đóng quân, chốt giữ các vị trí quan trọng của Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Tháng 3 - 1944:** Nhóm Thanh niên Cứu quốc Vũng Tàu được thành lập.

**15 - 8 - 1945:** Đội cảm tử quân Bến Đá được thành lập. Đây là một trong những tổ chức tiền thân của lực lượng vũ trang Vũng Tàu sau này.

**25 - 8 - 1945:** Hơn 10.000 người hàng ngũ chính tế tập hợp tại trung tâm tỉnh lỵ để dự lễ mít tinh. Tại đây, Ủy ban khởi nghĩa đã tuyên bố nền độc lập của nhân dân Bà Rịa.

**28 - 8 - 1945:** Hơn 4.000 đồng bào Vũng Tàu đã mít tinh giành chính quyền tại Sân vận động Lam Sơn.

**Tháng 12 - 1945:** Hội nghị hợp nhất các cơ quan quân - dân - chính - đảng của hai tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu được tổ chức tại Đất Đỏ.

**6 - 1 - 1946:** Cuộc bầu cử Quốc hội khoá I được tổ chức thành công ở Bà Rịa, Vũng Tàu.

**9 - 2 - 1946:** Quân Pháp chiếm Bà Rịa, Vũng Tàu.

**Tháng 4 - 1946:** Làng Long Mỹ được chọn làm căn cứ kháng chiến đầu tiên của tỉnh. Năm 1948, căn cứ kháng chiến được mở rộng và mang tên Minh Đạm.

**25 - 5 - 1946:** Pháp đánh chiếm Bà Trao - Núi Nứa và đóng đồn ở Bến Đá (Long Sơn).

**Tháng 8 - 1946:** Thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh Bà Rịa.

**Tháng 9 - 1946:** Hội Liên hiệp Quốc dân Bà Rịa (gọi tắt là Hội Liên Việt Bà Rịa), được thành lập, nòng cốt là Mặt trận Việt Minh tỉnh.

**12 - 9 - 1946:** Chuyến hàng đầu tiên của Trung ương chi viện cho Bà Rịa đã cập bến Hồ Tràm (Phước Bửu).

**Tháng 10 - 1946:** Thành lập Ủy ban Kháng chiến tỉnh Bà Rịa.

**Tháng 3 - 1951:** Tiểu đoàn 300 được thành lập tại xã Phú Mỹ, huyện Vũng Tàu. Đây là một trong những tiểu đoàn chủ lực của Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Tháng 5 - 1951:** Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ quyết định hợp nhất 2 tỉnh Bà Rịa và Chợ Lớn thành Bà - Chợ.

**26 - 5 - 1951:** Tiểu đoàn 300 bộ đội chủ lực tỉnh đã đánh hỏng nặng chiếc tàu Saint Loubertier. Trận đánh gây tiếng vang rất lớn.

**1955:** Tỉnh Bà - Chợ được tách ra làm 2 tỉnh: Bà Rịa và Chợ Lớn. Tỉnh Bà Rịa lúc này gồm các huyện Xuyên Mộc, Long Điền, Đất Đỏ, Châu Thành, thị xã Vũng Tàu và Côn Giời.

**Tháng 10 - 1956:** Chính quyền Sài Gòn cải tổ địa



*Núi nhỏ Vũng Tàu năm 1925 (nhìn từ Bãi Trước)*

giới hành chính các tỉnh Nam Bộ, sáp nhập Vũng Tàu vào Bà Rịa, đổi tên thành tỉnh Phước Tuy.

**27 - 2 - 1962:** Đoàn 555 thực hiện chuyển vượt biển ra Bắc thành công, mở con đường tiếp viện vũ khí chiến lược vào Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Tháng 3 - 1963:** Theo chủ trương của Khu uỷ miền Đông, 2 tỉnh Biên Hoà và Bà Rịa sáp nhập thành Bà-Biên.

**3 - 10 - 1963:** Chiếc tàu trong tải 40 tấn mang bí số 41 chở theo 20 tấn vũ khí của Trung ương chi viện cho quân và dân Bà Rịa - Vũng Tàu đã cập bến Lộc An an toàn.

**Tháng 12 - 1963:** Tỉnh Bà-Biên bị giải thể, chia thành 2 tỉnh Bà Rịa và Biên Hoà.

**12 - 12 - 1964:** Mở đầu chiến dịch Bình Giã (2-12-1964 - 3-1-1965).

**5 - 5 - 1965:** Lữ đoàn dù 173 của Mỹ đổ bộ vào Vũng Tàu, triển khai lực lượng trên chiến trường Bà Rịa và Biên Hoà, mở đầu cho cuộc "chiến tranh cục bộ".

**1 - 6 - 1965:** Một tiểu đoàn lính chư hầu Úc và một đại đội pháo Tân Tây Lan đổ bộ vào Vũng Tàu - Bà Rịa.

**Tháng 8 - 1966:** Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh Long Bà-Biên trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh Long Khánh, Bà Rịa và Biên Hoà.

**Tháng 10 - 1967:** Trung ương Cục bố trí lại chiến trường, giải thể Khu uỷ miền Đông Nam Bộ, thành lập 5 phân khu. Hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch thuộc tỉnh Long Bà-Biên sáp nhập vào huyện Thu Đức và quận 1 (Sài Gòn) để thành lập Phân khu 4, phần còn lại thành lập tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

**Tháng 8 - 1972:** Trung ương Cục quyết định thành lập lại Khu uỷ miền Đông Nam Bộ, thành lập lại tỉnh Bà

Rịa - Long Khánh gồm các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh, Cao Su, Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc, thị xã Cáp và thị xã Bà Rịa.

### **Thời kỳ sau giải phóng (từ 1975 đến nay)**

**26 - 4 - 1975:** Sư đoàn Sao Vàng (Sư đoàn 3) nổ súng vào tiểu khu Phước Tuy, trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp, mở màn cuộc tấn công giải phóng Bà Rịa - Vũng Tàu.

**27 - 4 - 1975:** Xuyên Mộc và xã đảo Long Sơn hoàn toàn được giải phóng.

**30 - 4 - 1975:** Đứng 13h, thành phố Vũng Tàu được hoàn toàn giải phóng.

**Ngày 30 - 5 - 1979,** Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo thuộc tỉnh Hậu Giang.

**Ngày 12 - 9 - 1991,** Quốc hội khoá VII kỳ họp thứ 9 quyết định thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên cơ sở đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và 3 huyện Long Đất, Châu Thành, Xuyên Mộc tách từ tỉnh Đồng Nai.

**Ngày 2 - 6 - 1994,** Chính phủ thành lập thị xã Bà Rịa, thành lập huyện Tân Thành, thành lập huyện Châu Đức, giải thể huyện Châu Thành.

**Ngày 30 - 10 - 1995,** Chính phủ thành lập thị trấn Phước Bửu, thuộc huyện Long Đất.

**Ngày 16 - 9 - 1999,** Chính phủ xếp thành phố Vũng Tàu là đô thị loại 2.

**Tháng 12 - 2001,** Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức kỷ niệm 10 năm thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. ■



*Đêm Bãi Trước - Vũng Tàu ngày nay*

## MILESTONES OF BA RIA-VUNG TAU

**T**he land Ba Ria-Vung Tau was officially fathered in 1968 when the Lord Nguyen Phuc Chu had delegated Le Thanh Head to escort Nguyen Huu Canh going on an inspection tour in Dong Nai-Gia Dinh area, instituting Gia Dinh district inclusive of Phuoc Long and Tan Binh districts. Phuoc Long district was divided into 4 cantons in which Phuoc An became premise of existing Ba Ria-Vung Tau province. Since then, experiencing the times and historical upheavals, Ba Ria-Vung Tau has recorded milestones for every stage in its evolution.

### Initial period after being instituted (prior to 1859)

**1698:** The land of Ba Ria-Vung Tau was instituted, at that time, belonged to Phuoc Long district.

**1783:** Nguyen Lu and Nguyen Hue entered Can Gio approaching Gia Dinh, Nguyen Anh force was defeated and escaped to Con Lon (Con Dao nowadays). Also in that year, the agreement Versailles was signed, consisting of 10 articles in which included the term to permit France using Con Lon Island.

**1788:** The Lord Nguyen established Phong Communicative Bale-fire (station of communicative observation) in Ngoa Nguu mountain (in the existing White Palace area) to defend this chief seaport and peninsula.

**1808:** Gia Long changed Gia Dinh district to be Gia Dinh province, Ba Ria-Vung Tau land was named Phuoc An district being of Bien Hoa in Gia Dinh province.

**1832:** The administration was converted, abolishing Gia Dinh province, Ba Ria-Vung Tau was of Phuoc An district, Bien Hoa province.

**1850:** Phuoc Tuy district was re-named by Nguyen Reign including Long Thanh and Phuoc Anh districts.

**10 Feb 1859:** The cannon from French warship fired to Phuoc Thang Fortress in Vung Tau.



*Fort seaside Vung Tau in 1955*

### The period of war resistance against foreign aggression (up to 1975)

**7 Feb 1862:** France opened fire to combat Ba Ria province.

**5 Jun 1862:** Nham Tuat peace treaty was signed including 12 articles in which three of them noted "entirely conceding sovereignty of 3 provinces to be under control of France consisting of Bien Hoa Province (comprising Ba Ria-Vung Tau therein), Gia Dinh, Dinh Tuong provinces and Con Lon island.

**Jul 1862:** The telegram line was installed linking Bien Hoa to Vung Tau.

**1863:** The telegram line between Sai Gon and Vung Tau was connected with total length of 157 km.

**1 Jan 1863:** Truong Dinh Insurgent Army wiped

out an essential part of France's Conques Field Artillery Battalion in Ba Ria.

**Apr 1865:** Phuoc Tuy District changed to Ba Ria Inspection Post

**31 Jul 1871:** Sai Gon-International telecommunication dispatch Station was located in Vung Tau linking with sub-marine cable line established by a telecommunication firm called China Submarine Company.

**1986:** Phuoc Tuy district became Ba Ria province

**1887:** French Colonial divided Ba Ria province into Ba Ria and Cap Saint Jacques (Vung Tau)

**1 May 1895:** French Colonial instituted Cap Saint Jacques town (Vung Tau)

**1899:** French Colonial re-established Ba Ria province including Vung Tau city

**1908:** French Colonial set up the first rubber plantation in Binh Ba, Ba Ria province named Gallie

**1925:** Ba Ria and Cap Saint Jacques first post offices were erected and in operation.

**1929:** Vung Tau city was separated from Ba Ria to be founded a new province called Cap Saint Jacques.

**1930:** The red flag with hammer and sickle firstly appeared in Rach Dua harbor.

**Feb 1930:** The first party cell of Ba Ria-Vung Tau was set up in Phuoc Hai commune (Dat Do).

**Jun 1937:** The first strike of over 200 sawyers broke out in Ba Ria.

**Aug 1941:** Japan Force landed into Phuoc Tinh (Long Dat) and Cau Da (Front Beach, Vung Tau), then spread garrisons and commanded strategic posts in Ba Ria - Vung Tau province.

**Mar 1944:** Vung Tau Group of National Salvation Youth was taken a shape.

**15 Aug 1945:** Ben Da suicide squad was founded. This team was the forerunner of Vung Tau Armed Force later.

**25 Aug 1945:** Over 10,000 people in an ordered march gathered in the provincial centre for a meeting.

**28 Aug 1945:** Over 4,000 people in Vung Tau province participated in a meeting to seize political power.

**Dec 1945:** The congress unifying functional authorities of Ba Ria and Vung Tau provinces was held in Dat Do.

**6 Jan 1946:** The election to the first term National Assembly was successfully organized in Ba Ria-Vung Tau.

**9 Feb 1946:** French Force occupied in Ba Ria-Vung Tau.

**Apr 1946:** Long My Village was selected to the first revolutionary base in the province. In 1948, the base was widened and named Minh Dam Base.

**25 May 1946:** France attacked and occupied Ba Trao - Nui Nua and stationed in Ben Da (Long Son).

**Aug 1946:** Ba Ria Viet Minh Front was established.

**Sep 1946:** Ba Ria National Association (short as Ba Ria Association) was set up as its core the provincial Viet Minh Front.

**12 Sep 1946:** The first consignment from the Centre assisting Ba Ria made a landfall in Ho Tram wharf (Phuoc Bui).

**Sep 1946:** Establishment of War Resistance Committee of Ba Ria province.

**Mar 1951:** The battalion No. 300 was founded in Phu My commune, Vung Tau. It was one of the main force battalion of Ba Ria-Vung Tau.

*Monument to the War dead*



**May 1951:** The Southern Regional Party Committee and War Resistance Administration decided to unite Ba Ria and Cho Lon province into Ba-Cho province.

**26 May 1951:** The battalion No. 300, the provincial main force military, make an attack on Saint Loubertier ship to be in seriously damaged. The battle kicked an echo.

**1955:** Ba-Cho province was divided into 2 provinces Ba Ria and Cho Lon. Ba Ria province included at that time Xuyen Moc, Long Dien, Dat Do, Chau Thanh districts and Vung Tau, Can Gio towns.

**Oct 1956:** Sai Gon Authorities returned administrative border in the Southern provinces, unifying Vung Tau to Ba Ria renamed to be Phuoc Tuy province.

**27 Feb 1962:** The Group 555 successfully crossed over the sea to the North, paving a way to supply strategic arms to Ba Ria-Vung Tau.

**March 1963:** Following the east regional Party Committee's conduct Bien Hoa and Ba Ria provinces jointly became Ba Bien province.

**3 Oct 1963:** The ship with load of 40 tones codex carrying 20 tones of weapon from the Centre aiding to people and troops in Ba Ria-Vung Tau stepped ashore Loc An wharf in covered being.

**Dec 1963:** Ba Bien province disintegrated and separated to Ba Ria and Bien Hoa provinces.

**12 Dec 1964:** Commencing Binh Gia campaign (2.2.1964 - 3.1.1965).

**5 May 1965:** American Parachute Brigade No. 173 landed in Vung Tau, deploying forces Ba Ria and Bien Hoa battlefields and beginning a "partial war".

**1 Jun 1965:** An Australian vassal battalion and New Zealand artillery squad stationed into Ba Ria-Vung Tau.

**Aug 1966:** The Central Bureau decided to found Long Ba Bien province based in integration of Long Khanh, Ba Ria and Bien Hoa provinces.

**Oct 1967:** The Central Bureau re-organized battlefields, disbanding Southern-East regional Party Committee and setting up 5 subdivisions. Two districts Long Thanh and Nhon Trach of Long Ba Bien province merged to Thu Duc District and District No. 1 (Sai Gon) to establish the Subdivision No.4 and the remain to be founded Ba Ria-

Long Khanh province.

**Aug 1972:** The Central Bureau decided to re-institute the South East Regional party Committee and Ba Ria-Long Khanh province including Dinh Quan, Xuan Loc, Long Khanh, Cao Su, Chau Duc, Long Dat, Xuyen Moc districts, Cap and Ba Ria towns.

**The period after liberation up to now (from 1975 on)**

**26 Apr 1975:** Golden-Star Division (the Division No.3) opened fire to Phuoc Tuy Sector, Van Kiep Training Centre, starting to launch a liberation offensive to Ba Ria-Vung Tau.

**27 Apr 1975:** Xuyen Moc and Long Son islandish commune were entirely liberated.

**30 Apr 1975:** At due 13:00 PM, Vung Tau town was completely free.

**30 May 1979:** The National Assembly of Vietnam Socialist Republic decided to institute Vung Tau-Con Dao Special Zone belonging to Hau Giang province.

**12 Sep 1991:** The seventh National Assembly, the ninth Session decided to establish Ba Ria-Vung Tau founded on Vung Tau-Con Dao and Long Dat, Chau Thanh and Xuyen Moc districts splited from Dong Nai province.

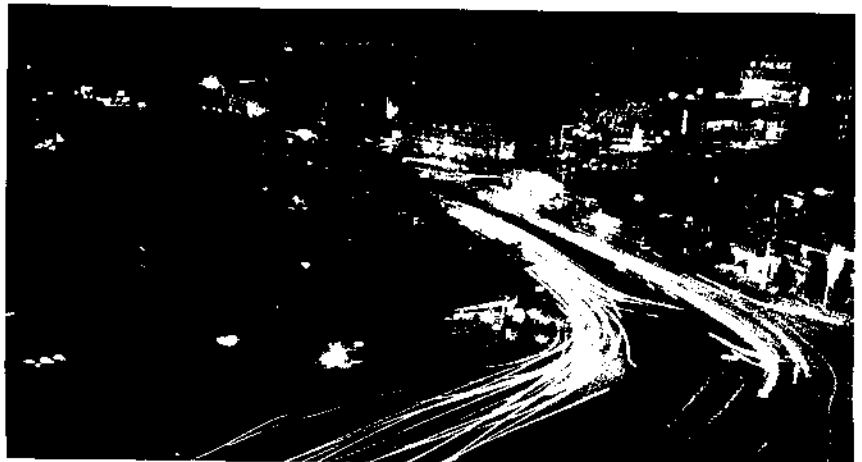
**2 Jun 1994:** The Government set up Ba Ria town, establishing Tan Thanh and Chau Duc districts, disintegrating Chau Thanh district.

**30 Oct 1995:** The Government set up Phuoc Bou town of Long Dat district.

**16 Sep 1999:** The Government classified Vung Tau City to the second-ranked city.

**Dec 2001:** Ba Ria-Vung Tau Provincial Party Committee and People Committee made a celebration of 10-year establishment. ■

*Vung Tau by night*



## CHƯƠNG II: TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

# VŨNG TÀU - THÀNH PHỐ BIỂN TRÀN ĐẦY NHỰA SỐNG

Thành phố Vũng Tàu là đô thị loại II

Diện tích tự nhiên: 177,6 km<sup>2</sup>

Dân số: 216.367 người

Đơn vị hành chính: 13 đơn vị hành chính 12 phường và xã Long Sơn

Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 15,3%, không kể dầu khí là 23,3%/năm

Thu nhập bình quân trên đầu người tăng 16%/năm, thành phố quản lý 7,2%/năm

**V**ũng Tàu đã có tuổi đời hơn một trăm kể từ khi cái tên Cap Saint Jacques (tên Vũng Tàu xưa) ra đời vào năm 1895. Trong vòng 10 năm trở lại đây, Thành phố đã thay da đổi thịt, tạo dựng cho mình một dáng vóc đô thị mới hiện đại. Chưa bao giờ thành phố Vũng Tàu có tốc độ phát triển kinh tế, xã hội và tốc độ đô thị hoá tăng nhanh như thời gian này.

Nằm ở vị trí địa lý có 3 mặt giáp biển, thành phố Vũng Tàu được xác định là cửa ngõ phía Nam của Việt Nam, rất thuận lợi cho việc phát triển quan hệ giao lưu quốc tế, có cửa biển, cảng quốc tế và là nơi xây dựng cảng nước sâu lý tưởng. Trong chiến lược phát triển kinh tế của cả nước và vùng Đông Nam Bộ, Vũng Tàu có vị trí đặc biệt quan trọng cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương hình thành một vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. Bên cạnh đó, Vũng Tàu còn là trung tâm công nghiệp, dịch vụ dầu khí, là thành phố du lịch với những bãi biển tuyệt đẹp đầy nắng, gió và cát trắng cùng những danh lam thắng cảnh của cả thời kỳ mở nước và giữ nước.

Sự phát triển của thành phố này hiện hữu trước mắt chúng ta khi có



Biển Bãi Sau - Vũng Tàu

dịp đến thăm nơi đây. Những con đường mới mở, các dãy phố, các khách sạn, trung tâm thương mại với những ngôi nhà mới khang trang được hình thành, các ngôi trường học và bệnh viện mới được

dầu tư nâng cấp. Các bãi tắm được cải tạo xây dựng sạch sẽ cùng với nhiều loại hình vui chơi giải trí trên bờ biển để hàng năm được đón các khách du lịch đến thăm nơi này. Một xí nghiệp liên doanh dầu khí

lớn nhất Việt Nam ngày càng khai thác nhiều vàng đen cho Tổ quốc và một khu công nghiệp đang thu hút nhiều các nhà đầu tư. Các tàu thuyền công suất lớn đã được đóng mới để mỗi chuyến ra khơi thì mạng về một hiệu quả kinh tế rất cao cho ngành thủy sản thành phố. Mọi sự đổi thay, phát triển của tất cả các thành phần đã tạo dựng nên một thành phố Vũng Tàu tràn đầy nhựa sống.

**Phát huy những tiềm năng kinh tế**

Theo bà Trương Minh Thủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, hơn mười năm qua, kinh tế của thành phố luôn có những bước phát triển khá và ổn định. Tổng vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh luôn đạt mức tăng bình quân 22,5%. Các cơ sở sản xuất kinh doanh không chỉ tăng về số lượng mà còn cả về quy mô và chất lượng. Nếu như năm 1992 Vũng Tàu mới chỉ có 9.150 cơ sở kinh tế với tổng số vốn 298 tỷ đồng thì năm 2002 toàn thành phố đã có 11.930 cơ sở kinh tế với tổng vốn tham gia vào sản xuất kinh doanh trên 1.929 tỷ đồng và tạo việc làm ổn định gần 75.000 người.

Bên cạnh ngành công nghiệp dầu khí, ngành du lịch thành phố được đánh giá là ngành kinh tế mũi nhọn, đi đầu trong phát triển kinh tế của thành phố Vũng Tàu. Năm 2002, toàn tỉnh có 132 doanh nghiệp và chi nhánh dịch vụ du lịch thì có trên 110 đơn vị đặt trụ sở chính hoạt động tại thành phố Vũng Tàu. Trong 71 khách sạn trên toàn tỉnh thì có 61 khách sạn hoạt động tại thành phố và 2 khu du lịch vui chơi giải trí thể thao biển lớn (khu vui chơi thể thao Biển Đông và Paradise) cũng được đặt ở nơi này. Ngoài ra, thành phố Vũng Tàu là vùng đất có dấu ấn lịch sử nhân

<b>Giá trị sản xuất các lĩnh vực kinh tế trên địa bàn</b>				
<i>Đơn vị: tỷ đồng</i>				
<b>Năm</b>	<b>1992</b>	<b>1996</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>
Du lịch - dịch vụ	1.644,2	4.644,4	6.367	7.808
Thủy sản	178,5	312	444	535
CN - TTCN	9.069,5	17.330	56.249	62.065

vân, làng nghề tạo điều kiện cho du lịch văn hoá phát triển. Lượng khách đến thành phố Vũng Tàu hàng năm trên 2 triệu lượt, chiếm 80% lượng khách toàn tỉnh.

Ngành thủy sản thành phố được đánh giá là một ngành trọng điểm sau du lịch cũng đang từng bước phát triển. Số lượng tàu thuyền có công suất lớn được đóng mới để tăng hiệu quả khai thác ngày càng cao. Năm 1992, ngành thủy sản thành phố có 1.260 tàu, trong đó có động cơ là 1.160 chiếc với tổng công suất là 32.252 CV thì đến năm 2002 số tàu thuyền có động cơ là 1.275 chiếc với tổng công suất là 139.397 CV. Tuy với số lượng tàu thuyền không tăng đáng kể nhưng tỷ trọng công suất lớn ngày càng tăng nhằm phục vụ cho nhu cầu đánh bắt xa bờ. Năm 1992 số tàu thuyền có công suất từ 90 CV trở lên là 18 chiếc với tổng công suất là 1.640 CV, năm 2001 có 398 chiếc với tổng công suất 115.304 CV. Sản lượng hải sản khai thác tăng cùng với năng lực tàu thuyền khai thác, tăng bình quân hàng năm là 9,6%.

Thành phố Vũng Tàu là cửa ngõ của hệ thống vùng kinh tế mở, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Thành phố Vũng Tàu có nhiều lợi thế và điều kiện phát triển hội nhập, là nơi tập trung ngành công nghiệp khai thác dầu khí, một ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia. Qua đó ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của thành phố cũng liên tục phát triển và đạt được

những thành quả đáng kể. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 18,3%, với mức tăng trưởng trên ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thành phố được xếp vào hàng thứ 3 trong cơ cấu phát triển kinh tế của thành phố. Nơi đây còn có hệ thống cảng biển cho phép tàu có trọng tải lớn cập bến, kèm theo các công trình phụ như nhà kho, bến bãi và các cơ sở duy tu bảo dưỡng, đóng mới tàu thuyền.

Thương mại, dịch vụ ngoại quốc doanh trên địa bàn thành phố đã phát triển không ngừng về số lượng, quy mô và hiệu quả kinh doanh, vốn đầu tư tăng bình quân 22,04%/năm, cơ sở kinh doanh tăng bình quân 6,3%/năm; doanh thu tăng bình quân 24,17%/năm; lượng khách du lịch tăng bình quân 5%/năm. Trong những năm qua sức mua trên thị trường thành phố không ngừng tăng lên với mức tăng bình quân 24,2%/năm. Tổng doanh thu thương mại, dịch vụ năm 1992 là 395 tỷ đồng, năm 2002 là 7808 tỷ đồng, trong đó thương mại tăng bình quân 23,7%/năm, dịch vụ thương mại với mức tăng bình quân 22,7%/năm.

Các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện cơ bản để tăng thu ngân sách. Tổng thu ngân sách trong giai đoạn 1992 - 2002 là 794 tỷ đồng. Thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước, điều đó đã góp phần tăng các khoản chi cho phát triển kinh tế - xã hội cả thành phố.

**Diện mạo đô thị và đời sống tinh thần cũng đổi thay**

Về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong thời gian qua hàng các nguồn vốn đầu tư như từ quỹ đất, ngân sách, vốn đầu tư từ nhân dân... thành phố đã xây dựng và đưa vào sử dụng 163 km đèn đường, 110.730 m<sup>2</sup> thảm cỏ cây xanh, 16 trường học, cùng một số các công trình phúc lợi xã hội khác, với tổng vốn đầu tư xây dựng trên 2.500 tỷ đồng. Những công trình như đường Hạ Long, đường Trần Phú, đường Nguyễn An Ninh, khu Trung tâm thương mại, bãi tắm Thủy Vân, các tuyến đèn đường, hệ thống vỉa hè... được xây dựng và đưa vào sử dụng đã làm cho bộ mặt thành phố Vũng Tàu trở nên khung trang và đẹp hơn.

Điểm nổi bật của công tác đầu tư xây dựng là sự phát huy khơi dậy nguồn vốn tiềm tàng trong nhân dân. Chỉ từ năm 1996 tới nay, với chương trình: Nhà nước và nhân dân cùng góp vốn, thành phố đã xây dựng và nâng cấp 233 tuyến đường giao thông và thoát nước trong các khu dân cư với chiều dài 54 km, tổng vốn đầu tư trên 24 tỷ đồng trong đó vốn nhân dân đóng góp 11,6 tỷ đồng.

Ngoài ra, nhân dân còn bỏ 100% vốn để xây dựng đưa vào sử dụng: 360.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng, cửa hàng, 1,1 triệu m<sup>2</sup> nhà ở phục vụ sinh hoạt... với tổng vốn đầu tư trên 3000 tỷ đồng. Cho đến nay, toàn thành phố Vũng Tàu đã có 82% số hộ được dùng nước sạch, 98,3% số hộ có điện, các khu dân cư đã có những biến đổi căn bản về cơ sở hạ tầng.

Song song với phát triển kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng, thành phố còn quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội. Đời sống nhân dân theo đó được cải thiện rõ rệt, xoá được hộ đói, giảm tỷ lệ các

*Bãi Trại - Vũng Tàu*

hộ nghèo, số hộ có mức sống khá ngày càng tăng. Bình quân hiện nay 100 hộ dân có 88 tivi, 93 xe máy, 29 điện thoại, 4 máy vi tính. Thành phố đã hoàn thành xong việc xoá mù và phổ cập tiểu học và đang tiến tới hoàn thành việc phổ cập trung học cơ sở vào năm 2005.

Đặc biệt xã đảo Long Sơn lần đầu tiên trong lịch sử hình thành và phát triển của mình có cầu nối giữa đảo và đất liền. Các công trình mới được tỉnh và thành phố đầu tư như các tuyến đường trục chính, đường liên thôn, hệ thống cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc... của xã đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng đánh dấu bước thay đổi lớn và là tiền đề quan trọng cho sự phát triển tương lai của một xã đảo.

Với những tiềm năng sẵn có, kèm theo sự năng động của từng người dân nơi đây, Vũng Tàu đang từng ngày, từng giờ "thay da đổi thịt" để trở thành một trung tâm kinh tế của cả nước, một đô thị văn minh hiện đại của vùng Đông Nam Bộ đầu thế kỷ XXI...

**Chỉ tiêu phấn đấu của Thành phố Vũng Tàu đến năm 2005**

- Tổng thu nhập GDP bình quân tăng 10,30%, không tính dầu khí 12%
- Thu nhập bình quân trên đầu người: 9.788 USD, không tính dầu khí 2.119 USD
- Cơ cấu kinh tế thành phố quản lý: Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp; Hải sản; Dịch vụ - Du lịch
- Dân số: 270.000 người
- Mức sinh bình quân giảm 0,05%
- Tỷ lệ số cháu trong độ tuổi vào tiểu học: 98%
- Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở vào năm 2005
- Số hộ được dùng điện : 99,5%
- Số hộ được dùng nước sạch 94%
- Số máy điện thoại/100 hộ dân: 78 máy
- Số máy vi tính/100 hộ dân: 25 máy
- Mức hưởng thụ văn hoá: 32lần/người/năm

## CHAPTER II: ADMINISTRATIVE STRUCTURE

### VUNG TAU THE SEA CITY WITH EXCITING LIFE

Vung Tau City is a second rate town

Natural area: 177.6 square kilometre

Population: 216,367 people

Administrative division: 13 administrative units including 12 wards and Long Son commune

Economic growth rate: 15.3% excluding oil and gas industry with the growth rate of 23.3%.

Per capita income increase 16%/year

**V**ung Tau has had the age of over 100 years since the foundation of the name Cap Saint Jacques in 1895. Over the past ten years, the city has changed dramatically towards a newly modern town. Vung Tau has achieved an ever fast developing speeds on economy, society and urbanization as this time.

Surrounded by the ocean on 3 sides, Vung Tau has been defined as the southern doorway to Vietnam. It is very convenient to enhance international exchanges and to build an ideal deep harbour thanks to its position and the already existing international harbor. In the economic development strategies of the whole country and especially of the southeast, Vung Tau inherits an important position, making the national key economic region with Ho Chi Minh City, Dong Nai and Binh Duong. Moreover, Vung Tau is an oil rich industrial center and tourist city with many glorious, sunny and sandy beaches as well as beautiful landscapes.

Such development can be seen in many constructions as we have chance to visit the city. They are newly widened roads, commercial centers and houses, upgraded school and hospitals, and blocks of flats and hotels. In particular, the beaches have been renewed with different kinds of entertainment to welcome tourists. Besides, there have been a largest

joint venture petrol company in Vietnam exploiting more and more "black gold" for the nation, an industrial zone attracting more investors and many heavy ships bringing about economic effectiveness for the city's fisheries. All this change has contributed to the exciting city.

#### Activating economic potentials

According to Ms. Truong Minh Thuy, Chairman of Vung Tau City People's Committee, the city's economy has gained a steady development for the past 10 years. Total of Investment capitals registered an annual increase of 22.5 %. Enterprises have developed not only in quantity but also in scale and quality. The whole city had only 9,150 enterprises with a total capital of 298 billion in 1992, by 2002 there were 11,930 enterprises with a total capital of 1,929 billion, which created stable jobs for 75,000 people.

The city's tourism industry has been evaluated as a key economic sector, ranking second behind the oil

industry in the economic structure. In 2002, the city registered 132 enterprises and 110 branches operating in the tourism. Out of the 71 hotels of the whole province, there are 61 and 2 large tourist resorts (Bien Dong and Paradise) are located here. Besides, Vung Tau is also clustered by human historical relics and trade villages which boost the development of cultural tourism. The number of visitors coming here increases by 2 million people per year, amounting to 80 percent of the total visitors of the province.

The fisheries is also a key factor after tourism and is on the way booming. The number of newly-built large ships has been increased. In 1992, the city fisheries sector had 1,260 ships including 1160 engine ones with total capacity of 32,252 HP. In 2002, there were 1,275 engine ships with total capacity of 139,397 HP. The growth in number of ships is not so significant but large ships is making increasingly greater proportion for the demands of off-shore fishing. Ships of 90 HP made a total

of 18 in 1992 (totally capable of 1,640 HP) and 398 in 2001 with total capacity of 115,304 HP. Fishing output grows at 9.6% along with the growth of ship capacities.

Vung Tau is a doorway to the southern main economic area and is a centre of the oil and gas industry, which offers many advantages and favorable conditions for integration and development. Thanks to its convenient location, the city's industry has also constantly developed and gained remarkable results. Its annual average growth rate is 18.3 percent and the industry ranks third in the economic development structure of the city. The city also possesses a seaport systems including warehouses, lots and maintenance service centers for ship buildings allowing heavy cargo ships to dock and load goods.

Non-state trading and services sector of the city have incessantly developed in quantity, scale and business efficiency. Every year, the investment capital has increased by 22.04 percent, the number of business establishments by 6.3 percent, turnover by 24.17 percent, tourists by 5 percent. In the recent years, the purchasing power has constantly gone up by 24.2 percent per year. The total turnover of the service and trading sector was VND 7,808 billion in 2002 against VND 395 billion in 1992, of which commercial turnover increased by 23.7 percent and service by 22.7 percent.

The economic sectors have strongly developed, which are basis conditions for raising budget contribution. The city's total budget in the 1992-2002 period was VND794 billion. The increasing budget contribution has resulted in higher expenses for the city's social economic development.

### **Rapid changes in urban image and spirit life**

During the past years, in the field of infrastructure, the city has accumulated various capital sources from the land fund, budget and people for building and putting into play 16.3 km of installing light lamp, of 110,730 m<sup>2</sup> of grass and trees covered. 16 schools as well as other social welfare works. All those spent a total investment of more than VND 2,500 billion. The pace of the city is gradually getting more elegant and more beautiful due to the launching of new works like the streets of Ha Long, Tran Phu, Nguyen An Ninh, the commercial center, Thuy Van beach, and networks of roads and pavements installed street lights.

The main target of investment and construction is accumulating potential capital from people. Through the program "The people and government share investment capital", the city has built and upgraded 233 roads and drainage systems with the length of 54 km in residential areas with the capital amount of VND 24 billion, VND 11.6 billion of that is contributed from people.

Besides, people have made a 100% capital contribution to construct and bring into use of 360,000 square meters of workshops, stores and 1,100,000 square meters of housing with the amount of more than VND 3000 billion. Up to now, 82 percent of households can get access to clean water and 98.3 percent are able to use electricity and most of the residential areas benefiting positive changes of infrastructure.

In parallel

with economic and infrastructure development, the city have realised successfully its tasks on cultural, educational, medical and social development. The people life has remarkably been improved with decreasing the number of poverty and hunger households. On 100 households, 88 possess television sets, 93 having motor-bikes, 29 using telephones and 4 having computers. The city has fulfilled its illiteracy elimination and primary school universalization, and is on the way of secondary educational universalization by 2005.

Especially, in Long Son islandish commune, for its first time in the history, a bridge has been built linking to the mainland. New projects have been built and brought into use by the authority of the city and province, that are main roads, inter-village roads, electrical cables, water supply and telecommunication. All these have marked a turning point and created an initial step for the future development of the islandish commune.

With the available potentials and the people's dynamism, Vung Tau is changing to be an economic center of the whole country and to be a modern city in the southeast region at the beginning of the 21st century. ■

### **The city's targets by 2005**

- GDP growth rate: 10.3%, and is 12% without regarding the oil and gas industry**
- Income per capita reaching USD9,788, and USD2,119 without regarding the oil and gas industry.**
- Economic structure authorised by the city: Handicraft and industry - fisheries-tourism and services.**
- Population: 270,000**
- Birth decreasing rate: 0.05%**
- Children rate getting primary school: 98%**
- Electricity-used household rate: 99.5%**
- Clean water-used household rate: 94%**
- Telephone number per 100 households: 78 sets**
- Computer number per 100 households: 25 sets**
- Cultural enjoying rate: 32 times per person per year.**

## THỊ XÃ BÀ RIA

## DÁNG VÓC CỦA ĐÔ THỊ LOẠI HAI

Diện tích tự nhiên: 90 km<sup>2</sup>

Dân số: 80.000 người

Đơn vị hành chính: 7 phường, 2 xã

GDP tăng bình quân 20,5%/năm

GDP bình quân đầu người: 605 USD/năm

**Đ**ã 8 năm trôi qua kể từ ngày Bà Rịa được nâng cấp thành thị xã, một khoảng thời gian chưa dài nhưng cũng đủ để cho thị xã có những thay đổi căn bản, tạo ra dáng vóc mới cho một đô thị văn minh, hiện đại.

Hơn 8 năm kể từ ngày thành lập là giai đoạn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng và trưởng thành của thị xã. Thuận lợi có nhiều song khó khăn cũng không ít. Thuận lợi trước tiên là người dân trong thị xã có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường. Đảng bộ đoàn kết nhất trí cùng chung quyết tâm xây dựng thị xã ngày càng phát triển. Trở thành đô thị cấp 2 và sẽ là trung tâm hành chính của tỉnh trong tương lai, thị xã được tỉnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí các nhà máy, công ty, xí nghiệp lớn trên địa bàn tạo điều kiện phát triển về mọi mặt và giải quyết việc làm cho nhân dân. Tuy nhiên khó khăn hiện nay là thị xã

được xây dựng trong bối cảnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn nghèo và xuống cấp, xây dựng đô thị trong điều kiện lao động nông nghiệp chiếm 65% số lao động địa phương, nhiều người chưa có việc làm ổn định, số công nhân có tay nghề cao còn ít.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên. Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ thị xã đã xác định cơ cấu kinh tế của địa phương phát triển theo hướng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp với mục tiêu của thời kỳ này là: "Tập trung đẩy mạnh đầu tư, hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống về

đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân". Với những mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã đã đạt được những thành tựu khá quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh trên mọi mặt.

### Chỉnh trang đô thị tạo ra bộ mặt mới

Thành tích nổi bật của Bà Rịa trong 8 năm qua là công tác xây dựng hạ tầng và chỉnh trang đô thị. Có được một đô thị khang trang và sầm uất như hôm nay, Bà Rịa đã đi lên từ trong nghèo nàn lạc hậu. Ngày mới thành lập, Bà Rịa thực chất chỉ là một thị trấn nhỏ bé, hạ tầng kỹ thuật yếu kém, giao thông nhỏ hẹp. Toàn thị xã chỉ có 11 km đường giao thông được trải nhựa, nhưng cũng xuống cấp. Chưa nói đến khu vực ngoại thị, khu vực nội thị thì cơ quan, trụ sở, nhà dân phần lớn đều là nhà cấp 4 hoặc nhà tạm. Cơ sở vật chất của ngành giáo dục vẫn còn chắp vá, tạm bợ, học sinh phải học 3 ca.

Sau 8 năm xây dựng và phát triển, Thị xã Bà Rịa được đầu tư trên 350 công trình lớn nhỏ với tổng số vốn gần 700 tỷ đồng. Theo đánh

Cổng chào



giá của ông Nguyễn Văn Trình, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã: "Nhìn chung các công trình nói trên đã đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả cao, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng, tạo được xu hướng đô thị hoá ở các vùng nông thôn đồng thời tạo ra những tiền đề cơ bản để thị xã trở thành trung tâm tỉnh lỵ sau này".

Đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai, thị xã đang tiến hành điều chỉnh quy hoạch không gian đến năm 2020. Theo qui hoạch, việc cải tạo và xây dựng Bà Rịa sẽ được phát triển theo hướng khai thác có hiệu quả quỹ đất nội thị kết hợp mở rộng phát triển dân cư về hướng đồng bạc quốc lộ 56. Trung tâm hành chính tỉnh và Trung tâm văn hoá thể thao sẽ nằm ở phía nam, khu trung tâm hành chính thị xã sẽ được phát triển dọc bờ sông Dinh. Trước mắt, thị xã tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉnh trang đô thị, đầu tư và hoàn chỉnh một số tuyến đường giao thông mang tính chiến lược: Triển khai phương án đặt lại tên đường, số nhà; Hoàn thiện qui hoạch khu trung tâm hành chính của xã Hoà Long, Long Phước và phường Kim Dinh, triển khai thực hiện dự án các khu qui hoạch dân cư: cánh đồng Mát Mèo, khu H20, ngã ba Xí nghiệp Đông Lạnh, Khu chung cư cao tầng Gò Cát, Khu dân cư công Bà Dưng và trục quốc lộ 56.

**Phát triển kinh tế đúng theo định hướng và lợi thế của địa phương**

Xác định cơ cấu kinh tế của thị xã là công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ, thương mại và nông nghiệp, thời gian qua bên cạnh phát huy nội lực, Bà Rịa cũng luôn tạo mọi điều kiện để thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế. Đến đầu năm 2003, thị xã có 738 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thu hút 2.543 lao động, trong đó có 95% cơ sở thuộc địa phương, đạt giá trị sản lượng tăng bình quân khoảng 15%/năm. Tiểu thủ công nghiệp, nhất là các làng nghề của thị xã, phát triển tập trung ở Long Toàn, Toàn phường Long Toàn có 40 hộ gia đình sống bằng nghề làm bún, bánh, phở, hủ tiếu, bánh tráng, trong đó có 29 hộ chuyên làm bún tập trung chủ yếu ở khu Long Kiên. Nhờ giữ chất lượng thơm ngon tự nhiên, bún Long Kiên được người dân rất ưa chuộng, có mặt khắp các thị trường trong tỉnh và các vùng lân cận.

Nhằm đảm bảo cho ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển bền vững trong tương lai, thị xã đã qui hoạch 3 cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của địa phương 80 ha, hiện nay đang tiến hành lập dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Ngoài ra tỉnh cũng đang lập dự án hạ tầng kỹ thuật cho khu công nghiệp sử dụng khí thấp áp với qui

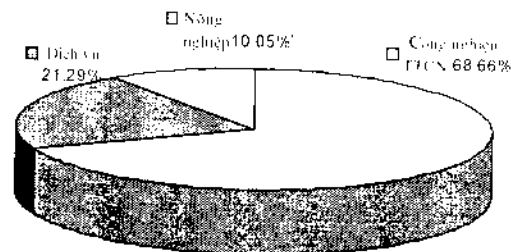
mô 30 ha.

Kinh tế thương mại và dịch vụ cũng phát triển khá đa dạng, phong phú đạt tốc độ tăng trưởng 23%. Trên địa bàn thị xã hiện có 3.200 hộ kinh doanh, giải quyết việc làm cho 6.120 lao động, tạo tổng doanh thu 651,4 tỷ đồng. Nhìn chung sức mua và các khoản dịch vụ đều tăng. Đặc biệt, Trung tâm thương mại của thị xã được xây dựng với quy mô hiện đại vừa phát huy vai trò chợ đầu mối, vừa đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng cho nhân dân địa phương và du khách.

Bộ mặt nông nghiệp và nông thôn của thị xã Bà Rịa đang có những thay đổi khá nhanh, với 5.392 ha đất sản xuất nông nghiệp, hơn 1.000 ha mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản. Hệ thống kênh mương thủy lợi từng bước đã được kiên cố hoá, hệ thống giao thông nội đồng ngày càng phát triển đã tạo điều kiện cho nhân dân phát huy lợi thế, lựa chọn mô hình, ngành nghề sản xuất có hiệu quả. Cũng nhằm mục đích khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, thị xã đã tiến hành điều chỉnh qui hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn đến năm 2010 với mục tiêu hàng đầu là gia tăng giá trị sản lượng và thu nhập trên một đơn vị diện tích dựa vào sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, biến các tiềm năng của nguồn lực tự nhiên thành lợi thế kinh tế. Với phương châm mục tiêu



Trung tâm Thương mại Bà Rịa



CO CẤU KINH TẾ THỊ XÃ BÀ RỊA (NĂM 2002)

đó, thị xã đã tiến hành lập các dự án phát triển đồng cỏ chăn nuôi bò thịt, bò sữa giống, dự án phát triển nuôi cá nước ngọt, nước lợ, dự án phát triển 360 ha nuôi tôm nước lợ theo phương thức thâm canh.

**Hoạt động xã hội được nâng cao**

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế, chỉnh trang đô thị, phát triển văn hoá xã hội cũng trở thành vấn đề bức xúc của thị xã Bà Rịa. Trong thời kỳ chiến tranh, 2 xã Hoà Long và Hoà Phước là cái nôi của cách mạng do đó đã bị hủy diệt và xoá trắng, đồng bào phải sơ tán khắp mọi nơi, đời sống thật sự khó khăn. Nhưng với truyền thống cách mạng yêu nước, nhân dân hai xã Hoà Long, Long Phước cùng với các địa phương khác dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền đã đoàn kết một lòng, khắc phục khó khăn để thực hiện thắng lợi những mục tiêu đề ra, nhất là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Thông qua các dự án nhỏ, chương trình xoá đói giảm nghèo, trên địa bàn thị xã đã không còn số hộ đói, số hộ nghèo hàng năm giảm đáng kể, tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm là 25,22%. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được đảm

bảo, các chương trình y tế quốc gia được thực hiện tốt. Các phường xã, đều có trạm xá, mạng lưới y tế khu, ấp được phủ kín 100%, bình quân 11 hộ dân có một nhân viên sức khỏe cộng đồng.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo được mở rộng, cơ sở vật chất khang trang, chất lượng dạy và học ngày càng được củng cố nâng cao, không còn tình trạng học ca 3. Các phường xã đều có trường mầm non, mẫu giáo, trung học cơ sở. Hiện nay thị xã đang tiến hành phổ cập trung học cơ sở, có 6 phường xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao khá phát triển với nhiều loại hình phong phú, các phường xã đều có trung tâm văn hoá; Tỷ lệ dân số được nghe truyền thanh, truyền hình ngày càng cao đạt 98%. Phong trào thể dục thể thao cũng có nhiều thành tích khá trong khu vực. Khu trung tâm văn hóa

thể thao của tỉnh đặt tại thị xã Bà Rịa được qui hoạch với qui mô 10 ha.

Phát huy được nguồn lực mới, các lĩnh vực kinh tế xã hội của Bà Rịa đang khởi thông và có thêm sức phát triển. Cùng với truyền thống và bề dày lịch sử, nghị lực và những nguồn lực mới đang tạo động lực để Bà Rịa tiếp tục tiến lên trên con đường phát triển. ■

**Mục tiêu phát triển kinh tế đến năm 2010**

Mục tiêu chung nhất là nâng cao mức sống và chất lượng sống của người dân thị xã, xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, góp phần vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh. Các mục tiêu chủ yếu:

- **Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế trên cơ sở chuyển dịch kinh tế chung và cơ cấu nội bộ các ngành sản xuất, dịch vụ; tập trung đầu tư vào các ngành chế biến thực phẩm, điện năng, nước sạch và thương mại. Mục tiêu cho tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình cả thời kỳ là 17-18%/năm**

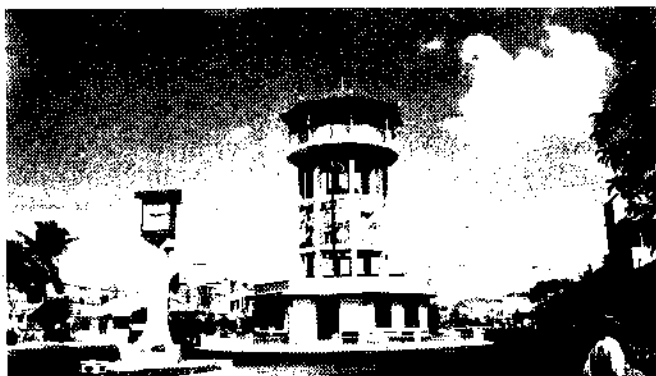
- **Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người là 2.000USD/người**

- **Nâng cao trình độ dân trí và tay nghề cho người lao động, phải đạt trên mức trung bình của tỉnh và cả nước về chỉ tiêu giáo dục, đào tạo; Tạo thêm 20.000 việc làm đủ cung cấp cho lực lượng lao động thị xã**

- **Nâng cao điều kiện sống cho người dân trên cơ sở đẩy nhanh quá trình phát triển đô thị và nông thôn với các dịch vụ chăm sóc y tế tốt, đời sống văn hoá phong phú. Mức độ đô thị hoá thị xã đến năm 2010 đạt trên 80% dân cư**

- **Phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống dân cư bao gồm hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc ... Đến năm 2010 toàn bộ dân cư thị xã được dùng điện và nước sạch.**

- **Thực hiện một bước cơ bản cải tạo và nâng cấp khu nội thị và thị xã, đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng của một đô thị văn minh hiện đại và các công trình hành chính, văn hoá, phúc lợi, khoa học, giáo dục ... xứng đáng là trung tâm hành chính - kinh tế - văn hoá - xã hội và quốc phòng.**



*Trung tâm Thị xã Bà Rịa*

**BA RIA TOWNSHIP**

# THE STATURE OF THE SECOND CLASS CITY

Natural area: 90 square kilometre  
Population: 80.000 inhabitants  
Administrative units: 7 villages, 2 communes  
Gross domestic products (GDP) increase annually 20.5%  
GDP per capita: US\$605 per year

**E**ight years passing by since the day Ba Ria upgraded to be a township, a period was not so long but sufficient for fundamental changes which create a new stature of the modern, civilized urban township.

The past eight years since the foundation is a meaningful period in the construction and development process of Ba Ria township. The advantages were as much as the difficulties. The first advantage was the resilient revolutionary tradition, the party communist was united, determined to construct the town more and more developing. Being the second class city, and about to be administrative centre of the province in the future, the town has got the provincial investment in the infrastructure, disposition of the factories, companies as well as enterprises. These were not out of the purpose to develop on multi-faceted and solve the employments for inhabitants. The foreseen difficulty was that the back ground for construction was not ideal: infrastructure technology is poor and degraded, the farmers account for over 65% of local labor force, many persons have not got a stable work yet, the qualified workers is especially rare.



*A corner of Ba Ria Township*

economy shifted towards the direction: "industry-small handcraft industry -service-agriculture" with an aim: "Accelerating powerfully investment in technique infrastructure, revamping the city as a premise for approaching the economic process, increasing step by step the living standards on multi aspects of the dwellers". Gone after by the resolution of 2nd conference of city party committee which emphasized more: "Stepping up the developing rhythm of the economy according the 1st conference's mechanism: Keeping improving the cultural and

material life of people". With the proposal objectives and tasks, the party communist, government, and citizens have obtained many quite remarkable results to speed up the economic expansion on multi-faceted.

### Revamping the city for new face

The outstanding record of Ba Ria within 8 recent years was the construction infrastructure and city - reorganization. Having a spacious and crowded like Ba Ria today, she emerged from the poverty and

backwardness. On the early foundation, Ba Ria was indeed a small town with backward technology and small traffic system. In whole province, only 11-km-road was asphalted, but degraded too much. Apart from the outskirts, the inner town's infrastructures such as the offices, the headquarters and the private houses are almost the 4th grade or temporary accommodation. The material facilities of the educational sector are patchy and momentary; the pupils must study in 3rd shift.

After 8 year-establishment and development, the total figure of whole construction have been estimated at 350 worth of nearly 700 billions. According to Mr. Nguyen Van Trinh, president of township people-committee: "All these projects have been put into usage, and showing their effects at the first time, making the convenient condition for developing the economy, society, defense, creating a trend of urbanization in the rural area, constituting the premise to become a provincial center later". The most protruding works are trading center built in 1996, with the total capital investment 115 billions on the surface of 19,8 ha. Thousands of spacious and beautiful kiosques, has replaced hundreds of pavilion, buying and selling under the sight: "dusty in sunshine, muddy in rain" of former Ba Ria market. In addition, 300 classroom and tens of

social welfare works have been inaugurated and full operation, step by step help Ba Ria escape from the poverty, following the urbanizing direction.

Being capable to answer the developing inquiry in future, the town is implementing some regulations on space projects up to 2002. According the intentional scheme, Ba Ria will be perfected and constructed effectively with the limited soil fund in the inner town, in parallel, the residential area is expanded toward the North-Eastern orientation on national route No 56. The provincial administrative center as well as the cultural and sport institutes will be placed in the South, on the contrary, the local administrative center will develop along with the Dinh's riverside. Inimently, the town is stepping up the reorganization, investment and finish of some strategic routes; deploying the campaign to rename the roads, the address; improving the administrative center for Hoa Long, Long Phuoc commune and Kim Dinh village. The projects for residential area such as Mat Meo field, H20 Block, the folk of frozen factory, the skyscraper Go Cat, residential area Ba Dung and the auto route No 56 are in the initial step.

**Developing the economy totally exact the orientation and local priority**

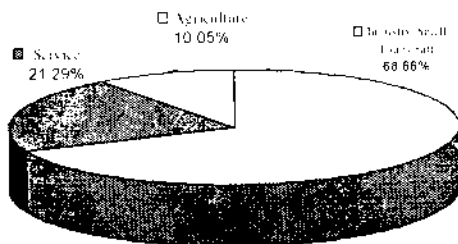
Identifying the economic

mechanism of the town: Industry - small handicraft industry-service on trade and agriculture. Ba Ria tried her effort to attract the capital investment from multiple party, beyond upholding the internal force. Until the early 2003, whole town exists 738 industrial and handicraft establishments with over 2,543 laborers, the local one accounted for 95% in total with the average increasing productivity 15% per year. Long Toan is still a cradle of handicraft sector, 40 households live on traditional career: making noodles (Pho-Hu Tieu), cookies, girdle cakes, etc... 29 of which concentrate mainly in Long Kien area. Nowadays, Long Kien's noodle is popular and flooded in the provincial market as well as in the neighbouring area.

In order to guarantee for large and small industry to sustainable development in future, the town has executed a complex center for industry and handicraft with 3 basements 80 ha. Besides, the technologic facilities also get more investment; the province is preparing to establish one low-pressure-air industry zone on a scale 30 ha.

The trading and service develop in multiform, abundant, attaining the growth rate 23%. Whole town consists of 3,200 businesses, creating the employment for 6,120 laborers; the income attains 651.4 billions dong. Generally, the purchasing force and service have increased, in which trading center behaves as a wholesaler and retailer to the townsfolk and tourist due to the newly modernized scale.

The face of agriculture and rural in Ba Ria has seen many dramatic changes: 5,392 ha for agricultural manufacturing, 1,000 ha water surface capable for aqua-



**THE ECONOMIC STRUCTURE IN TOWN (2002)**

culture. The draining water is gradually solidified, the inter-field traffic gets more and more developed, being one of the privileges in choosing the model, producing sector which they find most effective. Also in the purpose to exploit efficiently the land potential, Ba Ria is warned up by the program on agricultural and rural development: increasing the productivity, the income per unit surface based on the transpose of the plant and domestic fowls framework; altering the potential resources into the economic advantages. Basing on this guideline, the town has operated to draw out a project for grass field in favour of the breeding milch cow and meat-cow. That is not the end, the aquaculture in fresh and brackish water is developed, initially the program of 360 ha brackish water shrimp hatching according to intensive technology.

### **The Social Activities are levered**

In parallel with the economic developing mission, reorganization, cultural society is also an urgent matter. In the revolutionary period, two communes Hoa Long and Hoa Phuoc were the cradles of communist, therefore they were completely destroyed and whitened, the dwellers had to evacuate, the life were really rough. Due to revolutionary tradition and patriotism people in two communes combined with the other townfolk overcome the difficulties to succeed the suggested aim, especially increasing ceaselessly the material and cultural life under the united leadership of Party communist and government. By means of the small projects, the program of eliminating the poverty and reducing the hunger, there is no longer the hunger house-

hold in the area, the poor ones per years have decreased considerably, the rate of poverty lessens annually around the figure 25.22%. The healthcare is assured through the well-done operation of the medical campaigns. All the communes, the villages have the medical aid stations, the healthcare network in the regions, hamlets is covered 100% with one healthy community personnel per every 11 households.

The work of training and education are broadened, the spacious material facilities, the quality of teaching and learning has been reinforced, the 3rd shift is eradicated entirely. All the villages have the kindergartens, primary schools, and high schools. Currently, the villages implemented the compulsory to every one at the level of junior high

school. So far the town has increased the number of the communes succeed in generalizing primary school to 6. The cultural and sportive activities are quietly developed with many abundant types. Each village has its own cultural institution; the rate of the citizens, who benefits radio and television, is estimated at 98%. The sport movement has become more celebrated in the region with fantastic result. The sport center located on the surface of 10 ha is well arranged.

Promoting the new resource, the socio-economic sector in Ba Ria has been gradually improved and reinforced. Together with the tradition and the historic thickness, the perveservance and new resources are mobilizing Ba Ria to step on the road to success. ■

### **The Target of development on economy up to 2010**

The most common objective is levering the living standard of townfolk, contributing to the a impartial, civilized society, approaching a modernization and and industrialization movement. The principle aims:

- Speeding up the growth rate due to the transpose of common economy and inside mechanism on multi sectors such as manufacturing, service: concentrating on the food processing, electricity, clean water and trading aspects. The objective for economic expansion is around 17 - 18% per year

- Per capita GDP in target is US\$2,000.

- Increasing the intellectual and qualified standard for the labourers over the average level in nation and province. Creating more 20,000 employments for the townfork

- Agmenting the living standard for the citizens by the means of the acceleration on the urbanization with adequate health service, abundant cultural life. 80% population will experience the urbanization until 2010

- Innovating the infrastructure to answer the demand of economic development and living-standard, it includes the system of popular traffic, electricity, water supply and communication.... Until 2010, the electricity and pure water are available for 100% population.

- Implementing some basics steps in order to improve and upgrade the inner and outer town; guaranteeing the ideal condition for a civilized and modern city with many administrative, cultural, welfare, scientific, educational institutions worth of an administration - economy - culture - society and politics centers.

## HUYỆN LONG ĐẤT

PHÁT HUY THỂ MẠNH  
NÔNG, NGƯ NGHIỆP

Diện tích tự nhiên: 266,57 km<sup>2</sup> với bờ biển dài 27 km

Dân số: 172.513 người

Đơn vị hành chính: 13 xã, 02 thị trấn

Tốc độ phát triển kinh tế: 26,4%/năm

**L**à địa phương có truyền thống cách mạng hào hùng, với ưu thế về địa lý, thế mạnh về nông ngư nghiệp và dịch vụ du lịch, huyện Long Đất đã trở thành một trong ba địa phương có nền kinh tế phát triển mạnh nhất của tỉnh.

Trước đây, vào thời điểm miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước, huyện Long Đất là một đơn vị hành chính thuộc tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 8 năm 1991, Long Đất mới được tách về thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nằm trong địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, huyện Long Đất có một vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phía bắc huyện Long Đất giáp huyện Châu Đức, phía nam giáp biển Đông, phía tây giáp thành phố Vũng Tàu và thị xã Bà Rịa, phía đông giáp huyện Xuyên Mộc. Trong những năm qua, Long Đất duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP 13,9%/ năm, trong đó có sự đóng góp tích cực của lĩnh vực nông, ngư nghiệp - những thế mạnh nổi bật của địa phương.

### Nông nghiệp hướng vào tăng giá trị sản phẩm

Là một trận kinh tế hàng đầu của huyện, nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện, đa dạng hoá sản phẩm và từng bước gắn với nhu cầu của thị trường. Cùng với việc mở rộng diện tích, tỉnh đã quan tâm



Cảnh đồng muối

dầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, khoa học kỹ thuật và cây con giống, vật nuôi nhằm đảm bảo cho những cánh đồng thâm canh tăng vụ. Nổi bật là trong sản xuất nông nghiệp, nông dân đã từng bước thích nghi với nền kinh tế hàng hóa, mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt. Đồng thời biết phát huy các loại hình kinh tế hợp tác, chú trọng chuyển dịch cơ cấu cây trồng và cải tạo vườn tạp. Đến nay toàn huyện xây dựng 7 hồ chứa nước với tổng dung tích 33,1 triệu m<sup>3</sup> và hàng trăm kilômét kênh mương nội đồng, bảo đảm hệ thống tưới tiêu

cho diện tích cây trồng của huyện. Nhiều vùng ruộng trước kia chỉ cấy được 1 vụ hoặc 2 vụ nay tăng lên 3 vụ. Năng suất các loại cây trồng đều tăng gấp 2 đến 3 lần.

Cùng với sự lớn mạnh của ngành trồng trọt, chăn nuôi cũng từng bước phát triển. Phong trào chăn nuôi trong dân được phát triển như từng bước sinh hóa dần bò, nạc hóa dần heo, đưa tỷ lệ heo lai lên đến 90% tổng đàn toàn huyện. Phong trào nuôi gà công nghiệp thả vườn phát triển mạnh đã đáp ứng nhu cầu thực phẩm tiêu dùng trong nhân dân. Trong giai đoạn 1991-

2002, tổng đàn heo đạt mức tăng trưởng 7,70%/năm, tổng đàn gia cầm tăng bình quân 8,90%/năm, đã thật sự đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người chăn nuôi.

Tổng rừng trở thành một hoạt động lâm nghiệp quan trọng vừa nhằm bảo vệ môi trường vừa bảo đảm yêu cầu kinh tế gắn với quốc phòng. Chương trình trồng rừng theo Dự án 327 được duy trì đều đặn. Hàng năm huyện đều tổ chức trồng mới rừng để phủ xanh đất trồng đồi núi trọc, trồng rừng phòng hộ ven biển. Trong quá trình triển khai đầu tư năm 1992 toàn huyện trồng được 1.332 ha trong đó rừng kinh tế là 1.200 ha thì đến năm 2002 diện tích rừng trồng là 5.078 ha. Đến nay, toàn huyện đạt độ che phủ 32%, diện tích khai thác hàng năm là 200 ha với sản lượng 12.300 m<sup>3</sup>. Đây cũng là nguồn thu nhập đáng kể đối với những hộ làm lâm nghiệp.

**Tăng trưởng ngư nghiệp**

Xác định ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế, chiếm tỷ trọng khá lớn trong ngành nông nghiệp của huyện Long Đất (70 - 75%), nên những năm qua, Đảng bộ và chính quyền huyện đã có kế hoạch đầu tư thích đáng về các bến cảng, ngành nghề chế biến, dịch vụ hải sản. Ngoài ra, tính tạo điều kiện cho bà con ngư dân đóng

mới tàu thuyền, từng bước trang bị phương tiện đánh bắt hiện đại, công nghệ mới. Chính vì thế, trong những năm qua lĩnh vực này luôn có sự cố gắng trong việc nâng công suất máy móc thiết bị. Đến năm 2002 toàn huyện có 1.925 chiếc với 201.658 CV, bình quân 104 CV/chiếc, phần lớn là tàu thuyền đánh bắt xa bờ. Tổng sản lượng khai thác hải sản đạt 79.000 tấn tăng 37% so với năm 1991 và đạt giá trị sản xuất năm 2002 là 526 tỷ đồng.

Riêng về nuôi trồng thủy sản, nhờ áp dụng mô hình nuôi trồng theo hình thức quảng canh hoặc quảng canh cải tiến, thâm canh hoặc bán thâm canh nên hiệu quả ngày càng cao. Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2002 đạt 416 tấn/ 727 ha diện tích mặt nước nuôi trồng, tăng 18,85% so với năm 2001 và đạt 73,63% kế hoạch. Đến nay, huyện đã hình thành 4 câu lạc bộ khuyến ngư và 30 tổ hợp tác sản xuất nhằm tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau về vốn cũng như trong sản xuất.

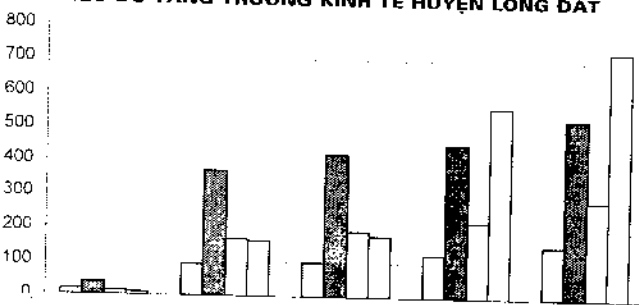
Sự phát triển của nông, ngư nghiệp đã tạo đà cho công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ngày càng đi lên trong tiến trình hội nhập kinh tế huyện. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 290,9 tỷ đồng, tăng 15,55% so với năm 2001 và đạt 100% kế hoạch.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện phát triển thích ứng theo nhu cầu thị trường, nhưng chủ yếu vẫn là gia công, chế biến mang tính chất thủ công truyền thống địa phương. Chính vì thế, huyện đã có nhiều chủ trương khuyến khích các thành phần kinh tế của địa phương đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhất là những ngành nghề truyền thống như chế biến lương thực, thực phẩm, gia công cơ khí, may mặc, xay xát lương thực, sản xuất nước đá nên giá trị sản lượng đã tăng dần hàng năm, với mức bình quân 5,64%/năm. Cùng với việc quy hoạch các làng nghề thành những cụm tiểu thủ công nghiệp, được Chính phủ phê duyệt, trên địa bàn huyện còn có 2 nhà máy công nghiệp của Trung ương là Nhà máy Xử lý Khí Dinh Cỏ và Nhà máy Khí Nam Côn Sơn. Đây là nguồn tiềm năng phát triển kinh tế góp phần đưa Long Đất trở thành huyện công nghiệp vào năm 2005.

**Thành tích từ các ngành kinh tế - xã hội khác**

Với chủ trương "mở đường tới đầu, điện kéo đến đống", hệ thống đường giao thông nội thị đã được mở rộng nâng cấp và một số đường được láng nhựa tạo điều kiện cho nhân dân đi lại và sản xuất. Nếu năm 1991 có 93 km đường giao thông nội thị thì đến năm 2002 lên 173 km, trong đó có 132 km đường láng nhựa và 40,9 km đường cấp phối. Bên cạnh đó, hệ thống điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất đã cơ bản khép kín ở 12 đơn vị hành chính xã, thị trấn với 165 trạm biến thế, 98 đường dây hạ thế cung cấp 55.312 triệu kWh điện năng tổng số dân cư sử dụng điện đạt 90%. Hệ thống nước sinh hoạt, nước máy công nghiệp được dẫn về tận các xã, thị trấn, đồng thời xây dựng 5 nhà

**BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ HUYỆN LONG ĐẤT**



máy nước ngầm theo chương trình nước sạch nông thôn phục vụ cho nhân dân tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.

Hòa nhịp với sự phát triển của nền kinh tế, ngân hàng, kho bạc đã mở rộng mạng lưới giao dịch, cải tiến thủ tục tín dụng, phục vụ thiết thực cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh. Theo số liệu thống kê hàng năm, các hộ vay vốn sản xuất kinh doanh đều đạt hiệu quả cao. Tính đến năm 2002 tổng số dư nợ là 193 tỷ đồng, trong đó cho vay vốn ngắn hạn là 44 tỷ đồng, trung hạn 70,7 tỷ đồng, dư nợ ủy thác 5,3 tỷ đồng với vốn chỉ định là 73 tỷ đồng. Thương mại - dịch vụ, du lịch phát triển đa dạng với nhiều thành phần tham gia, thị trường mở rộng đến các thôn, xã trong huyện. Đặc biệt là các công trình chợ ở 5 trung tâm kinh tế đầu mối đã được đầu tư, xây dựng mới đảm bảo nhu cầu kinh doanh dịch vụ cũng như vệ sinh môi trường.

Công tác giáo dục cũng gặt hái nhiều thành tích đáng kể. Chủ trương xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa trường lớp, đã có những tác động tích cực làm chuyển biến sự nghiệp giáo dục ngày càng tốt hơn. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt bình quân 92% - 95%; học sinh đậu vào các trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp đạt 30% - 35% so với số thí sinh dự thi, số cháu 6 tuổi được vận động vào lớp 1 đạt 100%. Công tác xóa mù và phổ cập tiểu học đã cơ bản hoàn thành được tỉnh công nhận năm 1996, đồng thời tiến tới phổ cập trung học cơ sở ở hai thị trấn Long Điền và Long Hải. Bên cạnh đó mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, công tác kế hoạch hóa gia đình được mọi người hưởng ứng tích cực, góp phần giảm tỷ lệ sinh con thứ ba, công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng được quan tâm đúng mức.

**Định hướng phát triển kinh tế giai đoạn 2002 - 2010**

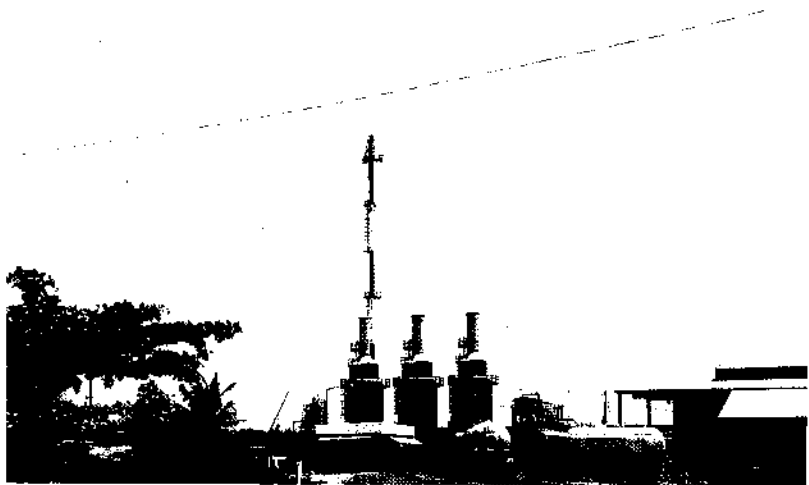
- Tốc độ phát triển kinh tế bình quân cả thời kỳ: 11-12%
- Chỉ tiêu GDP trên đầu người: 715 USD ( không kể khí hóa lỏng) nếu tính thêm khí hóa lỏng vào GDP là 1.525 USD
- Giá trị sản lượng thủy sản tăng bình quân: 7,6%/năm
- Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân: 5%/năm
- Giá trị CN - TTCN tăng bình quân: 15%
- Doanh thu thương mại - dịch vụ tăng bình quân: 15%
- Thu nhân sách tăng bình quân: 5%/năm
- Tỷ lệ dân sử dụng nước sạch: 95%
- Tỷ lệ dân sử dụng điện: 98%
- Số máy điện thoại: 15 máy/ 100 dân
- Mức hưởng thụ văn hóa bình quân: 32 lần/năm

Phát huy truyền thống "uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây", huyện đã quan tâm thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, phụng dưỡng chu đáo 25 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Tính đến nay, huyện đã xây dựng mới 274 căn nhà tình nghĩa, tu sửa 420 căn nhà ở, cấp 580 sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách và xây dựng 81 nhà tình thương. Đến nay, toàn huyện có 80% hộ và 68,9% áp được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa. Bên cạnh đó, công trình di tích lịch sử căn cứ Minh Đạm được duy tu, tôn tạo góp phần tạo cảnh quan cho khu du lịch ven biển Long Hải

đến Phước Hải, từ đó mở rộng thêm bãi tắm Lộc An kết hợp với du lịch sinh thái tham quan rừng ngập mặn và giáo dục truyền thống cho thế hệ mai sau.

Sau 10 năm phát triển kinh tế, Đảng bộ và nhân dân huyện Long Đất đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá, chính trị ổn định, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được tăng lên rõ rệt. Những thành công này là động lực quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân huyện Long Đất tiếp tục phát huy thành tích đã đạt được, từ đó thực hiện thành công mục tiêu "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh". ■

*Nhà máy Khí hóa lỏng Đình Cố*



**LONG DAT DISTRICT**

**BRINGING INTO FULL PLAY STRENGTH OF AGRICULTURE AND FISHERY**

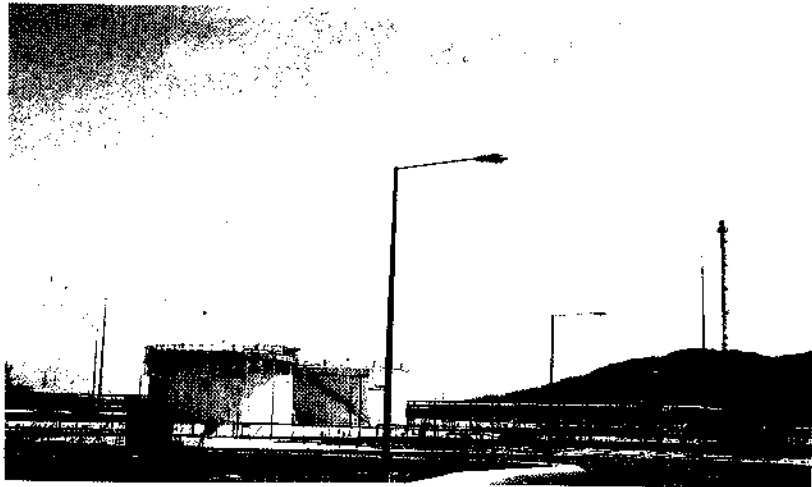
Natural area: 266.57 sq. kilometre with 27-km coastline  
 Population: 172,513 people  
 Administrative division: 13 communes and 02 town  
 Annual growth rate: 26.4 percent

**A**s a district of magnanimous revolutionary tradition, endowed with favorable geographical conditions together with strength of agriculture, fishery and services, Long Dat has become one of the 3 localities with the highest growth rate of the province.

In the past, when the South was liberated for national reunification, Long Dat district administratively belonged to Dong Nai province and then, it became an administrative division of Ba Ria Vung Tau province in August 1991. Situated in the southern key economic area, Long Dat plays an important role in the socio-economic development of the province. The district adjoins Chau Duc district to the North, the South China Sea to the South, Vung Tau city and Ba Ria Township to the West and Xuyen Moc district to the East. Over the past years, Long Dat has maintained GDP growth rate of 13.9 percent per annum, generated by the active contribution of the local agriculture and fishery as its salient strength.

**Product value-oriented agriculture**

As the primary economic front of the district, the agriculture has developed comprehensively in the orientation of diversification of



*Nam Con Son Oil and Gas Plant*

products and demands of the market. In addition to the expansion of agricultural area, the province has concentrated on the development of irrigation systems, science, techniques, breeds and seeds for the sake of intensive farming with the increase in the number of crops. Remarkably in agricultural production, farmers have gradually adapted to the commodity economy,

actively applying science and techniques to cultivation and, at the same time, promoting models of cooperative economy, paying attention to structure change in plants and improvement of mixed orchards. The district has so far constructed 7 reserve lakes with a capacity of 33.1 million m<sup>3</sup> and interior-field canals with the length of hundreds of kilometers, ensuring

the irrigation of the district's cultivated area. The number of crops in many fields has increased from 1 or 2 in the past to 3 at present.

With the development of cultivation, animal husbandry has, step by step, grown up with the multiplication of cattle, increase in the number of lean-meat pigs and cross-bred ones to 90 percent of the total herds of the district. The raising of industrially-bred chickens in gardens has dramatically developed, meeting the demands for food in the market of the people. In the 1991-2002 period, the total number of pigs recorded a growth rate of 7.7 percent per annum, that of poultry 8.9 percent per annum, bringing real economic efficiency to the farmers.

Afforestation represent an important activity for forestry, the protection environment as well as the sustainability of economy associated with national defense. The program under Project No 327 has been steadily maintained. Every year, the district organizes afforestation to regreen waste land and bare hills and grow preventive forests in coastal areas. During the implementation of investment in 1992, 1,323 ha of forest was planted, 1,220 of which represented commercial forest. In 2002, the area of planted forest amounted to 5,078 ha. And up to now, the coverage of plants has reached 32 percent of the land area in the

district; the annual exploitation area is 200 ha with a timber productivity of 12,300 m<sup>3</sup> which generates remarkable income for forestry households.

**Agricultural growth pushing industry development**

Defining fishery as a cutting-edge economy in the economic structure with a high proportion in the agriculture of the district (70-75 percent), over the past years, the party committee and authorities have made plans for proper investment in fishing ports, aqua-products processing and services. Apart from that, the province has provided favorable conditions for fishermen to build fishing boats, and gradually supply modern fishing facilities and equipments and advanced technology. Therefore, over the past years, capacity of fishing vessels has been constantly improved. By 2002, the district has 1,925 fishing boats with a capacity of 201,658 HP or 104 HP/boat, most of which are off-shore fishing ones. The total exploitation productivity of aqua-products reached 79,000 tonness, a 37 percent increase against 1991 with a production value of 526 billion VND in 2002.

As far as aqua-culture is concerned, the introduction of extensive culture as well as intensive-or semi-intensive one has resulted in increasingly higher

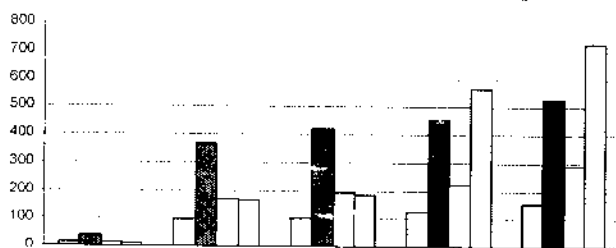
efficiency. In 2002, the productivity of aquaculture topped 416 tonness/727 ha of used water surface, an increase of 18.85 percent against 2001, fulfilling 73.63 percent of the plan. So far, the district has established 4 fishery promotion clubs and 30 production cooperative groups to support each other in terms of capital and production.

The development of agriculture and fishery has served as a springboard for the enhancement of industry and small handicraft industry during the process of economic integration of the district. The total value of industry-small craft industry reach 290.9 billion VND, a 15.55 percent-increase against 2001 fulfilling 100 percent of the plan. In fact, the industry-small craft industry facilities of the district have developed, meeting the demand of the market, however, they are mainly involved in local traditional craft. Therefore, the district has advocated encouraging all local economic sectors to boost industrialization-modernization particularly in such traditional sectors as food processing, mechanical handicraft, garment, cereal husking, ice water making with an average growth rate of 5.64 percent per annum. Beside the planning of craft villages into small handicraft industry complexes approved by the government, there are two central industrial factories in the district namely Dinh Co gas treatment factory and South Con Son gas factory which constitute the potential for economic development, making contribution to turning Long Dat into an industrialized district by 2005.

**Achievements of other socio-economic sectors.**

With the motto "Electric wires

**LONG DAT ECONOMIC GROWTH RATE**



go along with roads ", the local communication system has been expanded and upgraded with many asphalted roads, providing favorable traveling and production conditions for the people. The road system increase from 93 km in 1991 to 173 km in 2002 with 132 km of asphalted roads and 40.9 km of low-standard roads. In addition, the electric system for daily life and production has been established in 12 administrative divisions of villages and towns with 165 electric transformer stations, 98 low-voltage electric wire system supplying 55,312 million KWh for 90 percent of the local population. The water supply system for daily use provides water for villages and towns with the establishment of 5 underground waterworks under the programs for rural safe water for the sake of people's life and production.

Along with the development of the local economy, the banking branch has expanded trading networks, improved credit procedures to meet the demand for production and business. According to annual statistics, the households provided with bank loans have operated efficiently. By 2002, the total value of loan surplus reached VND 193 billion , 44 billion of which was short-term loan, 70.7 billion medium-term one, 5.3 billion authorized loan surplus and 73 billion authorized capital. Trade and tourist services have been diversified with the participation of quite a few sectors; the market has been expanded to the hamlets and villages in the district. It should be noted that, the markets in 5 key economic centers have been constructed to meet the business and environmental demands.

The education in the district

### **Orientation for 2002-2010 economic development**

- Annual average economic growth rate: 7.6 percent
- GDP per capital: 715 USD (except liquid gas-if included, the per capita GDP would be 1,525 USD)
- Annual average value of aqua-product productivity: 7.6 percent
- Annual average value of agricultural productivity: 5 percent
- Annual average value of industry-small handicraft industry: 15 percent
- Trade-service average turnover: 15 percent
- Annual average budget revenue: 5 percent
- Rate of people gaining access to safe water: 95 percent
- Rate of people using gaining access to electricity: 98 percent
- Number of telephones: 15 phones/ 100 people
- Times of enjoying cultural activities: 32 times/year

has also recorded remarkable achievement. The advocated socialization of education and diversification of schools and classes have positive impacts on the education. The rate of pupils who finished schools at all levels amounted to 92-95 percent; the rate of pupils who passed the entrance exams to universities, colleges and vocational high schools 30-35 percent of the total enrolled number; the pupils who go to school at the age of 6 reached 100 percent. Illiteracy eradication and compulsory primary education was completed and recognized by the province in 1996. At present, the district is implementing the universalization of secondary schools in the towns of Long Dien and Long Hai. In addition, the local healthcare system has been consolidated; family planning actively observed by the people, which has made contribution to the decrease in the rate of families which had third children; healthcare for the community attached proper attention.

Bringing into full play the tradition of "remembering the source when drinking water and the planters when having fruits", the district has paid proper attention to families with meritorious contri-

bution to the revolution as well as those of martyrs and war invalids with the thoughtful caring for 25 Vietnamese heroic mothers. Up to now, the district has constructed 274 "houses of gratitude" and repaired 420 houses. Besides, 580 saving books have been granted to privileged families, 81 "houses of mercy" constructed. So far, 80 percent of households and 68.9 percent of hamlets have been recognized as cultural ones. Furthermore, the historical relic of Minh Dam base has been restored, helping beautify the landscape of the coastal resort from Long Hai to Phuoc Hai, and expand Loc An beach combining with the ecological tourist area of salted-soil forests and the education in tradition for future generations.

After 10 years of economic development, Long Dat party committee and people have recorded important achievements with relatively high economic growth rate, political stability and better material and spiritual life of the people. This success has served as a driving force for Long Dat party committee and people to keep promoting achievements aimed at fulfilling the objective of "a rich people, a prosperous country, an equitable, democratic and civilized society". ■

**HUYỆN CHÂU ĐỨC**

**NÔNG NGHIỆP GIỮ THỂ MẠNH TRONG  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI**

Diện tích tự nhiên: 422,598 km<sup>2</sup>  
 Dân số: 143.997 người  
 Đơn vị hành chính: 13 xã và thị trấn Ngai Giao  
 Nhịp độ phát triển kinh tế: 8,7%/năm  
 Thu nhập bình quân đầu người năm 2002: 7,115 triệu đồng/người

**T**ừ một huyện nông nghiệp khi mới thành lập, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn nghèo nàn, trình độ dân trí thấp, đời sống vật chất tinh thần của người dân gặp nhiều khó khăn ... đến nay bộ mặt Châu Đức đã hoàn toàn đổi mới.

Châu Đức được thành lập theo Nghị định 45/CP ngày 2 - 6 - 1994 của Chính phủ, là một huyện tập trung có tới 8 dân tộc cùng chung sống, chủ yếu là dân tộc Kinh, chiếm hơn 90%. Tuy mỗi một nhóm cư dân ở từng địa phương mang theo một sắc thái riêng với nhiều phong tục tập quán khác nhau, nhưng khi về hội tụ nơi đây đều hòa hợp để phát triển đi lên cùng với mảnh đất quê hương Châu Đức.

Nằm ở phía bắc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đời sống kinh tế - xã hội Châu Đức đứng ở mức trung bình, tốc độ phát triển kinh tế tăng bình quân 8,7%/năm. Những năm qua, bằng việc huy động sức mạnh tổng hợp, tập trung khai thác mọi tiềm năng, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn... huyện Châu Đức đã và đang có bước phát triển mạnh, góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức

**Nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo**

Với ưu thế có một vùng đất đỏ bazan nông nghiệp và các loại hoa màu khác, huyện Châu Đức đã xác định phát triển kinh tế theo cơ cấu "Nông nghiệp - Dịch vụ - Công nghiệp", trong đó nông nghiệp được coi là mặt trận hàng đầu. Trong 8 năm qua (1994 - 2002), nông nghiệp luôn là ngành kinh tế mũi nhọn và là niềm tự hào trong

phát triển kinh tế huyện nhà. Do có nhiều điều kiện thuận lợi như diện tích nông nghiệp chiếm 88,69% tổng diện tích tự nhiên, lao động nông nghiệp chiếm 78,36% lao động xã hội toàn huyện, khí hậu ôn hoà nên ngành nông nghiệp càng có cơ hội phát triển. Vì thế, nông nghiệp có sự gia tăng đáng kể với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 7,42%.

Đến nay trên địa bàn huyện đã

hình thành được 3 vùng sản xuất tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa. Nếu như năm 1994 toàn huyện chỉ có 498 ha tiêu, 950 ha cây ăn trái thì đến năm 2002 có 2.933 ha tiêu, 1.369 ha cây ăn trái. Trong giai đoạn này, năng suất lúa tăng 10,35%/năm, bắp tăng 5,34%/năm, diện tích cây công nghiệp dài ngày tăng bình quân hàng năm 45,76%/năm. Đồng thời, huyện Châu Đức cũng đã khai thác sử dụng đất hợp lý, thực hiện nhanh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Giống lúa mới và các giống cây trồng khác lần lượt được đưa vào sản xuất thay cho giống địa phương đã thoái hóa, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt tăng bình quân 9,42%/năm, đưa tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 443,165 tỷ đồng vào năm 2002, tăng 36% so với năm 1994. Phát triển kinh tế trang trại vườn dúi, cừm rừng là bước đi lên làm giàu trong những năm qua của người dân địa phương. Dự tính, tổng giá trị mặt hàng cây nông nghiệp dài ngày mỗi năm có thể đạt 20 - 30 tỷ đồng. Nhiều hộ có thể đạt đến mức thu nhập trên 500 triệu đồng/năm, điều mà trước đây các hộ nông dân chưa từng mơ tới.

Trong chăn nuôi, tính riêng năm 2002 tổng sản lượng thịt hơi đàn gia súc, gia cầm đạt 4.693 tấn. Trên những mảnh đất khô cằn xơ xác trước đây đã mọc lên những vườn cà phê, hồ tiêu, cao su và cây lâm nghiệp, lập nên loại hình kinh tế vườn rừng trù phú. Hơn thế, kinh tế vườn rừng còn đẩy lùi tình trạng phá rừng, làm tăng tỷ lệ đất lâm nghiệp có rừng che phủ lên 677,2 ha. Bên cạnh việc tập trung phát triển đúng hướng các loại cây nông nghiệp mang lại giá trị kinh tế cao, huyện Châu Đức đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác thủy lợi. Các hồ,

đập lớn như hồ Suối Dầu, hồ Kim Long, hồ Đá Đen, đập Tà Lùng, đập Liên Sơn, đập Suối Chích... với trữ lượng hàng chục triệu mét khối nước được đầu tư, xây dựng, đáp ứng nhu cầu tưới tiêu, phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tính đến năm 2002, tổng diện tích tưới cho các công trình thủy lợi là 1.650 ha, so với 1.057 ha vào năm 1994.

Cùng với nông lâm nghiệp, hai ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đang trên đà phát triển. Tuy qui mô hoạt động còn nhỏ bé, chỉ chiếm khoảng 25% tỉ trọng GDP huyện, song trong thời gian qua, cả hai ngành đều đạt được tốc độ phát triển khá nhằm hỗ trợ đắc lực cho nông nghiệp. Toàn huyện có trên 500 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp với những mặt hàng chủ yếu là chế biến gỗ, gia công đồ sắt, sản xuất nước đá, xay sát nông sản... thu hút hơn 1.200 lao động, với mức tăng trưởng bình quân hàng năm 43%. Năm 2001, huyện đã qui hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đến năm 2010, đây là một điều kiện thuận lợi để từng bước nâng dần tỷ trọng cơ cấu phát triển kinh tế.

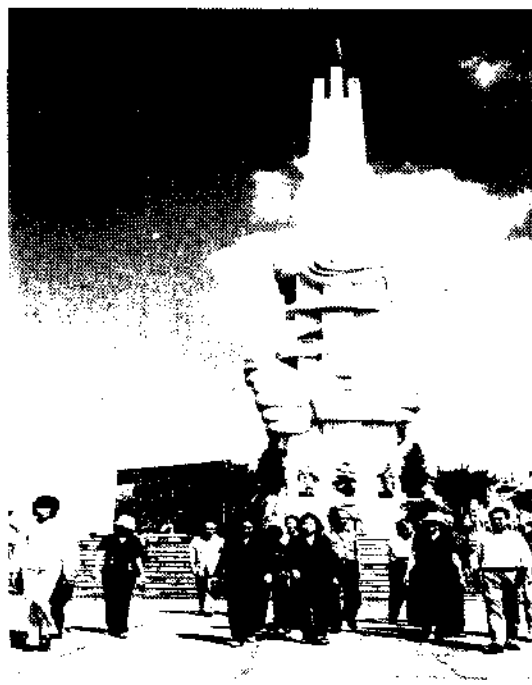
Hoạt động dịch vụ thương mại đã bao đảm lưu thông hàng hóa thông suốt đến vùng sâu vùng xa, với mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 3,4%. Hiện nay, huyện đã đầu tư hạ tầng khu trung tâm thương mại và đang thi công xây dựng nhà lòng chợ cũng như phố chợ để từng bước phát triển ngành thương mại - dịch vụ.

## **Cơ sở hạ tầng từng bước được cải thiện**

Là một huyện nông nghiệp vùng xa, những ngày mới thành lập, Châu Đức còn rất nghèo nàn về cơ sở hạ tầng. Hệ thống đường giao thông nông thôn chủ yếu là đường đất hoặc đường cấp phối sỏi đá đã xuống cấp trầm trọng, gây trở ngại trong việc phát triển kinh tế huyện. Chính vì vậy, những năm gần đây, huyện đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng.

Mục tiêu đặt ra là xây dựng các trục đường giao thông chính đến tất cả các xã trong huyện nhằm bảo đảm giao thông đi lại thuận tiện và nâng cao năng lực vận chuyển của mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn. Mục tiêu này nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với tinh thần phát huy nội lực, tranh thủ mọi nguồn lực, huyện Châu Đức đã

*Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa thăm huyện*



dầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với tổng giá trị gần 330 tỷ đồng. Huyện tập trung sửa chữa và nâng cấp trên 470 km đường giao thông các loại, nâng tổng số chiều dài đường giao thông trên địa bàn huyện lên 700,92 km, tăng gấp 3 lần so với năm 1994. Mạng lưới giao thông quan trọng được hình thành, các tuyến đường liên huyện, liên xã đa phần đều được nhựa hóa, các xã, thị trấn đều có đường ô tô về đến trung tâm. Nếu như năm 1994, toàn huyện chỉ có trên 16% số hộ được sử dụng điện thì đến nay con số này đã tăng lên 76,8%. Có 100% các xã, thị trấn đều đã sử dụng mạng lưới điện quốc gia.

Công tác văn hóa - xã hội trên địa bàn cũng thu được nhiều kết quả khả quan. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp các cấp đạt trên 90%. Cơ sở vật chất và trang thiết bị trong trường học được xây dựng khang trang. Toàn huyện hiện có 54 trường học các cấp với tổng số học sinh toàn huyện là 40.676 em. Bên cạnh đó, công tác y tế, văn hóa ngày càng được đầu tư phát triển góp phần tích cực vào việc nâng cao đời sống tinh thần phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế huyện. Đảng bộ và các cấp chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội trên toàn huyện đã vận động nhưng tâm lòng nhân ái, từ thiện đã xây dựng và chuyển giao được 206 căn nhà tình nghĩa.

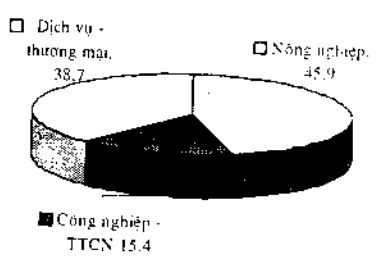
STT	Nội dung	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm (%)
1	Nhịp độ tăng trưởng kinh tế	9,4
2	Tăng trưởng nông nghiệp	7,78
3	Tăng trưởng công nghiệp	10
4	Tăng trưởng dịch vụ - thương mại	12
5	Tăng thu ngân sách	4

310 nhà tình thương cho những gia đình chính sách, những hộ nghèo đặc biệt khó khăn. Trong những năm qua, huyện Châu Đức đã xóa hết hộ đói và giảm hộ nghèo xuống còn 12,4%.

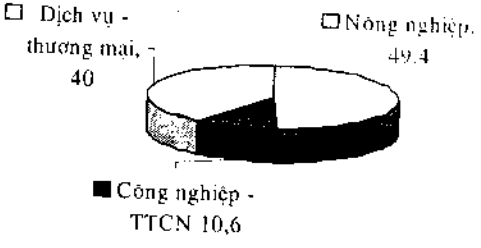
Châu Đức hôm nay đã dần thay da đổi thịt trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với bộ mặt nông thôn mới, Châu Đức đã bước đầu khởi sắc chuẩn bị cho công cuộc xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

**Biểu đồ thể hiện sự chuyển đổi cơ cấu năm 2002-2005**

**Năm 2002**



**Năm 2005**



*Trường Tiểu học Lê Văn Tám*

## CHAU DUC DISTRICT

# AGRICULTURE-THE STRENGTH IN SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT

Natural surface: 422.598 sq. kilometre

Population: 143,997 persons.

Administrative units: 13 communes, and Ngai Giao town

Rhythm of economic development: 8.7% per year

Average annual income per one: 7.115 millions dong per one person in 2002.

**B**eginning with the poor and backward technique infrastructure, low intellectual standard, difficulties in material and spiritual life etc...up to now, the face of Chau Duc has already been completely renovated.

Chau Duc, established based on the resolution 45/CP on 2nd June 1994 of the Government, is one district for 6 ethnic groups living together, and the "Kinh" Group accounts especially for more than 90%. Although each inhabitant group in each locality possesses their own nuances and different traditions and customs but when they gather here, all are in the concord to develop the country area Chau Duc.

Situated in the North of Ba Ria-Vung Tau province, the socio-economic life take the average range, the annual economic development rate is 8.7%. During the passing years, by gathering the synthetic force, concentration on multiple exploitation, shifting the economic towards the industrialization and industrialization orientation, Chau Duc District has and had the significant development, contributing considerably to provincial socio-economy.



Post-Office

### Agriculture accounting for the decisive part

With the priority of basalt red earth and other fruits of the earth/farm product, Chau Duc district has been identified to develop the economy according to the framework: "Agriculture - Service - Industry",

in which agriculture is considered to be the first line and a pride in development task of economy. Thanks to many advantage such as the farming area 88.69% of total natural surface, farming labourer estimated at 78.36% in whole province and the temperate climate.

the agricultural sector has the occasion to grow. Therefore the agriculture saw a significant increase with the annual expansion rate 7.42%.

Up to now, two producing zone have been founded toward the direction of merchandise production in whole province. The whole province possessed only 498 ha pepper and 950 ha of fruits in 1994, but 2,933 ha and 1,369 ha respectively in 2002. The rice productivity increases 10.35% per year, the maize/corn augments 5.34% per year. The area of long-day industrial crops raises annually 45.76% per year. Chau Duc district has also simultaneously exploited and used reasonably the soil and quickly effectuated the change of cultivated plant mechanism. The technical level of intensive farming is ever-greater progressive. The new rice variety and other cultivated plants are in turn/in succession launching in the production for replacing the domestic variety and other generates, contributing to the increase of productivity and quality of agricultural products. The producing value of the agriculture saw an annual increase 9.42%, help the total provincial rational productivity attain 443.165 millions, 36 % more than 1994. Developing the farm-house economy in the mountainous and forestal area is a launching pad for the property of the local citizens during the recent years. The total value of long-day agricultural tree varies from VND 20 to 30 billions. Some household has the income-level over 500 millions per year, which was only the desire of the farmer in the past.

In the culture, only in 2002, the total meat productivity of poultry and cattle attains over 4,693 tones. On the barren and denuded land, the garden of coffee, pepper, rubber

### The synthetic socio-economic norm in the period 1998-2002

(Units: billions VND, based on fixed price)

Target/year	1998	1999	2000	2001	2002
Culture	301	329	332	389	416
Cattle - breeding	47	40	45	52	58
Forestry	0.392	0.460	0.470	0.491	0.499
Aquiculture	0.846	1.216	1.100	1.174	1.318
Commerce-Service	316	324	334	359	402
Industry - Hand crafting Industry	26	35	36	49	53

and silvicultures creating a well-off model of garden-forest economy. Further more, the garden-forest economy also repulses the forest destruction, increasing the rate of forestry land up to 677.2 ha of forestry covering. In addition to appropriate development of the highly economic value industrial plants, Chau Duc district has attached special importance to boost the irrigation works. The huge lakes and barrages such as: Suoi Dau lake, Kim Long lake, Da Den lake, Ta Lung barrage, Lien Son barrage, Suoi Chich barrage with the tens of millions meters cubic water reserves, have been invested and constructed in order to answer the irrigation demand and agriculture development in the province. Until 2002, the total area used for the irrigation works is 1,650 ha in compared with 1,057 ha in 1994.

In the same line with forestry, small scale industry and services is about to developing. Despite of small scope operation, about 25% in the proportion of provincial GDP, during the recent time, both sectors have attained the rather good grow rate in the purpose of assisting effectively the agriculture. There are more than 500 sites of hand crafting industry in province-wide,

concentrating on wooden manufactured goods, iron processing, supplying ice-water, grinding-rubbing agricultural products, etc ..., attracting over 1,200 laborer, possessing an annual grow rate 43%. In 2001, the suburban district has projected the expanding industry and hand crafting industry until 2010. This is an initial favorable condition so as to augment step-by-step the mechanism proportion in whole economy.

The commerce and services activities assured the free merchandise circulation to the isolated area, far area with the annual rate 3.4%. Currently, the district has invested the infrastructure of commercial centre, executing the market construction as well as trade town to develop commerce and business step by step.

### Perfecting gradually the infrastructure

Being an isolate agricultural province, in the days of foundation, Chau Duc suffers dramatically the poverty on infrastructure. The system of traffic in rural area, mainly pathway and red gravel path is degrading seriously, which causes the obstacle in provincial economic development. Therefore, in the recent years, the investment in infrastructure has been paid more attention.

The target of constructing the capital communication route to all communes in the province assures the traffic convenience and promotes the transportation efficiency in the area. This target favourizes the obvious change evolution, contributing to the enhancement of agricultural-rural economy in the direction of industrialization and modernization. With the spirit of developing the internal force, benefiting all resources, Chau Duc district has invested in the infrastructure a capital around VND330 billions. The district has put much concentration on preparing and upgrading over 470 km communication routes of all kinds, increasing the kilometer quantity of communication routes up to 700.92 km, three times more than in 1994, which lead to the formation of an important traffic network, the bituminized interdistrict and intercommune routes, and also the autoroute to the center. If in 1994, 16% of household in the province has used the electricity, so far the figure has attained over 76.8%. 100% of the communes and towns have used the national system of electricity.

The socio-culture in the region also gains the considerable results. The quality of education has been accelerated, the pass rate of all sessions attain over 90%. The material facilities and the equipment gears in schools are well decorated, there are currently 54 schools with 40,676 pupils of all sessions in whole province. In addition, the healthcare and culture have been more and more invested so as to contribute positively to the development of spiritual life enhancement and serve the political task in the local.

Accompanying the strong

expansion in the provincial economy, the Party and the multiple level authorities, the social organization in the province has mobilized the compassionate and charitable heart to construct and hand-over 206 house of gratitude, 310 house of compassion for the household in policy, or the extremely poor ones. During the pass years, Chau Duc district has already eliminated totally the famine household, and reduced the poor down to 12.4%

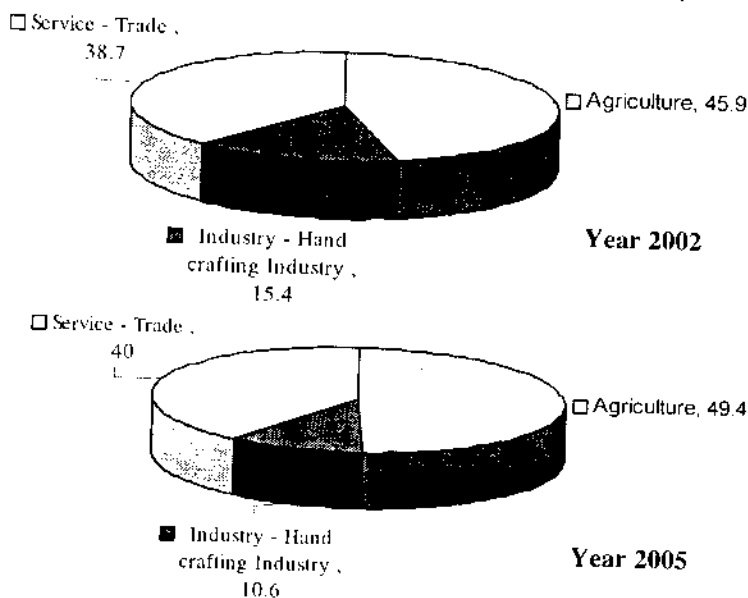
Chau Duc, nowadays, has changed their look on the way to the industrialization and modernization. The new face of the country has been initially prepared for the country construction more and more beautiful.



Fresh water well

Circle chart showing the mechanism change

Units: percent



# CÔN ĐẢO - KHƠI DẬY NHỮNG TIỀM NĂNG KINH TẾ

Diện tích tự nhiên: 76 km<sup>2</sup>

Dân số: trên 4.000 người

Đơn vị hành chính: 9 khu tự quản

Thu nhập bình quân trên đầu người: 10,06%/năm

**C**ôn Đảo- mảnh đất liêng liêng của tổ quốc, nơi mà 113 năm được mệnh danh là "địa ngục của trần gian" qua hai cuộc chiến tranh Pháp và Mỹ đã chứng kiến bao tâm gương anh dũng hy sinh của các chiến sĩ cách mạng. Giờ đây, dưới sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, Côn Đảo đã trở thành địa phương có nền kinh tế phát triển ổn định, cơ sở hạ tầng ngày càng khang trang, góp phần đưa địa phương tiến nhanh hơn trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Huyện Côn Đảo có 16 hòn đảo nhỏ nằm trên Biển Đông, cách thành phố Vũng Tàu 185 km theo đường chim bay. Chúng ta có thể đến thăm quan nơi này qua các chuyến bay từ Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Vũng Tàu hoặc nếu muốn cảm nhận được những nét đẹp thiên nhiên của biển để thả hồn vào biển trời bao la thì nên đi tàu thủy. Tàu sẽ đến Côn Đảo vào lúc bình minh sau 15 giờ đồng hồ say "ngà nghiêng" cùng biển cả. Côn Đảo đã hiện trước mắt du khách với trùng trùng điệp điệp các hòn đảo xanh biếc giữa biển khơi. Khác xa với suy nghĩ của bất kỳ ai về một Côn Đảo của nhà tù, xà lim, của máu và những tâm gương bất tử của những anh hùng cách mạng. Côn Đảo giờ đây, sau gần 3 thập kỷ hoà bình, đã khoác lên mình chiếc áo thiên nhiên yên bình. Giữa những cảnh sắc kỳ thú của biển trời, đồi núi, rừng cây, bờ bãi là một cuộc sống kinh tế sôi động của một huyện đảo trù phú.



Đường giao thông Côn Đảo

## Huy động mọi nguồn lực phát triển kinh tế

Xe đưa du khách đi vào thị trấn Côn Đảo trên những con đường rải nhựa chạy dọc các chân núi, hai bên đường nhiều ngôi nhà mới đã được mọc lên bên cạnh những ngôi nhà cổ mang màu rêu phong với mái được nâng cấp cải tạo. Trong những năm gần đây, Trung ương, tỉnh và

các địa phương khác trong cả nước đã có sự ưu tiên đặc biệt đối với Côn Đảo với chiến lược xác định là xây dựng Côn Đảo thành một hòn đảo giàu và đẹp. Cho đến nay, Côn Đảo được đầu tư xây dựng khá bài bản và toàn diện, nhất là hệ thống hạ tầng xã hội. Chỉ tính trong vòng năm năm trở lại đây, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên

địa bàn đạt gần 300 tỷ đồng. Côn Đảo có hệ thống giao lưu liên hoàn khá hiện đại và khang trang bao gồm đường nội huyện, đường ven núi, đường kè ven biển.

Với hệ thống giao thông đó, các khu vực có ý nghĩa đặc biệt trong việc phát triển kinh tế của Côn Đảo được nối liền tạo thế liên hoàn hỗ trợ cho nhau trong quá trình phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Việc giao lưu đi lại giữa đất liền và huyện đảo này cũng đã được cải thiện đáng kể. Côn Đảo đang phát vỡ dần thế ngàn sông cách biển. Các chuyến bay từ Vũng Tàu ra Côn Đảo vẫn đều đặn đúng lịch trình. Và mới đây, ngoài việc cải tạo nâng cấp hai con tàu: Côn Đảo 04, Côn Đảo 05, Côn Đảo đã được đầu tư thêm tàu chở khách số 09 và số 10 có sức chứa trên 250 hành khách và 30 tấn hàng hoá. Ngoài ra các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đã bắt đầu phát triển. Hiện tại Côn Đảo có 3 khách sạn với 50 phòng để nghỉ phục vụ khách.

Cảng Bến Đầm - công trình trọng điểm của Bộ Thủy sản thuộc nhóm công trình khôi phục cơ sở hạ tầng nghề cá ở Việt Nam với tổng vốn đầu tư dự án là 5 triệu USD, đã hoàn thiện xong giai đoạn 1 và bắt đầu phát huy hiệu quả. Đến nay hệ thống dịch vụ tại cảng đã bắt đầu phát triển. Nước sạch, dầu, các hàng nhu cầu yếu phẩm ở đây đáp ứng được nhu cầu cho những tàu đánh bắt xa bờ của bà con ngư dân.

Người dân ở Côn Đảo cũng rất sôi động trong lâm kinh tế. Các hộ gia đình được vay vốn để phát triển sản xuất lâm dịch vụ và khai thác hải sản. Hiện tại, Côn Đảo có 41 tàu đánh bắt thủy sản trong đó có 3 tàu đánh bắt xa bờ. Hình thành hai doanh nghiệp tư nhân đầu tư nuôi cá mú thương phẩm trên diện tích 18.000 m<sup>2</sup> và một doanh nghiệp nuôi ngọc trai có 100% vốn đầu tư

nước ngoài đang trong giai đoạn nuôi thử nghiệm. Các hoạt động trên đã thúc đẩy chuyển đổi phương thức khai thác hải sản của các thành phần kinh tế, góp phần ổn định đời sống nhân dân địa phương. Chỉ tính riêng 2002, giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 7.614 triệu đồng, sản lượng thực hiện đạt 1.644 tấn.

Việc đầu tư hệ thống đường giao thông, cảng biển, cơ sở dịch vụ du lịch đã mở ra khả năng mới cho Côn Đảo phát triển lĩnh vực dịch vụ. Hiện nay, dịch vụ phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chiều sâu, trong đó dịch vụ hậu cần nghề cá và dịch vụ du lịch đã và đang là ngành kinh tế đem lại nhiều triển vọng mới. Khách du lịch đến thăm quan Côn Đảo ngày càng đông. Lượng tàu thuyền cập cảng Côn Đảo ngày càng nhiều. Trong tương lai không xa, khi hệ thống cảng dịch vụ bao gồm: kho lạnh, nhà máy chế biến, chợ hải sản... được xây dựng hoàn chỉnh thì cảng Bến Đầm sẽ trở thành một trung tâm dịch vụ lớn của ngành đánh bắt hải sản. Hệ thống cung cấp nước ngọt đã về đến cầu cảng Bến Đầm. Đây thật sự là căn cứ hậu cần nghề cá có sức thuyết phục với những khách hàng chính phục biển khơi.

Theo ông Hà Phước Ninh, Chủ tịch huyện Côn Đảo, nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 1992 - 2002 của huyện bình quân đạt 37,02%. GDP bình quân đầu người tăng hàng năm là 10,06%, từ mức bình quân đầu người là 409 USD của năm 1992, đến năm 2002 đã đạt 540 USD. Đến nay cơ cấu kinh tế của huyện đã hình thành và từng bước phát triển vững chắc, theo định hướng "dịch vụ- công nghiệp", nhịp độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Ngành kinh tế thương mại, dịch vụ phát triển nhanh, mức doanh thu hiện nay tăng gấp 1,7 lần năm 1996. Bên cạnh đó, ngành

công nghiệp cũng có bước phát triển mạnh, tăng bình quân mỗi năm 49,72%.

Hoạt động dịch vụ cũng sôi động hẳn lên. Chợ trung tâm huyện đổi mới hàng hoá, tập nập kẻ mua người bán. Hệ thống khách sạn của Công ty Sài Gòn Tourist, ATC. Phi Yến đã đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng, tắm biển của hàng ngàn lượt du khách trong và ngoài nước. Ngoài ra, mạng thông tin liên lạc của đảo ngày càng được hiện đại hoá. Ngoài tổng đài điện tử, truyền dẫn viba số, đảo đã có trạm thông tin mặt đất VSAT đảm bảo liên lạc thông suốt với đất liền. Mạng điện thoại của đảo đã hoà mạng trong nước và quốc tế, bình quân cứ 100 dân có 25 máy điện thoại. Hệ thống loa truyền thanh, hệ thống tiếp hình đảm bảo tiếp và phát sóng các kênh của trung ương và địa phương. Hiện tại, trên đảo có nhà máy điện công suất 500 kW và nhà máy nước công suất 2000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đáp ứng đủ nhu cầu điện nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho gần 1.500 hộ dân.

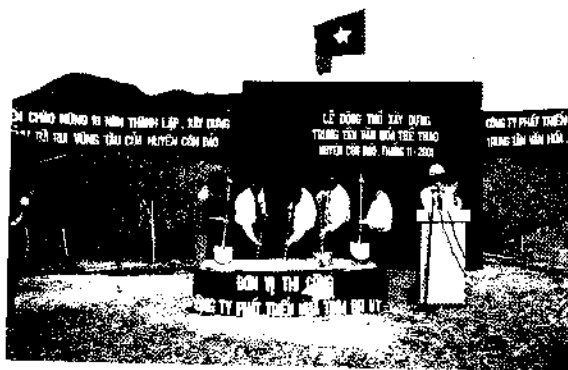
Như được tiếp thêm sức lực, sự chuyển động của Côn Đảo ngày càng mạnh và được thể hiện khá sinh động. Nhiều dự án lớn như nhà máy điện An Hội, công suất 3000 kW khi hoàn thành sẽ tăng cường nguồn điện lớn cho Côn Đảo, khách sạn công đoàn trị giá hàng chục tỷ đồng đang được các đơn vị khẩn trương hoàn thành. Nhiều công trình khác như: cải tạo đường nội thị, thư viện, nhà công vụ, trạm xử lý rác, mở rộng và kéo dài cầu cấp mạn cảng Côn Đảo - Vũng Tàu cũng đang được triển khai về mặt thủ tục. Trước mắt Côn Đảo đang dần hoàn thiện quy hoạch tổng thể về vận chuyển hành khách, hàng hoá bằng đường biển và hàng không, các cơ sở hậu cần nghề cá, phần đầu xây dựng Côn Đảo thành một thương cảng, trung tâm dịch vụ

và trung tâm du lịch đầy hấp dẫn.

**Đời sống xã hội ngày càng đổi thay**

Côn Đảo đã có sự thay đổi hết sức to lớn, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Trên 30% số hộ có nhà xây, bình quân cứ 3 hộ có 1 tivi, 17 máy điện thoại/100 dân. Tất cả các đảo gần xa đều được đảm bảo ánh sáng bằng máy phát điện hoặc năng lượng mặt trời. Thông tin liên lạc đã thông suốt, kể cả các tàu, thuyền vận tải hành khách và hàng hoá đang tham gia hành trình trên biển. Côn Đảo là địa phương duy nhất của tỉnh đảm bảo được nguồn nước sạch cho 100% hộ dân. Các lĩnh vực y tế, giáo dục đều có bước tiến đáng kể. Hệ thống trường lớp ngày càng khang trang, sạch đẹp tạo điều kiện tốt hơn để thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo ngay trên địa bàn.

Theo số liệu thống kê, hiện nay Côn Đảo đã có hơn 10.000 m<sup>2</sup> nhà ở mới được xây dựng, hàng ngàn mét vuông thoát nước, hàng ngàn mét vuông vỉa hè được kiến tạo. Ngoài ra hệ thống trường học, nhà trẻ cũng được đầu tư thỏa đáng. Trường Mẫu giáo mầm non Hướng Dương, Trường Tiểu học Cao Vạn Ngọc và trường cấp 2,3 Võ Thị Sáu có 34 phòng học với vốn đầu tư 8 tỷ đồng đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện nay huyện cũng đã thực hiện xong chương trình phổ cập trung học cơ sở. Các thiết kế văn hoá từ cơ sở đến cấp huyện không ngừng được phát triển, góp phần tạo những tiền đề cần thiết để



*Lễ động thổ xây dựng Trung Tâm văn hóa thể thao*

đến ngày 30-4-2002 Côn Đảo trở thành huyện văn hoá đầu tiên của tỉnh.

Những thay đổi ở Côn Đảo trong thời gian vừa qua đã và đang tạo dựng những bước phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn, bởi vì một nền tảng căn bản đang được hình thành trên vùng đất đầy tiềm năng và có sức hút lòng người này.

**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA HUYỆN ĐẾN NĂM 2010**

- I. Kinh tế**
- 1. Nông lâm thủy sản:**
  - Đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản nước ngọt bình quân hàng năm là 10,48%/năm (trong đó trồng trọt tăng 14,96%, chăn nuôi tăng 8,89% và thủy sản tăng 4,28%)
  - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp là trồng trọt chiếm 60,88%, chăn nuôi: 32,73%, thủy sản: 6,39%.
- 2. Du lịch:**
  - Nâng cao mức tăng trưởng, số lượng và chất lượng các hoạt động kinh doanh du lịch, phấn đấu đến năm 2005 tiếp đón 40.000 lượt khách du lịch trong và ngoài nước.
- 3. Công nghiệp:**
  - Phát triển khu công nghiệp Bến Đám; Thành lập Ban quản lý khu công nghiệp Bến Đám, có chính sách hỗ trợ vốn, cung cấp thông tin thị trường cho các doanh nghiệp.
- 4. Thương mại - Dịch vụ:**
  - Phấn đấu tỷ trọng dịch vụ thương mại trong cơ cấu kinh tế của huyện sẽ chiếm 65,91%.
- II. Văn hoá - Xã hội**
- 1. Giáo dục- đào tạo:** tiến tới phổ cập giáo dục trung học phổ thông trong giai đoạn từ năm 2005 - 2010.
- 2. Quản lý di tích cách mạng:** phấn đấu tăng từ 10 - 20% lượng khách tham quan hàng năm
- 3. Thể thao:** tăng tỷ lệ số người dân luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.
- 4. Văn hóa thông tin:** tăng mức hưởng thu văn hoá lên 18 lần/người/năm
- 5. Chính sách xã hội:** đến năm 2005 cơ bản xoá nghèo cho các hộ dân, phấn đấu hàng năm giải quyết việc làm cho 150 lao động trong độ tuổi và đến năm 2010 trên 90% số người trong độ tuổi có việc làm ổn định.
- 6. Y tế:** dự kiến đến năm 2010 sẽ có 50% cán bộ Trung tâm Y tế huyện có trình độ đại học.

# CON DAO-INSPIRING THE POTENTIAL IN ECONOMY

Natural area: 76 square kilometre

Population: trên 4.000 people

Unit administration: 9 self management zone

Average annual income per one person: 10,06%/year

**C**on Dao-the sacred region of the nation, which is known as a "hell in the world" during 113 years of two revolutions against the French and the Americans, it is the witness of how many the brave sacrifice for the fatherland of the communist soldiers. Nowadays, under the special concern of the Party and the State, the new potentials, new living force are gradually boosting Con Dao quickly on the road of industrialization and modernization.

Con Dao has 16 small islands in the East sea far from the Vung Tau city 185 km on bird road, we can pay a visit to this play through the flight between Ho Chi Minh City and Vung Tau, otherwise, if you would like to deep yourselves in the natural beauty and immensity of sea, it's better for you to travel by ship. After 15-hour bobbing and floating on the middle river in the latest days of the spring, the ship moored in the sunrise, Con Dao appeared in front of my eye as a group of very derelict and blue islands on the high sea. Completely different from my knowledge of Con Dao as a place full of crime and the sacrifices, today it is coated by a passionate peaceful nature with many heritage sceneries of sky, mountains, forestry.

## All resources mobilized in economic development

Driving the car to Con Dao town, on two sides the asphalted roads surrounding the mountain-

bottom, I have seen many newly built houses as well as the ancient ones full of green moss, which has been improved and ameliorated. The exchange with the local leader let me know that during the recent years, the National, Provincial as well as other Regional authorities put the sustainable priority into the aim of creating Con Dao to be beautiful and rich. In order to put this determination in the practice, the

social infrastructure in Con Dao is the most Con Dao has invested principally and perfectly in the construction of social infrastructure has attired almost the investment capital in purpose of the best perfection. Only during two recent years, total capital is exposed to the infrastructure construction reach the record of VND 300 billions. Traffic system in Con Dao continuous, modern and spacious with the elistic internal



Con Dao National Park

moutaindis and embankment roads. In such traffic system, the significant areas were interconnected creating an interrupted terrain, which modified each other in the growth process for current period as well as the permanence. Another outstanding point in development of Con Dao is the thorough communication between inland and island is remarkably innovated. Con Dao has eliminated the isolation due to the traffic matters. All the fights from Vung Tau to Con Dao have been always in the proper schedule. Currently, apart from the innovation for two ship named Con Dao 04 and Con Dao 05, Con Dao has invested more in the passenger ship no 09 and 10, with the capacity over 250 persons and 30 tones of goods. At present, Con Dao has three hotels with 50 rooms available for serving passengers, beyond some business services newly begin to join hand in tourist sector.

Thanks to the program of recovering the infrastructure for Vietnam's fisheries, Ben Dam harbour is invested with registered capital 5 millions USD, the 1st period showed its fruitful result. So far, the service system at the port is promoted. The pure water, oil and article of daily necessities are partly responded the inquiries of the catching boat for long-day offshore fishing.

Nowadays, the Con Dao citizens become more interested in business. The households have been lent millions of VND, according the development program on manufacturing, service and catching. Up to now, many households are found independent on provisions as a whole and especially the food, even get the

redundancy to sell on the market. The seafood has attained a giant growth. Con Dao has 41 ships for catching, three of which for offshore fishing. Furthermore, there are two private enterprises widened their trading in bringing up groupers as a business over the surface of 18.000 m<sup>2</sup>. One fully foreign owned enterprise rearing the pearls is in the experiment period. These activities have accelerated the change in catching-method of many economic sectors, contributing to stabilize the life of local habitant. Only in 2002, the manufacturing rate obtained VND 7,614 millions; the real productivity gets 1,644 tons.

The investment in traffic system, sea harbor, tourist service has brought up the new-fangled prospective for development in service economy. Currently, the service economy has developed considerably both in depth and width, among those, the logistic of fisheries and service tourist are the most promising sectors. More and more tourists come to visit Con Dao. A number of mooring ships increase days by days. In very near future, when the service system have full operation, such as: cold warehouse, the factory, seafood market, etc... Ben Dam harbor will become a huge centre of fisheries. Only the fresh water system as well as some simple service: oil supply, ice water and fresh water, Ben Dam harbour has been more acquainted with the offshore catching ship group. It's really a persuasive logistics for the marine conqueror.

According to Mr. Ha Phuoc Ninh, the president of Con Dao district, There is a strong progress in mobilizing and exploring the resources. The average rhythm of

economic growth in the period 1992-2002 is 37.02%. GDP per capita augment annually 10.06%, from USD 409 in 1992, to USD 540 in 2002. So far, the economic mechanism in the region has been gradually established and stably developed towards the direction: "service-industry", the development tempo next year is higher than that of current year. The sector "trading-service" has seen a rapid growth, the present income is 1.7 times more than in 1996. Besides, the industry sector also obtained a dramatic promotion, increasing annually 49.72%.

The activities in service sector turn noticeable eventful. The central market is flooded by commodities as well as the buyer and the seller. The hotel-system of Sai Gon Tourist, ATC, Phi Yen have answered the demand of being retired, bathing for thousands of foreign and domestic customers. In addition, the communication network in island is more and more modernized. Beyond the electric server, digital microwave transmission, island has VAST (station terrain) in order to assure the thorough communication with inland. The telephone network in island has integrated in local and worldwide net, there are around 25 telephones per every 100 citizens. The broadcast system on radio and television assures the receipt and transmission continuously from the central and local post to the population and tourist with useful and fascinating information as mental provisions. Actually, with a 500 kW-power-station and 2000 m<sup>3</sup> - water supplier, the island has responded sufficiently the living and manufacturing demand for 1,500 households.

Being added by more energy, the motivation of Con Dao becomes clearer, appearing quite eventfully. Many significant projects such as power station An Hoi with 3000 kW capacity will be huge power sources for Con Dao when it goes into full operation. In addition, labour union hotel worth of tens of billions dong is on the road to final step. Many other constructions like: ameliorating the domestic streets, library, assignment house, rubbish treatment post, the coastal bridge at the harbor Con Dao - Vung Tau is being deployed in the formal pas. Con Dao gradually improve general program on passenger and goods transportation by airplane and ship, the logistic services of fisheries endeavour to coat on Con Dao a new appearance: a trading port, a centre service, a tourist site full of excitements.

### Changing social life

Con Dao has experienced a quite significant improvement, the sentimental and material life of the population support a remarkable difference: Over 30% houses made of cement, 1 television per 3 households, and 17 telephones per each 100 dwellers for average figure; all near and far island are supplied uninterruptedly by generators or solar power. The communication among the ships (passenger or commodities ones) is thorough despite of being traveling. Con Dao, the unique area in the province, is able to guarantee pure water for whole population. The health and education branch also get the fruitful result. The educational infrastructure is more and more beautiful and comfortable in order to fulfill its own development mission on training and educational sector.

Based on the statistic, at

present, Con Dao has over 10000 m<sup>2</sup> for newly built apartments; hundreds of meters for draining water and hundreds of square meters of pavement have been recreated. The kindergartens are also satisfactorily invested. Huong Duong kindergarten, Cao Van Ngoc primary school, and junior and senior high school Vo Thi Sau with 34 classrooms accounting for 8 billions are finished and put into operation. Currently, the district also completed the compulsory education for primary school. All cultural designs from the grass-roots level to provincial one is continuously promoted, disposing the premises for Con Dao to be the 1st cultural district of whole province on 30th April 2002

The alternation of Con Dao were and were about to creating the giant and stable advance due to the simple foundation established on the prospective and attractive region.

## TARGET FOR ECONOMIC DEVELOPMENT OF THE DISTRICT UP TO 2010

### I. Economy

#### 1. Agriculture-forestry-fisheries

-Gaining the annual rhythm of rate on agriculture and aquaculture in fresh water: 10,48% (in which increasing on agriculture 14,96%, rearing 8,89%, aquaculture 4,28%).

-Mechanism transpose in agricultural manufacture: agriculture 60,88%, rearing: 32,73%, aqua product: 6,39%.

2. **Tourist:** Augmenting growth level, quantity as well as quality on business activity such as tourist sector, etc.. Endeavoring to welcome totally 40,000 domestic and foreign visitors until the end 2005.

3. **Industry:** developing the industrial zone: Ben Dam; founding the management department for industrial zone Ben Dam with the purpose of supporting timely in capital and capital

4. **Business-Service:** fixing the target for trading service: 65,91% in the provincial economy.

### II. Culture-Society

1. **Education-Training:** approaching to compulsory education for senior high school during the period 2005 - 2010.

2. **Revolutionary vestige management:** striving to increase the annual visitors from 10 to 20%

3. **Sport:** Increasing proportionally according to the number of inhabitants practicing sport

4. **Culture and information:** Raising the frequency for coming in for culture 18 times/one person/year.

5. **Social policy:** Up to 2005, eradicating basically for the poor households, settle the 150 employments for the ones at labour age. Hoping 90% labour force having jobs in 2020

6. **Health:** Anticipating that 50% staff of Provincial Health Center have the academic standard equal university level

## HUYỆN TÂN THÀNH

# CỬA NGÕ CỦA VÀNH ĐAI CÔNG NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Diện tích tự nhiên: 341,52 km<sup>2</sup>

Dân số: hơn 92.000 người

Đơn vị hành chính: 8 xã và thị trấn Phú Mỹ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 20%/năm 2002

GDP bình quân đầu người: 490 USD/ người/ năm

**T**rong tương lai, các khu công nghiệp sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện phát triển, phát huy tối đa nền kinh tế địa phương thoát khỏi cảnh thuần nông. Với ưu thế về vị trí địa lý, thế mạnh về công nghiệp - dịch vụ thương mại, huyện Tân Thành đã trở thành một trong ba địa phương có nền công nghiệp phát triển mạnh nhất ở tỉnh.

Tân Thành được thành lập theo Nghị định 45/CP ngày 2 - 6 - 1994 của Chính phủ. Nằm trong địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, phía bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía đông giáp huyện Châu Đức, phía tây nam giáp huyện Cấn Giời (Thành phố Hồ Chí Minh) và thành phố Vũng Tàu. Là một huyện cửa ngõ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, huyện nằm trên quốc lộ 51 tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, gần cảng Sài Gòn, cảng biển Vũng Tàu và trong tương lai có đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu.

Ngoài những thuận lợi về vị trí địa lý, huyện Tân Thành có những điều kiện đất đai tương đối thuận lợi so với nhiều huyện khác. Diện tích đất có khả năng phát triển công nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp và đô thị tương đối nhiều, ít ảnh hưởng đến đất nông nghiệp và đất lúa. Vì thế Tân Thành đã trở thành một địa chỉ hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến



*Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện*

đây làm ăn và là địa bàn sôi động trong phát triển công nghiệp cũng như xây dựng cơ bản. Những năm qua, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tân Thành cùng với thành phố Vũng Tàu và thị xã Bà Rịa đã trở thành một trong 3 địa

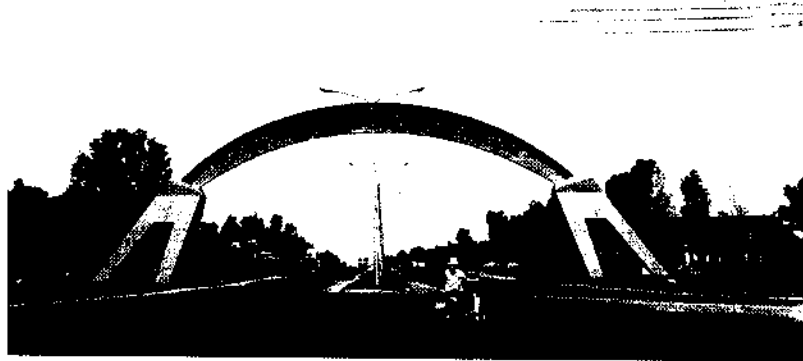
phương tập trung phát triển công nghiệp của tỉnh.

### **Thành công nhờ chuyển đổi theo hướng công nghiệp hoá**

Trước năm 1994, Tân Thành chỉ là địa bàn của các xã vùng ven huyện Châu Thành cũ với hơn

74.000 dân chủ yếu sống bằng nghề nông. Đời sống ngày ấy tưởng như không bao giờ thoát khỏi nỗi lo "com áo gạo tiền". Tỷ trọng công nghiệp chỉ chiếm 2,43%, nông nghiệp gần 21% còn lại là dịch vụ, thu nhập bình quân đầu người chỉ 90 USD/người/năm. Thế nhưng, với những chủ trương và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội một cách đúng hướng nhằm thực hiện phát triển địa phương, cơ cấu kinh tế của huyện được xác định là công nghiệp - thương mại - dịch vụ và nông nghiệp. Huyện Tân Thành đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trên các lĩnh vực trọng điểm, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Với địa thế thuận lợi cùng sự hình thành các khu công nghiệp tập trung đã tạo cho công nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng yếu và lớn nhất của huyện Tân Thành, chiếm tới 75% giá trị toàn ngành kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt xấp xỉ 22%. Tính đến năm 2002, huyện đã có 5 khu công nghiệp tập trung bao gồm các khu công nghiệp: Mỹ Xuân A1, Mỹ Xuân A2, Mỹ Xuân B1, Phú Mỹ 1, Cái Mép. Cụm cảng dịch vụ tổng hợp ven sông Thị Vải đang được xây dựng sẽ có khả năng tiếp nhận tàu từ 5 - 6 vạn tấn với tổng diện tích 3.374ha. Trên địa bàn hiện có 50 dự án đầu tư được cấp giấy phép với tổng vốn đầu tư trên 3,5 tỷ USD, đã có 18 dự án đi vào sản xuất kinh doanh với doanh thu trên 743 triệu USD, nộp ngân sách 55,2 triệu USD trong năm 2002. Đáng chú ý có một số dự án lớn như Nhà máy Cán thép Vina Kyoel, Nhà máy Phân bón NPK Baconco, Nhà máy Gạch men Mỹ Đức, Kho cảng của Công ty Chế biến sản phẩm khí LPG, Cụm Nhiệt điện Phú Mỹ ...



*Khu công nghiệp Phú Mỹ*

Hiện nay, các khu công nghiệp tập trung đã thu hút hơn 4.000 lao động trong đó lao động địa phương chiếm đến 50% góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Bất nhịp cùng guồng máy công nghiệp, hàng loạt các dự án, các nhà máy nằm ngoài khu công nghiệp đã và đang được triển khai đầu tư xây dựng cung cấp nhiều sản phẩm có giá trị phục vụ tốt cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu như Nhà máy Gạch ngói Mỹ Xuân, Nhà máy Nước ngầm Mỹ Xuân, các xí nghiệp khai thác đá... Bên cạnh đó, địa phương hiện có 661 cơ sở sản xuất tại địa phương vào năm 2002 so với 235 cơ sở năm 1994. Giá trị sản lượng sản phẩm tập trung chủ yếu ở các ngành chế biến nông sản, khai thác sản xuất vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, lắp ráp điện tử, may mặc... Do đó, năm 2002 giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt 189,3

tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2001 và chiếm tỷ trọng hơn 38% tổng sản phẩm xã hội.

Hoạt động thương mại, dịch vụ của huyện luôn ở mức tăng trưởng bình quân hàng năm trên 25%, riêng năm 2002 tăng 30,31%. Hiện nay, trên địa bàn có 3.153 cơ sở hàng hóa, thương mại, dịch vụ với tổng doanh thu đạt được 509,3 tỷ đồng. Với tình hình thị trường khá ổn định, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa lớn làm cho hoạt động thương mại trở nên rất sôi động và là thành phần thứ hai đóng góp vào sự phát triển kinh tế huyện. Năm 2002 vừa qua, huyện đã hoàn thành xây dựng chợ Hắc Dịch, chợ Tóc Tiên với tổng số vốn lên 3,7 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu giao dịch hàng hóa trong xã hội.

Trồng trọt, chăn nuôi và đánh bắt hải sản là những ngành nghề chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp của huyện Tân Thành. Những năm

**Giá trị sản lượng các ngành kinh tế**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: Tỷ đồng (Tính theo giá cố định)		
	1998	2000	2002
Công nghiệp - TTCN	1.244	1.823	7.930
Dịch vụ	102	245	509
Nông nghiệp	83	118	280

gần đây diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm do chuyển dịch đất sang công nghiệp và thổ cư. Tuy nhiên huyện lại có hướng chú trọng tăng về chiều sâu bằng cách thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và giống vật nuôi: áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao giá trị kinh tế, phát triển mô hình kinh tế trang trại mạnh trên địa bàn. Trong tương lai gần, Tân Thành sẽ không còn cây lúa mà thay vào đó là những vùng chuyên canh rau sạch và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản phục vụ các khu công nghiệp và các tỉnh lân cận.

Nhờ chuyển dịch cơ cấu đúng hướng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nên tuy xuất phát điểm là một huyện nông nghiệp có những hạn chế nhất định nhưng Tân Thành đã đạt được những thành tựu to lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt bậc với mức bình quân hàng năm từ 20% - 22%. Ông Trần Thanh Bình, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Tân Thành khẳng định: "Không thể để những khó khăn làm giảm tốc độ tăng trưởng của huyện". Đúng vậy, mặc dù có nhiều lợi thế phát triển nhưng trước đây Tân Thành là huyện thuần nông nên vẫn còn nhiều khó khăn như tổ chức bộ máy hoàn toàn mới, tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, đặc biệt là tình trạng di dân tự do tăng nhanh đang trở thành vấn đề xã hội khá phức tạp đòi hỏi phải có biện pháp giải quyết.

### **Hoàn thiện các mặt xã hội để tiếp tục phát triển**

Công nghiệp như con ốc cuốn theo sự phát triển của các hệ thống cơ sở hạ tầng như đường, điện, trường, chợ... Riêng năm 2002 huyện đã đầu tư 52 tỷ đồng cho xây dựng cơ bản và 9 tỷ đồng cho 50 công trình giao thông nông thôn, chỉnh trang đô thị tập trung ở thị

trấn Phú Mỹ, khu dân cư Ngọc Hà. Đến nay, bộ mặt nông thôn huyện đang có sự thay đổi mạnh mẽ. Con đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao đã vinh dự đón nhận là con đường đẹp nhất Việt Nam do Bộ Giao Thông Vận Tải chứng nhận năm 2001. Cùng với các công tác quy hoạch đô thị mới, quy hoạch cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, trong tương lai Tân Thành hứa hẹn sẽ sớm trở thành một thành phố công nghiệp.

Sự nghiệp giáo dục có nhiều tiến bộ cả về qui mô và chất lượng, toàn huyện có 8/8 xã, thị trấn đã phổ cập giáo dục trung học cơ sở, huyện được công nhận hoàn thành công tác phổ cập trung học cơ sở. Toàn huyện có hơn 40 trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mẫu giáo cũng được nâng cấp, xây dựng khang trang kịp thời đáp ứng nhu cầu học tập cho con em huyện nhà. Các chương trình quốc gia về y tế đạt kết quả 95%, huyện đã đầu tư xây dựng, sửa chữa các trạm y tế của các xã với tổng số vốn đầu tư hơn 12 tỷ đồng đã đi vào hoạt động. Hiện nay, 8/8 xã thị trấn của Tân Thành đã có trạm y tế và 100% trạm xá đã có bác sĩ trực tiếp điều trị. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được thực hiện tốt, các thiết chế văn hóa cơ sở được chú ý quy hoạch và đầu tư xây dựng. Tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 17%, tỷ lệ các hộ sử dụng điện đạt 90,6% trên địa bàn, nâng mức hưởng thụ

văn hóa của người dân đạt 19,5% lần/người/năm và giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 4,93%.

Tích cực phát huy mọi tiềm năng nguồn lực để thúc đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa. Huyện đang tiếp tục hoàn thiện cơ cấu kinh tế, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp với các mục tiêu phát triển chủ yếu của Tân Thành đến năm 2005 là phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng GDP hàng năm 19% (theo giá 1994). Trong đó công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo có mức tăng trưởng bình quân hàng năm 20% - 25%, đến năm 2005 tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 237,856 tỷ đồng; chú trọng khai thác có hiệu quả các nguồn lực và tạo điều kiện để thu hút vốn đầu tư khép kín các khu công nghiệp đã cấp phép, khuyến khích phát triển công nghiệp sạch. Tiểu thủ công nghiệp phát triển nhằm vào các ngành truyền thống địa phương, góp phần tăng sản xuất xã hội và giải quyết việc làm. Quy hoạch và hình thành các khu dân cư mới, đẩy mạnh tốc độ phát triển đô thị hóa ở các xã, thị trấn gắn vào việc thực hiện công tác quản lý đô thị.

Tiến tới năm 2020, Tân Thành sẽ trở thành một đô thị mới, giữ vai trò là trung tâm công nghiệp, cảng, dịch vụ, du lịch và là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. ■

### **Chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu đến năm 2005**

Chỉ tiêu	Nguồn: UBND huyện Tân Thành	
	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm (%)	
Tốc độ tăng bình quân hàng năm	19	
Giá trị sản xuất công nghiệp	19	
Giá trị ngành dịch vụ - thương mại	24	
Giá trị sản xuất nông nghiệp	10	

## TAN THANH DISTRICT

# ENTRANCE OF THE LOCAL INDUSTRIAL RING

Natural area: 341.52 sq. kilometre

Population: over 92,000

Administrative division: 08 communes and the town of Phu My

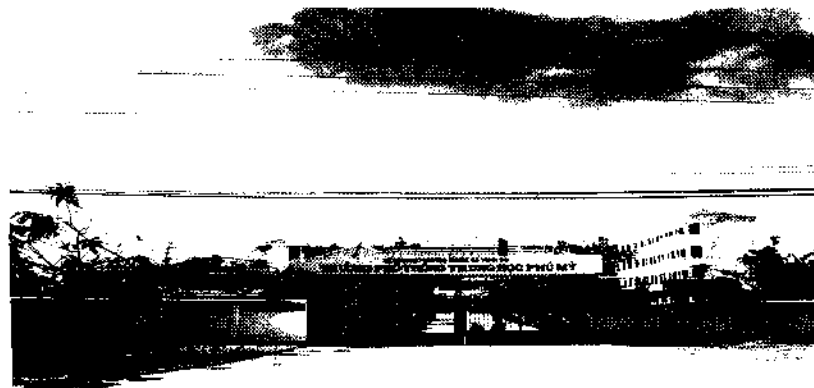
Economic growth rate in 2002: 20 percent

Per capita GDP: 490 USD per capita per annum

*In the future, industrial zones are likely to play an important role to enhance local industrial production and get the local economy out of pure agriculture. With favorable geographical conditions together with strength of industry, service and trade, Tan Thanh has become one of the 3 localities with the most powerful economy in the province.*

Tan Thanh was founded under Decree 45/CP of the Government June 2, 1994. The district is situated in the southern economic area, adjoining Dong Nai province to the North, Chau Duc district to the East, Can Gio district (Ho Chi Minh city) and Vung Tau city to the West. It is also an entrance district to Ba Ria-Vung Tau province, situated on National Highway No 51 (Ho Chi Minh city-Vung Tau route), near Saigon and Vung Tau Ports with the rails-to-be connecting Ho Chi Minh city with Vung Tau.

Apart from favorable geographical conditions, Tan Thanh is also endowed with better land conditions as compared to other districts. There are many land areas for the development of industry, construction of industrial and urban zones with less effects on cultivated land. Therefore, Tan Thanh has attracted foreign and domestic investors and become an active locality for industrial development and capital construction. Over the



*Phu My High School*

past years, implementing strategy for socio-economic development of Ba Ria Vung Tau province, Tan Thanh along with Vung Tau city and Ba Ria town has become one of the 3 localities of the province concentrating on industrial development.

### **Industrialization-based success**

In 1994, Tan Thanh included several villages of the former district of Chau Thanh with a popu-

lation of 74,000 people mainly earning their lives with agriculture. It seemed that they could not escape the concern about "basic material demand for daily life". The industrial proportion accounted for only 2.43 percent, agriculture 21 percent with the rest belonging to services; the income per capita stood at only 90USD per annum. However, with the advocacy and solution for socio-economic development in a sound direction to promote the local economy, the

district's economic structure was defined to be industry-trade-service and agriculture. In this way, Tan Thanh has recorded important achievements, bringing about dramatic changes in crucial fields, making contribution to economic growth rate.

With favorable geographical conditions and the erection of concentrated industrial zones, the industry has become the largest and the most crucial economic sector of the district, making up as far as 75 percent of the total economic value. The district's average economic growth rate has reached approximately 22 percent. By 2002, there had been 5 concentrated economic zones namely My Xuan A1, My Xuan A2, My Xuan B1, Phu My 1 and Cai Mep. The aggregate port complex on Thi Vai river currently under construction with the total area of 3,374 ha is likely to welcome ships with capacities of 50-60 thousands tons. In the district, there are currently 50 projects to which licenses have been granted with the total investment capital of 3.5 billion USD. Among those, 18 projects have been implemented with a turnover of more than USD 743 million with a contribution of USD 55.2 million to the budget in 2002. Remarkably there are such big projects as Vina Kyoel steel production factory, Baconco fertilizer factory, My Duc enameled tile Factory, port warehouse of LPG gas processing Corporation, Phu My thermo-electric power complex.

At present, the concentrated industrial zones are attracting more than 4,000 laborers, 50 percent of whom are local ones, making contribution to providing more jobs, and increasing income for laborers. With the industrial development, a series of projects and factories out-

side the industrial zone have been being invested and constructed such as My Xuan water supply factory, My Xuan ware supply factory, stone exploitation enterprises..., providing valuable products for consumption and export. Besides, the number of local production establishments increased from 235 in 1994 to 661 in 2002. The productivity value is generated mainly in agricultural products processing, exploitation and production of construction materials, mechanical handicraft, electronics assembly, garment manufacturing .... Therefore, the local production value of industry and small handicraft industry amounted to VND 189.3 billion in 2002, a 23.1 percent-increase against 2001 and accounted for more than 38 percent of the GDP.

The district's commercial and service activities often records an annual average growth rate of more than 25 percent, particularly 31 percent in 2002. At present, there are 3,153 commodity, trading and service establishments with the total revenue of VND 509.3 billion. With a fairly stable market and high commodity demand, commercial activities have become more active as the second economic sector with great contribution to economic development of the district. In 2002, the district completed the construction of Hac Dich and Toc Tien markets with a total investment capital of VND 3.7

### Values of economic sectors' outputs

*Unit: billion VND (fixed exchange rate)*

Quota	1998	2000	2002
Industry-small handicraft industry	1,244	1823	7930
Service	102	245	509
Agriculture	83	118	280

billion to meet the demand for social merchandise exchange.

Cultivation, animal husbandry and aqua-product netting also represent the major branches in agricultural production of Tan Thanh district. In recent years, the agricultural cultivated land area has decreased due to its change to industrial and residential area. However, the district has concentrated on intensive development by changing the structure of plants and breeds; applying scientific and technical advancement to production to enhance economic value and strongly develop the model of farm economy. In the near future, the areas for production of safe vegetable and raising of cattle, poultry and aqua-products in service of industrial zones in the neighboring provinces are likely to replace paddy fields.

Thanks to structural changes in a sound orientation, suitable to the local conditions, despite a low starting point of an agricultural district with certain disadvantages, Tan Thanh has made great achievements with a dramatic economic growth rate of 20-22 percent per annum. Mr. Tran Thanh Binh, chairman of Tan Thanh People's Committee, affirmed "It is impossible to accept an decrease in the economic growth rate of the district due to difficulties". As he said, though having advantages for development, Tan Thanh as a pure agricultural district had to face such

difficulties as a new organization of apparatus, increasing environmental pollution, especially free migration-the complicated social problems which needed to be settled.

**Perfecting social affairs for further development**

Industry as a whirlwind entails the development of infrastructure system such as roads, power stations, schools, markets. In 2002 only, the district invested 52 billion VND in capital construction and 9 billion VND into 50 rural communications projects and improvement of Phu My concentrated urban area and Ngoc Ha residential area. Up to now, the appearance of the rural areas in the district have seen dramatic changes. My Xuan - Ngai Giao road has been termed as the "Most beautiful road of Viet Nam" certified by the Ministry of Transportation and Communications. Along with the planning of new urban areas and industrial as well as small handicraft industrial complexes, Tan Thanh itself is likely to become an industrial city in the very near future.

The education in the district has made qualitative progress to a large scale. The district with 8/8 towns and villages has been recognized as the one which completed junior secondary compulsory education. In the whole district, 40 secondary, junior secondary and primary schools, and kindergartens have been constructed and upgraded, timely meeting the schooling demands of the local pupils. 95 percent of the national programs for healthcare in the district have been carried out successfully. The district has invested in the construction and repair of healthcare clinics in the



*Rural transportation in Tan Thanh District*

villages with the total capital of more than VND12 billion. At present, 8/8 towns and villages of Tan Thanh have their own health clinics with doctors for treatment. The propaganda for a cultural lifestyle in the district has been well implemented, local cultural grass-root institutions planned and invested in, the rate of people who regularly take part in physical and sport activities account for 17 percent; the rate of those who use electricity 90.6 percent and the annual times of gaining access to cultural activities amount to 19.5 times per capita and the rate of poor households has decreased to 4.93 percent.

With the renewed promotion of every resource to boost the development of industrialization and urbanization, the district continues to perfect its structures of economy, industry-small handicraft industry, trade, service and agriculture to achieve the major objective of recording an annual GDP of 19 percent (with the

money value of 1994) by 2005. Industry and small handicraft industry remain key economic sectors with annual growth rate of 20-25 percent. The industrial export turnover is likely to stand at VND 237.856 billion; attention will be paid to efficient exploitation of all resources and provision of favorable conditions for the attraction of investment capital in licensed industrial zones and encouragement of cleaner industry. Small handicraft industry has been developed basing on local traditional crafts, making contribution to higher social production and more job opportunities. Planning and establishment of new residential areas will be carried out, boosting the development of urbanization in villages and towns combined with good management of urban areas.

By 2002, Tan Thanh is bound to become a new urban area, play the central role of industry, ports, service and tourism, as well as communications in Ba Ria-Vung Tau. ■

<b>Major quota for growth rate up to 2005</b>	
<b>Quota</b>	<b>Annual average growth rate</b>
Annual average growth rate	19
Industrial production value	19
Service-trading value	24
Agricultural production value	10

## HUYỆN XUYỀN MỘC

# TẬP TRUNG ĐẦU TƯ, KHAI THÁC CÁC NGUỒN LỰC SẴN CÓ

Diện tích đất tự nhiên: 642,48 km<sup>2</sup>

Dân số: 120.991 người

Đơn vị hành chính: 11 xã và 1 thị trấn Phước Bửu

Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 12,66% (năm 2002)

Thu nhập bình quân đầu người: 364 USD

**N**ằm trong vùng được thiên nhiên ưu đãi với khí hậu nóng, ẩm quanh năm, địa hình gồm cả núi và biển rất thích hợp cho việc phát triển nông nghiệp, du lịch và nuôi trồng thủy sản. Trong những năm qua, bằng các chính sách đầu tư đúng hướng, huyện Xuyên Mộc đã biến các tiềm năng này thành hiện thực để phát triển kinh tế tỉnh nhà.

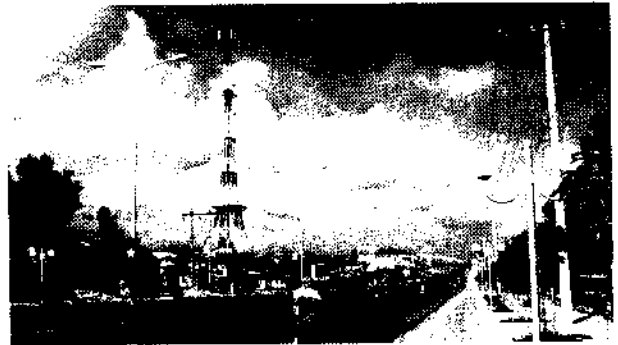
Từ Bà Rịa, đi theo quốc lộ 55, qua huyện Long Đất là đến địa phận huyện Xuyên Mộc. Ngày xưa, đây là vùng đất có truyền thống đánh giặc kiên cường bất khuất, là căn cứ địa cách mạng tiêu diệt địch ở hai thời kỳ kháng chiến chống giặc Pháp, Mỹ và cũng là nơi đứng chân của các cơ quan Trung ương, Tỉnh ủy trong suốt thời gian chỉ đạo kháng chiến. Chính vì vậy, Xuyên Mộc đã được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu lực lượng vũ trang trong thời chiến.

Ngày nay, huyện Xuyên Mộc lại được biết đến như một anh hùng trên mặt trận kinh tế. Nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, huyện Xuyên Mộc có địa giới hành chính tiếp giáp rất thuận lợi cho phát triển kinh tế về mọi mặt. Phía đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía bắc và tây bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía tây giáp huyện Châu Đức và Long Đất, phía nam giáp Biển Đông. Nói đến Xuyên Mộc là nói đến ba đặc điểm lớn cùng phát triển tương đồng với kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là nông nghiệp, thủy

hải sản và du lịch. Cơ cấu kinh tế huyện Xuyên Mộc được phát triển theo thể mạnh sẵn có, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, là ngành kinh tế mũi nhọn để huyện đi lên.

### Lấy nông nghiệp và thủy sản làm nền tảng phát triển

Trong 5 năm qua (1998 - 2002), nông nghiệp luôn là ngành kinh tế mũi nhọn trong phát triển kinh tế của huyện Xuyên Mộc. Với điều kiện thiên nhiên ưu đãi, nhiệt độ trung bình từ 26°C - 32°C, lượng mưa tương đối khá, Xuyên Mộc là địa bàn thuận lợi để phát triển rừng và trồng các loại cây ăn trái, cây công nghiệp cũng như trong chăn nuôi và công tác nuôi trồng thủy sản. Hàng năm, tổng giá trị sản lượng của ngành nông nghiệp đạt khá cao khoảng 365,4 tỷ đồng, trong đó ngành trồng trọt đạt 323,3



Đường giao thông tại Thị trấn Phước Bửu

tỷ đồng và chăn nuôi là 43,05 tỷ đồng. Theo số liệu quy hoạch dài hạn năm 2000, huyện Xuyên Mộc có diện tích đất tự nhiên là 64.248 ha, trong đó, diện tích đất lâm nghiệp hiện có của Xuyên Mộc là 14.757 ha với Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu 11.392 ha có nhiều loại động, thực vật quý hiếm. Chính tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp đã đưa Xuyên Mộc đi lên từ một huyện kinh tế còn nhiều khó khăn thành huyện có nhiều đóng góp vào sự phát triển chung của toàn tỉnh.

Về trồng trọt, vì là ngành giữ vai trò chính trong cơ cấu kinh tế

của huyện, có mức tăng trưởng khá cao 12,3%/năm nên Xuyên Mộc rất chú trọng đến việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, giống và áp dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Huyện đã quy hoạch và xác định tập đoàn cây trồng chủ yếu phù hợp với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng phù hợp với từng khu vực. Hiện nay, ở Xuyên Mộc có thể chia làm 2 tiểu vùng cây trồng, tiểu vùng phía Bắc - Tây Bắc của huyện (bao gồm các xã Hoà Hiệp, Bàu Lâm, Hoà Hưng, Hoà Hội, Hoà Bình) phần lớn là đất đỏ bazan nên tập trung vào phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, hồ tiêu, cà phê, điều và lập vườn cây trái đặc sản sầu riêng, nhãn, chôm chôm. Tiểu vùng trung tâm huyện (gồm các xã Xuyên Mộc, Phước Tân và thị trấn Phước Bửu), có điều kiện thuận lợi về đất đai, thủy lợi, giao thông để phát triển các loại cây màu lương thực, cây ăn trái và hiện nay cũng là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá của huyện.

Công tác dịch vụ như khuyến nông, bảo vệ thực vật, công tác giống, cải tạo vườn tạp được đầu tư mạnh mẽ đã tạo nên sự chuyển biến lớn về năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hoá. Điểm nổi bật về trồng trọt là cây công nghiệp dài ngày và cây ăn trái đều tăng về cả diện tích, năng suất và chất lượng. Nếu tổng diện tích năm 1998 là 19.553 ha thì đã tăng lên 22.753 ha vào năm 2002, trong đó, cây tiêu tăng từ 328 ha lên 1.258 ha, cây nhãn từ 945 ha lên 3.596 ha. Sản lượng lương thực cũng tăng từ 17.719 tấn lên 21.885 tấn. Đặc biệt, đến năm 2001, mô hình kinh tế trang trại ở huyện Xuyên Mộc được phát triển mạnh, có đến 225 trang trại sản xuất, trong đó các trang trại trồng cây lâu năm là 220, cây hàng năm là 5 trang trại. Những mô hình

trang trại này là cơ sở ban đầu quan trọng để xây dựng vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá tập trung tạo khối lượng lớn cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Về chăn nuôi, đàn gia súc gia cầm đạt tỷ lệ tăng trưởng cao, khoảng 1,4%/năm. Tuy mức tăng trưởng hàng năm còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, giá cả, sự biến động của thị trường nhưng nhìn chung ngành chăn nuôi của huyện ngày càng được phát triển. Đặc biệt là chất lượng đàn gia súc, gia cầm được cải tạo đáng kể qua các chương trình nạc hóa đàn heo, sinh hoá đàn bò. Tiêu biểu của chương trình này là việc triển khai dự án bò sữa và bò thịt qua việc bình tuyển 156 con bò nết ở 4 xã: Phước Tân, Phước Thuận, Xuyên Mộc và thị trấn Phước Bửu... Kết quả đã gieo cấy tinh được 56 con bò nết theo hướng sữa và 40 con bò nết theo hướng thịt. Bên cạnh đó, mô hình VAC và chăn nuôi khép kín ở huyện đã giúp bà con nông dân tận dụng thức ăn, xử lý chất thải trong chăn nuôi vườn ao chuồng. Theo đánh giá của các nhà chuyên môn thì đây là mô hình đạt kỹ thuật cao, giảm giá thành trong chăn nuôi.

Với bờ biển dài trên 32 km, phần lớn là các bãi cát thoải, không sâu nên rất thuận lợi về phát triển du lịch và đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản. Trong những năm qua, huyện Xuyên Mộc rất chú trọng đến việc khai thác hai thế mạnh này và trong tương lai, đây sẽ là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

Về thủy sản, mặc dù nguồn hải sản gần bờ ngày càng cạn kiệt nhưng các hộ khai thác tại huyện đã mạnh dạn bỏ vốn đầu tư các phương tiện đánh bắt. Tính đến năm 2002, toàn huyện có 632 chiếc ghe với công suất 15.827 CV, trong đó số ghe tàu đủ điều kiện đánh bắt xa bờ là 397 chiếc, được trang bị đầy đủ

các thiết bị tương đối hiện đại như máy bộ đàm, máy tắm ngư, máy định vị cùng các phương tiện đảm bảo hoạt động dài ngày trên biển. Vì vậy, sản lượng khai thác hải sản của huyện mỗi năm một tăng, bình quân là 12,6%/năm, riêng năm 2002 đạt 6.910 tấn.

Song song với việc khai thác, công tác nuôi trồng tại huyện có xu hướng phát triển mạnh, gia tăng về diện tích và chủng loại. Với các vùng chuyên canh nuôi trồng ở khu vực nước lợ đã và đang hình thành, thêm vào đó là sự đầu tư về vốn, khoa học kỹ thuật, lao động nên các khu vực nuôi tôm bán thâm canh đạt được hiệu quả cao. Toàn huyện có khoảng 52 ha nuôi tôm bán thâm canh và thâm canh, trong đó, xã Phước Thuận có 47 ha với 2 vụ nuôi/năm. Năm 2002, trên địa bàn huyện đã xuất hiện nhiều mô hình nuôi cá nước ngọt như cá lóc, ba ba, cá sấu, cá tra... đạt kết quả tốt ở các xã Phước Thuận, Phước Tân, Bưng Riềng, Hoà Hội, có hộ nuôi cá lóc đạt năng suất từ 7 tấn đến 12 tấn/ha. Ngoài ra, huyện còn có 10 trang trại nuôi tôm giống tại xã Phước Thuận, năm 2002 đã sản xuất được khoảng 165 triệu con giống P.15. Với khả năng này, các trại giống sẽ đủ khả năng cấp giống cho khu vực nuôi tôm của huyện cũng như xuất bán ra các huyện khác.

### **Tăng trưởng từ ngành kinh tế - xã hội khác**

Cùng với sự phát triển ngành công nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng có mức tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất năm 2002 đạt gần 110 tỷ. Trước kia, ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện phát triển kém, manh mún có tính chất gia đình thì đến nay đã phát triển mạnh nhờ biết tập trung các nguồn vốn của Trung ương và địa phương, xây dựng các

cơ sở hạ tầng đảm bảo cho phục vụ sản xuất, cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm.

Để hỗ trợ cho các ngành kinh tế phát triển, huyện Xuyên Mộc đã tiến hành đổi mới hoạt động của hệ thống ngân hàng từ chỗ chỉ có 1 trung tâm giao dịch đến nay đã lên 7 điểm giao dịch. Nguồn vốn huy động tại địa phương ngày một tăng, từ 2,4 tỷ lên 25 tỷ, đã giúp cho hàng ngàn hộ thoát nghèo, nhiều hộ trở nên giàu có, thu nhập trên 100 triệu đồng/năm.

Về du lịch, với địa bàn bán sơn địa thoải ra Biển Đông, bao gồm các địa bàn bát úp, lượn sóng và một số đỉnh núi Ngọc nhô ra biển, những dãy rừng tự nhiên ... đã tạo cho Xuyên Mộc có một cảnh quan thiên nhiên kỳ thú về du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng, tham quan bảo tồn thiên nhiên. Các điểm du lịch trên biển, các khu vui chơi giải trí như Suối Nước nóng Bình Châu, Hồ Cốc, Hồ Tràm ... ngày càng được đầu tư, nâng cấp để thu hút khách du lịch bốn phương. Trong năm 2002, riêng Khu du lịch nước nóng Bình Châu đã được đầu tư trên 10 tỷ đồng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các tuyến đường ven biển để phục vụ tối hơn cho ngành du lịch cũng như kêu gọi các nhà đầu tư vào triển khai các dự án lớn cho ngành. Các khu bảo tồn động vật hoang dã trong các rừng cấm luôn được sự quan tâm, bảo vệ của các cấp chính quyền. Chính vì vậy, hàng năm lợi nhuận từ các dịch vụ, du lịch, thương mại khá cao, riêng năm 2002 đạt 867 tỷ đồng tăng 13,5% so với năm 2001, số lượng khách có chiều hướng phát triển nhanh trên 400 lượt khách. Du lịch phát triển đã phần nào làm thay đổi cảnh quan đô thị của huyện Xuyên Mộc cũng như nâng cao đời sống của nhân dân trong huyện.

Đồng thời, trong những năm

**Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2005 - 2010**

- 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 10,3% theo cơ cấu: du lịch - dịch vụ, nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**
- 2. GDP bình quân đầu người ước đạt 530 USD/người năm**
- 3. Có chính sách ưu đãi kêu gọi đầu tư kinh doanh du lịch để khai thác triệt để tiềm năng du lịch của huyện**
- 4. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đưa thành tựu khoa học kỹ thuật và sản xuất để nâng cao về chất lượng và số lượng**
- 5. Đến năm 2010, xoá hết các hộ đói và giảm mạnh số hộ nghèo.**

gần đây, Xuyên Mộc đầu tư rất nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng với tổng số vốn 1.125 tỷ đồng. Điều này đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong sự phát triển kinh tế và mọi mặt đời sống của nhân dân. Trong 10 năm, huyện đã đầu tư 77.944 triệu đồng để xây dựng 71 km đường nhựa, 180,5 km đường cấp phối, đưa tổng số đường giao thông của huyện lên 489,5 km, xây dựng mới tuyến đường ven biển từ Vũng Tàu đi Bình Châu với mục đích phát triển du lịch.

Hệ thống thông tin liên lạc và đời sống tinh thần ngày càng được cải thiện và nâng cao, đội ngũ y bác sỹ đã về đến các xã vùng sâu vùng xa, hệ thống cấp nước sạch cho nông thôn cũng được xây dựng

đáng kể. Toàn huyện hiện có 5 công trình cấp nước đưa tổng số hộ dùng nước máy lên 23.737 hộ.

Giáo dục - Đào tạo cũng có nhiều tiến bộ hơn hẳn so với những năm trước đây. Hệ thống về trường học được nâng cấp và xây dựng mới trên 500 phòng, đáp ứng phần nào nhu cầu ngày càng tăng về số lượng học sinh đến trường, xoá hẳn tình trạng học ca 3.

Trong những năm qua, bang việc huy động sức mạnh tổng hợp, tập trung khai thác mọi tiềm năng, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn, huyện Xuyên Mộc đã và đang có những bước phát triển mạnh, góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. ■



*Chợ biển hạt dẻu*

## XUYEN MOC DISTRICT

# CONCENTRATING ON INVESTMENT AND EXPLOITATION OF AVAILABLE RESOURCE

Natural surface: 642.48 sq. kilometre

Population: 120.991 persons.

Administrative units: 11 communes, and Phuoc Buu town.

Rhythm of economic development: 12.66% (2002)

Average annual income per one: USD364

**S**ituated on a favourable geographic position with hot wet weather all year, the topography possesses both mountain and sea, suitable for the development of agriculture, service and aquaculture. During the recent years, Xuyen Moc district has changed these potentials into reality by the reasonable orientation in investment policy.

From Ba Ria, going along the highway 55, through Long Dat district, then the locality of Xuyen Moc district. In the olden days, it is a region famous for unyielding and undaunted tradition in the fight against the enemies; it used to be the revolutionary base in the period of the resistance against the French and the American, and also the office of the central agency and the provincial committee of the Party during the period leading the resistance. Therefore, Xuyen Moc has been conferred the title: heroic armed force in wartime by the President of Social Republic of Vietnam.

Nowadays, Xuyen Moc district is well known as a hero on the economic battlefield. Located in the Northeastern of Ba Ria Vung Tau province, Xuyen Moc district has a favourable administrative boundary for the economic development in many aspects. The East is contiguous the Binh Thuan province, the North and the

Northwestern contiguous the Dong Nai province, the West: Chau Due and Long Dat district, the South next to the East sea. Speaking about the Xuyen Moc remind the three huge particularities corresponding the economic development of Ba Ria-Vung Tau: agriculture, aquaproduct and tourism.

The economic mechanism of Xuyen Moc district has been developed basing on the available strong point, in which agriculture is the first line, a spearhead economy, helping district improve. Therefore, Xuyen Moc is considered one of 28 districts stayed in the significant economic development region in the South, an important and dynamic region, being taking the 1st rank of development rate in Vietnam.

### Choosing the agriculture to be a key economy

Five last years (1998-2002),



*Harvest crop*

the agriculture is always a key economic in the economic development of Xuyen Moc. With many advantages of natural condition: average temperature from 26°C-32°C, fairly high rainfall, Xuyen Moc is the area suitable for cultivating the forest, fruit tree, industrial plant as well as the animal husbandry in general and aquaculture in particular. The annual amount productivity of agriculture is rather high, about 365.4 billions VND; among of that the animal husbandry attains 323.3 billions dong and animal husbandry accounting

for 43.05 billions VND. According to the figure of land conservation project, Xuyen Moc district has the natural area: 64,248 ha, the area of forestry land is 14,757 ha with a natural conservation Binh Chau-Phuoc Buu 11,392 ha with many precious animal and botany. It's the development rate which has changed Xuyen Moc from a poor and backward area to a province possessing many contributions to the common development of whole town.

About the agriculture, as a main role in the provincial economy with a fairly high grow rate 12.3% per year, Xuyen Moc concentrate too much on varying the crop mechanism, plants and breed, on applying the advanced technology in manufacture. The province also specifies the tree group fit in well with the ecological condition and land of each region. Actually, Xuyen Moc can be divided into 2 smaller planting area: one in the North-Northwestern (including these communes Hoa Hiep, Bau Lam, Hoa Hung, Hoa Hoi, Hoa Binh) the majority is basalt red soil, so the industrial crops high value are concerned such as rubber, pepper, coffee, and founding the fruit garden of durian, longan, rambutan. One another in the centre of province (including these communes Xuyen Moc, Phuoc Tan and Phuoc Buu town) having the favorable condition on soil, irrigation, and traffic to develop the fruit tree, rations plant and it is now also the administrative, economic and cultural centre.

The service works such as encouraging agricultural expansion, vegetation conservation, breed mission, overcoming the miscellaneous variety have been invested to make a breakthrough in productivi-

ty and goods quality. The prominent point in culture is increasing on area, output and quality of long-day industrial crops and fruit tree. If the total area in 1998 is 19,553 ha, in 2002 attains 22,753 ha, among of that for the pepper: augment from 328 ha to 1,258 ha, and from 945 ha to 3,596 ha for the longan. The provision productivity also reaches 21,885 ha from the initial figure: 17,719 ha. Especially, in 2001, the model of economic farmhouse sees a strong development: 225 producing farmhouse, in which there are 220 farmhouse of perennial plant, and 5 for yearly trees. These models are the initial important basics to build the region specializing in massively producing the goods, grouping huge volume for use and export

Regarding the animal husbandry, the home-bred animal, domestic fowls get high expansion rate, about 1.4% per year. Although the growth level depends on condition economy, the price, and the fluctuation of the market, in general the animal husbandry is ever-greater developed. In particular, the quality of the home-bred animal, domestic fowls is perfected with high consideration through the programs such as: leanalize the herd of swine, bornize the dairy herd. The typical program is the execution of milch cows and cows for food through the selection of 156 base ones from 4 communes: Phuoc Tan, Phuoc Thuan, Xuyen Moc, and Phuoc Buu town. The result is that: already cross-breed 56 base cow for milch and 40 ones for food. Besides, the model of Garden-Pool-Cage and closed animal husbandry help the farmer benefit the redundant foods, waste treatment in the model Garden-Pool-Cage. According to the

expert's evaluation, this is really an advanced technology in the purpose of cost reducing

With the coastal line over 32 km, most of them are the gently sloped sand-bank, not too deep, so suitable for tourism, catching fisheries and aquaculture development. During the recent year, Xuyen Moc paid more attention to exploit two strength and they are promising to be the key regional economy in near future.

In term of Fisheries, despite the exhaustion of inshore aquatic products, the exploiting household has bravely invested in the means of fishing. Until 2002, there are 632 boats with the total power: 15,827 HP in whole district, among of that the quantity of boat capable for off-shore fishing is 397 ones, they are equipped by the tools relatively modern such as: walkie-talkie, reconnaissance machine, positioning machine in order to assure the long-day task on the sea. Hence, the exploitation output of aquaproduct increase year by year, 12.6% on an average, it attained 6,910 tones in 2002.

Parallel with fishing, the raising task has the tendency to develop dramatically in both area and breed. The brackish water region specializing in rearing was and being founded, in addition, the capital investment, science technology and labour force in the semi intensive farming get the high efficiency. Whole district exists 52 ha of shrimp culture in intensive and semi-intensive kind, in which Phuoc Thuan district accounts for 2 crops per year with 47 ha. In 2002, the model of fish culture of fresh water has appeared and received the good prospective in Phuoc Thuan, Phuoc Tan, Bung Rieng, Hoa Noi: spearhead fish, basa fish, crocodile,

cat fish... Some household reaches the output from 7 to 12 tones per ha on spearhead fish raising. Further more, the district still has 10 farmsteads of breed shrimp in Phuoc Thuan, in 2002, the establishment has produced 165 millions of P.15. With this capacity, the breed base is able to supply the breed for the rearing area as well as for the neighboring districts.

### Development thanks to the other socio-economic sectors

Together with the industrial expansion, hand crafting industry also gets the considerable increase. The value of production in 2002 attains nearly 110 billions. In before, the industry and hand crafting industry is underdeveloped, taking the familial characteristics, so far, it is strongly developed thanks to the capital gathering of centre and localities, infrastructure construction to ensure the producing, material supply and commodity consumption.

So as to support the developing economy, Xuyen Moc district has reformulated some bank activities: from one transaction centre up to 7 ones, 100% the communes all have the transaction and meeting place. By the ever higher mobilized capital, from 2.4 billions to 25 billions, it helped much household escape the poverty to the wealthy: the annual income per get to 100 million per year.

In the field of tourism, with the topography of half mountain-delta gently sloping to the East ocean, including the terrain under the form of upside downed and wavy bowl, some pearl summits protruding to the sea the natural forestry urban has made Xuyen Moc possess a fantastic and magnificent sight for tourism, sea bathing, convales-

cence, and visit in the natural conservation area. The tourist and amusing sight on sea such as: Binh Chau hot stream, "Coe" lake, "Tram" lake is more and more invested and upgraded to attire the concern of the tourist all over the world. Only in 2002, the tourist sight Binh Chau hot stream has been invested over 10 billions VND for infrastructure construction, in which the littoral road is enlarged and built for better served in tourism, there is also the appeal to the investor to attend the huge project. The preservation of wide animal in prohibited forest is enhanced and protected by the multiple levels authorities. Consequently, annual profit from the services, tourism, and trade is fairly high, the sales attained 867 billions VND in 2002 more than 13.5% in 2001. The customers increased rapidly over 400 participations. Developing tourist is partially changing the urban landscape of Xuyen Moc as well as increase the living standard of citizens.

Simultaneously, in the recent years, Xuyen Moc has invested very many infrastructure construction projects and the common welfare works with the total funds of 1,125 billions VND. That favours the significant change in economic development and all living aspects of

the habitants. During 10 past years, district has invested 77,944 millions to construct 71 km asphalted roads, 180.5 km second degree roads, augment the total traffic streets of whole district to 489,5 km, the new littoral line from Vung Tau to Binh Chau hot stream has been built for tourism expansion.

The communication system and spiritual life is more and more ameliorated and increased. The health-care staff has presented in the off beaten track region, the fresh and clean water supply system is noticeable. Actually, 5 water supplying construction has been put in practice, permitting the number of water useable family attaining the figure 23,737.

Education and training has much improvement over the previous years. The education system is upgraded and newly constructed: over new 500 classrooms, meet partially ever greater demand of the going school pupils, eradicating completely the third shift school situation.

In the past years, by gathering the combined force, concentrating on exploitation of all potentialities, step by step transpose the economic mechanism toward the industrialization and modernization, Xuyen Moc has been executing the giant pas for the provincial development in socio-economy. ■

### Xuyen Moc's target of economic development in the period 2005-2010

1. Annual economic increase velocity is 10.3% through the mechanism: Tourism-Service- Agriculture-Industry-Hand crafting industry.
2. GDP per one person assessed 530 USD in one year.
3. Having the mobilizing policy to appeal the investment in tourism so as to absolutely all potentialities in district.
4. Continuing to accelerate the agriculture, applying more the scientific achievements to increase both quality and quantity.
5. Until 2010, eradicating thorough the hungry household, and reducing remarkably the poor ones.

## **PHẦN II**

# **TOÀN CẢNH KINH TẾ**

# CHƯƠNG I: CÁC NGÀNH KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM.

## VÀI NÉT VỀ NỀN KINH TẾ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Sau cuộc hành trình lịch sử tiến tới giành độc lập, tự do trong thế kỷ thứ XX, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn luôn hoà nhịp với toàn dân tộc, đi trước về sau và đã tới đích một cách vẻ vang.

Trong cuộc hành trình lịch sử lần thứ hai, xây dựng sự phồn vinh của Tổ quốc, cuộc sống tự do, hạnh phúc của đồng bào, Bà Rịa - Vũng Tàu hoàn toàn có quyền tự hào là vẫn tiếp tục giữ vững truyền thống và từng bước tiến lên cùng cả nước. Gần ba năm đầu đã qua của thế kỷ XXI lại thêm khẳng định nhịp tiến mạnh mẽ của tỉnh: Là một trong những tỉnh thành trong cả nước tiến nhanh và vững. Với nhịp độ phát triển GDP 12%, trong năm 2002 đã phần nào đưa tỉnh duy trì được vị trí đầu bảng. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu như dầu thô, khí đốt, khí hoá lỏng, điện, hải sản đông lạnh, giày da xuất khẩu tăng từ 20 - 40%. Sản lượng nông, ngư nghiệp, diện tích trồng rừng, doanh thu thương mại, dịch vụ, du lịch đều tăng.

Rõ ràng, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong cuộc hành trình tiến vào thế kỷ XXI đã có sẵn đà. Qua từng bài viết về các ngành kinh tế khác nhau trong Chương I sẽ phần nào giúp cho các độc giả biết rõ hơn về những đà mà tỉnh đã có và đó là những nền tảng tạo ra thế và lực để Bà Rịa - Vũng Tàu vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

After the long struggle for independence and freedom in the century XX, together with the whole country's efforts, Ba Ria-Vung Tau province has taken giant steps and is now reaping the fruits of its success.

In its second effort for the sake of prosperity, happiness and freedom, Ba Ria-Vung Tau can pride itself on always upholding its outstanding success. The fact that the province has made some great advances was conclusively proved in the first three years of the century XXI. In other words, Ba Ria-Vung Tau is acknowledged as one of the provinces gaining rapid but solid development. The GDP growth rate in 2002 (12%) has kept Ba Ria-Vung Tau at the top of the list. The main industrial products such as crude oil, gas, electricity, frozen sea food, export shoes experience an increase of 20-40%. Agriculture and fisheries' output, forest-planting area, trade revenue, service and tourism also show a sharp rise.

It is obvious that Ba Ria-Vung Tau province stands many advantages over others in the century XXI. Hopefully, these articles on different economic sectors in Chapter I are likely to provide readers with useful information on the province's potentials and advantages-the foundation on which Ba Ria-Vung Tau will undoubtedly strive for greater accomplishments in the century XXI. ■

# PHÁT TRIỂN MỘT NGÀNH CÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN

- \* Trong cơ cấu kinh tế : công nghiệp chiếm 52,37% (không kể dầu khí 86,01%)
- \* Tổng giá trị sản xuất năm 2002 : 36.150 tỷ VND (không kể dầu khí 11.350 tỷ VND)
- Đóng góp cho ngân sách từ:
  - \* Khởi doanh nghiệp nhà nước của Trung ương : 8.670 tỷ đồng
  - \* Khởi doanh nghiệp nhà nước của địa phương : 2.305 tỷ đồng
  - \* Khởi doanh nghiệp ngoài quốc doanh : 1.255 tỷ đồng
  - \* Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài : 25.175 tỷ đồng

**P**hát huy thế mạnh tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, trong gần một thập kỷ qua, ngành công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu luôn đạt được tốc độ tăng trưởng khá, đặc biệt trong các lĩnh vực khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp điện năng và chế biến thủy sản, từ đó đã kéo theo sự tăng trưởng của hàng loạt các lĩnh vực công nghiệp khác.

Bà Rịa - Vũng Tàu là một địa phương vốn có lợi thế đặc biệt về mặt vị trí địa lý để phát triển công nghiệp. Các yếu tố về điều kiện tự nhiên như tài nguyên khí hậu, nguồn nước ngầm, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, rừng, biển và nguồn nhân lực là những tiền đề thuận lợi để phát triển công nghiệp. Vì thế, các lĩnh vực trong ngành công nghiệp của Bà Rịa - Vũng Tàu những năm qua luôn có những bước phát triển khá. Sự phát triển của các ngành công nghiệp tương tự như dầu khí và điện năng đã có tác động lớn đến sự phát triển của các ngành công nghiệp dịch vụ tại địa phương, như công nghiệp sửa chữa giàn khoan, sửa chữa tàu biển, dịch vụ cảng biển, cảng sông... Bản thân nhiều ngành khác lại dựa vào nội lực để vươn lên như công nghiệp chế biến thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, lắp ráp sản phẩm điện tử, xe hơi bánh, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, giày da và các sản phẩm giả da khác, hàng nông sản... Chính vì thế mà tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu trong những năm qua



Giàn khoan - Công ty Vietsov-Petrol

luôn được xếp vào danh sách những địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất.

## Bức tranh toàn cảnh về một ngành công nghiệp mũi nhọn

Theo ông Đặng Hữu Khánh, Giám đốc Sở Công nghiệp, ngành công nghiệp tỉnh trong giai đoạn 1996 - 2002 đạt được tốc độ tăng khá cao là nhờ có sự thu hút khá lớn vốn đầu tư vào sản xuất và dịch vụ công nghiệp.

Tính đến hết 2002, toàn tỉnh có 516 doanh nghiệp hoạt động trong

ngành công nghiệp (trong đó có 350 doanh nghiệp ngoài quốc doanh) và trên 3.000 hộ sản xuất cá thể đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký là 800 tỉ đồng (không tính các doanh nghiệp dầu khí và sản xuất điện). Các doanh nghiệp công nghiệp thu hút trên 15.000 lao động. Ngoài ra, còn có 48 dự án đầu tư nước ngoài thuộc ngành công nghiệp với tổng vốn đầu tư khoảng 2,69 tỷ USD. Trong đó có 18 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm với tổng vốn đầu tư trên 175 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu của các sản phẩm

này đạt 10,77 triệu USD. Đa số các sản phẩm làm ra trên thị trường đều tiêu thụ tốt và có khả năng cạnh tranh cao.

Khu vực công nghiệp trung ương hoạt động rất mạnh mẽ, tập trung chủ yếu trong các ngành khai thác dầu khí, công nghiệp dịch vụ dầu khí và công nghiệp điện năng... Đặc biệt là ngành công nghiệp điện đã đóng một vai trò rất lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Điện phát ra của các Nhà máy Điện Phú Mỹ và Bà Rịa đã cung cấp đầy đủ cho các ngành công nghiệp, các cơ quan hành chính sự nghiệp trên địa bàn. Hiện nay, Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong không nhiều địa phương trên toàn quốc đạt tỷ lệ 90% số hộ nông thôn được sử dụng điện.

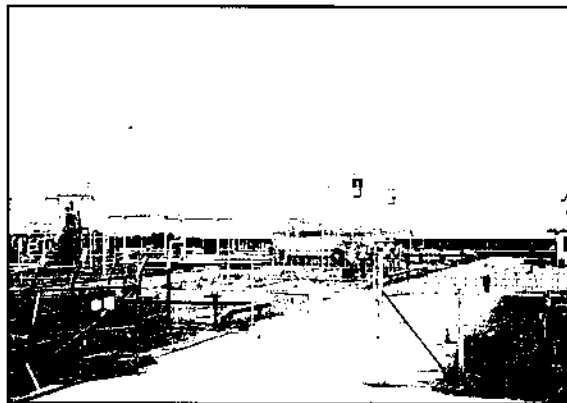
Trong khu vực công nghiệp địa phương, trên địa bàn hiện nay có 24 doanh nghiệp quốc doanh địa phương hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tập trung chủ yếu vào công nghiệp khai thác và chế biến hải sản, sản xuất nước đá, khai thác mỏ đá, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng... Trong những năm gần đây các doanh nghiệp địa phương cũng bắt đầu có những bước phát triển, các doanh nghiệp đã quan tâm nhiều hơn đến tìm kiếm, mở rộng thị trường, nâng cấp các trang thiết bị máy móc để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao. Điển hình như Công ty Cung ứng Vật tư kỹ thuật Xuất nhập khẩu với kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 20 triệu USD, nộp ngân sách Nhà nước trên 20 tỷ đồng/năm, các công ty tham gia trong chế biến hàng thủy sản đã phần đầu đạt được CODE vào thị trường lớn như EU...

Một số sản phẩm có lợi thế cạnh tranh được đánh giá tốt về chất lượng so với sản phẩm cùng loại, đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002,

ISO 14000 như sản phẩm thép VINAKYOEI, gạch men, sản phẩm ren ống, sản phẩm may mặc. Còn đối với lĩnh vực hải sản chế biến đông lạnh đã được cấp CODE đi châu Âu và chứng nhận đạt tiêu chuẩn HACCP như Công ty Cổ phần Hải Việt, Công ty Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Baseafood...

Điểm sáng trong khu vực kinh tế dân doanh là từ khi có Luật Doanh nghiệp đến hết năm 2002 đã có trên 350 doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp với tổng vốn đầu tư gần 600 tỷ đồng vào các ngành xây lắp điện, sản xuất nước đá, chế biến hải sản, đóng tàu cá, cơ khí sửa chữa, mở mang các nghề truyền thống như làm bún, bánh phở, bánh tráng, thủ công mỹ nghệ... Sự ra đời các khu công nghiệp tập trung gắn với phát triển công nghiệp của địa phương đến nay cũng đã thu hút được 69 dự án với tổng vốn đầu tư 3.570 triệu USD. Trong đó đầu tư nước ngoài, gồm 27 dự án với vốn đầu tư 1.417,8 triệu USD, đầu tư trong nước gồm 42 dự án với vốn đầu tư 2.152,4 triệu USD.

Lĩnh vực công nghiệp trong giai đoạn này tăng trưởng 15,8%, trong đó có 15/19 lĩnh vực có tăng trưởng khá như khí đốt tăng bình quân 41,4%/năm; điện tăng bình quân 37%/năm; sản xuất vật liệu xây dựng tăng bình quân 17,3%/năm; thép tăng bình quân 19,6%/năm; giày da tăng bình quân 14,8%/năm. Riêng lĩnh vực khai thác dầu thô trong hai năm 2001 - 2002 sản lượng có sự giảm làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung



*Trung tâm Điện Phú Mỹ*

Công nghiệp phát triển là nhân tố quan trọng bảo đảm cho kinh tế địa bàn chuyển dịch đúng hướng phù hợp với cơ cấu kinh tế chung của tỉnh. Đến cuối năm 2002 nếu tính cả dầu khí, công nghiệp xây dựng chiếm 86,01%; dịch vụ 11,16%, nông nghiệp chiếm 2,83%. Nếu không tính dầu khí các tỷ trọng tương ứng là 52,37% - 37,99% - 9,64%.

### **Chủ trọng vào đầu tư mở rộng đổi mới công nghệ**

Quá trình đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại là nhằm đáp ứng nhu cầu tạo ra sản phẩm có chất lượng cao của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay. Các doanh nghiệp quốc doanh trên địa phương đều có đầu tư lớn về công nghệ, ví dụ như lĩnh vực khai thác dầu khí được tập trung đầu tư hệ thống thiết bị hiện đại ở tất cả các khâu từ khảo sát, thăm dò, khoan khai thác, vận chuyển và cả đưa vào chế biến như LPG, condensat...

Kế đó là lĩnh vực công nghiệp dịch vụ dầu khí như các dịch vụ kỹ thuật sửa chữa đàn khoan, chân đế, dịch vụ cung ứng các loại hoá phẩm bôi trơn, dịch vụ súc rửa vệ sinh tàu dầu, dịch vụ cung ứng các sự cố về

dầu khí. Công nghiệp sản xuất điện năng trong những năm gần đây được Trung ương quan tâm đầu tư nhất là sự hình thành Trung tâm nhiệt điện Phú Mỹ với tổng công suất thiết kế 4500 MW. Trong năm 2002 Công ty Đá Phước Hòa đã triển khai xây dựng nhà máy cửa xẻ đá ốp lát có công suất thiết kế 30.000m<sup>2</sup>/năm, vốn đầu tư là 17 tỷ đồng tại xã Phước Hoà, huyện Tân Thành.

Song song đó là sự phát triển của khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp như sản xuất thép, phân bón, thùng phuy, thức ăn gia súc, các sản phẩm điện tử, hoá chất, vật liệu xây dựng, bê tông, xây xát lúa mì... Còn đời với khu vực công nghiệp địa phương với hiện trạng công nghệ lạc hậu, hệ thống máy móc cũ kỹ bằng công nghệ tiên tiến hiện nay so với các nước phát triển trong khu vực Đông Nam Á. Trước mắt tỉnh sẽ đầu tư cho các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, nhất là các lĩnh vực chế biến hải sản đông lạnh, công nghiệp sản xuất giày da, may mặc, chế biến nông sản các loại như tiêu, điều, cà phê, bột mì, công nghiệp lắp ráp xe gắn máy... Còn một số ngành công nghiệp chậm phát triển và ít có lợi thế cạnh tranh hơn, tỉnh sẽ xem xét cụ thể để có kế hoạch hỗ trợ phù hợp như công nghiệp sản xuất nước đá, công nghiệp sản xuất và gia công cơ khí, công nghiệp sản xuất các thiết bị điện, điện tử và công nghiệp sản xuất các sản phẩm phục

vụ tiêu dùng khác...

**N h ữ n g  
chiến lược  
phát triển  
công nghiệp  
đến năm  
2005**

C ó n g  
nghiệp địa  
phương nếu so  
sánh với công  
nghiệp địa  
bàn chiếm tỷ  
trọng rất nhỏ không quá 4% về giá trị sản xuất công nghiệp, vì vậy trong chương trình phát triển công nghiệp địa phương giai đoạn 2001 - 2005, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Công nghiệp cùng các ngành, các địa phương có liên quan cần xem xét cụ thể và xây dựng định hướng phát triển công nghiệp địa phương theo những hướng sau:

- Chương trình phát triển sản xuất bằng việc thu hút các dự án đầu tư trong nước, nước ngoài và các lĩnh vực phát triển như công nghiệp hoá nhựa, công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất điện, điện tử, xây dựng, dịch vụ sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, chế biến hải sản... Ước tính, chương trình này sẽ thu hút 22 dự án đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký là 847,5 triệu USD và 25 dự án đầu tư trong nước có tổng vốn đăng ký là 293 triệu USD và 723 tỷ đồng.

- Chương trình phát triển công nghiệp nông thôn sẽ được thực hiện với nội dung chính là hoàn thành các cụm công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề



*Xi nghiệp may áo chòe - Công ty May Vũng Tàu A/GI*

các huyện, ưu tiên cho công nghiệp chế biến nông hải sản, các ngành nghề truyền thống như sản xuất đá, ốc mỹ nghệ, sản xuất thực phẩm như bún, bánh tráng, dẹt lưới, dúc đồng... Trong 5 năm tới, chương trình dự kiến sẽ xây dựng trên địa bàn mỗi huyện từ 1 - 2 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có qui mô từ 15 - 20 ha cho mỗi cụm. Nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho mỗi cụm khoảng 10 tỷ đồng.

- Chương trình phát triển khu công nghiệp sử dụng khí thấp áp có qui mô 30 ha, tại thị xã Bà Rịa. Vốn đầu tư hạ tầng khoảng 100 tỷ đồng do Công ty TNHH Hồng Lam làm chủ đầu tư sản xuất các ngành công nghiệp địa phương như chế biến hải sản, nông sản thực phẩm, sản xuất gốm sứ thủy tinh... nhằm phát huy tiềm năng sẵn có, tận dụng nguồn khí thấp áp của địa phương phục vụ sản xuất công nghiệp.

- Chương trình phát triển lưới điện nông thôn, đảm bảo đạt 95% tỷ lệ hộ nông thôn có điện sinh hoạt vào năm 2005.

- Chương trình phát triển tài nguyên khoáng sản phục vụ công nghiệp khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản các loại phục vụ công nghiệp xây dựng và phát triển hạ tầng.

**Giá trị sản xuất công nghiệp 1996 - 2002**

*Đơn vị : tỉ đồng*

Giá trị sản xuất công nghiệp	1996	2000	2002
Trên địa bàn	14,836	29,609	36,150
Trừ dầu khí	2,262	6,909	11,350
Công nghiệp địa phương	910	1,330	2,305

## INDUSTRIAL COMPREHENSIVE DEVELOPMENT

**B**ringing into full play the potential of natural resources over the past decade, Ba Ria-Vung Tau industry has seen fairly high growth rate especially in the field of oil and gas exploitation and processing, electric power and aqua-products processing, thus resulting in the development of a series of other industries.

*In economic structure: It account for 52.37 percent; 86.01 percent if oil included.*

*Total production value in 2002 (with fixed price): VND 36,150 billion except oil value of VND 11,350 billion .*

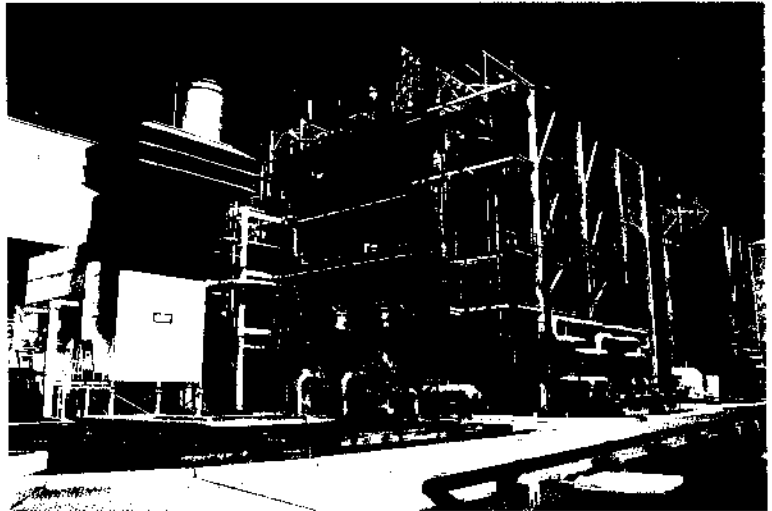
*Budget contribution*

*\* From state sector: VND 8,670 billion*

*\* From local sector: VND 2,305 billion*

*\* From non-state sector: VND 1,255 billion*

*\* From businesses with foreign investment capita: VND 25,175 billion*



*Ba Ria Power Plant*

Ba Ria-Vung Tau is endowed with specially favorable geographical conditions for industrial development such as rich natural resources, good climate, plentiful sources of underground water, land, forests and sea as well as human resources. Therefore over the past years, all industrial sectors have developed to a large extent. The development of such central industrial sectors as oil gas and electric power has exerted great effects on the growth of local industries and services such as mending of oil-rigs and ships, services of sea ports and river ports... other sectors have relied on their inner strength for development such as the industries of aqua-products

processing, production of construction materials, mechanical handicraft, assembly of electronic products and motorbikes, handicrafts and fine arts, garments, leather booths and other products of imitation, farm products... Therefore, the industrial growth rate of Ba Ria-Vung Tau over the past year has been recognized as one of the highest rates among the localities.

### **Panorama of a cutting-edge industry**

According to Mr. Dang Huu Khanh, director of the local Department of industry, the industry of the province in 1996-2002 recorded fairly high growth rate thanks to the attraction of invest-

ment capital to production and industrial service.

By 2002 in the province, there were 516 industrial businesses (350 of which were non-sector ones) and 3,000 production households with a total registered capital of VND 800 billion (excluding those active in oil and gas and electric production). The industrial businesses attracted more than 15,000 laborers. In addition, there were 48 industrial foreign projects with a total investment capital of approximately USD 2.69 billion. 18 of those with an investment capital of USD 175 million have been implemented for production and business. The export turnover of their products reached USD 10.77 million. Almost all

products were well consumed and competitive.

The central industrial sector has operated dramatically, concentrating on the exploitation of oil and gas, oil and gas service and electric power.. Particularly, the industry of electric power has made great contribution to the local socio-economic development. The electricity generated by the hydro-electric power plants of Phu My and Ba Ria has been sufficient for the local industries and administrative offices. At present, Ba Ria-Vung Tau is the one of the few province in Viet Nam where 90 percent of local rural households could use electricity.

In the local industry, there are currently 24 state industrial enterprises, mainly operating in the fields of exploitation and processing of aqua-products, production of ice, exploitation of stone pits, production of consumer products... In recent years, the local businesses have also made progress, paying more attention to seeking and expanding markets, upgrading equipments and machines to manufacture high quality products. Especially, the Ex-Im Technical Supplies Company with an annual export turn over of more than USD 20 million has annually contributed VND 20 billion to the state budget. The company engaged in aqua-products processing have managed to bring CODE to big markets such

as EU...

According to the assessment, some competitive products have had better quality than those of the same types. The quality control system namely ISO 9002, ISO 14000 have been introduced to VINA KIOEI's steel, enameled tile, garment products. CODE has also been provided for export of frozen aqua-products to Europe and HACCP certificate licensed to Hai Viet joint-stock Company, Basefood Ex-im Processing Company...

The remarkable point in the private economic sector is that since the promulgation of Law on Business in 2002, more than 350 non-state industrial businesses have been founded with a total investment capital of VND 600 billion in the fields of manufacturing and assembling of electrical products, production of ice, aqua-products processing, fishing ships building, development of such traditional handicrafts as production of vermicelli, pancakes, handicrafts and fine arts.. The establishment of concentrated industrial zones associated with the local industrial development has attracted 69 projects with a total investment capital of USD 3,570 million, 27 of which are foreign projects with a capital of USD 1,417.8 million and 42 of which domestic ones with a capital of USD 2,152.4 million.

In this period, the industry

recorded a growth rate of 15.8 percent with the sectors of fairly high growth rate such as gas - 41.4 percent per annum; electricity - 37 percent per annum; production of construction materials - 17.3 percent per annum; production of steel - 19.6 percent per annum; production of leather shoes - 14.8 percent per annum. However, in 2001-2002, the productivity of crude oil decreased, affecting the common growth rate.

Industrial development plays an important role in ensuring the sound orientation of the local economic changes suitable to the general economic structure of the province. By late 2002, the industry of construction accounted for 86.01 percent; service 11.16 percent; agriculture 2.83 percent (oil and gas included). The respective proportions were 52.37 percent; 37.99 percent; 9.64 percent (oil and gas not included.)

### Concentration on investment in technological enhancement and renewal

The investment in upgrading machines and production lines is aimed at meeting the demand for production of high-quality products of the enterprises in the province. The province-based state enterprises have made great technological investment. As an instance, in the oil and gas exploitation, investment has been made to all fields such as survey, probe search, drilling, transportation and processing with advanced equipments namely LPG, CONDENSAT...

Attention has also been paid to such oil services as repair of derricks and their sole, supply of lubricative chemical products, rinsing of tankers, settlement of oil incidents. In recent years, production of electric power has been

**Industrial production value in 1996 - 2002**

*Unit:: billion VND*

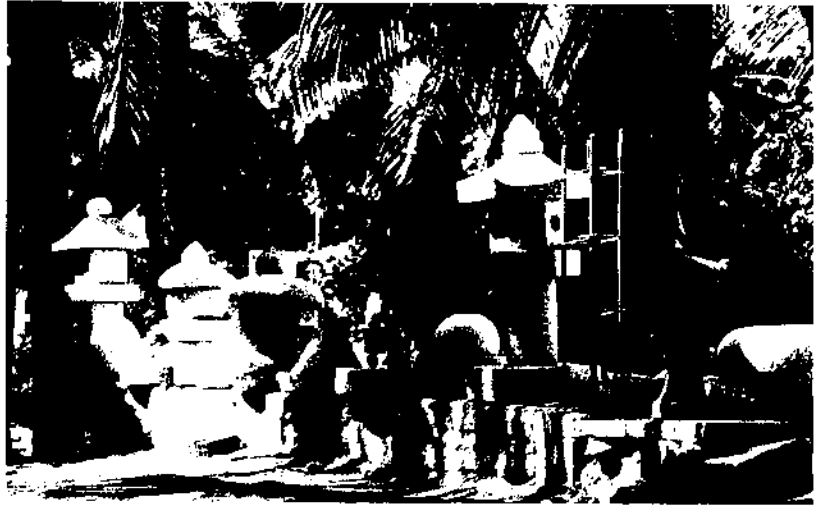
<b>Industrial production value</b>	<b>1996</b>	<b>2000</b>	<b>2002</b>
Local value	14,836	29,609	36,150
Excluding oil value	2,262	6,909	11,350
Local industry	910	1,330	2,305

invested with the formation of Phu My thermo-electric power station with a total designed capacity 4500 MW. In 2002, Phuoc Hoa stone company started the construction of ashlar paving stone-sawing factory with an annual capacity of 30,000 m<sup>3</sup> per annum and an investment capital of VND 17 billion in Phuoc Hoa village, Tan Thanh district.

Moreover, industrial zones focusing on such industrial fields as production of steel, fertilizers, oil drums, animal feeds, electronic products, chemicals, construction materials, concrete, cereal grinding. In the local industrial sector, its backward technology and out-of-date machines have been replaced with advanced technology commensurate to those of developed nations of the Southeast Asian region. In immediate term, the province will invest in export businesses especially those involving in the fields of frozen aqua-products processing, production of leather shoes, garment, processing of such agricultural product as pepper, cashew nuts, coffee beans, and wheat, and assembly of motorbikes. For less developed industries with few advantages such as production of ice, production and mechanical handicraft, manufacturing of electronic equipments and other consumer products, the province will take them into consideration to provide suitable support.

### **Strategy for industrial development to 2005**

Local industry as compared to the area's one accounted for only 4 percent in industrial production value. Therefore, in the program for local industrial development in 2001-2005, the Province People's Committee directs the Department



*Phuoc Hoa Stone Company*

of Industry and the relevant sectors and localities to specify and orient its local industrial development with the following programs:

- Program for production development by attracting foreign and domestic investment projects and such developed fields as plastic production, food processing, electric power production, electronics, ship repairing and building, aqua-products processing. It is estimated that the program will attract 22 foreign investment projects with a registered capital of USD 874.5 million and 25 domestic ones with a total registered capital of USD 193 million and VND 723 billion.

- Program for rural industrial development will be carried out. The major content of the program is aimed at completing industrial-small handicraft industrial complexes, craft villages in districts, priority to agricultural and aqua-products processing, and traditional crafts such as handicraft of stone and shell fine arts, production of rice vermicelli, pancakes, net knitting, copper cast. In 5 years to come, with the program, 1-2 industrial-small handicraft industrial

zones will be erected with an area of 15-20 ha for each of them. The investment capital for each zone's infrastructure products stands at about VND 10 billion.

- Program for development of 30 ha-industrial zones by utilizing low-pressure gas in the town of Ba Ria. The investment capital of around VND 100 billion for this project is mainly provided by Hong Lam Ltd. and the zone will be specialized in local industrial sectors such as farm and aqua-products processing, food processing, production of glass-ceramic, to promote available potentials and take the advantage of the local source of low-pressure gas for industrial production.

- Program for development of rural electric network, ensuring that 95 percent of rural households may gain access to electricity in daily consumption by 2005.

- Program for natural resources development in service of exploitation and processing of natural resources and minerals for construction and development of infrastructure. ■

## NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ

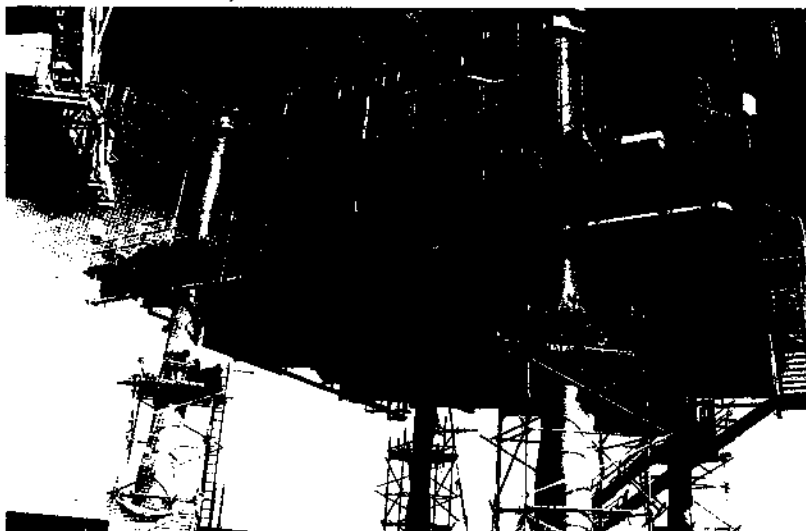
# TỪNG BƯỚC TRỞ THÀNH MỘT NGÀNH CÔNG NGHIỆP HOÀN CHỈNH

**M**ặc dù còn hết sức non trẻ, nhưng sự ra đời của ngành dầu khí đã đánh dấu một sự kiện lớn trong lịch sử phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Biết bao thay đổi của kinh tế - xã hội nhờ vào ngành dầu khí, khi hàng loạt các công trình đầu tư cho khâu chế biến dầu khí ra đời nhằm khai thác sử dụng hiệu quả nhất nguồn tài nguyên dầu khí của đất nước, giờ đây một ngành công nghiệp hóa dầu ở Việt Nam đang từng bước được hình thành.

Thềm lục địa Việt Nam có diện tích gấp nhiều lần diện tích đất liền, khoảng 1 triệu km<sup>2</sup> gồm nhiều bể trầm tích đệ tam như Sông Hồng, Phú Khánh, Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay - Thổ Chu, các nhóm bể Hoàng Sa, Trường Sa... đã được tìm kiếm thăm dò dầu khí từ những năm 1970 của thế kỷ này. Ngày 26 - 5 - 1984, đồng dầu công nghiệp được phát hiện, đến 26 - 6 - 1986 đồng dầu đầu tiên được khai thác mở đầu công cuộc khai thác dầu khí ở Việt Nam. Đến hết năm 2002, công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác mới được triển khai trên khoảng trên 1/3 diện tích thềm lục địa và một loạt mỏ dầu khí quan trọng đã được đưa vào khai thác: Bạch Hổ, Rồng, Rạng Đông, Ruby, Đại Hùng, Bunga Kekwa, Tiền Hải C. Nhiều mỏ đang tích cực chuẩn bị để sớm đưa vào khai thác như Lan Tây, Lan Đỏ, Hải Thạch, Kim Cương Tây, Rồng Đồi, Thanh Long.

## Những thành quả của ngành công nghiệp dầu khí

Những năm mới thành lập ngành dầu khí, hoạt động chủ yếu của ngành công nghiệp này là tìm kiếm thăm dò dầu khí ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu



*Dịch vụ xây lắp giàn khoan*

Long. Trước năm 1980, ngành dầu khí chỉ mới có 3 hợp đồng tìm kiếm, thăm dò, khai thác và phân chia sản phẩm tại thềm lục địa phía Nam.

Năm 1981, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự nghiệp phát triển ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam. Xí nghiệp đã phát hiện ra được những mỏ dầu ngoài khơi vùng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có các mỏ dầu có trữ lượng lớn như mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng. Những thành công ban

dầu của Xí nghiệp Liên doanh ngày ấy đã thổi một luồng sinh khí mới vào nền kinh tế đất nước vốn đang gặp khó khăn. Cho đến tận ngày nay, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro vẫn là cánh chim đầu đàn của ngành dầu khí, chiếm 80% tổng sản lượng dầu thô khai thác của cả nước.

Tiếp đó là sự bứt phá mạnh mẽ của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) trong các lĩnh vực sản xuất. Phát huy nội lực, mở cửa hợp tác với các tập đoàn dầu khí

nước ngoài đem lại hiệu quả đáng mừng. Việc nhanh chóng triển khai khai thác tiềm năng dầu khí đã và đang mang lại hiệu quả cao và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Năm 1996 sản lượng dầu khí đạt 8,8 triệu tấn, năm 2000 sản lượng đã tăng lên 16,22 triệu tấn dầu thô. Đến năm 2002, PetroVietnam đã khai thác và xuất khẩu trên 100 triệu tấn dầu. Với sản lượng này Việt Nam đã trở thành quốc gia thứ 4 ở Đông Nam Á và thứ 44 trên thế giới về khai thác dầu thô. Cũng từ đây dầu thô đã trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam đem lại kim ngạch xuất khẩu lớn cho đất nước. Năm 1998 được 1.142 triệu USD, năm 2000 khoảng 2.100 triệu USD.

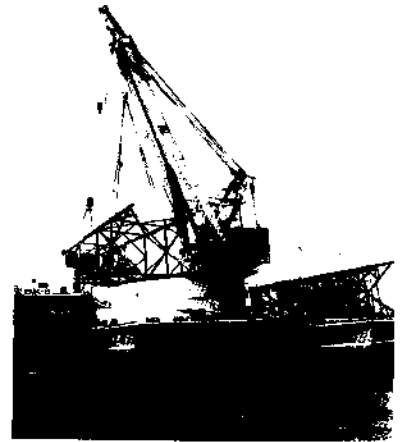
Cùng với việc khai thác dầu thô là khí đồng hành. Những năm trước đây khí đồng hành bị đốt bỏ, vài năm gần đây đã được thu gom đưa vào bờ để cung cấp cho Nhà máy Điện Bà Rịa, Nhà máy Điện Phú Mỹ, một phần cho Nhà máy Khí hoá lỏng Dinh Cố (LPG) phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ trong nước. Sản lượng khí cũng tăng rất nhanh: năm 1995 là năm đầu tiên thu gom đưa vào bờ được 183 triệu m<sup>3</sup> đến năm 1998 đã đạt được 930 triệu m<sup>3</sup> khí, năm 1999 đạt 1,4 tỷ m<sup>3</sup> khí và năm 2000 đạt trên 1,5 tỷ m<sup>3</sup> khí.

### Dẫn hình thành khâu hoá dầu

Phát huy những thành tích đã đạt được. Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam tiếp tục tập trung phát triển hạ nguồn dầu tư cho khâu chế biến để khai thác sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tài nguyên dầu khí của đất nước. Tại Bà Rịa - Vũng Tàu các đề án sử dụng khí đã được triển khai rõ ràng. Năm 1994, tại

Long Hải, lễ khởi công công trình thu gom vận chuyển khí Bạch Hổ - Thủ Đức đã mở màn cho một chương trình mới mang tính chiến lược của ngành dầu khí. Một năm sau, ngày 26 - 4 - 1995, dòng khí đầu tiên được cung cấp cho Nhà máy Điện Bà Rịa công suất 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày. Không bao lâu sau, tháng 9 - 1997, nhà máy khí hoá lỏng đầu tiên được khởi công xây dựng tại Dinh Cố huyện Long Đất. Đến 7 - 1999, nhà máy được hoàn thành đưa vào vận hành. Chỉ trong một thời gian ngắn, dự án sử dụng khí đồng hành Bạch Hổ đã cơ bản hoàn thành có khả năng cung cấp 5 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày cho các nhà máy điện, đáp ứng 70% sản lượng gas cho thị trường nội địa và từ 250 - 300 tấn condensate cho nhu cầu công nghiệp và dân dụng. Việc hoàn thành dự án này không những đã tận dụng tối đa nguồn khí đồng hành mà trước đây phải đốt bỏ ngoài khơi mà còn tạo động lực thúc đẩy nhiều dự án công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng các sản phẩm dầu khí, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã và đang triển khai nhiều công trình quan trọng như Nhà máy Lọc dầu Dung Quất công suất 6,5 triệu tấn/năm đã được khởi công xây dựng. Như đã tạo được đà, dự án Nam Côn Sơn bắt đầu khởi động, với mục đích vận chuyển, xử lý và phân phối khí từ bể Nam Côn Sơn, trước hết là mỏ Lan Tây - Lan Đỏ và sau đó là các mỏ khác. Cuối quý II-2001, lễ khởi công xây dựng đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn được tổ chức tại Dinh Cố, dự án này có công suất thiết kế 7 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm, trong đó giai đoạn 1 là 2,7 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm, cung cấp nguyên liệu cho Khu Công nghiệp Khí - Điện - Đạm Phú Mỹ. Đây là dự án đầu tư lớn, gần 1



Công dịch vụ dầu khí

tỷ USD, thi công chủ yếu trên biển. Khối lượng lớn các hạng mục ở tất cả các khâu được thực hiện đồng bộ gồm: giàn khai thác, đường ống dưới biển và trên bờ, trung tâm phân phối khí Phú Mỹ, hệ thống vận chuyển - tàng trữ condensate Nam Côn Sơn... được hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng sau 23 tháng thi công. Cuối tháng 11 - 2002, đề án đã nhận dòng khí đầu tiên vào bờ và bắt đầu hoạt động.

Trong vài năm trở lại đây, tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhà máy sản xuất phân đạm 740 nghìn tấn/năm với tổng vốn đầu tư 486 triệu USD đã được khởi công. Cuối năm 2001, PetroVietnam lại bắt tay vào xây dựng Trung tâm Phân phối khí Phú Mỹ tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng giá trị đầu tư của công trình là 15,6 triệu USD, công suất sẽ là 10 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày đêm, tương đương với 7 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm. Có thể nói với những dự án đầu tư có quy mô lớn trong lĩnh vực chế biến dầu khí, ngành dầu khí Việt Nam đang từ bước hình thành để trở thành một ngành công nghiệp hoá dầu có quy mô lớn hơn, góp phần thúc đẩy nhanh sự nghiệp hoá công nghiệp hóa đất nước. ■

## PETROLEUM INDUSTRY

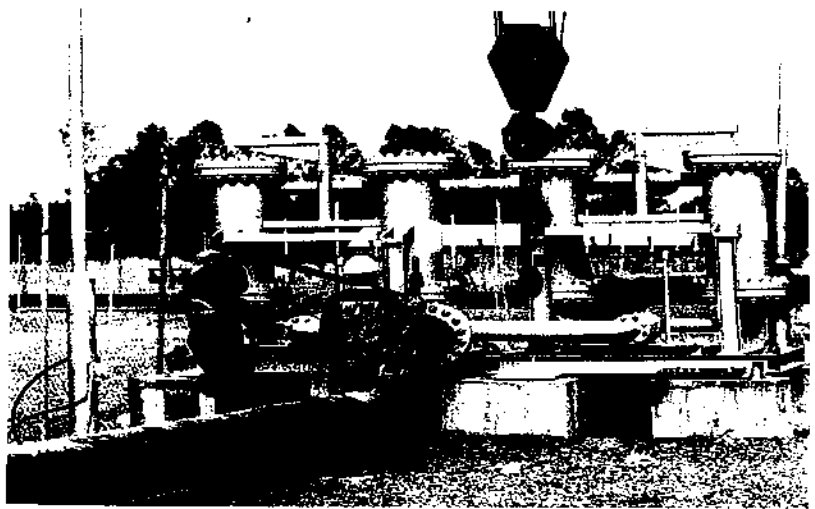
# GROWING TOWARDS A PERFECT INDUSTRY

**T**he beginning of Vietnam Petroleum Industry was a landmark of Vietnam economy development. Though it was found not so long, Vietnam Petroleum Industry has effectively exploited the country's petrol and gas resources, moreover, it has taken an important part in changing economy and society. The successes of Vietnam petroleum industry are considered to be a thorough preparation for Vietnam Petroleum chemistry industry.

The area of Vietnam shelf of ocean bed is several folds compared with mainland, about 1 million sq. kilometres with a lot of third-ranking sediment shelves like Red River, Phu Khanh, Cui Long, Nam Con Son, Malay-Tho Chu, Hoang Sa, Truong Sa etc. These shelves have been taken oil exploration since 1970. On May 26<sup>th</sup> 1984, the industrial oil flow was discovered. On June 26<sup>th</sup> 1986, the first oil flow was exploited, which initiated oil exploration in Vietnam. Until the end of 2002, oil exploitation was taken in 1/3 square of mainland and in a series of major oil wells such as: Bach Ho, Rong, Rang Dong, Ruby, Dai Hung, Bunga Kekwa, Tien Hai C. Many other wells like Lan Tay, Lan Do, Hai Thach, Kim Cuong Tay, Rong Doi, Thanh Long are preparing for exploitation.

### The fruits of Petroleum industry

At first, Vietnam Petroleum industry mainly sought and explored oil wells in Red River Delta and Mekong River Delta. Before 1980, only 3 contracts of seeking, exploring, exploiting and distributing oil on the Southern



*Phu My Gas Distribution Station*

shelf of ocean bed were signed.

In 1981, Vietsovpetro Joint-Venture Corporation (Vietsovpetro) was found, which marked a turning point of Vietnam petroleum industry. The factory discovered high capacity oil wells off-shore Ba Ria Vung Tau sea, the 2 biggest wells were Bach Ho well and Rong well. The first success of Vietsovpetro had blown a new wind to the stagnant economy. Until now, Vietsovpetro is the lead of Vietnam Petroleum Industry, exploiting 80% of the total capacity of crude oil in

Vietnam.

The second gigantic person of Vietnam petroleum industry is PetroVietnam. With the strategy of bringing into play inner strengths and cooperating with foreign petroleum corporations, PetroVietnam exploited a big output of crude oil, which takes an important part in the economic growth and integration of the country. In 1996, its crude oil output gained 8.8 million ton, and 16.22 million ton in 2000. Until 2002, Petrolimex has exploited and exported the over 100 million ton

crude oil, which helped Vietnam become the fourth biggest oil exploitation country in the South East Asia and the 44<sup>th</sup> biggest oil exploitation country in the world. Therefore, crude oil became the most important export goods of Vietnam that obtains the biggest export turnover of USD 1,142 million in 1998 and USD 2,100 million in 2000.

Moreover, a big success of Vietnam Petroleum Industry is exploiting and using associated gas as exploiting crude oil. In a past few year, associated gas was burnt out offshore, however, it has been now used to provide for Ba Ria Power Factory, Phu My Power Factory and Dinh Co LPG Factory. The output of associated gas also sharply increased: 183 million m<sup>3</sup> in 1983 and 930 m<sup>3</sup> in 1998, 1.4 billion m<sup>3</sup> in 1999 and 1.5 billion m<sup>3</sup> in 2000.

### Preparation for Petrochemistry Industry

With fruits harvesting from oil and gas exploitation, PetroVietnam continuously is going on investing in processing oil and gas. Plans of processing gas have been widely carried out in Baria-Vungtau. In 1994, the opening ceremony in Long Hai town of the collecting gas project from Bach Ho to Thu Duc was the starting stage for a long-term strategy. One year later, on April 26<sup>th</sup> 1995, the first gas flow was provided for Ba Ria Power Factory with an output of 1 million m<sup>3</sup>/day. In September 1997, the first LPG factory was built in Dinh Co commune, Long Dat District and it started operating in July 1999. Moreover, Bach Ho project of gas exploitation has been finished, it has a production capacity of 5 million m<sup>3</sup>/gas per day, providing 70% demand of gas for domestic market



*Bach Ho field in the night*

and 250-300 tons of Condensate for industrial and civil consumption. This project is making the most of associated gas, which steps up the development of many other industrial projects in Ba Ria-Vung Tau and in the South major economic region.

Moreover, to meet the demand in markets, PetroVietnam carried out strategic projects like Dung Quat Refinery Factory with a capacity of 6.5 million ton per year, Nam Con Son project of treating, transporting and distributing gas from Nam Con Son oil well to Lan Tay-Lan Do well and to other wells. In June 2001, the Nam Con Son project of gas pipeline was carried out with a capacity of 7 m<sup>3</sup> gas/year. In the first period, it will provide 2.7 billion m<sup>3</sup> gas/year. Nam Con Son factory will also provide material for Phu My gas-power-nitrogen industrial zone. Phu My industrial zone is a big project of nearly USD 1 billion which is mainly executed in the sea. A lot of works were synchronously carried out. However,

after a short time of 23 months, platform, pipeline in the sea and on the land, Phu My center of gas distribution, Nam Con Son system of condensate transport and reserve were finished on time with high construction quality. In November, the first gas flow was transported to the land.

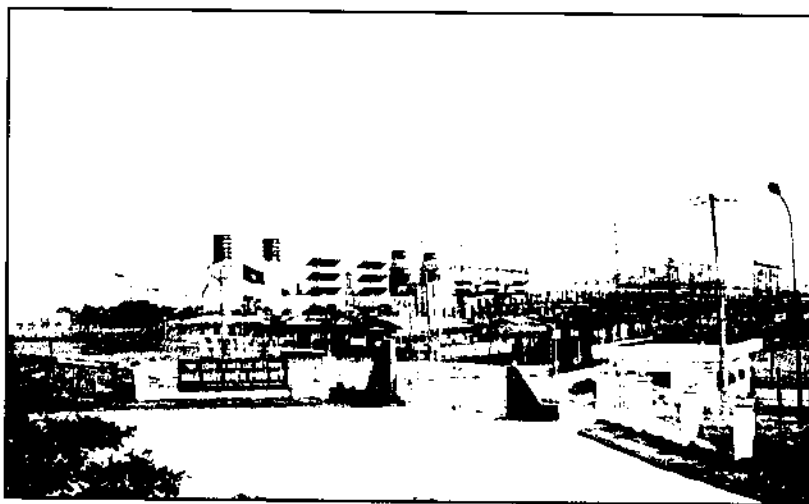
In recent years the factory of nitrogenous fertilizer, which had the capacity of 740 thousand ton/year and the total investment capital of USD 486 million, was begun to construct in Phu My-Ba Ria-Vung Tau industrial zone. At the end of 2001, PetroVietnam started to construct Phu My gas distribution center in Tan Thanh district, Ba Ria-Vung Tau province. The total investment capital of this project was USD 15.6 million with a capacity of 10 million m<sup>3</sup> gas/day, equivalent to 7 billion m<sup>3</sup> gas/year. The large-scale projects are the base for constructing a Petroleum chemistry Industry in Vietnam, which takes an important part in industrialization of Vietnam. ■

# PHÚ MỸ - TRUNG TÂM ĐIỆN NĂNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

**T**rong những năm qua, Ngành Điện lực Việt Nam đã có những bước tiến dài trong xây dựng và phát triển, đáp ứng nhu cầu điện năng cho sự phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao, góp phần thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng công nghiệp hóa và hiện đại hoá đất nước. Công việc đầu tư phát triển ngành cũng là nhiệm vụ cơ bản và lâu dài đã và đang tiếp tục thực hiện có hiệu quả với nhiều công trình dự án lớn như Yaly, Hàm Thuận-Đa My, Sông Hình, Cần Thơ, Phú Lại 2, trong đó Trung tâm Điện năng Phú Mỹ đang là một trung tâm phát điện lớn nhất của cả nước đáp ứng kịp thời và quan trọng nhu cầu cấp bách về nguồn cung cấp của Việt Nam.

Năm 1991 Việt Nam bắt đầu nghiên cứu xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ I với công nghệ ngưng hơi ở Phú Mỹ, huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án này sau đó được Chính phủ Nhật cho vay với vốn đầu tư của toàn dự án là 97,367 tỷ yên. Đến năm 1995, Chính phủ Việt Nam quyết định đổi mới công nghệ từ nhiệt ngưng hơi sang tuabin khí chu trình hỗn hợp (hoạt động bằng khí và và dầu) để sử dụng khí Nam Côn Sơn làm nhiên liệu phát điện. Nhà máy đầu tiên ở Trung tâm Điện lực Phú Mỹ đó là dự án Phú Mỹ 2.1 được xây dựng vào năm 1996 và nhà máy cuối cùng dự kiến sẽ đưa vào vận hành trong năm 2007. Tổng kinh phí xây dựng Trung tâm Điện lực Phú Mỹ hơn 2 tỷ USD, công suất thiết kế 4.500 MW. Phú Mỹ sẽ trở thành trung tâm điện năng lớn nhất Việt Nam.

Kể từ ngày phát điện lần đầu tiên cho tới ngày 30 - 4 - 2003, Nhà máy Điện Phú Mỹ đã cung cấp cho hệ thống điện Việt Nam được 21,049 tỷ kWh điện năng, trong đó có 16,616 tỷ kWh phát điện bằng khí đốt. Về tốc độ phát triển năng



Nhà máy Điện Phú Mỹ

lượng phát điện, Nhà máy Điện Phú Mỹ đã đạt được tốc độ phát triển rất cao trong thời gian qua. Năm 1997 phát được 0,28 tỷ kWh; năm 2000 phát 3,366 tỷ kWh, đến năm 2002 phát 6,861 tỷ kWh. Năm 2003 Tổng Công ty Điện lực giao nhiệm vụ cho nhà máy phát 11,54 tỷ kWh.

## Các dự án đã đi vào vận hành thương mại

Dự án Phú Mỹ 2.1, là dự án nguồn đầu tiên tại Trung tâm Điện

lực Phú Mỹ, được Thủ tướng Võ Văn Kiệt phát lệnh khởi công vào 7 - 4 - 1996, giao cho Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đầu tư bằng nguồn vốn của tổng công ty với công suất lắp đặt là 430 MW. Chu trình đơn 2 x 140 MW đã đưa vào vận hành cuối năm 1998, sử dụng khí đồng hành Bạch Hổ, đáp ứng mục tiêu cung cấp điện vào mùa khô từ năm 1999 đến nay. Hàng năm nhà máy phát điện ổn định khoảng trên 1,4 tỷ kWh. Phần dưới

hơi công suất 163 MW đang được tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị. Đây là dự án sử dụng vốn trong nước. Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đảm nhận phân thiết kế, phân xây dựng cho nhà thầu xây lắp trong nước thực hiện. Dự kiến khởi công xây dựng năm 2003 và hoàn thành đưa vào vận hành năm 2005. Nhà máy đang sử dụng khí đồng hành Bạch Hổ với lượng khí 600 triệu m<sup>3</sup>/năm, sau sẽ chuyển sang sử dụng khí thiên nhiên Nam Côn Sơn để dành khí đồng hành cho sản xuất dam.

Tiếp theo đó là Dự án Nhà máy Điện Phú Mỹ 1, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư giao cho Tổng Công ty Điện lực là chủ đầu tư, sử dụng vốn ODA Nhật Bản, công suất 1.090 MW. Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã đấu thầu quốc tế, nhà thầu Mishubishi Heavy Industries (Nhật Bản) trúng thầu. Chu trình gồm 3 tổ máy tuabin khí công suất 3 x 240 MW đã được đưa vào nghiệm thu, vận hành năm 2001. Riêng phần đuôi hơi của chu trình hỗn hợp công suất 391,1 MW được bàn giao và đưa vào vận hành vào tháng 6 - 2002. Tổng công suất

thiết kế vận hành khí đốt chu trình hỗn hợp của Phú Mỹ 1 là 1.090 MW.

Cho tới nay, tổng công suất sử dụng hiện tại của Nhà máy Điện Phú Mỹ (bao gồm Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 1) đạt 1.655 MW. Nhà máy Điện Phú Mỹ đã trở thành là nhà máy điện có công suất lớn nhất trong khối nhiệt điện của Việt Nam.

### **Các dự án đang được xây dựng và chuẩn bị tiếp nhận vận hành**

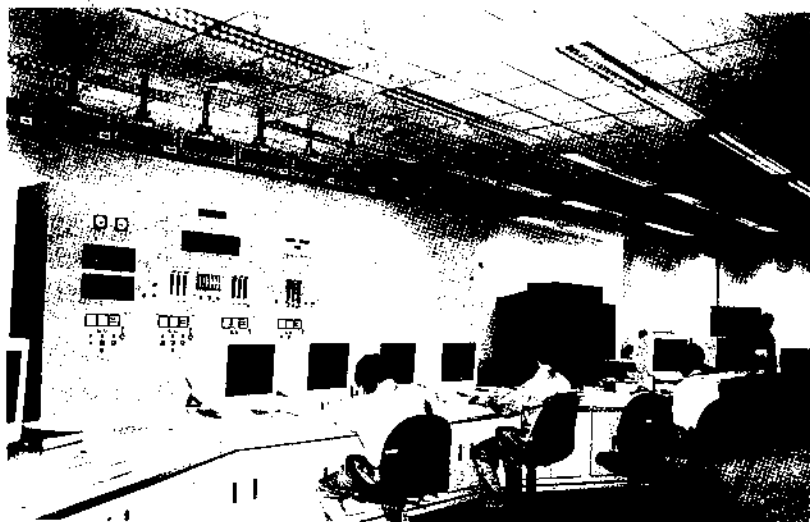
Nhà máy Điện Phú Mỹ 4, là dự án nguồn điện mới tại Nhà máy Điện Phú Mỹ, được khởi công vào ngày 20 - 6 - 2002, với tổng công suất thiết kế 450 MW kiểu tuabin khí chu kỳ hỗn hợp. Dự kiến tháng 8 - 2003 đưa phần tuabin khí tổ máy 1 vào vận hành, tháng 9 - 2003 đưa phần tuabin khí tổ máy 2 vào vận hành, tháng 6 - 2004 hoàn thành toàn bộ nhà máy. Nhà máy sẽ sử dụng khí thiên nhiên với khối lượng khí là 450 triệu m<sup>3</sup>/năm.

Dự án Đuôi hơi Phú Mỹ 2.1 mở rộng bao gồm 2 lò thu nhiệt, tận dụng trong khối thải của 2 tuabin khí thuộc 2.1 mở rộng, để vận hành 1 tuabin hơi nước công suất khoảng

163 MW, hoàn toàn không cần đốt thêm nhiên liệu. Dự án đang trong giai đoạn xét thầu, dự kiến vào năm 2005 sẽ hoàn thành bàn giao cho Tổng Công ty Điện lực chính thức. Khối nguồn phát điện Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 1 hiện tại và các dự án đang triển khai là đuôi hơi Phú Mỹ 2.1, đuôi hơi Phú Mỹ 2.1 mở rộng và dự án tuabin khí chu trình hỗn hợp Phú Mỹ 4 sẽ nâng tổng công suất nguồn phát điện của Tổng Công ty Điện lực tại Khu Điện lực Phú Mỹ lên tới 2.450 MW vào cuối năm 2004, đầu năm 2005, chiếm khoảng gần 30% tổng công suất nguồn điện của Việt Nam vào năm 2004.

Với đặc điểm công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp có công suất đầu tư tương đối thấp (khoảng 500 USD/kW công suất lắp đặt), thời gian xây dựng lắp đặt rất nhanh, hiệu suất cao nhất trong các loại hình nhà máy nhiệt điện hiện nay, được trang bị lắp đặt các loại tổ máy tuabin khí hiện đại, với mức độ tự động hóa rất cao, sử dụng nguồn tài nguyên có trong nước là khí đồng hành Mỏ Bạch Hổ hiện tại và khí tự nhiên Mỏ Nam Côn Sơn vào năm 2003. Cùng với 2 dự án nguồn điện với tổng công suất khoảng 1.430 MW tuabin khí chu trình hỗn hợp thuộc dạng BOT là Phú Mỹ 3 và Phú Mỹ 2.2 (nhà thầu bỏ vốn toàn bộ xây dựng nhà máy, vận hành khoảng 20 năm bán điện cho Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, rồi chuyển lại cho Nhà nước Việt nam).

Qua đó, Phú Mỹ đã và đang là một trung tâm phát điện lớn và hiện đại nhất Việt Nam, đáp ứng kịp thời và quan trọng nhu cầu cấp bách về nguồn phát điện của Việt Nam, nhất là nhu cầu các hộ tiêu thụ điện trong mùa khô, và sẽ phát huy cao hiệu quả kinh tế do sử dụng toàn bộ chu trình hỗn hợp với nguồn khí đốt Nam Côn Sơn từ năm 2003 trở đi.



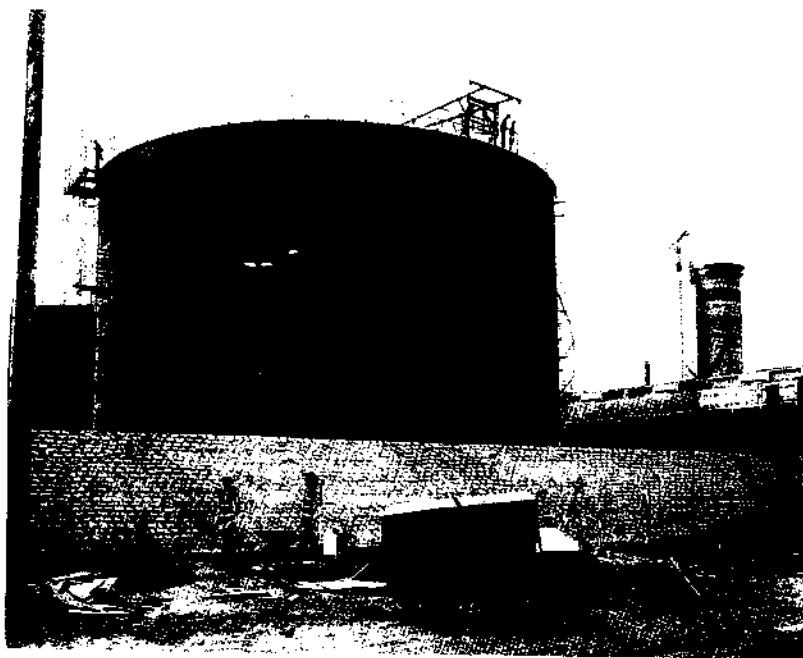
*Khu trung tâm điều hành Nhà máy Điện Phú Mỹ 1*

## PHU MY-THE LARGEST ELECTRIC POWER CENTER OF VIETNAM

**O**ver the past years, Vietnam Electric Power has made giant strides in its construction and development, making contribution to meeting the demand for better socio-economic development and the implementation of renewal process with national industrialization and modernization. The task of investment and development of the branch also represents a fundamental and long-term one which has been implemented successfully with big projects namely Yaly, Ham Thuan-Da Nang My, Hinh River, Can Tho, Pha Lai 2, among which. Phu My is one of largest electric power centers of Viet Nam, timely meeting the urgent demand for Vietnamese electric supply.

In 1991, Vietnam started the construction of Phu My 1 thermo-electric plant with the technology of condense steam in Phu My, Tan Thanh district in Ba Ria-Vung Tau province. The project then received loans from Japanese government worth 97.367 billion JPY. In 1995, with the decision by Vietnamese government, the old technology was replaced by the new one of air-turbine with mixed cycle (using oil and gas) to utilize gas in Southern Con Son as fuel for electricity generation. Phu My project 2.1, the first plant of Phu My electric power center was built in 1996 and scheduled to come into operation in 2007. Phu My, with the total expense of more than 2 billion USD and a designed capacity of 4,500 MW is likely to become the largest electric power center of Vietnam.

From the first day of operation to April 30, 2003, Phu My supplied 21.049 billion KWh for Vietnam electric network, 16.616 of which was generated by fuel. Over the past years, Phu My has recorded high growth rate in electric productivity. In 1997, 0.28 billion KWh was generated; in 2000, 3.366 bil-



*Phu My Gas Power- Fertilizer Complex*

lion KWh; in 2002, 6.861 billion KWh; in 2003, the General Corporation of Electric Power has assigned a productivity of 11.54 billion KWh to the plant.

### **Projects that have come into operation.**

Phu My 2.1 project with a

capacity of 430 MW is the first source one in Phu My electric power center, ordered to constructed by former Prime Minister Vo Van Kiet April 7, 1996, invested by the General Corporation of Electric Power with its own capital source. As far as technology is concerned, single cycle 2 x 140 MW was

applied in late 1998, utilizing associated Bach Ho gas, meeting the demand of supplying electricity since late 1999. The plant generates an annual electric productivity of 1.4 billion KWh. The part of air-tails of the plant are selected by an international bidding organization to be supplies. The project utilizes domestic investment capital and is consulted and by General Corporation of Electric Power of Vietnam with the design and construction by domestic corporations. It is scheduled to be constructed in 2003 and come into operation in 2005. The plant is utilizing associated Bach Ho gas with a capacity of 600 million m<sup>3</sup> per annum, and then using natural gas in Southern Con Son, leaving associated Bach Ho gas for the production of nitrogen.

Besides, Phu My 1, electric plant with a capacity of 1,090 MW, approved by the Prime Minister and then assigned to General Corporation of Electric Power as the investor, using Japanese ODA. General Corporation of Electric Power of Vietnam organized international bidding and the Mitsubishi Heavy Industries (Japan) was then selected as the qualified one. The cycle including 3 air turbine complexes with a capacity of 3x240 MW was completed, commissioned and put into operation in 2001. The part of air-tail of the mixed cycle with a capacity of 391.1 MW was handed over and put into operation in July 2002. The total designed mixed cycle fuel operating capacity of Phu My 1 is 1,090 MW.

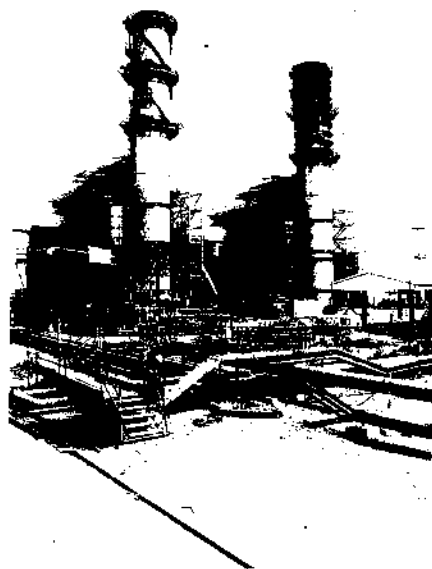
Up to now, the total available capacity of Phu My electric power plant (including Phu My 1 and Phu My 2) has amounted to 1,665 MW. The plant has become the one with the highest capacity among the thermo-electric plants in Vietnam.

### The projects being constructed and put into operation

Phu My 4 electric plant, a new project of electricity source in thermo-electric plant, was constructed June 20, 2002 with a total designed capacity of 450 MW and mixed cycle air-turbines. According to the plan, the complicated turbines and machine complex No1 will be put into operation in August 2003, the air turbine in September 2003 and the whole plant in June 2004. The plant is utilizing natural gas with an annual volume of 450 million m<sup>3</sup>.

The project for expanded Phu My air-tail includes 2 heat-absorbing furnaces, utilizing emission from 2 air turbines of expanded 2.1 for the operation of a steam turbine with a total capacity of 163 MW without consuming fuel. The project is currently under bidding and it is scheduled to be completed and officially handed over to General Corporation of Electric Power by 2005. The complexes of Phu My 2.1, current Phu My and other projects under implementation such as expanded Phu My 2.1 and Phu My 2.2 air-tails and project of Phu My 4 mixed cycle turbines will increase the total productivity of electricity generated by the General Corporation of Electric Power in Phu My to 2,450 MW by late 2004, early 2005, accounting for nearly 30% of Vietnam total electricity output by 2004.

The projects are characterized by rather low investment capital required for mixed cycle air turbines (about 500USD/KW of installed capacity), quick installment, and highest output among



*Phu My Gas Power-Fertilizer Complex*

all types of current thermo-electric plants, modern air turbines with high automation, utilization of local natural resources such as associated gas in Bach Ho at present and natural gas in Southern Con Son in 2003. In addition, there are 2 BOT electricity projects with a total capacity of 1,430 MW using mixed cycle air turbines namely Phu My 3 and Phu My 2.2 (the investor invests his capital in the construction and then, after 20 years of operation with sales of electricity to General Corporation of Electric Power, returns it to Vietnam)

In conclusion, Phu My has been serving as the biggest and the most modern electric power center of Vietnam, timely meeting the urgent demand for national electricity supply, especially in dry season, and bringing into full play the economic efficiency of using mixed cycle together with the gas source in Southern Con Son from 2003. ■

## NHÀ MÁY ĐIỆN BÀ RỊA

# CUNG CẤP NGUỒN ĐIỆN QUAN TRỌNG CHO ĐẤT NƯỚC

**T**hành lập năm 1992, Nhà máy Điện Bà Rịa được đánh giá là một trong những nguồn điện năng quan trọng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Sự ra đời này đã đánh dấu một mốc son có ý nghĩa đối với ngành công nghiệp điện năng quốc gia cũng như góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế Bà Rịa - Vũng Tàu phát triển.

### Những chặng đường phát triển

Nhà máy Điện Bà Rịa là đơn vị đầu tiên sử dụng khí đồng hành để vận hành Turbine khí phát điện năng. Năm 1992, trên cơ sở cũ là Trạm phát điện Turbine khí Bà Rịa trực thuộc Nhà máy Điện Chợ Quán (Công ty Điện lực 2) bao gồm 2 tổ máy Turbine khí Frame 5 chuyển từ An Lạc - Hải Phòng vào với tổng công suất thiết kế là 46,8 MW. Đến tháng 10 năm 1992, trạm mở rộng thêm 2 tổ máy Turbine khí Frame 6 nâng tổng công suất thiết kế lên 121,8 MW. Chính thức thành lập vào ngày 24 - 12 - 1992, Nhà máy Điện Bà Rịa đã lên kế hoạch nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất nền nguồn điện và lưới điện được tăng thêm đáng kể. Năm 1993 tăng thêm 3 tổ máy Frame 6 đến năm 1996 tăng thêm 1 tổ máy Frame 6, năm 1999 - 2000 nhà máy lắp đặt thêm 2 tổ dưới hơi 306 - 1, 306 - 2 và nâng công suất thiết kế lên 388,9 MW.

Sở với các nhà máy lớn như Yaly, Trĩ An, Hòa Bình, Phú Lai 2, Phú Mỹ... thì Nhà máy Điện Bà Rịa chỉ là một đơn vị nhỏ, nhưng đối với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì nhà máy là đơn vị công nghiệp đầu tiên đón nguồn khí đồng hành từ mỏ Bạch Hổ chuyển vào phục vụ sản xuất điện từ tháng 5 năm 1995. Nhằm tận dụng nguồn năng lượng dư thừa của các tổ máy, nhà máy đã tích cực đầu tư lắp đặt thêm 2 cụm dưới hơi 306 - 1, 306 - 2 và đưa vào vận hành nâng tổng công suất thiết kế toàn nhà máy lên 388,9 MW được Hội đồng nghiệm thu của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đánh giá đạt yêu cầu về kỹ thuật và tiến bộ trong hệ thống mạng lưới điện quốc gia. Với 2 dự án đã đi vào hoạt động, Nhà máy Điện Bà Rịa đã tận dụng việc thừa khí đồng hành nhằm giải quyết vấn đề kinh tế đồng thời lại khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường vì nhà máy đã xây dựng một hệ thống trung hòa tự động các hóa chất để bảo đảm vệ sinh. Nếu như năm

1992 nhà máy đã cung cấp lên lưới điện 24 triệu kWh thì năm 1995 đã sản xuất 900 triệu kWh và năm 2002 sản xuất 2,2 tỷ kWh. Tính từ năm 1992 cho đến tháng 5 năm 2003, nhà máy đã sản xuất và hòa lưới điện quốc gia hơn 12 tỷ kWh an toàn. Sự cố gắng này đã được đền đáp xứng đáng. Trong năm 10 năm qua, Nhà máy Điện Bà Rịa đã được 81 bằng khen và 9 cờ thi đua các cấp, được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3.

### Hướng phát triển trong tương lai

Phát huy những thành tích đã đạt được, Nhà máy Điện Bà Rịa tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động, không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng kỹ thuật, khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ lao động. Trước những khó khăn và thách thức lớn về nguy cơ thiếu điện của miền Bắc trong tương lai, nhà máy đang tích cực phát huy cao độ tiến trình, tập trung hoạt động các tổ máy GT F - 6, ưu tiên sử dụng khí đồng hành.

Suốt thời gian hoạt động nhà máy không ngừng đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Hiện nay, nhà máy cơ bản đã hoàn thành hệ thống đường sá và cảnh quan xung quanh nhưng vẫn còn nằm trong khuôn viên nhỏ hẹp so với nhu cầu phát triển. Chính vì thế, nhà máy sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 1 nhà kho và 1 phân xưởng nhằm mở rộng hoạt động sửa chữa cơ nhiệt, điện nhằm phát huy hết khả năng công suất của một nhà máy điện khu vực miền Đông Nam bộ.

Với những dự án trong thời kỳ đổi mới, Nhà máy Điện Bà Rịa là một trong những nguồn cung cấp điện quan trọng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống đồng thời tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội. ■



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

# NHÀ MÁY ĐIỆN BÀ RỊA

ELECTRICITY OF VIETNAM

BARIA POWER PLANT

BRPP



**Nhà máy Điện Bà Rịa là một trong những nguồn cung cấp điện năng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam**



*Nhà máy có 8 tổ máy Turbine khí và 2 tổ đầu hơi với tổng công suất thiết kế 388,9 MW. Nhiên liệu chính để sản xuất điện là khí đốt, nhiên liệu dự phòng là dầu D.O*



**Địa chỉ của Nhà máy:**  
**Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa,**  
**Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**  
**Tel: (064) 829898 - 825161 - 825470**  
**Fax: (064) 825985**

## BA RIA POWER PLANT

# A NATIONAL IMPORTANT POWER SUPPLIER

**F**ounded in 1992, the Ba Ria Power Plant is seen as an important power supplier of Vietnam Electricity Corporation. The foundation marked a turning point for the national power industry and made great contribution to accelerating the economy of Ba Ria-Vung Tau province.

### Development phases

The Ba Ria Power Plant is the first one to use associated gas to operate turbine electricity generators. In 1992, Ba Ria gas turbine power generator under jurisdiction of Cho Quan Power Plant (Power Company No. 2) consisted of two gas turbines Frame 5 which was moved from An Lac district of Hai Phong city with the total design capacity of 46.8 MW. As of October 1992, the station inaugurated two additional gas turbines Frame, increasing the total capacity to 121.8 MW. Officially established on 24 December 1992, Ba Ria Power Plant designed out a plan for infrastructure upgradation. As a result, power supply and power grids were remarkably improved. The plant installed three additional turbines Frame 6 in 1993, one more turbine Frame 6 and another two additional turbines 306-1, 306-2 in 1996, and increased the design capacity to 388.9 MW.

Compared to such big power plants as Ya Ly, Tri An, Hoa Binh, Pha Lai 2, Phu My..., the Ba Ria Power Plant is only a small one, however it is the first one to use associated gas from Gach Ho oil rig for power generation since May 1995. With aims to make the best use of energy abundant from turbines, power plants dynamically invested in installing two additional turbines 306-1 and 306-2 and brought them into operation, increasing the total design capacity to 388.9 MW. As evaluated by the Inspection Council of the Vietnam Electricity Corporation, the above-mentioned project met advanced technical standards of the national electric power grid. The Ba Ria Power Plant introduced two projects into operation, utilizing associated gas in order to economize and alleviate air pollution. The Plant installed an automatic system for neutralizing chemicals to ensure the environment is

kept unpolluted.

The Plant supplied a power capacity of 24 million kWh in 1992; 900 million kWh in 1995 and 2.2 billion kWh in 2002. Between 1992 and May 2003, the Plant has generated and safely connected more than 12 billion kWh to the national power grid. The efforts brought in satisfactory results. Over last 10 years, the Ba Ria Power Plant has won 81 merit certificates, 9 emulation flags and Labor Order Rank 3 handed over by the President of Vietnam.

### Development Orientations for the future

Aiming to bring into full play the above-mentioned achievements, the Ba Ria Power Plant continues promoting activities, improving technical standards and exploiting human resources effectively, providing training and refresher courses to labour force. The North will take a risk of electric power lack in the future, the Plant is actively promoting the operation of GT F-6 and giving priority to utilizing associated gas.

During the operation, the Plant constantly makes investment and improving infrastructure and equipment. At present, the Plant has basically completed the road system and surrounding landscape. The Plant continues investing in constructing an additional store and one workshop for the purpose of developing thermo-electricity repair activities-in an attempt to bring into full play the capacity of the electric power plant in the south east central area.

The Plant which has been implementing projects during the renovation is one of important electric power supplies under jurisdiction of Vietnam Electricity Corporation, contributing to improving the quality of life and facilitating the socio-economic development. ■

## NGÀNH THƯƠNG MẠI BÀ RỊA - VŨNG TÀU

## KHÔNG NGỪNG MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

**S**au hơn 10 năm hoạt động, vượt qua các biến động về mạng lưới tổ chức, những khó khăn của nền kinh tế trong nước và khu vực, ngành thương mại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt được những thành tựu quan trọng trong lĩnh vực lưu thông hàng hoá, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngành thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập từ tháng 10 năm 1991, trên cơ sở tiền thân là Sở Thương nghiệp và Lương thực đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo với nhiệm vụ phục vụ đời sống nhân dân và thúc đẩy sản xuất phát triển, khai thác mọi nguồn hàng đáp ứng nhu cầu của các chuyên gia và công nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, phục vụ khách du lịch.

Đến khi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập thì đổi tên là Sở Thương mại với nhiệm vụ quản lý Nhà nước trên hai lĩnh vực thương mại và du lịch. Cuối năm 1993, Ủy ban Nhân dân tỉnh mới có quyết định tách Sở Thương mại - Du lịch thành hai sở riêng hoạt động độc lập. Có thể nói, ngành thương mại tỉnh được thành lập trong bối cảnh cả nước bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm (1991 - 1995), nhiều chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành và tổ chức thực hiện nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Qua đó, ngành thương mại có những nét khởi sắc và chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Hệ thống các chợ, siêu thị, cửa hàng... rải đều các huyện thị. Chợ Vũng Tàu được xây dựng khang trang, sạch sẽ hơn trước, góp phần làm đẹp bộ mặt của khu trung tâm thành phố. Khu chợ



*Xi nghiệp Giày Tranmatsuco 2*

5 tầng, Trung tâm Thương mại Bà Rịa được xây dựng mới vào cuối năm 1999 tạo điều kiện thuận lợi thêm cho hoạt động nội thương trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp thương mại trong và ngoài quốc doanh cũng dần đi vào ổn định, thực hiện tốt vai trò cung cấp hàng tiêu dùng, phương tiện sản xuất...

### Kinh doanh trên thị trường nội địa

Theo đánh giá của Sở Thương mại, trong năm 2002, lưu thông hàng hoá trên thị trường tăng trưởng khá. Đặc biệt trong 2 năm gần đây, khi hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh thương mại, dịch vụ ngày càng được đầu tư đồng bộ, các

chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và đặc biệt là đối với các thành phần kinh tế tư nhân đã thúc đẩy phát triển mạng lưới thương mại, dịch vụ ngày càng phát triển mạnh hơn, rộng hơn.

Doanh thu thương mại - dịch vụ toàn ngành năm 2002 đạt 13.925 tỷ đồng, tăng 14,17% so với năm 2001. Trong đó, hoạt động của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã có sự chuyển biến tích cực hơn, ngày càng phát triển mạnh về số lượng lẫn quy mô kinh doanh, góp phần cùng thương nghiệp quốc doanh tạo thành đội ngũ thương nhân đông đảo có khả năng chi phối thị trường bán lẻ hàng hoá trong nội địa, doanh thu của khu vực này

chiếm 49% tổng doanh thu toàn ngành. Doanh nghiệp Nhà nước đã không ngừng thực hiện tốt vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế thị trường bằng việc đổi mới phương thức kinh doanh, đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng thị trường...

Riêng thị trường nông thôn vẫn chưa phát triển ổn định, sức mua còn thấp và chưa có giải pháp hữu hiệu nhằm thúc đẩy mạnh mức tiêu thụ của thị trường này. Để mở rộng phát triển và cung cấp hàng hoá phục vụ cho sản xuất và nhu cầu tiêu dùng cho người dân nông thôn, ngành thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu cũng đề ra nhiều biện pháp như cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất cho hoạt động bán lẻ và chợ, mở rộng mạng lưới kinh doanh với nhiều hình thức linh hoạt như đại lý, uỷ thác, bán trả góp, khuyến mãi, tổ chức các buổi bán hàng lưu động cho người dân vùng sâu, vùng xa vào các dịp Tết cổ truyền với chính sách giảm giá.

### **Kinh doanh ngoại thương phát triển mạnh mẽ**

Từ chỗ chỉ hoạt động chủ yếu là

nội thương, đến nay ngành thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu đã xây dựng được mối quan hệ thương mại với 25 nước. Trong thời gian gần đây, cơ cấu thị trường có sự chuyển dịch từ các nước châu Á sang châu Âu song châu Á vẫn là thị trường chính, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này năm 2002 đạt 92,75 triệu USD, chiếm 71,12% trong tổng kim ngạch xuất khẩu địa phương, các nước có kim ngạch tăng mạnh là Trung Quốc tăng 165,87%, Nhật tăng 51,23%, Hàn Quốc tăng 24,28%. Thị trường châu Âu cũng tăng khá, đạt 32,28 triệu USD, chiếm 24,75%, riêng thị trường châu Mỹ, tuy mới tiếp cận nhưng cũng đã có tỷ trọng xuất khẩu cao, đạt 4,06 triệu USD và tăng nhiều nhất là thị trường Mỹ đạt 580,36%.

Trong năm 2002, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh là 3.248,01 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương đạt 130,41 triệu USD, tăng 13,74% so với năm 2001, xuất khẩu ở một số mặt hàng tăng mạnh như giày da tăng 146,36%, hải sản tăng 45,04%. Do cơ chế xuất nhập khẩu được mở

rộng đã tạo cơ hội tốt cho các doanh nghiệp tham gia và qua đó góp phần làm cho hoạt động này ngày càng trở nên nhộn nhịp hơn.

Sau dầu thô (16,00 triệu tấn/năm), mặt hàng xuất khẩu quan trọng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là hải sản với 33.127 tấn/năm. Có được lượng xuất khẩu cao như vậy là nhờ các doanh nghiệp kinh doanh và chế biến hải sản trên địa bàn tỉnh đã chủ động tìm kiếm và mở rộng thêm được một số thị trường mới như Trung Quốc, Lào để xuất hải sản khô. Một số doanh nghiệp khác đã tìm nhiều biện pháp để nâng cấp nhà xưởng, trang thiết bị sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo đủ điều kiện vào thị trường EU, một số doanh nghiệp chế biến ra các mặt hàng mới, chất lượng cao để tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Các mặt hàng khác như công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hàng nông, lâm sản có tốc độ tăng chậm do giá nông sản trên thị trường thế giới không ổn định.

Trong thời gian qua, ngành thương mại tỉnh đã có những bước chuyển biến mới, không ngừng mở rộng thị trường, các chỉ tiêu về doanh thu luôn được đảm bảo, đặc biệt là về chỉ tiêu xuất khẩu, năm sau luôn cao hơn năm trước. Để làm được điều đó là một sự nỗ lực lớn của các thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp tỉnh đã tích cực phấn đấu trong sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, từ đó mở rộng được thị trường xuất khẩu hải sản sang các nước Hàn Quốc, Trung Quốc và tăng mạnh vào thị trường Nhật Bản. Hơn thế nữa, các doanh nghiệp tỉnh đã phấn đấu có bước nhảy vọt về xuất khẩu sang thị trường châu Âu, đây là tín hiệu đáng phấn khởi cho xuất khẩu địa phương. Đặc biệt, trong năm khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh có tốc độ tăng kim ngạch



*Công ty May Hy Vong*

xuất khẩu rất cao, đạt 71,95 triệu USD tăng 119,43% so với năm 2001, chủ yếu do tăng đầu mỗi tham gia xuất khẩu hải sản. Có doanh nghiệp tuy mới chỉ tham gia xuất khẩu năm đầu tiên nhưng kim ngạch khá cao như Công ty TNHH Bảo Ngọc xuất 5,06 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,48% kim ngạch của khối này, Doanh nghiệp tư nhân Hải Dương đạt kim ngạch 2,86 triệu USD...

Về nhập khẩu, tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2002 là 230,37 triệu USD, tăng 2,88% so với năm 2001, trong đó, kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI tăng 44,45% do nhập khẩu máy móc thiết bị để tạo tài sản cố định và tăng cường nhập nguyên, nhiên vật liệu, vật tư để sản xuất. Riêng nhập khẩu của các doanh nghiệp địa phương giảm 25,23%, chủ yếu do việc hạn chế nhập khẩu linh kiện xe gắn máy.

Cùng với các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, công tác xuất khẩu lao động cũng thu được kết quả khả quan. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3 đơn vị thực hiện chức năng xuất khẩu lao động. Trong năm 2002 đã xuất khẩu được 1.420 lao động chủ yếu sang thị trường Đài Loan, Malaysia, một số ít sang Nhật để làm các công việc như thuyền viên, sản xuất công nghiệp,



*Trung tâm thương mại*

giúp việc gia đình... với mức lương bình quân khoảng 500 USD người/tháng.

Để tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu, trong những năm qua, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu luôn chú trọng đến hoạt động thông tin và xúc tiến thương mại thông qua việc thành lập Trung tâm Xúc tiến thương mại thuộc Sở. Đến nay, hoạt động của trung tâm này đã dẫn đi vào nề nếp, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường, mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Đặc biệt, trong năm 2002, ngành đã giới thiệu miễn phí lên trang Website của Trung tâm Xúc tiến Thương mại - Đầu tư - Du lịch Asean - Nhật Bản (AJC) cho 5 doanh nghiệp của tỉnh và tiến hành thu thập thông tin của 9 doanh

nh nghiệp xuất nhập khẩu tiêu biểu của tỉnh để đăng ký miễn phí trên "Kỷ yếu Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam năm 2003".

### **Định hướng phát triển đến năm 2005**

Bước vào thời kỳ phát triển mới giai đoạn 2001 - 2005, ngành thương mại tỉnh xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là đưa hoạt động thương mại trở thành đòn bẩy, thúc đẩy hướng dẫn sản xuất, góp phần ổn định thị trường, thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế, xã hội của tỉnh. Nói về định hướng trong thời gian tới, ông Trần Tấn Huy, Giám đốc Sở Thương mại Bà Rịa - Vũng Tàu, cho biết: "Để chủ động hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực thì các cơ chế về quản lý phải được đổi mới, đầu tư đổi mới công nghệ, tăng năng suất, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá và doanh nghiệp. Gắn kết thị trường nội địa với thị trường nước ngoài, lấy xuất khẩu làm mũi nhọn hàng đầu trong phát triển kinh tế thương mại của tỉnh". Phấn đấu đến năm 2005, giá trị hàng hoá bán ra trên thị trường sẽ gấp 1,25 lần năm 2000, tổng kim ngạch xuất khẩu (trừ dầu khí) hàng năm tăng 16,6%. Dự kiến, năm 2005, hàng xuất khẩu qua chế biến chiếm 80% và sẽ có thêm nhiều mặt hàng, nhóm hàng xuất khẩu có khối lượng và giá trị lớn, đặc biệt là tăng khối lượng các mặt hàng đặc sản. ■

### **Giá trị ngành hàng xuất nhập khẩu năm 2001 - 2002**

*Đơn vị: triệu USD*

Các chỉ tiêu	2001	2002
<b>Xuất khẩu</b>	114,66	130,41
Hàng nông, lâm sản	1,05	1,35
Hàng thủy sản	52,15	75,64
Hàng CN, TTCN	61,46	53,42
<b>Nhập khẩu</b>	91,45	68,38
Máy móc thiết bị và phụ tùng	39,56	41,68
Nguyên, nhiên vật liệu và vật tư	10,88	5,67
Hàng tiêu dùng	41,01	21,03

## BA RIA-VUNG TAU TRADE INDUSTRY

# LOOKING FOR LARGER MARKET

**A**fter 10 years of operation, despite coping with great changes in organizational structure network as well as difficulties in domestic and regional economy, the Trade Industry of Ba Ria-Vung Tau province has obtained achievements in commodity circulation, making a large contribution to the provincial socio-economic development.

The Trade Industry of Ba Ria-Vung Tau province which was preceded by the Department of Vung Tau-Con Dao Trade and Food was founded in October 1991. Its objectives were to serve people's life, further expand production, explore all commodities with aims to satisfy demands of foreign experts and workers specialized in the oil exploration and exploitation and provide services to tourists.

When Ba Ria-Vung Tau became a province, the Department of Trade and Food was re-named into the Trade Department with its administrative management task of trade and tourism. In late 1993, the Provincial People's Committee decided to separate the Trade-Tourism Department into two individual departments. As a result, the Trade Industry was founded in the light of the national implementation of the five-Year Plan (1991-1995). In such context, the State and the Party promulgated and organized implementation of series of policies and guidelines, aiming to accelerate the socio-economic development. Thereby, the Trade industry has reaped good fruits and positively changed. Its markets, super-markets and shops swept over different provinces and dis-



*Ba Ria Rubber Company*

tricts. Vung Tau market was largely and cleanly built up, helping beautify the downtown city. The Ba Ria Trade Center was newly built up in late 1999, accommodating domestic trade activities in the province. Also, State-owned enterprises and Non-State enterprises has gradually become stable and played a very important role in supplying consumption goods and production equipment and facilities.

### **Business operation in domestic markets**

As evaluated by the Trade Department, there was a considerably dramatical goods circulation in the domestic market in 2002.

Especially, over two recent years, infrastructure for business and commercial services has been synchronously invested. Incentive domestic investment policies, especially applicable to private economic sectors has enhanced the ever-wider and stronger development of commercial service network.

Revenues of commercial services obtained at VND 13,925 billion in 2002, increasing by 14.17 percent against 2001, in which non-State economic components have been positively changed in terms of both numbers and scope of business, catching up with State economic components in order to create a powerful business community

who have capable to control over domestic retail markets. Revenues of this sector occupied 49 percent of the entire industry. State-Owned Enterprises constantly played a key role in the market economy through business method renovation, investment-development-production, market expansion etc.

Rural markets alone have not yet been stabilized whilst purchase power remained poor. There have not been effective solutions to accelerating goods consumption in this market. With aims to speeding up the development and provide rural people with adequate materials and commodities for production and consumption respectively, the Trade Industry of Ba Ria-Vung Tau took various measures in improving infrastructure for retail and wholesale trade system, expanding business networks via series of such flexible approaches as main distribution, authorization, hire purchase, trade promotion or mobile-sales with discount prices, targeted at people living in remote, isolated and mountainous areas at traditional Tet holidays.

### Further development of foreign trade activity

Starting from the scratch with domestic trade activities, since then the Trade industry of Ba Ria-Vung Tau has established up a trading relations with 25 countries. Recently, the market has tended to move from Asia to Europe. However, Asian countries still remain greatly potential markets. Export turnover of Asian markets reached US\$92.75 million, representing by 71.12 percent of the total local export turnover. Export turnover dramatically increased by 165.87 percent in China; 51.23 percent in Japan; 24.28 percent in South Korea. Europe also remarkably held bigger market shares, reaching up to US\$32.28 million, making up by 24.75 percent. Despite being new markets, American markets alone also had a high export turnover of US\$4.06 million in which the United States occupied 580.36 percent.

In 2002, the entire province gained the total export turnover of US\$3,248.01 billion including US\$130.41 million of local export turnover, 13.74 percent higher than 2001. The provinces has some goods exported dramatically. For instance, export of leather shoes climbed up by 146.36 percent and

marine products by 45.04 percent. Thanks to open import and export mechanism, enterprises have many good trade opportunities, making export and import activity more and more seething.

Following raw oil (16.00 million tonnes per day), marine product with an output of 33,127 tonnes/year is a crucial export in Ba Ria-Vung Tau province. Such high yield is indebted to provincial enterprises specialized in business and processing of marine products. The local enterprises took initiatives in seeking some new markets for dried marine products such as China and Laos. Some other enterprises made many solutions to upgrading workshops, modernizing equipment in order to improve the quality of products, guaranteeing international standards of products to sell to the EU markets. Some enterprises processed new high quality products in an attempt to raise its competitiveness in different markets. Industrial products, handicrafts and agro-forest products slowly and unstably grew in the world market.

Over the past few years, the Trade industry has had new changes, constantly expanded markets and sustain revenue quotas. Especially, export turnover of later year shall be higher than that of previous year. To attain this goal, the province's economic components are supposed to make greatest efforts. Provincial enterprises dynamically strived for highly efficient production and business of exports. Thereby, they attempted to regularly export marine products into South Korea, China and especially Japan. Moreover, provincial enterprises have strived for a big leap in exports to European markets. This is a good signal in this province. Particularly, non-State



*Special high grade skinless dried squid*

economic sectors obtained a very high export turnover of US\$71.95 million, increasing by 119.43 percent over 2001, mainly because the export of marine products was further enhanced.

Some companies achieved relatively high export turnover despite participating export and import activity for the first year. For example, Bao Ngoc Company Ltd. gained US\$5.06 million from export, accounting for 8.48 percent of the total turnover of this sector; Hai Duong Company Ltd. obtained an export turnover of US\$ 2.86 million.

In terms of import, the total import quotas was US\$ 230.37 million in 2002, increasing by 2.88 percent over 2001, in which foreign direct invested companies increased its import quotas by 44.45 percent since they had to import equipment and facilities in order to create fixed assets and further import materials and fuel for production activity. Import of provincial enterprises reduced by 25.23 percent, mainly due to limited import quotas applicable to motobike spare parts.

In parallel with commodity export-import activity, labour export also brought in satisfactory outcomes. At present, 3 agencies

are performing their functions as labour exporters within the province. In 2002, about 1,420 labourers were sent into Taiwan, Malaysian markets and a few to Japan. These people worked as fishermen, production workers or house maids with the average salary of US\$ 500/month.

With the purpose of export and import promotion, the Ba Ria-Vung Tau has paid due attention to collecting market information and promote trade opportunities by establishing a Trade Promotion Center under jurisdiction of Trade Department. By then, this Center has gradually been in a good order, providing effective business support services to enterprises like information provision, market research, training and refresher courses. Especially, in 2002, the Trade industry had a free-of-charge introduction about 5 provincial enterprises on website hosted by the Asean-Japan Trade Promotion Center (AJC) and collected information about nine typical export-import companies in order to freely



Motobycle store

register it on "Directory of Vietnamese Exporters in 2003".

### Development vision by the year 2005

Entering the new period of development 2001-2005, the Trade industry shall consider trade activity as a lever to promote production, contributing to stabilizing markets, and fulfil socio-economic objectives of the province. Regarding the future vision, Mr. Tran Tan Huy, Director of Ba Ria-Vung Tau Trade Department said, "In order to take initiative in integrating into the regional and international economy, there shall be administrative mechanism reform; technology renovation, higher productivity and higher competitiveness of products and enterprises as well. Domestic markets shall be attached with international market. Export promotion shall be seen as a important strategy in the economic and commercial development of the province". The province will strive for a value of commodities on sale 1.25 times as high as that in the year 2000 and a 16.6 percent increase in export turnover. As anticipated, processed exports will make up 80 percent by 2005. There will be additional high value goods items and exports, especially higher volume for special products. ■

### Export and Import Values 2001 - 2002

Unit: million USD

Indicators	2001	2002
<b>Export</b>	114.66	130.41
Agro- forest product	1.05	1.35
Marine product	52.15	75.64
Industrial products & handicrafts	61.46	53.42
<b>Import</b>	91.45	68.38
Equipment and accessories	39.56	41.68
Materials and fuel	10.88	5.67
Consumption Goods	41.01	21.03

## NGÀNH DU LỊCH BÀ RIA - VŨNG TÀU

# ĐƯA DU LỊCH TRỞ THÀNH NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN

**V**ới số lượng lượt khách du lịch tăng 30%/năm trong giai đoạn 1998 - 2002 chứng tỏ du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn trên đà tăng trưởng cao trong một môi trường cạnh tranh ngày càng gia tăng trước sức hút du lịch của nhiều địa phương khác. Sự sôi động trở lại của một vùng đất đầy tiềm năng về du lịch đã ghi nhận những thay đổi về nhận thức và cách làm trong việc phát triển ngành kinh tế mũi nhọn này.

Bà Rịa - Vũng Tàu là nơi tiếp giáp giữa Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Có hệ thống cảng biển là đầu mối tiếp cận với các nước Đông Nam Á. Có ý nghĩa chiến lược về đường hàng hải quốc tế. Vị trí chuyển tiếp nêu trên đã tạo cho tỉnh một đặc điểm hiếm có so với địa phương khác trong nước về lợi thế về vị địa lý thuận lợi, khí hậu ôn hoà để phát triển du lịch. Tài nguyên du lịch tỉnh tương đối phong phú và đa dạng bao gồm: bãi tắm Long Hải, Long Sơn, Hồ Cốc, Hồ Tràm, Đảo Long Sơn, núi Minh Đạm, núi Dinh, Khu di tích Châu Đức, Côn Đảo, Suối nước nóng Bình Châu, Vườn Quốc gia Côn Đảo... với 32 di tích lịch sử - văn hoá được công nhận xếp hạng và nhiều đình, chùa cổ, các lễ hội... Bên cạnh đó tỉnh còn có khoảng 70 km bờ biển từ Vũng Tàu đến Long Hải, Xuyên Mộc là những bãi tắm lý tưởng vốn được xem là thế mạnh du lịch, thu hút được sự chú ý của du khách trong và ngoài nước.

### Từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng và đa dạng hoá các loại hình du lịch

Để tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động du lịch, những năm qua tỉnh đã tập trung chỉ đạo ngành du lịch tập trung quy hoạch chi tiết các khu du lịch trên cơ sở qui hoạch tổng thể và từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Cụ thể như đến hết

năm 2002 toàn tỉnh đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các đường giao thông lớn nối liền giữa các khu du lịch và các khu vực trung tâm đã xây dựng hoàn chỉnh như đường Láng Cát - Long Sơn, đường ven biển Vũng Tàu - Long Hải - Bình Châu, quốc lộ 51, quốc lộ 55, đường Bung Riêng - Hồ Cốc, các tuyến trục chính ở Vũng Tàu.



Khu du lịch Kỳ Vân

Một số khu vực được qui hoạch ưu tiên phát triển du lịch đã được chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh như Khu du lịch Biển Đông, bãi tắm Thùy Vân, đường giao thông khu vực Bến Cát - Hồ Tràm, hệ thống điện, nước đến Long Hải, với tổng vốn đầu tư là 559,3 tỷ đồng. Trung ương đã hỗ trợ cho tỉnh ghi kế hoạch bố trí ngân sách là 10 tỷ đồng, trong đó công trình kỹ thuật núi Dinh là 5 tỷ đồng, đường lên khu du lịch núi nhỏ là 5 tỷ đồng.

Về việc đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn), các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhiều cố gắng đầu tư xây dựng mới và nâng cấp cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Năm 1996 có 65 khách sạn với 2.700 phòng, trong đó chỉ có 6 khách sạn được xếp từ 1 - 3 sao với 400 phòng. Đến năm 2002 có 71 khách sạn với 2.846 phòng, số khách sạn được xếp từ 1 - 3 sao tăng lên 25 khách sạn và 11 khu du lịch biển đang hoạt động và thu hút khách.

Nhắm tới chương trình "Việt Nam - Điểm đến của thiên nhiên kỳ vĩ" do Tổng cục Du lịch phát động, ngành du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có những bước chuyển biến tích cực trong việc đa dạng hoá các loại hình du lịch. Trong những năm qua, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện thêm nhiều hoạt động thu hút du khách với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, như hoạt động đua chó của Công ty Thi đấu Thể thao và Giải trí, đi canô, dù kéo, phao chuối tại Khu du lịch Biển Đông, du lịch dã ngoại bằng xe jeep, lặn biển khám phá đại dương ở Côn Đảo, du lịch nghỉ dưỡng biển cuối tuần ở Bình Châu - Phước Bửu... Và đặc biệt là các hoạt động du lịch mang tính dân tộc được tổ chức với qui mô lớn như



*Suối nước nóng Bình Châu*

nhà hàng với các món ăn đặc sản kết hợp với ca nhạc dân tộc, "âm thực ba miền" của OSC Việt Nam...

Ngành du lịch tỉnh cũng đưa nhiều biện pháp để quảng bá và kêu gọi sự hỗ trợ của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để phát triển du lịch, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền quảng bá của ngành du lịch bằng nhiều hình thức đa dạng. Ngành đã xây dựng nhiều chương trình giới thiệu các sản phẩm du lịch lên đài truyền hình của tỉnh để phối hợp với đài truyền hình trung ương và các địa phương khác giới thiệu cho du khách trong và ngoài nước, phát hành các đĩa CD - ROM 1, 2 về du lịch tỉnh cũng như xuất bản tờ gấp, bản đồ du lịch, lắp đặt các panô "Việt Nam điểm đến của thiên nhiên kỳ vĩ" ở các địa điểm du lịch...

### **Những kết quả đạt được và một số tồn tại**

Trong thời gian qua, trong bối cảnh ngành du lịch cả nước gặp khó khăn, du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vẫn tăng trưởng đều đặn. Trong giai đoạn 1999 - 2002, doanh thu du lịch tăng bình quân 14%, số lượng

du khách đến du lịch địa phương tăng lên hàng năm, tổng số lượt khách của năm 1999 là 3 triệu lượt thì đến năm 2002 tổng lượt khách đã tăng lên 4,4 triệu lượt. Diễn hình trong các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả là Công ty OSC Việt Nam. Trong năm 2002, Công ty đã đầu tư 9 tỷ đồng, công suất phòng đạt 75%, đạt doanh thu dịch vụ du lịch 94 tỷ đồng. Công ty Du lịch tỉnh đã khai thác triệt để ưu thế vượt trội của Khu Du lịch Biển Đông, chiếm 48% tổng lượng khách đến tắm dọc bãi biển Thùy Vân, đưa tổng doanh thu năm 2002 đạt 140 tỷ đồng, trong đó 33 tỷ là doanh thu du lịch... Một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Liên doanh Vũng Tàu Sammy, Liên doanh OSCAT AEA, Công ty TPC Sài Gòn... cũng gặt hái những thành công mới.

Bên cạnh đó, hoạt động du lịch địa phương đã thu hút được nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Số doanh nghiệp trong ngành tăng từ 73 doanh nghiệp của năm 1996 lên 180 doanh nghiệp năm 2002, trong đó có 17 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư là

**Định hướng phát triển ngành du lịch 2001 - 2010**

1. Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cơ bản cho ngành du lịch bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, phân đầu đạt tốc độ tăng doanh thu bình quân 10,9 - 12%/năm.
2. Từ bước xây dựng 10 khu du lịch trọng điểm trong đó có 2 khu du lịch quốc gia: Khu du lịch Hoa Anh Đào, Khu Du lịch sinh thái và di tích lịch sử Côn Đảo.
3. Hoàn chỉnh qui hoạch du lịch trên toàn tỉnh theo 5 cụm du lịch trọng điểm: Thành phố Vũng Tàu và vùng lân cận; Long Hải - Phước Hải; Núi Dinh; Bình Châu - Hồ Tràm - Hồ Cốc và Côn Đảo.
4. Phát triển các loại hình du lịch, tập trung vào ba loại chủ: Du lịch sinh thái - cảnh quan; Du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần; Du lịch văn hoá kết hợp thể thao.
5. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về du lịch trong các công trình đầu tư, qui hoạch.
6. Xây dựng đội ngũ đội ngũ cán bộ và nhân viên làm du lịch có trình độ và kỹ năng nghiệp vụ.
7. Duy trì môi trường tự nhiên và xã hội, chú trọng tôn tạo, bảo vệ, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên.
8. Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá du lịch, kế hoạch hoá các hoạt động xúc tiến đầu tư du lịch.

250,5 triệu USD, tổng số vốn đầu tư thực hiện đến hết năm 2002 là Rhoảng 61 triệu USD. Doanh thu của khối doanh nghiệp này đạt 227 tỷ chiếm 36% trong tổng doanh thu toàn ngành du lịch tỉnh.

Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Trọng Tín, Giám đốc Sở Du lịch, nhìn chung các loại hình du lịch của tỉnh vẫn còn đơn điệu, chưa hấp dẫn, giá cả còn thiếu tính cạnh tranh. Do chưa được đầu tư đúng mức nên các tuyến, điểm du lịch hầu như mới chỉ khai thác ở dạng tự nhiên, thiếu các loại hình vui chơi giải trí về đêm để kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Hàng hóa phục vụ chưa phong phú, chưa tổ chức được các điểm bán hàng tin cậy cho du khách, hầu hết buồng lũng cho tư nhân cạnh tranh, ép giá... Công tác xúc tiến quảng bá du lịch chưa có một kế hoạch đồng bộ cho toàn



Khách sạn Sông Hồng - OSC Việt Nam

tỉnh. Kinh phí từ ngân sách cấp cho công tác này còn rất hạn chế, chủ yếu doanh nghiệp chủ động lấy từ nguồn kinh phí của doanh nghiệp. Công tác tổ chức bộ máy quản lý

Nhà nước còn nhiều bất cập, chưa đủ nhân lực để nắm bắt tình hình. Việc qui hoạch các dự án còn chậm do phải qua nhiều thủ tục... Những nguyên nhân trên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ phát triển của ngành du lịch tỉnh trong những năm qua, đây cũng là những thách thức để ngành du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu cần vượt qua, có những bước phát triển mạnh mẽ hơn để tiếp tục xứng đáng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

**Kết quả hoạt động của ngành du lịch trong giai đoạn (1998 - 2002)**

Các chỉ tiêu	1998	1999	2000	2001	2002
Doanh thu (tỷ đồng)	803,8	893,3	880	987,1	872
Lượt khách (triệu lượt)	2,937	3,05	3,303	3,905	4,402
Quốc tế	0,258	0,190	0,141	0,146	0,162
Nội địa	3,675	2,86	3,162	3,759	4,240

## TOURISM IN BA RIA-VUNG TAU

# TOURISM-FULL OF EXPECTATIONS TO BE A SPEARHEAD ECONOMIC SECTOR

Over 4.4 millions visitors coming Ba Ria-Vung Tau within 2002

Lê Quyên

**W**ith the persuasive evidence: 30% percent up of tourist per every year in the period 1998-2002, Ba Ria-Vung Tau is definitely able to denote the prospective of Ba Ria-Vung Tau Tourism: flying to the new height. The re-effervescent of potential region in tourism is the contribution of all economic sectors to the development of this key sector

Ba Ria-Vung Tau is surrounded by Southeastern, Center-Southern, and South highland area. Its seaport is a clue-connection with southeastern countries. Gifted the transitional location, Ba Ria-Vung Tau takes a usual figure, a strategic meaning in worldwide navigation, which is dream by other neighboring regions. The advantages on convenient topography, temperate climate are the premises to develop the tourism. The tourism-resource in town is quite plentiful and diversified including mass of famous landscape: bathing beach Long Hai, Long Son, Ho Coc, ho Tram, Long Son Island, Minh Dam mountain, Dinh mountain, the vestige area in Chau Duc, Con Dao, Binh Chau hot spring, national forest con Dao, etc. . . with 32 cultural and historic vestiges already acknowledged and classified and lots of temples, pagoda as well as festivals. In addition, a 70km-coastline from Vung Tau to Long Hai, Xuyen Moc contains many ideal bathing-beaches. The beautiful bathing-beaches are the strong point of the tourism, attracting more attention of foreign and domestic visitors.

### Investing in infrastructure and diversifying the traveling type step by step.

Founding the firm basis for the touring activities, during the former years, the province has conducted the tourism with the concrete project for the traveling region: general project and slow investment in technique infrastructure. Until the end of 2002, whole province finished a and went into the operation the large traffic-way connecting the tourist site with the downtown for instance: way Lang Cat-Long Son,

the coastline Vung Tau-Long Hai-Binh Chau, national route No 51 and 55, street Bung Rieng- Ho Coc, the main routes in Vung Tau, new ship of 250 seats for Con Dao; the pure water system is available at the cities, communes, the average and low electricity network has been branched to the center of each commune and tourist-site main-point, which contribute importantly to the convenience of the environment for developing tourism. Some area have taken the advantage of the provincial budget in the construc-



A recreation area at Vung Tau-Paradise

**The orientation for developing the tourism in 2002-2010**

1. Improving the tourist infrastructure by the state budget, trying to get the growth rate of turnover 10.9-12% per year.
2. Constructing gradually 10 significant tourist sites, 2 of which are national site: Hoa Anh Dao tourist site, historical vestige and biological tourist place at Con Dao.
3. Perfecting the tourist program in whole province, basing on 5 essential locations: Vung Tau City and the neighbouring regions: Long Hai-Phuoc Hai, Dinh mountain, Binh Chau-Ho Tram-Ho Coc and Con Dao.
4. Developing the touring types, concentrating on 3 main-force types: Biology and landscape; convalescence at weekend, culture and sport
5. Augment the efficiency of management at state level on tourism, especially the investments and projects
6. Establishing a tourist staff with certain intellectual standard and qualification
7. Maintaining the natural and social environment, focusing on the protection, embellishment, and appropriate usages of resources
8. Pushing the advertisement of tourist as well as the activities mobilizing the investment in tourism.

tion work of infrastructure such as: tourist site Bien Dong (East Sea), bathing beach Thuy Van, traffic-way in Ben Cat-Ho Tram, supplying electricity and water to Long Hai with total capital investment 559.3 billions VND. The support from the central 10 billions is divided into two parts: 5 billions VND for technique work of Dinh Mountain and the remaining for the road leading to "Small Mountain" tourist site

In term of the investment, up-

grade to the tourist site system (hotel, lodging house, etc...) the business tried to invest in new construction and up-grade so as to respond the inquiries getting higher and higher of the tourist. In 1996, there were 65 hotels with 2,700 rooms, in which only 6 hotels (400 rooms) are classified from 1-3 stars. So far, this number increased to 71 hotels with 2,846 rooms, help to augment the number of star hotels: 25. In other hand, 11 sea sites are

operating and attracting the visitors.

Aim at the program "Vietnam, a destination for new millennium", mobilized by the tourist head department, the tourism in Ba Ria-Vung Tau had some positive changes in diversifying the tourist types. During the passing years, more and more activities come up to attract the visitors with the participation of multi-sectors in the economy; for example: dog race of sport-competition and entertainment company; traveling by canoe, parachutes or life buoy in Eastern Sea site, going picnic in the open air by Jeep car; diving and investigating the ocean in Con Dao, relaxing at weekend at Binh Chau-Phuoc Buu... especially for the traditional activities held in a large-scale dimension such as: the combination program between specialties and folk music in famous restaurant, "drinking and eating according to tradition of three parts in the country" program of OSC Vietnam.

Besides, the tourism also brings some solutions out to popularize and appeal the support from the foreign and domestic investors to improve the tourism; for instance:



*Long Son Pagoda*

popular information system, advertising with different types; creating the advertisement on provincial television post in order to harmonize with central television post to introduce to foreigners and citizens; publishing the CD-ROM 1,2 about the local tourism as well as the leaflets, tourist map; installing the banner: Vietnam, a destination for new millennium" at tourist site.

**Result obtained and someremainers**

In the past period, in the difficult context of the tourism, the tourism in Ba Ria-Vung Tau still increases regularly. In the period 1999-2002, the income of tourist increases moderately 14%, the figure of visitor get ever-higher year by year, complete figure in 1999 is 3 millions, and attained 4.4 million within 2002. Some typical enterprises operated effectively such as: OSC Vietnam Company invested 9 billions during 2002, the room capacity 75%, the service income gained VND 94 billions. With the priority of convenient location, Eastern Sea site has accounted for 48% of visitors bathing along the Thuy Van beach, conducting the general turnover to VND 140 billions in 2002, 33 billions of which is the tourist sales. There are also the other foreign owned businesses such as: Joint-Venture Sammy Vung Tau, Joint-Venture OSCAT



Bai Sau-Vung Tau City

ARE, TPC Sai Gon Company...

Further more, the tourist activities in the local has drawn the capital from different sources. A number of trades increased from 73 businesses in 1996 to 180 enterprises in 2002, 17 of which have the foreign capital with total funds investment: USD 250.5 millions, the realized capital until the end 2002 was USD 61 millions, the turnover of this trade block accounted for 227 billions, equal 36% in the total sales of provincial tourism.

However, according Mr. Nguyen Trong Tin, Manager of tourist Service, the establishments have tried to augment the quality-service, diversify the tourist type, it (tourist type) is still monotonous, less interesting, the price lacking of competitiveness. Due to the immoderate investment on the itineraries,

the tourist sites almost stop at natural exploitation, missing the entertainment by night to prolong the lodgment of visitors. The commodities have been not rich, the trusty selling post were not built, letting the private associations compete and constrain the price The mobilizing advertisings did not have a synchronous program in whole province, the budget for this mission was restricted, it mostly originated from the own funds of the business. The management of the state machinery was still inadequate, insufficient in human resource to grasp the situations; the implementation of the project was slow due to many administrative facilities. These causes had a huge effect on development rate of provincial tourism during the passing years.

Despite of the internal and external difficulties on the road to development, the fruitful result obtained in recent period is worthy of pride. It is obvious that: together with the strong point and potentialities available, the strict determination to overcome the difficulties, the tourist in Ba Ria-Vung Tau will see a more dramatic improvement to be deserved a key sector in the local economy.

**The report on activities efficiency of tourism in period (1998-2002)**

The Objectives	1998	1999	2000	2001	2002
Turnover(billions VND)	803.8	893.3	880	987.1	872
Quantity of visitor(mil. persons)	2.937	3.05	3.303	3.905	4.402
International	0.258	0.19	0.141	0.146	0.162
Domestic	3.675	2.86	3.162	3.759	4.24

CÁC ĐỊA DANH DU LỊCH TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU

# NHỮNG DANH THẮNG ĐÃ ĐI VÀO LỊCH SỬ

**T**ừ xưa, người ta đã biết tới Bà Rịa - Vũng Tàu như một vùng đất dành cho du lịch. Với bờ biển dài từ Vũng Tàu tới Long Hải - Xuyên Mộc, xung quanh Côn Đảo với những bãi cát trải dài tạo thành những bãi tắm lý tưởng, 32 khu di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng, có Vườn Quốc gia Côn Đảo, Rừng nguyên sinh Bình Châu - Phước Bửu, Núi Dinh - Minh Đạm... Ngày nay, lợi thế này đang dần được đưa vào khai thác với mong muốn của người dân nơi đây là sẽ đưa được vùng đất biển của mình trở thành khu "công nghiệp không khói" giàu, đẹp vào bậc nhất miền Đông Nam Bộ.

Được xây dựng từ đời vua Minh Mạng (1820 - 1840) thờ chung ba người có công khai phá dựng nên làng Thắng Tam ở Vũng Tàu là Phạm Văn Dinh, Lê Văn Lộc và Ngô Văn Huyền. Đình Thắng Tam kiến trúc theo lối nối tiếp.

## Lăng Cá Ông

Được xây dựng cùng thời với miếu Bà, vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Hiện nay, trong Lăng còn bảo tồn xương cá Ông khổng lồ do ngư dân Vũng Tàu vớt được từ hơn 100 năm trước đây và bộ xương thần cá Ông (vớt được sau bộ xương trước khoảng 40 năm) dài 12 m, bề ngang 1,5 m.

## Thích Ca Phật Đài

Là một quần thể kiến trúc tôn giáo gắn với cảnh quan thiên nhiên ở ven sườn núi Lớn, thành phố Vũng Tàu, trong đó có Bảo Tháp cao 19 m chứa Ngọc Xá lợi của Đức Phật tổ và tượng Phật Thích Ca ngồi thiền trên toà sen. Toàn bộ cao 10,2 m, đường kính khoảng 6 m.

## Niết bàn Tịnh Xá



Thích Ca Phật Đài

Được xây dựng năm 1969 khánh thành năm 1974, trên sườn núi nhỏ, mặt hướng ra biển, cách trung tâm thành phố khoảng 2 km. Trong chùa có pho tượng Phật Thích Ca nằm nghiêng được đúc bằng xi măng cốt thép dài 12 m đặt trên bệ cao 2,5 m.

## Linh Sơn Cổ Tự

Nằm trên đường Hoàng Hoa Thám, là ngôi chùa lâu đời nhất ở

Vũng Tàu. Trong chánh điện có thờ một pho tượng Phật cao 1,2 m bằng đá thép vàng được điêu khắc rất khéo, tạo nên vẻ từ bi và sống động trên nét mặt của Đức Phật.

### **Bạch Dinh (Vila Blanche)**

Khởi dựng năm 1898, hoàn thành năm 1916 trên sườn núi Lớn, dùng làm nghỉ ngơi cho viên toàn quyền Pháp Paul Doumer. Bạch Dinh có dáng dấp của kiến trúc Pháp cuối thế kỷ XIX. Mặt ngoài toà nhà được trang trí hoa văn cổ xưa và những hình vẽ chân dung các Thánh thời cổ Hy Lạp.

### **Bãi Sau (Bãi Thuỷ Vân)**

Bãi Sau nằm ở phía đông nam thành phố Vũng Tàu, chạy dài 8 km từ chân núi Nhỏ tới Cửa Lấp. Đây là bãi tắm đẹp, rộng và nổi tiếng của Việt Nam, là nơi đông vui náo nhiệt nhất trong số các bãi biển của Thành phố Vũng Tàu.

### **Bãi Trước (Bãi Tâm Dương)**

Nằm ngay trung tâm Thành phố Vũng Tàu, dọc theo đường Quang Trung. Đây là bãi tắm khá sạch và mới được mở rộng. Nhiều khách sạn lớn như: Palace, Rex, Royal... tập trung ở đây.

### **Bãi Nghi Phong (Bãi Ô Quấn)**

Có nghĩa là "đón gió" ở hướng cực nam của thành phố Vũng Tàu, gần Bãi Dứa. Bãi tắm hẹp, nước lúc nào cũng sạch, sóng gió dồn dập, ba phía vách đá cheo leo kế tiếp với mũi Nghi Phong hùng vĩ nhô ra Biển Đông. Đây là nơi hò hẹn của những du khách có thú vui câu cá và ưa mạo hiểm.

### **Bãi Dứa**

Nằm ở khoảng giữa hai Bãi Trước và Bãi Sau bên chân núi Nhỏ, gần mũi Nghi Phong. Trước kia có

nhiều cây dứa gai mọc xen bèn bờ đá nên gọi là Bãi Dứa, tắm biển ở Bãi Dứa sóng êm, an toàn và từ đây du khách dễ dàng đi thăm khu du lịch Tượng Chúa dang tay và pháo đài trên núi Nhỏ.

### **Bãi Dâu**

Nằm ven núi Lớn, cách Bãi Trước 3 km. Bãi hẹp, nông, sóng rất êm. Bãi này yên tĩnh và sạch đẹp.

### **Hòn Bà**

Theo đường Hạ Long vòng núi Nhỏ, từ Bãi Trước, qua Bãi Dứa đến mũi Nghi Phong nhìn ra biển, du khách thấy một hòn đảo nhỏ dưới chân, sóng biển đánh tung bọt trắng xoá rất thơ mộng đó là Hòn Bà. Vào các ngày mồng một hay rằm, người dân thường ra đảo thắp hương cầu may.

### **Núi Nứa**

Quần thể Núi Nứa và Khu Di tích Nhà Lớn (đền Ông Trần) là một thắng cảnh độc đáo của xã đảo Long Sơn (thành phố Vũng Tàu). Phía Đông của đảo có dãy núi dài trên 6 km, bề ngang chỗ rộng nhất 2 km, có những tảng đá lớn với muôn hình lạ ra chơi vơi giữa mây và nhiều cột đá cao chọc trời. Cao nhất là đỉnh Bà Trao (183 m), trên đỉnh có cột đá cao 5 m gọi là Hòn Một. Vào dịp lễ hội, du khách thường tới tham quan Hòn Một lễ thỉnh cầu thiên địa và có nhìn bao quát cả một vùng trời đất, biển khơi. Dưới chân phía tây Núi Nứa là hồ nước ngọt Mang Cá, nơi trồng nhiều sen hương thơm ngát và phía đông là đền Ông Trần.

### **Công trình kiến trúc Nhà Lớn (đền Ông Trần)**

Là một quần thể kiến trúc cổ uy nghi bề thế, tọa lạc tại thôn 5 xã Long Sơn, theo tín ngưỡng Ông Trần là người sáng lập ra tín ngưỡng



*Ngọn Hải Đăng trên núi Nhỏ*



*Chiếu Cạp thời Pháp - Côn Đảo*



*Tượng Chúa Kitô*

và tạo dựng khu dân cư mới ấp Bà Trao tại đảo này từ năm 1898. Nhà Lớn rộng 2 ha gồm 3 phần: khu đền thờ; nhà Long Sơn hội, trường học, dãy phố, chợ, nhà hát, nhà bảo tồn ghe sấm; lăng mộ ông Trần.

### **Thắng cảnh Dinh Cô**

Dinh Cô thuộc thị trấn Long Hải, huyện Long Đất, nằm trên sườn ngọn đồi nhỏ, trước mặt là bãi cát dài và biển khơi. Dinh Cô là một kiến trúc hoành tráng, in đậm màu sắc văn hoá dân gian, được xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII, thờ trinh nữ Lê Thị Hồng.

### **Bãi tắm Long Hải**

Cách thành phố Vũng Tàu 30 km về hướng đông bắc. Cảnh thiên nhiên ở đây thật thơ mộng, đồi, núi, dọc chạy ven biển là rừng cây xanh, phía dưới là bãi biển Long Hải đẹp với bãi cát vàng, chạy dài, yên tĩnh. Phía tây bắc là dãy núi cao có rừng cây bao phủ là Khu di tích Lịch sử căn cứ Minh Đạm.

### **Nhà tưởng niệm nữ anh hùng Võ Thị Sáu**

Ngôi nhà tưởng niệm nữ anh hùng Võ Thị Sáu đơn sơ bên tỉnh lộ 23, cách thị xã Bà Rịa 12 km về phía tây, thuộc ấp Thường Thành, xã Phước Long Thọ huyện Long Đất. Nơi đây chị Sáu đã sống thời thơ ấu. Cách nhà 50 mét về phía đông là khu công viên với những cây hoa sứ, ngọc lan và lèkima tỏa hương thơm bốn mùa, tượng đài Võ Thị Sáu đúc bằng đồng cao 7 m và nhà lưu niệm.

### **Khu căn cứ cách mạng Minh Đạm**

Nằm phía đông huyện Long Đất có dãy núi Châu Long - Châu Viên dài 8 km, cao 200 m. Năm 1948 để tưởng niệm hai đồng chí Bùi Công Minh, Bí thư và Mạch Thanh Đạm, Phó Bí thư huyện Long Điền, đã anh dũng hy sinh khi bị địch phục kích dưới chân núi, nhân dân trong vùng đặt tên là núi

Minh Đạm. Khu gồm bốn khu vực chính: khu Đá Chẽ, khu chùa Giếng Gạch, khu Châu Viên, khu Đá Giăng. Hiện nay, địa phương đã đầu tư khôi phục tôn tạo khu vực Đá Chẽ làm nơi thăm quan, du lịch.

### **Suối nước nóng Bình Châu**

Từ huyện Xuyên Mộc, theo lộ 23 khoảng 29 km sẽ tới khu du lịch nước khoáng nóng Bình Châu. Giữa ngút ngàn một vùng rộng 7.000 ha rừng nguyên sinh, rừng cấm quốc gia, nổi lên một bầu nước nóng với hơn 70 điểm phun nước lộ thiên. Nhiệt độ tăng mặt nước khoảng 64°C, đáy nước là 84°C. Điều hấp dẫn, thú vị là tại khu vực nước nóng này rừng trăm lá vẫn xanh tươi, một loại cỏ rế chùm, lá cứng vẫn sống cùng năm tháng tạo thêm vẻ đẹp của thiên nhiên.

### **An Sơn miếu**

An Sơn miếu là một ngôi miếu cổ ở Côn Đảo. Miếu được xây dựng từ năm 1785 (sau đó được xây dựng lại vào năm 1958) để thờ bà Phi Yến, vợ của chúa Nguyễn Ánh. Ngôi miếu này rất linh thiêng đối với những người dân trên đảo và nó gắn liền với một câu chuyện bi thương của người phụ nữ tài sắc, giàu lòng yêu nước.

### **Quần đảo Côn Sơn**

Là một quần đảo lớn nhất thường gọi là Côn Đảo, cách thành phố Vũng Tàu 180 km theo đường chim bay, gồm 16 hòn đảo lớn nhỏ, sừng sững trên giữ vùng biển đông nam của Tổ quốc với thắng cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp cùng những tiềm năng giàu có của biển, của rừng. Trước đây Côn Đảo từng nổi tiếng là "địa ngục trần gian" xứ Đông Dương. Nay, Côn Đảo không chỉ là một "hòn đảo anh hùng" một di tích lịch sử cách mạng, một trường học lớn đối với các thế hệ mai sau mà còn là một địa danh du lịch hấp dẫn đối với đông đảo khách tham quan trong nước và quốc tế. ■

**BA RIA-VUNG TAU TOURISM DESTINATION**

## PICTURESQUE HISTORICAL LANDSCAPES

**L**ong time ago, there was a common acknowledgement that Ba Ria-Vung Tau was a tourism landscape. In fact, with a long coastal line stretching from Vung Tau to Long Hai-Xuyen Moc surrounding Con Dao with spread soft sand stretch, creating extremely excellent beaches, the province has 32 historical and cultural-ranking monuments including Con Dao National park, Binh Chau-Phuoc Buu primeval forest, Dinh-Minh Dam Mountain. Nowadays, such advantages are gradually being made with the purpose of making local people's coastal land become the most beautiful and richest "non-smoke industrial zone" in the South East central areas.

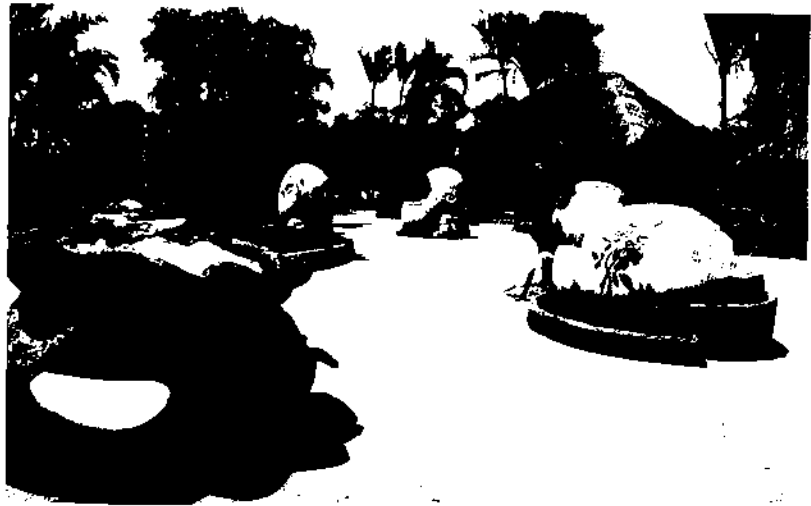
This Temple was built up under the Minh Mang dynasty. It worships three persons who were accredited with establishing Thang Tam village in Vung Tau, namely Pham Van Dinh, Le Van Loc and Ngo Van Huyen. Thang Tam Temple has a serial architecture.

### Ca Ong - "Whale" Temple

It was built up at the same time of Ba Temple in the mid 19th century. At present, the Temple is conserving giant bone of the whale discovered by fishermen more than 100 years ago and bone of the Whale God (discovered around 40 years later than the previous bone) with the length of 12 m and width of 1.5 m.

### Thich Ca Phat Dai Pagoda

It is a harmonious combination between natural surroundings and religious architectural structure. It sits on the side of Nui Lon mountain, in Vung Tau city. It has a 19 meter Tower containing Buddha's Gem. The pagoda is unique in its white cement construction of the



giant statue of Thich Ca Buddha sitting on a large lotus blossom with a height of 12 m and diameter of 6 m.

Well of boiling eggs

### Niet ban Tinh Xa Monastery

It was built from 1969 to 1974 on the small mountain side, looking at the sea, two km away from downtown center. It has a 12 metre Buddha Statue lying on one of its sides which was made of reinforced steel and concrete and located at the height of 2.5 m.

### **Linh Son Co Tu Pagoda**

It is situated in Hoang Hoa Tham Road. It is the oldest pagoda in Vung Tau city. It has a 1.2 metre Buddha statue which was made of yellow rock and skillfully carved, creating a merciful and vivid face of Buddha.

### **Vila Blanche**

It was under construction in 1898, and completed in 1916 on the side of Nui Lon Mountain. It was served as a resort for French Statesman Paul Noumer. Vila Blanche is possessed of late 19th century French-styled architecture. The front face of the building is decorated with traditional designs and portraits of ancient Greece Gods.

### **Rear Beach (Thuy Van Beach)**

The Back Beach stretches over the Southeast of Vung Tau city, running along 8 km from the foot of Nho Mountain to Cua Lap. It is a nice and famous beach in Vietnam. It is the most bustling beach in Vung Tau city.

### **Front Beach (Tam Duong Beach)**

It is at the heart of Vung Tau city, running along Quang Trung Street. The beach is a rather clean and newly-widened beach. Many large hotels such as Palace, Rex, Royal are located in this area.

### **Nghi Phong Beach (O Quan Beach)**

O Quan beach is exposed to gusts of wind blowing from the Southern extreme of Vung Tau city, near Dua beach. The beach is narrow but clean all the time. It is surrounded with repeated waves and three high and dangerous moun-

tainous edges adjacent to Nghinh Phong impressive cape stretching out to the East Sea. This is a dating place for tourists who are interested in fishing and playing with adventurous games.

### **Dua Beach**

Bai Dau Beach lies between Front Beach and Rear Beach at the foot of Nho Mountain, near Nghi Phong Cape. It is well-known for wild pineapple trees growing between rocks. So it is called Dua Beach. It has peaceful and safe waves. Visitors can easily come to see God 's statue widely opening her hands and bastion on the Nho mountain.

### **Dau Beach**

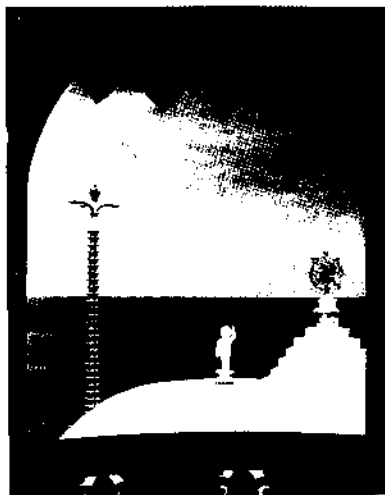
The Dau beach lies along with the Lon mountain, three km away from Front Beach. It has narrow sand stretch and peaceful waves. It is very peaceful, beautiful and clean.

### **Hon Ba - Islet of the Goddess**

Running along Ha Long road and going around the Nho Mountain, just off Nghinh Phong cape between Pineapple land and Rear Beach, visitors can see a lovely islet with white-coloured waves at the foot. This is known as Hon Ba. On every the 1st and 15th date of a given Lunar month, local people usually come to visit this islet to worship for good luck.

### **Nua Mountain**

Nui Nua Mountain Range and Big House relics (Tran Temple) is a unique tourism destination in Long Son commune (Vung Tau city). The islet is surrounded by a six-km mountain range with a maximum width of two km to the East. Big



*Niet Ban Tinh Xu*



*Bach Dinh*



*Hon Ba*

rocks with different shapes and extremely high rocky pillars are exposed to clouds. Ba Trao Temple is at the highest peak (183 m). It has a 5-m rock pillar name Hon Mot on the top. On occasion of festival, visitors usually come to see Hon Mot worshipping ceremony and watch the Sea and the Goddess. At the foot of Nua Mountain to the West, there is a Mang Ca fresh water reservoir where many lotuses were planted, Tran Temple to the East.

### **Big House Architectural Structure (Tran Temple)**

It is a majestic ancient architectural structure located in Village 5, Long commune. Mr. Tran is the founder of religion and new resident community Ba Trao on this islet in 1898. Big House is two ha large including three structural parts: worshipping place, Long Son house, schools, streets, markets, theatre, museum imperial tomb.

### **Dinh Co lanscape**

Dinh Co is located in Long Hai town, Long Dat district. It sits on the side of small hill. It fronts on the long sand stretch and the Sea. Dinh Co is a huge architecture that is impressively possessed of traditional culture. It was founded in late the 18th century, worshipping a Virgin named Le Thi Hong.

### **Long Hai Beach**

Long Hai beach is 20 km away from Vung Tau city to the Northeast. The natural landscape is very lovely. It is surrounded by hills and mountains. It also has green tree forests running along coastlines. Beautiful Long Hai Sea has yellow soft, long and peaceful sand stretch. The Northwestern high mountain range which is covered by tree forest is known as Minh Dam historical relics.

### **Hero Vo Thi Sau Memorial**

The simple memorial of Vo Thi Sau hero is situated in the provincial highway No.23, 12 km away from Ba Ria Town to the West, in Thuong Thanh hamlet, Phuoc Long Tho commune, Long Dat district where Ms. Sau grew up. Farther 50km away from the Memorial there is a park with Su flower, orchid and Lekima flower blossoming all year around. It has a bronze-made 7 m Vo Thi Sau statue.

### **Minh Dam revolutionary base**

It is stationed in the Eastern Long Dat district with 8-km mountain range Chau Long - Chau Vien at the height of 200 m. In 1948, in memory of Mr. Bui Cong Minh, Secretary and Mr. Mach Thanh Dam, Vice-Secretary of Long Dien district who sacrificed their life when they were ambushed by the enemy at the foot of the mountain, local people called the Mountain Minh Dam. This mountain consists of four main areas: Che Rock area, Gieng Gach Pagoda area, Chau Vien area and Giang Rock area. At present, the locality has invested in turning Che Rock area into a tourism destination.

### **Hot water stream Binh Chau**

Driving 29 km on the highway No. 23 away from Xuyen Moc district, you can reach Binh Chau hot water resort. It is at the heart of a large area of 7,000 ha of primeval forest and National preserved forest. It has hot water resources with more than 70 water streams. The temperature of surface water layer is about 64°C and the bottom layer is 84°C. It is attractive and interesting that cajuput forests at this hot water resort remain green and fresh. A kind of grass with cover roots and hard leaves creates a natural surrounding.

### **An Son Temple**

An Son Temple is an ancient temple in Con Dao island. The temple was built up in 1785 (after that it was re-built in 1958) to worship Mrs. Phi Yen, wife of Nguyen Anh Lord. Local people living in the island saw this temple as a supernatural power. The temple is in relation to a merciful story about a talent, beautiful and patriotic woman.

### **Con Son Archipelago**

It is the biggest Archipelago, named Con Son, 180km away from Vung Tau city as the crows flies. It consists of 16 small and big islands lying on the Southeast Sea. It becomes a excellent natural landscape with potential marine and forest resources. In the past, Con Dao was notorious as an "earth hell" in Dong Duong region. Presently, it is seen as not only a "heroic island", a historical revolutionary base, a large school for the future generation but also a tourism destination attractive to international and domestic visitors. ■

## VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

## THIÊN ĐƯỜNG DU LỊCH SINH THÁI

**Đ**ến với Vườn Quốc gia Côn Đảo, các du khách sẽ được thăm quan, ngắm nhìn một chuỗi ngọc xanh trên biển cả với những bờ cát trắng, nước biển trong xanh, với đây đủ các hệ sinh thái đặc trưng của rừng và của biển. Nơi đây, chứa đựng hàng nghìn loài sinh vật, động vật của rừng và biển sống phụ thuộc vào nhau, tạo nên một cuộc sống thiên nhiên kỳ thú.

Vườn bao gồm 14 hòn đảo lớn nhỏ, nằm ở phía Đông Nam nước ta, cách thành phố Vũng Tàu khoảng 180 km. Tổng diện tích tự nhiên của vườn là 19.998 ha, trong đó có 5.998 ha trên các đảo và 14.000 ha trên biển. Vườn quốc gia còn có 20.500 ha vùng đệm trên biển. Rừng ở Vườn chủ yếu là rừng nguyên sinh, thuộc hệ sinh thái rừng nhiệt đới hải đảo và rất phong phú về thực vật, từ các loài cây gỗ trên núi cao đến rừng ngập mặn ven biển và cả những loài động vật quý hiếm đang sinh sống. Biển cũng là một kho tài nguyên sinh vật biển vô cùng phong phú, đa dạng và quý giá với nhiều loại sinh vật biển có giá trị về khoa học, kinh tế, môi trường như những rạn san hô mọc thành rừng - nơi ẩn chứa một thế giới huyền diệu của đại dương.

### Vùng đất tiềm năng để triển du lịch sinh thái

Vườn Quốc gia Côn Đảo là một trong hai vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam được giao nhiệm vụ bảo vệ cả hệ sinh thái trên đất liền và hệ sinh thái dưới biển. Mặc dù là hệ sinh thái đảo nhưng các động thực vật rừng quốc gia rất phong phú với trên 882 loài thực vật rừng với 44 loài cây được tìm thấy lần đầu tiên tại Côn Đảo (trong đó 11 loài được đặt tên Côn Sơn), 135 loài



Rặng san hô Vườn Quốc gia Côn Đảo

động vật có xương sống ở cạn, 8 loài lưỡng thê. Có 4 loài chim chỉ duy nhất có ở Côn Đảo như chim Diên mạch xanh, chim nhiệt đới, chim bồ câu Nicoba, chim Gấm Ghi trắng... Có ba loài động vật đặc hữu là Sóc mun, Sóc Đen, Thạch thùng Côn Đảo và có 18 loài động vật quý hiếm.

Dưới lòng đại dương, Côn Đảo có trên 250 loài san hô và sự tồn tại của chúng là môi trường sống cho các nguồn lợi thủy sản được phát sinh và phát triển. Đã có hơn 1.300 loài sinh vật biển được tìm thấy, trong đó có những loài động vật biển nổi tiếng như rùa, vich, đồi mối, Dugong (còn gọi là bò biển hay cá cúi - một loài thú biển đã bị

diệt chủng ở nhiều nơi trên thế giới). Hiện nay vùng biển Côn Đảo còn là vương quốc cá heo với số lượng rất lớn.

Song song với bảo vệ vườn và cũng để giới thiệu cho mọi người trong và ngoài nước biết đến, trong hai năm gần đây, vườn đã bắt đầu tổ chức các mô hình du lịch sinh thái. Đó là một bộ phận trong khu bảo tồn như một hoạt động góp phần vào việc bảo tồn sự đa dạng sinh học, tuyên truyền, giáo dục cho cả du khách và cộng đồng địa phương về giá trị của vườn. Du lịch sinh thái ở Vườn Quốc gia Côn Đảo đang được đánh giá là 1 trong 2 dự án trọng điểm của ngành du lịch tỉnh. Tại đây có các hoạt động như

thăm quan rừng để biết thêm các loại thú ở Côn Đảo và du lịch về biển như là lặn biển, tìm hiểu về đa dạng sinh học biển như san hô và các loài sinh vật khác...

Theo ông Lê Xuân Ái, Giám đốc Vườn Quốc gia Côn Đảo thì hiện vườn đang xúc tiến một số dự án để xây dựng các cơ sở hạ tầng như cầu cảng để tàu bè cập đến cảng, chuẩn bị các thiết bị dụng cụ cho du lịch lặn, đang hợp tác với các công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức các câu lạc bộ lặn trong mùa lặn biển để người ta khám phá đại dương. Xây dựng đường mòn trên rừng để tạo điều kiện cho người ta đi du lịch sinh thái trong rừng, ngoài ra cũng đang tác động với các đối tác khác để đầu tư cho hoạt động sinh thái ở Côn Đảo. Hiện nay Chính phủ đang có xu hướng mở lại sân bay trong năm 2003 và đến giữa năm 2004 sẽ đưa vào hoạt động. Đây sẽ là cầu nối giao thông thuận lợi cho du khách đến với Côn Đảo. Trong hai năm khai thác du lịch sinh thái, trung bình mỗi năm có khoảng 1000 người đến thăm vườn...

### **Hình thành các tour du lịch sinh thái hấp dẫn**

Có nhiều tour du lịch đã được hình thành như tour du lịch từ trung tâm Côn Sơn đi hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau. Với tour du lịch này, du khách đi bằng ghe tàu để cùng được ngắm biển, ngắm rừng. Về đêm, du khách có thể ngủ lại dưới tán rừng còn nguyên vẻ hoang sơ. Còn với tour Côn Sơn - Hòn Tre, từ thị trấn Côn Đảo, du khách chỉ mất 30 phút để đến Hòn Tre Nhỏ bằng phương tiện canô. Đến đây du khách có thể theo dõi các hoạt động làm tổ ngẫu nhiên của rùa biển. Và còn rất nhiều địa danh hấp dẫn khác khi đi biển Côn Đảo như Hòn Bà, Hòn Trứng, bãi Đám Trầu...

Hòn Bảy Cạnh là đảo lớn nhất trong số những đảo nằm quanh đảo Côn Sơn, có diện tích 710 ha, với đặc điểm rừng lá rộng kết hợp với rừng ngập mặn. Đây là ngôi nhà của nhiều loại động vật như chim, khỉ, kỳ đà. Trong đó, có những loài không thể tìm thấy bất cứ nơi đâu ở Việt Nam như Gấm Ghi trắng, bồ câu Nicoba. Hòn Bảy Cạnh có các bãi biển trắng sạch, thuận lợi cho du khách bơi lội, tắm biển. Trong khi bơi lặn khám phá đại dương, du khách có thể ngắm nhìn các rặng san hô và quần thể sinh vật đa dạng lúc thực lúc ảo có sức lôi cuốn đến kỳ lạ. Vào mùa sinh sản của rùa như từ tháng 4 cho đến tháng 9, vào ban đêm, bạn có thể theo dõi và ngắm nhìn hoạt động ngẫu nhiên của rùa biển hoặc có thể bạn hãy tham gia cùng với ban quản lý vườn những công việc bảo tồn loài rùa quý hiếm này.

Hòn Cau với diện tích 87 ha, có bãi cát trắng sạch. Đây là nơi duy nhất trong số các đảo ngoài khơi của quần đảo Côn Sơn có nguồn nước ngọt và vườn trái cây quanh năm. Hòn Cau trước đây là một làng cổ thời vua Gia Long với tên là xóm Bà Thiết. Hơn nữa đây còn là một khu di tích lịch sử, nơi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giam cầm các chiến sĩ cách mạng yêu nước. Hiện Hòn Cau là địa danh quan trọng cho công tác bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm. Đến với Hòn Cau, du khách có thể tìm thấy nhiều hệ sinh thái kỳ thú, tận hưởng cảnh đẹp hoang sơ và một môi trường trong lành. Nếu ra Hòn Cau vào mùa vich, đôi môi để trứng thì chuyển đi thêm phần thú vị. Đêm đêm dưới ánh trăng, sóng biển và gió mát, du khách có thể hồi hộp chờ và quan sát lũ rùa biển từ lòng đại dương kéo nhau về đẻ trứng. Điều thú vị là trên chặng đường 10 hải lý đến hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau,

thình thoảng lại xuất hiện những chú Dugong, cá heo đũa giỡn trên sóng. Chúng nô đùa với sóng biển như các sứ giả của biển xanh đón chào quý khách, thật hồn nhiên và sống động.

Một tuyến du lịch cũng không kém phần hấp dẫn là Côn Sơn - Hòn Tre. Từ thị trấn Côn Đảo, du khách chỉ mất 30 phút để đi đến Hòn Tre lớn và 35 phút để đến Hòn Tre nhỏ bằng phương tiện canô. Hòn Tre có nhiều bãi cát đẹp, nơi đây trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 trong năm, rùa biển thường lên bờ để trứng. Đến đây du khách có thể theo dõi các hoạt động làm tổ ngẫu nhiên của rùa biển, Hòn Tre nhỏ còn là một trong hai sân chim lớn nhất thuộc Vườn Quốc gia Côn Đảo. Các loài chim di cư thuộc vùng Đông Nam Á, Đông Bắc Âu... về đây làm tổ vào mùa sinh sản. Có thể nói rằng, Hòn Tre là xứ sở của chim trời cá nước và sự hài hoà của cuộc sống thiên nhiên. Nếu có dịp đến Hòn Tre, bạn nên đi bách bộ vào rừng vào lúc sáng sớm hoặc chiều tối. Đây là lúc cuộc sống của các động vật hoang dã náo nhiệt nhất với những bản nhạc rừng sống động và hết sức truyền cảm.

Đi biển, ra các hòn đảo nhỏ thăm quan, còn có rất nhiều địa danh hấp dẫn như Hòn Bà, Hòn Trứng, bãi Đám Trầu... mỗi nơi có vẻ đẹp huyền ảo và thơ mộng. Tại đó, du khách không những chiêm ngưỡng hừng ngoạn cái hùng vĩ của núi rừng, cái mênh mông sâu thẳm của biển cả bao gồm có hình khối, màu sắc, hương vị mà còn tự mình làm giàu về kiến thức thiên nhiên đa dạng. Nhưng một điều mà tất cả các bạn nên nhớ rằng "Du lịch sinh thái là không để lại một cái gì trong khu bảo tồn ngoài những dấu chân và không lấy đi những gì trong khu bảo tồn ấy ngoài những tấm ảnh".

# DU LỊCH SINH THÁI VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

## ECOTOURISM IN CON DAO NATIONAL PARK

### ● CÁC HOẠT ĐỘNG DU LỊCH - ECOTOURISM ACTIVITIES:

- Khám phá rừng nguyên sinh  
Primitive forest exploration
- Khám phá đa dạng sinh học biển  
Marine biodiversity exploration
- Tham gia các hoạt động bảo tồn thiên nhiên  
Natural conservation activities participation

### ● CÁC DỊCH VỤ - SERVICES:

- Nhà nghỉ, khách sạn, các thiết bị lặn  
Accommodation, diving equipments
- Phương tiện (xe, ca nô, tàu)  
Vehicle means (car, wooden boat, speed boats)

XIN LIÊN HỆ - FOR MORE DETAILS,  
PLEASE CONTACT WITH:

- Tel: 064. 858792 - 830669 - 830150  
- Fax: 064. 523698 - 830493  
- Email: [vygcedao@hcm.vnn.vn](mailto:vygcedao@hcm.vnn.vn)



CON DAO NATIONAL PARK

## A PARADISE OF ECOTOURISM

**V**isiting Con Dao National Park, tourists will have a breath-taking view of white sandy beaches and deep blue as well as appreciate the biodiversity value of an archipelago which is the habitat of thousands of species.

Con Dao National Park is centered on an archipelago of 14 islands, located in the South East of Vietnam, 180 kilometers away from Vung Tau City. The total area of the national park is 19,998 hectares, comprising an island area of 5,998 hectares and a marine area of 14,000 hectares. In addition, a marine buffer zone of 20,500 hectares is defined. Primeval forests mostly occupy the forest area which supports the diverse flora and fauna including rare animals and various tree species in the mountains or mangrove forests. The sea also supports a wide range of different marine species highly valued in terms of science, economy and environment. Besides, dense coral reefs, a mysterious world in the deep ocean, are included.

### Potential land for ecotourism development

Con Dao National Park is one of the first two national parks that take charge of protecting the terrestrial and marine ecosystems. Despite being an island ecosystem, the national park has 882 vascular plant species, including 44 plant species that were discovered for the first time on the island (among them, 11 species were named Con Son), 135 species of vertebrate, 8 species of amphibian. Four bird species endemic to Con Dao are Nicobar Pigeon *Caloenas nicobarica*, Red-billed Tropicbird *Phaethon aethereus*, Pied Imperial Pigeon *Ducula bicolor* and Masked Booby *Sula dactylatra*. In addition, Con Dao National Park is home to three recorded endemic mammal species including Black Giant Squirrel, *Ratufa bicolor condorensis*, Con Dao house lizard and



*Butterflies fish living in dense coral reefs*

18 other rare species.

The marine ecosystem at the national park includes over 250 species of coral, the existence of which is the ideal environment for other marine living things. More than 1,300 marine species have been recorded. Among them are notable mammal species such as tortoises, chelonians, hawksbill turtles and dugongs-a globally endangered species. At present, Con Dao can be considered as the kingdom of dolphins.

In an attempt to raise awareness of conservation issues as well as advertise the national park, the management board has started organizing ecotourism. It is part of the strict protection area. Ecotourism is considered as an activity that contributes to the sustainable management of Con Dao's biodiversity value and the education program so as to raise conservation awareness of both tourists and local residents. Ecotourism in Con Dao National Park is regarded as one of the two major projects of

Vung Tau tourism. Con Dao National Park will offer visitors a chance to take part in different activities such as hiking, diving as well as watching coral reefs and other marine species.

According to Le Xuan Ai, General director of Con Dao National Park several construction projects to build the infrastructure have been under way. A new port will be built. Further, Con Dao National Park in cooperation with other companies in Ho Chi Minh City has been preparing equipment for diving and opening diving club to serve those who enjoy discovering the ocean. A trail is also in the course of construction in order to develop ecotourism potentials in the form of hiking. Con Dao National Park does receive cooperation from other partners to develop an ecotourism plan for the national park. Currently, the government is having the intention to reopen the airport in 2003 which is reportedly put into operation in 2004. As a result, tourists will find it easier to visit Con Dao. During the first two years of ecotourism plan, the average number of visitors reaches 1000 per year.

### **Organizing attractive ecotourism tours**

A lot of ecotourism tours are now available such as the one from the center of Con Son to Bay Canh and Cau islands. Tourists can visit the national park by boat during the day and stay in the forest at night. As for Con Son - Hon Tre tour, it only takes 30 minutes from Con Dao to the small Tre island by canoe. Tourists can watch turtles nesting on sandy beaches and make a tour around other sightseeing such as Ba Island, Trung Island and Dam Trau Island.

Bay Canh Island is the largest of the islands surrounding Con Son. It occupies 710 hectares and has features of the mangrove forest which is the habitat of birds, monkeys and iguanas. A number of bird species recorded at Bay Canh Island are not known from any other site in Vietnam, including Nicobar Pigeon and Pied Imperial Pigeon. Tourists can enjoy themselves on clean sandy beaches, dive into the ocean to look at pristine coral reefs as well as appreciate the marine biodiversity value. During turtles' breeding season, from April to September, tourists can watch these animals' natural activ-

ities or participate in the management board's conversation program.

Cau Island, the area of which is 87 hectares, has clean white sandy beaches. This is the only offshore island where fresh water and orchards can be found all year round. Cau Island was formerly an old village under the name Ba Thiet in King Gia Long's dynasty. Furthermore, it also has historical significance as a site of several prisons used by the French colonial regime and South Vietnam regime. Many famous revolutionaries were imprisoned on the island prior to 1975. At present, Cau Island is implementing wildlife conservation program. Tourists can enjoy diverse ecosystems, pristine sightseeing and a pure environment. Their journey will become more interesting if they visit Cau Island in the turtles' breeding season. In the moonlight, tourists can sit on breezy beaches watching turtles breeding. The most interesting thing is that visitors are likely to see dugongs and dolphins bobbing on the white-topped waves on their 10-mile way to Bay Canh or Cau Island. They are friendly messengers of the deep blue sea welcoming visitors to the national park.

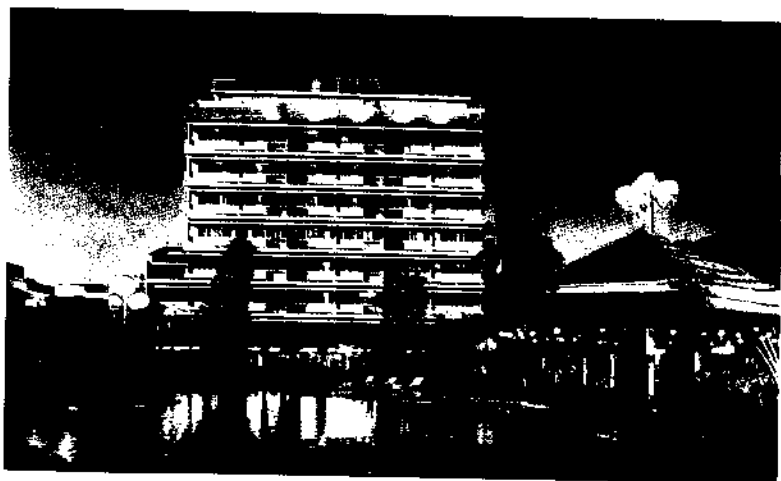
Another fantastic tour is Con Son - Hon Tre. It takes 30 minutes to arrive at the large Tre Island and 35 minutes to the small Tre Island by canoe. Tre Island is also famous for its beautiful beaches and nesting sites for turtles. Besides watching marine turtles nesting, tourists can visit one of the two largest bird yards in Con Dao National Park where migrating birds from the South East Asian and North East European regions are found. It is reasonable to say that in Tre Island wildlife lives in harmony with the nature. It is recommended that you should go hiking in the early morning or at sunset which are the most lively moments of wildlife.

It is worth visiting these sight-seeing islands including Ba Island, Trung Island and Dam Trau Island. Each of them has its own attraction. Visiting Con Dao National Park, tourists not only witness the greatness of the mountain and the sea but also broaden their mind. However, you should bear in mind that you are not allowed to leave anything except footsteps and take anything except photographs as taking an ecotourism trip. ■

**C**hủ nhân của hệ thống khách sạn tráng lệ, khu nhà nghỉ cao cấp nhất thành phố Vũng Tàu có khả năng cung cấp 1.095 phòng ngủ các loại chính là OSC Việt Nam - Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam. Trong khi thưởng thức cảnh đẹp đặc trưng của vùng bờ biển nhiệt đới với những bãi tắm đẹp nhất khu vực phía Nam, du khách đều cảm thấy rất hài lòng về những dịch vụ mà những khách sạn như Palace, Rex, Grand hay Khu Dịch vụ Dầu khí Lam Sơn và Khu căn hộ cao cấp Rạng Đông Orange Court ... có thể cung cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế. Chiếm trên 30% số phòng được xếp hạng sao trên tổng số khách sạn đóng trên địa bàn, Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (OSC Việt Nam) ngày nay tự hào là một trong những đơn vị lá cờ đầu của ngành du lịch Việt Nam.

## OSC VIỆT NAM CUỐN HÚT DU KHÁCH BẰNG NHỮNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Bất kỳ du khách nào khi đến thăm quan Bà Rịa - Vũng Tàu đều bị cuốn hút bởi phong cảnh và các khách sạn hạng sang cũng như các dịch vụ vui chơi giải trí của OSC Việt Nam nằm ven những bãi biển cát trắng được bao quanh bởi các rừng núi nhỏ ăn ra biển. Về đêm, gió biển, sóng, trăng và ánh đèn lung linh, huyền ảo của những khu phố du lịch càng làm cho khung cảnh nên thơ. Vũng Tàu thực sự là vùng đất của du lịch, giải trí và thư giãn. Cũng vì thế mà OSC Việt Nam đã xây dựng ở đây một hệ thống cơ sở vật chất du lịch thuộc hàng hiện đại nhất và quy mô nhất so với các đơn vị kinh doanh khách sạn, du lịch trên địa bàn, khiến nhiều vị quan chức của Nhà nước đến tham quan, nghỉ ngơi, an dưỡng đã phải thốt lên những lời khen ngợi. Mới đây, Ông Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã từng hài lòng nhận xét về khách sạn Palace, một trong những khách sạn sang trọng nhất của OSC Việt Nam tại Vũng Tàu: "Hai ngày ở khách sạn Palace - OSC Việt Nam thật tuyệt vời, được chăm sóc tận tình, lịch sự, được nghỉ ngơi, sinh hoạt thoải mái và thân tình".



Khách sạn REX

### Tạo uy tín bằng những dịch vụ lu trú đạt tiêu chuẩn quốc tế

Quãng thời gian 26 năm kinh doanh trong ngành dịch vụ, du lịch phục vụ các chuyên gia nước ngoài cho ngành dầu khí đã giúp OSC Việt Nam trở nên dày dặn kinh nghiệm nghiệp vụ, đặc biệt trong việc cung cấp mọi dịch vụ tốt nhất cho các du khách nước ngoài, dù cho họ mang quốc tịch nào. Có thể tự hào nói OSC Việt Nam đã tiếp cận nhanh và sớm nhất với các tiêu chuẩn quốc tế trong ngành du lịch thế giới, biết tìm kiếm cơ hội hợp tác với

các đối tác nước ngoài để đến với thế giới nhanh chóng và hiệu quả qua lĩnh vực lưu trú - khách sạn và biệt thự.

OSC Việt Nam có đến 12 khách sạn được xếp hạng từ 1 đến 3 sao, trong đó có các khách sạn quốc tế đạt tiêu chuẩn 3 sao bao gồm khách sạn Rex, Palace, Royal, Petro House và 5 khách sạn 2 sao. Khu căn hộ cao cấp Rạng Đông Orange Court với 69 căn hộ có chất lượng tương đương với tiêu chuẩn 4 sao. Trong năm 2003, doanh nghiệp này sẽ đưa vào kinh doanh Khách sạn Grand có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao. Tất cả những địa chỉ trên đều nằm ở những vị trí đẹp nhất với chất lượng hoàn hảo nhất tại Vũng Tàu. Với khả năng phục vụ khách ngày càng được nâng lên, hệ thống khách sạn thuộc OSC Việt Nam vốn là thế mạnh của OSC Việt Nam sẽ luôn giữ vai trò chủ lực trong kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Với phương châm "Phục vụ đúng qui trình, nâng cao chất lượng phục vụ", cùng với kinh nghiệm và đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, các dịch vụ mà các khách sạn thuộc OSC Việt Nam cung cấp đều đạt đến tiêu chuẩn quốc tế. Không chỉ thu hút khách ở dịch vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ bổ sung khác, công ty còn thu hút được khách hàng trên toàn quốc đến dâng cai các hội nghị và nghỉ ngơi tại các khách sạn của OSC Việt Nam. Ngoài ra, các khách sạn của OSC Việt Nam luôn có một lượng lớn khách lưu trú, cố định, dài ngày là công nhân các dự án công nghiệp trên địa bàn, các chuyên gia dầu khí, các chuyên gia trong các dự án ngành công nghiệp, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài...

Khu Dịch vụ Dầu khí Lam Sơn là một tiêu biểu trong thành công nữa của OSC Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú khi nó được mệnh danh là "Làng du lịch an toàn, sinh thái kiểu mẫu của OSC Việt Nam



*OSC Việt Nam đón khách du lịch tàu biển*

và thành phố Vũng Tàu" với 5 khách sạn, 30 biệt thự gần 300 buồng, phòng và một số dịch vụ khác như sân tennis, hồ bơi, nhà hàng... Khu dịch vụ này đã thu hút nhiều nhất các khách hàng lớn, truyền thống trong ngành dầu khí như Công ty Dầu khí Nga (RVO), Công ty Dầu khí Ấn Độ, (ONGC), Công ty Dầu khí Việt - Nhật (JVPC)... Các nhà thầu, hãng dầu khí nước ngoài đến ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc, chỗ ở cho công nhân viên và gia đình họ ngày càng một nhiều, bình quân 14 hãng/năm. Điều đó đã giúp OSC Việt Nam nâng công suất sử dụng buồng, phòng của hệ thống khách sạn lên 76% và khu biệt thự 87% trong năm 2002.

Ông Fukuoka Kazufumi, Tổng Giám đốc của Công ty Dầu khí Việt - Nhật, một khách hàng lớn, tin cậy của OSC Việt Nam tại Khu Dịch vụ Dầu khí Lam Sơn hài lòng nhận xét: "Khu Dịch vụ Dầu khí Lam Sơn quả là một khu vực yên tĩnh, sạch sẽ, thoáng mát, rất thích hợp cho các chuyên gia của chúng tôi nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng. Đặc biệt nơi đây có đội ngũ nhân viên lành nghề, được đào tạo chính qui về nghiệp vụ và ngoại ngữ. Khách của chúng tôi có cảm giác yên tâm về các dịch vụ lao động được tổ chức và cung cấp tốt như làm vệ

sinh, chăm sóc cây cảnh, bảo vệ an ninh trật tự, sửa chữa điện, nước... Tất cả luôn được đáp ứng nhanh nhất khi khách hàng yêu cầu”.

Từ những thành quả đạt được trong kinh doanh, trong 26 năm qua, các đơn vị kinh doanh lưu trú thuộc OSC Việt Nam đã được trao tặng những phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước như Huân chương Lao động Hạng 3 cho tổ cấp cứu Khách sạn Tháng Mười, Khu Dịch vụ Dầu khí Lam Sơn, Khách sạn Palace, tổ bếp Khách sạn REX và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đặc biệt Khu Dịch vụ Dầu khí Lam Sơn - một đơn vị kinh doanh lưu trú đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 2 về thành tích đạt được trong 5 năm (1997 - 2002). Trong năm 1998, khách sạn Rex được bình chọn Topten khách sạn Việt Nam do Tổng cục Du lịch Việt Nam tổ chức. Trong năm 2002, OSC Việt Nam đã tham gia Hội thi ẩm thực Các món ăn dân tộc Việt Nam và đã gặt hái được nhiều thành công lớn: tham gia 15 món thì 14 món đạt giải với 3 huy chương vàng, 7 huy chương bạc và 3 huy chương đồng, 1 giải khuyến khích.

### **Du lịch lữ hành cùng OSC Việt Nam**

Bên cạnh kinh doanh lưu trú, kinh doanh lữ hành là lĩnh vực ra đời sau nhưng OSC Việt Nam đã nhanh chóng gặt hái được những thành công mới, đặc biệt là trong kinh doanh lữ hành quốc tế. Với hệ thống các đơn vị kinh doanh lữ hành đặt ở các đầu mối chính trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Vũng Tàu, công ty còn quan hệ hợp tác kinh doanh với nhiều lữ hành quốc tế cũng như đại lý của các hãng hàng không lớn nhằm tạo nên thương hiệu uy tín trong kinh doanh lữ hành của OSC Việt Nam. Hai đơn vị kinh doanh lữ hành trực thuộc là Chi nhánh OSC Việt Nam tại Hà Nội, Trung tâm Dịch

vụ du lịch và Cung ứng Lao động chuyên kinh doanh lữ hành quốc tế và 3 đơn vị liên doanh lữ hành quốc tế khác cũng hoạt động kinh doanh rất có hiệu quả. Đặc biệt phải kể đến việc Công ty Liên doanh Dịch vụ Du lịch OSC - SMI 3 năm liền (1999 - 2001) luôn nằm trong “10” công ty lữ hành quốc tế hàng đầu đã thể hiện một hướng đi đúng trong kinh doanh lữ hành quốc tế của OSC Việt Nam. Liên doanh OSC - SMI có thuận lợi do đối tác nước ngoài là người Nhật Bản với trên 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong kinh doanh lữ hành và có nhiều cơ sở chi nhánh văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh với phương châm chủ động đẩy mạnh phát triển kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế làm hàng đầu, OSC - SMI đã khai thác tốt đi tour dài ngày từ thị trường các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là thị trường Nhật với lượng khách tăng liên tục qua các năm.

Trong năm 2002, các đơn vị kinh doanh lữ hành của OSC Việt Nam đã phục vụ 60.971 khách với 171.373 ngày khách, trong đó khách quốc tế là 53.955 khách với 156.674 ngày khách quốc tế. Doanh thu lữ hành đạt 148.087 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh lữ hành toàn công ty trong năm đã có chuyển biến tốt, tạo lập được một số thị trường ổn định, các đơn vị liên doanh lữ hành phát huy được lợi thế, giữ vững và mở rộng được thị trường, đã tổ chức đón được lượng khách nhiều hơn và đạt hiệu quả kinh doanh cao như OSC Travel, OSC First Holidays.

Với những bứt phá đầy ấn tượng trong lĩnh vực du lịch, OSC Việt Nam đã trở thành điểm sáng trong kinh doanh du lịch, một địa chỉ tin cậy, an toàn, thuận lợi của nhiều du khách khi đến với Vũng Tàu, góp phần tạo nên hình ảnh kinh doanh du lịch hiện đại của một thành phố biển trong thế kỷ XXI. ■

## OSC VIETNAM ATTRACTS TOURISTS

**T**he National Oil services Company of Vietnam (OSC Vietnam) is an owner of the most magnificent hotel system and the high-class resort with the total rooms of 1,095 in Vung Tau City. When enjoying the typical landscape of the tropical coastal area with the most beautiful beach in the South, all tourists feel satisfied with ISO services provided by such hotels as Palace, Rex, Grand or Lam Son Oil services Quarter and high-class Rang Dong Orange Court Apartment Building, occupying over 30 percent of the total number of star-ranking rooms of hotel located in this area. OSC Vietnam is proud of being one of the leading tourist companies in Vietnam.

Whoever tourists come to visit Ba Ria-Vung Tau, they are attracted by beautiful landscape, high-class hotels and entertainment services provided by OSC Vietnam. These resorts are adjacent to white sand beach surrounded by small mountains. By night, winds, waves and moon lights and twinkle lights of the tourism center makes the view become more beautiful. Vung Tau is really a tourism and entertainment resort. That's reason why OSC Vietnam built up the most modern and large-scale tourism infrastructure, compared to other hotel service and tourism companies in the locality. Many governmental authorities uttered their good comments on this place when they come to visit here. Recently, Mr. Nguyen Minh Triet, member of Politburo, Secretary of the Communist Party Committee in Ho Chi Minh city remarked on Palace Hotel, one of the most luxurious hotels of OSC Vietnam in Vung Tau, "I had a good time after staying in Palace Hotel - OSC Vietnam for 2 days"

### Create prestige through ISO accommodation services

After 26 years' working for the tourism industry, foreign experts of the oil industry have helped OSC Vietnam improve its expertise, especially provision of the best service for foreigners regardless of



Grand Hotel

their nationality. It is proud to say that OSC Vietnam has made a quick and soonest access to the ISO international tourism. Besides, it knows how to seek cooperation opportunities with foreign partners in an attempt to reach to the world quickly and effectively via accommodation-hotel-villa services.

OSC Vietnam has 12 hotels which are ranked ranging from one-star to three-star, including ISO 3-star hotels, namely Rex, Palace, Royal, Petro House and five two-star hotels. High-class apartment building Rang Dong Orange Court has 69 high quality apartments, matching with ISO 4-star hotels. In 2003, this Company will introduce ISO 4-star Grand Hotel into operation. All the above-mentioned hotels are located in the most beautiful places. And they have also the best quality in Vung Tau. With

increasingly improved services, the hotel system of OSC Vietnam will always play an important role in doing business in tourism in the province of Ba Ria-Vung Tau.

With the motto "provide proper services, improve the quality of such services", precious experience and well-trained staff, OSC Vietnam has achieved all ISO services. It has managed to attract not only clients who have demands for accommodation, beverage and other supplementary services but also those who have demands for organizing conferences and having a rest in OSC Vietnam hotels. Furthermore, OSC Vietnam hotels always have a large and stable number of clients. These clients include of experts working for the oil industry, industrial projects, domestic and foreign investors.

Lam Son Oil services Quarter is

another symbol of OSC Vietnam's success in doing business in accommodation. It is also called "A safe and ecological tourism village of OSC Vietnam and Vung Tau city" with five hotels, 30 villa including nearly 300 rooms and other services like tennis court, swimming pool, restaurants. This resort attracts so many potential and traditional clients working for the oil industry such as Russia-Vietnam Oil Company (RVO), Indian Oil and Gas Company (ONGC), Japan-Vietnam Petrol Company (JVPC). The number of tenders and foreign oil companies who enter into a lease contract for office and house is on the rise, 14 companies per year, on average. This helps OSC Vietnam make the best use of rooms with the capacity of 76 percent of hotel rooms and 87 percent of villas in 2002.

Mr. Fukuoka Kazufumi, General Director of the JVPC, a great client of OSC Vietnam in the Lam Son Oil services Quarter, remarked "Lam Son Oil services Quarter is a peaceful, clean and fresh place where our experts can relax after very stressful working days. Especially, this resort has employed well-trained staff having professional knowledge and good command of English. Clients always feel reliable on public serv-

ices such as sanitation, bonsai tending, safety and security, social order, power and water maintenance. Clients are always satisfied with such demands promptly".

Thanks to the achievements obtained over the last 26 years, accommodation business units under control of OSC Vietnam, such as emergency team of October Hotel, Lam Son Oil services Quarter, Palace Hotel, Rex Hotel, were handed over noble rewards like the Labor Order, third class and others by the State and the Party. Especially, the Lam Son Oil services Quarter was rewarded the Labour Order, second class for its achievements for a five-year period (1997 - 2002). In 1998, Rex Hotel was selected as one among top ten hotel in a campaign launched by the National Administration of Tourism of Vietnam. In 2002, OSC Vietnam participated in a Vietnamese Traditional Food Contest and obtained many successes: 14 out of 15 dishes won prizes, including three golds, seven silvers, three bronzes and one stimulation prize.

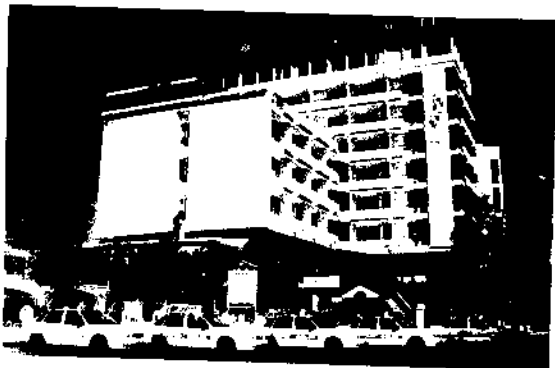
### **Travel tourism side by side with OSC Vietnam**

Apart from accommodation business, travel tourism was born later. However, OSC Vietnam has promptly reaped new fruits, particularly in the business area of outbound travel tourism. With travel agents stationed throughout the country like Hanoi, Ho Chi Minh city, Hue, Da Nang, Vung Tau, this Company also make cooperation with many other international travel agents and booking offices

of big aviation companies, creating a trusted trade mark for OSC Vietnam. There are two travel agents under jurisdiction of OSC Vietnam, that is, OSC Vietnam Branch Hanoi and Center for Tourism and Labour Supply and 3 other profit-making outbound travel joint-ventures. Especially, Tourism Services Joint-venture (OSC-SMI) implemented rational guidelines of OSC Vietnam to be ranked in the list of top ten international travel companies. OSC-SMI has foreign partners and more than 20 years' experience in travel tourism business and many representative offices overseas. During the production and business with its motto to give first priority to economic development and economic efficiency, OSC-SMI exploited long-term tours in domestic markets and Asia Pacific region as well, especially Japanese market with increasingly high number from year to year.

In 2002, travel agents of OSC Vietnam received 60,971 clients (171,373 /day) including 53,955 international clients (156,674/day). The company's turnover of travel tourism reached VND148,087 billion. Travel tourism has remarkably progressed, and created some stable markets. Travel joint-ventures bring into full play its advantages, maintain its status and expand its markets. OSC Travel and OSC First Holidays have received the higher number of tourists and obtained higher business efficiency.

Thanks to a impressive leap of the tourism industry, OSC Vietnam has become a reliable, safe and favorable address for many tourists arriving in Vung Tau, contributing to creating a beautiful image of the modern tourism industry in the 21st century city.



*Palace Hotel*

**KHÁCH SẠN BƯU ĐIỆN**

# KHẲNG ĐỊNH TÊN GỌI VỮNG TÀU P & T

**M**ặc dù mới chính thức đi vào hoạt động từ tháng 5 - 2002, nhưng Khách sạn Bưu điện Vũng Tàu (Vũng Tàu P & T Hotel), thuộc Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện, được đánh giá là đơn vị hoạt động khá hiệu quả, được khách hàng mọi nơi tin cậy, nhất là khách du lịch nước ngoài.

Tiếp chuyện với chúng tôi là ông Đỗ Mạnh Hùng, Giám đốc Khách sạn Bưu Điện Vũng Tàu. Ông cho biết, khách sạn của ông là một đơn vị "sinh sau đẻ muộn", khi ấy ở Vũng Tàu đã có rất nhiều hệ thống nhà hàng, khách sạn nổi tiếng. Tuy nhiên khách sạn Bưu điện Vũng Tàu rất tự hào bởi những gì mình đã và đang làm được. Trong các hệ thống khách sạn của Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện thông trải dọc trên mọi miền đất nước như ở Bãi Cháy (Quảng Ninh), Cửa Lò (Nghệ An), Sầm Sơn (Thanh Hoá), Tam Đảo (Vĩnh Phúc) ... thì Khách sạn Bưu điện đóng tại thành phố Vũng Tàu là một trong những khách sạn đạt hiệu quả kinh doanh tốt. Khách sạn đã thu hút được một số lượng lớn khách đến nghỉ tại khách sạn là cán bộ nhân viên trong ngành bưu chính - viễn thông và du khách thập phương đến nghỉ ngơi, thưởng ngoạn cảnh đẹp biển Vũng Tàu.

## Phương thức cạnh tranh tạo thế mạnh

Với địa thế thuận lợi, tọa lạc ở Bãi Trước của biển Vũng Tàu, trên con đường Hạ Long đẹp nhất Việt Nam, năm 2002, Khách sạn Bưu Điện được đánh giá là nơi có phong cảnh đẹp nên thơ và quyến rũ. Đến với khách sạn, du khách có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp hùng vĩ Núi Lớn, trông xa giống như một hòn non bộ khổng lồ, ngắm những đoàn thuyền tấp nập ra khơi và cảnh đẹp của biển khi đêm về.

Bên cạnh đó là sự quan tâm của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện đầu tư



Hồ bơi

cơ sở hạ tầng cho khách sạn trong thời gian đầu thành lập. Đến nay, hầu hết các thiết bị, vật dụng trong khách sạn đều được trang bị hiện đại và đồng bộ đạt tiêu chuẩn 3 sao. Toàn khách sạn có trên 70 phòng ngủ hướng ra biển với đầy đủ tiện nghi cao cấp, các vật dụng sinh hoạt trong phòng đều được chăm chút từ nhỏ đến lớn, tất cả đều tiện lợi và chu đáo cho khách hàng. Xác định khách hàng chủ yếu là giới kinh doanh, thương mại nên Khách sạn Bưu Điện ngoài hệ thống nhà hàng còn thiết kế thêm một phòng họp với sức chứa khoảng 500 người, chuyên phục vụ cho các cuộc hội thảo, hội nghị khách hàng của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Từ khi đưa vào hoạt động đến nay khách sạn trở thành nơi diễn ra của 30 - 40 cuộc hội thảo lớn nhỏ và hàng trăm tiệc cưới trang trọng. Chính lợi thế này đã thu hút một lượng khách không nhỏ cho khách sạn. Khách nghỉ cố định ở khách sạn đa số là các cán bộ, chuyên gia trong ngành dầu khí, trong

đó khách nước ngoài đến lưu trú chiếm tỷ lệ 55% và đem về một khoản doanh thu khá cao. Chỉ tính riêng trong 8 tháng cuối năm 2002, khách sạn đã đạt khoảng 6 tỷ đồng, lợi nhuận đạt gần 1 tỷ. Con số này nếu so sánh với các khách sạn cùng quy mô trên địa bàn thì khó có nơi nào sánh kịp.

Yếu tố quyết định để giữ được chân của du khách chính là cung cách phục vụ và lòng nhiệt tình của cán bộ công nhân viên của Khách sạn Bưu Điện. Về vấn đề này, ông Hùng cho biết: "Lợi nhuận đem về chưa thể đánh giá hết hiệu quả hoạt động của khách sạn, cái chính là sự tin tưởng của khách hàng, phải làm sao tạo cho khách du lịch khi đến đây cũng có cảm giác như đang ở nhà họ, thoải mái và thân mật. Có khách hàng đã khó, nhưng giữ được khách hàng càng khó hơn. Chính vì vậy, chúng tôi rất chú trọng đến công tác đào tạo nhân viên và chất lượng phục vụ". Thật vậy, hiện nay khách sạn đang tiến hành nâng cao tay nghề của nhân viên ở từng bộ phận vì hầu như đội ngũ cán bộ, nhân viên của khách sạn đều trẻ, tuổi đời trung bình chỉ trên 20 tuổi, và tay nghề chưa cao. Để khắc phục được hạn chế này, Khách sạn Bưu Điện luôn tổ chức các buổi hướng dẫn nghiệp vụ, thuê chuyên viên giỏi đến đào tạo tại chỗ, khuyến khích học tiếng Anh và đưa nhân viên đi tham quan tại một số khách sạn lớn, nổi tiếng để học hỏi kinh nghiệm, tìm ra cách phục vụ tốt nhất để khách hàng đến với mình nhiều hơn.

### **Các dịch vụ khác luôn được hoàn thiện**

Không chỉ có khung cảnh nên thơ, nhân viên phục vụ hết mình, hiếu khách, đến với Khách sạn Bưu Điện, du khách còn được tận hưởng những phút thư giãn, nghỉ ngơi tuyệt vời với một hệ thống bể bơi, sân tennis, phòng billard và phòng tập thể dục đa năng... được trang bị hiện đại. Đáng chú ý là tất cả các dịch vụ này đều miễn phí cho khách hàng. Ngày nào ở đây cũng mở tiệc buffet với các món ăn Âu, Á được thay đổi liên tục cho khách hàng dễ lựa chọn. Theo ông Hùng thì đây chỉ đơn thuần là các dịch vụ phụ trợ để không khí sinh hoạt thêm sinh

động và phong phú, các dịch vụ này sẽ tự thu hút và có tiếng nói thầm cảm ơn cũng như chào đón khách hàng đến với khách sạn.

Bên cạnh đó, Khách sạn Bưu Điện rất quan tâm đến công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) để bảo vệ khách. Tại từng phòng ngủ, từng tầng lầu đều có thiết bị báo cháy tự động cùng với hệ thống hướng dẫn thoát hiểm tiện lợi. Tất cả nhân viên của khách sạn đều được huấn luyện về kỹ thuật PCCC, đặc biệt hơn là khách sạn đã xây dựng được một đội PCCC chuyên nghiệp. Cũng chính vì tính chất quan trọng này, ngay từ khi đầu tư các thiết bị phòng ốc, khách sạn hạn chế rất nhiều các vật dụng dễ bén lửa, kém an toàn.

Không bằng lòng với những gì đã đạt được, lãnh đạo và nhân viên Khách sạn Bưu Điện Vũng Tàu quyết tâm cải thiện năng lực về chất lượng phục vụ, thực hiện sát sao khẩu hiệu 1 - 6 - 12 đã đề ra. Đó là "1 tháng có thay đổi nhỏ, 6 tháng có thay đổi vừa, 12 tháng có thay đổi lớn" và hoạt động theo phương châm: "Đa dạng hơn nữa, nâng cao chất lượng dịch vụ hơn nữa, luôn hướng về khách hàng, tận tâm và có tính chuyên nghiệp cao". Bên cạnh đó, Khách sạn Bưu điện đẩy mạnh công tác quảng bá, tiếp thị để danh tiếng của Công ty và Khách sạn trở nên quen thuộc hơn với du khách khi đến Vũng Tàu. Khách sạn còn thúc đẩy mối quan hệ với các công ty du lịch lữ hành tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi xuất phát điểm của các cuộc hành trình về Vũng Tàu nhằm tăng cường thu hút khách. Khách sạn dự kiến sẽ mở thêm một số dịch vụ phụ trợ khác như cafe ngân sao, đánh giày miễn phí, bán hàng lưu niệm, bán vé máy bay, tàu cánh ngầm, v.v. để hoàn thiện các dịch vụ của mình, xứng đáng với chất lượng khách sạn 3 sao mà Tổng cục Du lịch đang làm thủ tục gán biển.

Với những bước đi ban đầu hiệu quả, luôn luôn học hỏi để hoàn thiện các dịch vụ của mình, trong tương lai không xa, Khách sạn Bưu Điện Vũng Tàu đang hy vọng trở thành một trong những khách sạn hàng đầu tại Vũng Tàu để rồi vững vàng bước trên con đường phát triển và hội nhập. ■

**POST OFFICE HOTEL**

# MANIFESTING THE NAME VUNG TAU P & T

***D***espite coming into operation in May 2002, the Buu Dien Hotel (Post Office Hotel or Vung Tau P&T Hotel) under the control of Post Office Tourism Joint Stock Company has been evaluated as an efficiently-operating company. Also, it is trusted by all different clients from different places, especially foreign tourists.

While chatting with us, Mr. Do Manh Hung, Director of Post Office Hotel said that when this hotel was "born", there had been many famous hotels and restaurants in Vung Tau City. However, Post Office Hotel is proud of what it has achieved. Compared to a series of hotels under control of Post Office Tourism Joint Stock Company throughout the country such as in Bai Chay(Quang Ninh province), Cua Lo (Nghe An province), San Son (Thanh Hoa province), Tam Dao (Vinh Phuc province), Post Office hotel in Vung Tau city is the most efficient hotel. The hotel encouraged a great number of staff from the Post Office and Telecommunication industry and other people to check in with aims to enjoy beautiful seascides in Vung Tau city.

### **Competitive method creates a strength.**

Situated in the Front Beach of the Vung Tau Sea on the most beautiful Ha Long Road in Vietnam, 2003, the Post Office Hotel is known as a lovely and attractive landscape. Staying at the hotel, tourists will have an opportunity to enjoy the beauty of Lon Mountain. You also can see ships busily weighing anchor and the beauty of the Sea by night.

Thanks to the due attention by Vietnam Post Office and

Telecommunication, the Post Office Tourism Joint Stock Company invested in the development of the infrastructure of the hotel for the initial period. Since then, most of hotel furniture and accessories has been modernized and synchronized, meeting the 3-star standard. The hotel has high-standard 70 rooms fronting on the sea. It takes care of and provides all hotel services, even trivial one convenient to every client. Since majority of its clients mainly come from business and commercial community, the hotel built up a meeting hall with the capacity of 500 persons, apart from restaurants, with aims to organize seminars, workshops or conference chaired by domestic and international enterprises. Since its coming into operation, the hotel has organized 30 - 40 small and big seminars and hundreds of wedding parties. Such advantage helped attracting a great number of clients. Majority of clients are staff and experts from the oil industry, including 55 percent of foreign visitors, bringing in a relatively high turnover. In the last eight months of 2002 alone, the hotel obtained a revenue of around VND 6 billion and profit of VND 1 billion. Compared to the same-scaled hotels within the province, this figure is a difficult benchmark to obtain.

The secret to keep tourists is the behaviours and enthusiasm of staff

in the Post Office Hotel. Regarding this issue, Mr. Hung said, "we can not rely on profits to assess the efficiency of business operation. The most important factor is that tourists feel at home. We find it difficult to attract clients but more difficult to keep clients in touch with us. That's reason why we shall pay attention to training staff and improving the quality of services". At present, the hotel is improving skills of staff because most of them are very young and unskilled, at the age of 20. In order to overcome such deficiency, the Post Office Hotel always employs highly qualified experts to work as speakers for training and refresher courses in expertise and professional skills. It encourages its staff to learn English. It also usually organizes study tours for its staff to some large and famous hotels in order to learn precious experiences and find out the best services so as to attract more clients.

### **Other hotel services are constantly improved.**

The hotel has not only a lovely landscape but also enthusiastic and hospitable staff. Coming to the Post Office Hotel, tourists will be able to have a really good time with the best relaxation. They can enjoy themselves with modernly-equipped swimming pool, tennis court, billard room and multi-

functional exercise room. It is notable that all above-mentioned services are free-of-charge. Also, the hotel gives buffet parties with European and Asian dishes which are altered everyday, creating many comfortable options to its clients. According to Mr. Hung, these subsidiary services aims to create its customers a more interesting daily life. Providing good hotel services implies a sincere thanks to clients for their coming to this hotel.

In addition, the Post Office Hotel pay a great attention to fire prevention and fighting in order to protect its clients. All hotel rooms and floors have automatic fire alarms and convenient exits. All staff are trained in fire prevention and fighting. Especially, the hotel has employed a professional staff

specialized in fire prevention and fighting. Considering this issue, the hotel used very few ignitable and unsafe materials.

Not yet satisfied with their achievements, the leadership and staff of the Post Office Hotel decided to improve the service quality and fulfill its task under the slogan 1-6-12. It means that "1 month duration has small changes, 2-month duration has moderate changes and 12-month duration has big changes". And it tends to operate under the motto of "better diversification, futher improvement of service quality and expertise and more due attention to clients". Moreover, the Hotel constanly promotes advertisement and marketing, develops its image in an attempt to familiarize clients with the hotel's name and its services. It

also enhances a relationship with travel agents in Ho Chi Minh city, a departure position for Vung Tau city with the purpose of absorbing more tourists. The hotel is planning to provide some additional subsidiary services such as cafeteria, free-of-charge shoe brush, souvenir sale, plane ticket booking etc... In order to improve the quality of 3-star hotel services, the Tourism General Administration is preparing all necessary procedures in order to get permission to hang up its sign board.

The hotel has taken initial effective steps to learn about good experience with aims to improving its services. It does hope that it will become one of the leading hotels in the urban Vung Tau in the near future, steadily entering the national development and integration. ■



## KHÁCH SẠN BỬU ĐIỆN VŨNG TÀU VUNG TAU P & T HOTEL



**P & T HOTEL**  
*The Ideal Place of  
Relaxation & Meeting  
for Businessmen*



158 Ha Long St.,  
Ward 1,  
Vung Tau City  
Tel: (064) 511511  
Fax: (064) 51100  
E-mail:  
pthotel@hcm.vn



**NGÀNH THỦY SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**C**ó chiều dài bờ biển gần 200 km, Bà Rịa - Vũng Tàu được xếp vào một trong số những địa phương hàng đầu của cả nước về khai thác và nuôi trồng hải sản. Đây cũng là tiền đề để ngành chế biến khá phát triển với 23 nhà máy chế biến công nghiệp và hàng trăm cơ sở chế biến thủ công quy mô nhỏ. Với sản lượng thủy sản hàng năm đạt 150.000 tấn, Bà Rịa - Vũng Tàu hứa hẹn nhiều tiềm năng để có thể tăng sản lượng cả trong đánh bắt và nuôi trồng trong những năm tới.

**CÔNG CUỘC CHINH PHỤC BIỂN KHƠI**

Nằm ở vùng Đông Nam Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu thừa hưởng vùng bờ biển có chiều dài gần 200 km, rất thuận lợi cho nghề đánh bắt và nuôi trồng hải sản. Với độ dốc không lớn, độ sâu giảm dần từ bờ ra khơi, đáy biển Vũng Tàu có dạng của một đồng bằng lớn cũng là vùng tập trung nhiều loại hải sản, nhất là cá. Dọc theo bờ biển còn có nhiều sông, lạch chảy ra biển, mang theo lượng muối dinh dưỡng nên hệ thống cá biển ở đây rất phong phú cả về số lượng và chủng loại. Theo tài liệu điều tra, vùng biển ở đây có tới 661 loài cá, 70 loài tôm, mực và 50 loài hải sản khác có giá trị kinh tế, xuất khẩu cao. Nguồn lợi thủy sản ở vùng biển Vũng Tàu chiếm tới 40% nguồn lợi của vùng Đông Nam Bộ và khả năng trữ lượng cho phép khai thác hàng năm là 250 nghìn tấn hải sản các loại.

**Phát triển nghề thủy sản trên cơ sở phối hợp đồng bộ**

Như đánh giá của ông Phạm Thành Phương, Giám đốc Sở Thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu, nghề thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu đã có những bước phát triển khá tốt, đồng bộ ở khâu đánh bắt, nuôi trồng, chế biến



*Mực khô xuất khẩu*

kinh doanh thủy hải sản.

Tính đến cuối năm 2002, toàn tỉnh có 4.618 tàu đánh cá với tổng công suất 408.200 CV, trong đó tàu có công suất khai thác vùng ngoài khơi hơn 2.000 chiếc. Nếu so với năm 1992 toàn ngành chỉ có 2.358 chiếc tàu thuyền với tổng công suất 94.096 CV thì đến hết năm 2002 con số tàu thuyền tăng gấp đôi và công suất tăng gấp 4 lần. Bình quân mỗi năm phát triển thêm hơn 100 tàu khai thác. Các tàu đánh bắt xa bờ đều được trang bị máy tầm ngư,

máy định vị, máy thông tin liên lạc. Gần đây, ở thành phố Vũng Tàu đã có một số hộ ngư dân bắt đầu quan tâm đến việc chuyển đổi ngành nghề khai thác. Nổi bật là gia đình ông Bùi Tiến Sơn đã mạnh dạn vay vốn đầu tư chuyển sang nghề câu cá ngừ đại dương và trở thành doanh nghiệp khai thác hải sản đạt hiệu quả cao với giá trị xuất khẩu hàng năm trên 2 triệu USD. Hiện gia đình ông có 7 tàu câu cá ngừ trang bị dàn câu tự động, dây chuyển bảo quản sản phẩm công nghệ Nhật Bản và

nhiều thiết bị phục vụ đánh bắt tiên tiến.

"Con bão số 5 (năm 1997) gây ra nhiều thiệt hại to lớn về tàu thuyền cho nghề cá Bà Rịa - Vũng Tàu, chúng tôi đã chủ động hướng dẫn bà con ngư dân lập danh sách vay vốn bằng nguồn tín dụng ưu đãi của nhà Nước. Sau 4 năm, toàn tỉnh đã đóng mới được 83 chiếc với tổng số vốn vay là 75 tỷ đồng". Giám đốc Phạm Thành Phương nói.

Sự phát triển nhanh chóng về năng lực đánh bắt là yếu tố quan trọng giúp cho sản lượng khai thác hải sản của tỉnh liên tục gia tăng. Chính vì thế, tổng sản lượng hàng năm cũng gia tăng đáng kể. Năm 1992, sản lượng hải sản đánh bắt toàn tỉnh mới đạt 70.000 tấn thì đến năm 2002 đạt 160.465 tấn, đạt tốc độ tăng trưởng 13%/năm, đưa kim ngạch xuất khẩu đạt 94.013.000 USD bằng 133,14% so với năm 2001.

Phong trào nuôi trồng thủy sản phát triển khá mạnh do các địa phương biết khai thác triệt để 4.968 ha mặt nước đưa vào sử dụng với nhiều hình thức nuôi: quảng

canh, quảng canh cải tiến, thâm canh, bán thâm canh, nuôi lồng bè, nuôi xen canh tôm - muối ... Tổng sản lượng nuôi trồng năm 2002 đạt 3.550 tấn, bằng 142% so với năm 2001. Một số vùng nuôi tôm công nghiệp đã định hình như Phước Thuận (Xuyên Mộc), Lộc An, An Ngãi (Long Đất), Long Sơn (Vũng Tàu) và Long Hương (thị xã Bà Rịa) với nhiều mô hình đạt năng suất 5 - 7 tấn/ha/vụ. Trong công tác đầu tư nuôi trồng, tỉnh tiếp tục xúc tiến xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu nuôi tôm công nghiệp 326 ha tại Lộc An với tổng vốn đầu tư 130 tỷ đồng và các vùng khác như Bình Châu, Long Hương, Long Sơn.

Trên địa bàn tỉnh còn có các cửa sông, eo biển, vịnh thuận lợi cho việc nuôi cá lồng bè và nuôi cá nước lợ. Tại cửa sông Chà Và (xã Long Sơn) có khoảng 100 ha mặt nước, phù hợp với việc phát triển với nghề nuôi cá lồng. Hiện ở đây có 3 cơ sở nuôi khoảng 600 lồng, chiếm khoảng 4 ha. Huyện Côn Đảo có khoảng 300 ha mặt nước ở các vịnh Bến Đầm, vịnh Côn Sơn, vịnh Đông Bắc nhưng mới phát triển nghề nuôi

cá lồng với qui mô nhỏ. Dọc lưu vực các sông chính như sông Thị Vải, sông Dinh, sông Ray bắt đầu hình thành nghề nuôi cá mú trong ao đạt hiệu quả khá quan.

Toàn tỉnh hiện có 23 nhà máy chế biến hải sản xuất khẩu với tổng công suất 212 tấn/ngày, 6 nhà máy chế biến bột cá cao cấp - 43.750 tấn thành phẩm/năm và 66 doanh nghiệp chuyên kinh doanh về thủy sản. Các doanh nghiệp này hàng năm đều xuất khẩu hải sản theo chiều hướng gia tăng. Nếu như năm 1998 sản lượng xuất khẩu mới đạt 6.017 tấn thì năm 2002 đã là 46.848 tấn và kim ngạch xuất khẩu năm 1998 đạt 26,206 triệu USD thì năm 2002 đã lên đến 94,013 triệu USD. Một số doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu lớn như Công ty Cổ phần Hải Việt, Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu Thủy sản (BASEFOOD), Công ty Thủy sản - Xuất nhập khẩu Côn Đảo (COIMEX)... Để đạt được kết quả trên, toàn tỉnh đã chú trọng từ khâu cung cấp, lựa chọn nguyên liệu, đầu tư khoa học kỹ thuật và mở rộng số lượng cũng như chất lượng các mặt hàng. Không ngừng tăng



*Đường nuôi  
tôm bán  
thâm canh*

cường xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội thảo nhằm mở rộng thêm một số thị trường lớn như Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan và các nước châu Âu...

**Cần có một cơ cấu đầu tư đúng mức**

Nhìn toàn cục sự phát triển của ngành thủy sản vẫn còn nhiều bất cập, mang nặng tính tự phát, cơ cấu đầu tư thiếu cân đối. Hai lĩnh vực được ưu tiên nhất là khai thác hải sản và nâng cao năng lực chế biến chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu đầu tư cho ngành. Bàn về chiến lược phát triển và xuất khẩu thủy sản của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời gian tới, ông Phạm Thanh Phương, cho biết: "Đầu tư cơ sở hạ tầng là nhiệm vụ trước mắt, song phải tập trung vào hai nhiệm vụ chiến lược là nâng cao năng lực tàu thuyền và đổi mới công nghệ chế biến hàng xuất khẩu, vốn được xem là yếu kém nhất".

Để giải quyết vấn đề này, từ nay đến năm 2005, ngành thủy sản tỉnh dự kiến sẽ bổ sung thêm 885 tỷ đồng cho lĩnh vực đánh bắt thủy sản, trong đó có 600 tỷ đồng dành cho đóng mới tàu đánh bắt xa bờ. Theo kế hoạch, tổng vốn đầu tư cho chương trình xuất khẩu thủy sản của Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2005 dự kiến đạt 2.098.5 tỷ đồng. Bên cạnh đó việc đầu tư công nghệ, nâng cao năng lực chế biến hàng xuất khẩu cũng được coi là mục tiêu mà ngành chế hải sản cần khẩn trương thực hiện. Công việc cụ thể



*Phối cá*

bao gồm xây dựng 1 nhà máy chế biến hải sản cao cấp, năng cấp 10 nhà máy khác theo mô hình quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO và HACCP, xây dựng và nâng cấp 260 trại sản xuất giống, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản... với tổng số vốn lên đến 186 tỷ đồng

Trong nuôi trồng thủy sản, ngành sẽ đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu nuôi tôm công nghiệp Lộc An, đồng thời phối hợp với các địa phương nằm sát kề thời tình hình phát triển nuôi trồng thủy sản cả về diện tích, phương thức nuôi, chủng loại vật nuôi.

Theo kế hoạch, tổng vốn đầu tư cho chương trình phát triển thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2003 dự kiến đạt 294,078 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách 120,878 tỷ đồng, vốn ưu đãi 16,8 tỷ đồng và 156,4 tỷ

đồng vốn huy động từ các thành phần kinh tế khác. Nếu huy động được, ngành tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng các cơ sở dịch vụ hậu cần phục vụ nghề cá như nạo vét các luồng lạch đi vào các cảng cá như Bến Đình, Phước Tỉnh, Lộc An và đặc biệt là lập dự án đầu tư làng cá Hội Bài - Phước Hoà và Bắc Long Sơn nhằm xây dựng nơi đây thành một trung tâm nghề cá lớn của tỉnh.

Với sự nỗ lực và những chương trình, dự án đầu tư một cách tập trung có trọng điểm, ngành thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ ngày càng phát triển trên tất cả mọi mặt, nâng cao đời sống nhân dân, tạo việc làm để làm đẹp, làm giàu cho quê hương. Trên cơ sở đó, chỉ tiêu mà ngành đặt ra với kim ngạch xuất khẩu 80 triệu USD vào năm 2005 đang dần trở thành hiện thực.



**Tình hình thực hiện các chỉ tiêu ngành thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 1998 - 2002**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002
Sản lượng chế biến Xuất khẩu	Nghìn Tấn	6.017	10.037	10.05	32.851	46.848
Kim ngạch Xuất khẩu	1000 USD	26.206	29.000	35.000	66.409,6	94.013
Tổng số tàu thuyền	Chiếc	4.074	4.193	4.305	4.514	4.618

**BA RIA - VUNG TAU FISHERIES**

**PROCESS OF SEA CONQUERING**

**W**ith total length of nearly 200 km, Ba Ria-Vung Tau is considered one of leading fishery exploitation and aquaculture localities nationwide. It is also a basic for processing development with 23 industrial processing factories and hundreds of small-sized craft processing entities. With annual fishery output of 150,000 tons, Ba Ria-Vung Tau will be prospective for both exploitation and aquaculture in the forth coming years.

Located in Southeast Asia, Ba Ria-Vung Tau has coastline of nearly 200 km, especially favourable for fishery exploitation and aquaculture. With slight descending, more and more shallow depth (to far sea), Vung Tau looks like a large delta with many sea species, particularly fish. There are many rivers flowing to the sea with high rate of salt so species are very abundant. According to a material, there are 661 kinds of fish, 70 kinds of shrimp, squid and 50 kinds of valuable sea species. Benefit source of Vung Tau accounts for 40% of Southeast's source with annual output of 250,000 tons.

**Fishery development on the basic of consistent cooperation**

According to Mr. Pham Thanh Phuong-Director of Ba Ria-Vung Tau Fisheries Department, Ba Ria-Vung Tau fisheries has made much progress from exploitation, aquaculture to processing, trading.

By the end of 2002, there are 4,618 fishing boats with total capacity of 408,200 HP, of which over 2,000 pieces are for off-shore projects. The figure features a double increase in boat quantity and four times increase in capacity against 1992 which were 2,358 pieces and total capacity of 94,096



*Preparing for going to the sea*

HP. Over 100 exploiting boats are annually added. Most of off-shore boats are equipped with fish-orienting machines, navigation system and communication system. Recently in Vung Tau, some fishermen have paid attention to exploitation moving. Take Mr. Bui Tien Son for instance, he has become an outstanding successful household thanks to oceanic tuna exploitation with annual export turnover of over US\$ 2 million. For the time beings, he has 7 large boats with automatic hooking station, Japanese preservation line as well as modern equipment.

"No 5 storm (1997) caused serious damage on Ba Ria-Vung Tau's boat quantity. We encouraged farm-

ers ask for the State's preferential loans. After four years, 83 pieces were made from total loan of VND 75 billion", said Mr. Pham Thanh Phuong.

Rapid exploitation capacity development is an important factor to raise the province's output. For that reason, total annual output also increases remarkably. The 2002 output is 160,465 tons compared to 70,000 tons of 1992, average growth rate of 13% per year, export turnover reaches US\$ 94,013,000, an increase of 133.14% against 2001.

Fishery aquaculture has rapidly developed since most of localities take full advantage of 4,968 ha water surface with various methods

**1998-2002 Target implementation situation**

Target	Unit	1998	1999	2000	2001	2002
Export processing output	Ton	6,017	10,037	10,05	32,851	46,484
Export turnover	1000 US\$	26,205	29,000	35,000	66,409.6	94,013
Total boat	Piece	4,074	4,193	4,305	4,514	4,618

Company, BASEFOOD, Con Dao Import Export Company (COIMEX) . . . etc. To obtain these results, the province pays much attention to each stage (from inflow to outflow). In addition, it has also promoted trade via seminars from which enterprises could further reach large markets including United States, South Korean, China, Taiwan and European countries.

**It is necessary to have an appropriate investment structure**

Generally, fisheries development still leaves some shortcomings and imbalance investment structure. The two top priorities including fishery exploitation and processing capability improvement account for a small rate among the whole department's investment structure. AS per fishery export and development strategy in the forthcoming period, Mr. Pham Thanh Phuong said: "Infrastructure investment is the foreseen task but it is very necessary to focus on two main tasks: boat capability improvement and imported goods processing technology renovation".

To cope with this issue, from now on to the year 2005, fisheries plans to supplement VND 885 billion for exploitation, of which VND 600 billion is for off-shore boat building. According to the schedule, by the year 2005, total investment capital on Ba Ria-Vung Tau fishery export program will be VND 2,098.5 billion. Besides, technology

investment as well as exported goods processing capability improvement is also urgent task for the fisheries, typically, building up a premier fishery processing factory, applying HACCP & ISO standard for 10 factories, building and upgrading 260 breeding-grounds . . . etc with total capital of VND 186 billion.

In the field of fishery aquaculture, fisheries will consecutively invest in technical infrastructure of Loc An industrial shrimp breeding-ground, coordinate with localities to update fishery aquaculture development process both in size, method and kind.

According to the scheme, total investment capital in 2003 Ba Ria-Vung Tau Fishery Development Program is estimated at VND 294,078 billion, of which budget capital accounts for 120,878 billion, preferential capital is 16.8 billion, the rest VND 156.4 billion will be mobilized from other economic sectors. If mobilization is possible, the fisheries will continue upgrading, expanding afterservice entities to serve fishing, including Ben Dinh, Phuoc Tinh, Loc An fish port, especially drafting project of Hoi Bai-Phuoc Hoa and Bac Long Son to turn this locality into the province's large fish center.

Thanks to great effort together with focused projects, Ba Ria-Vung Tau fisheries will undoubtedly develop more and more. Hence, target of US\$ 80 million in 2005 will soon come true. ■

NGÀNH NÔNG NGHIỆP BÀ RỊA - VŨNG TÀU

# PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP GẮN CHẶT VỚI CÁC NGÀNH KINH TẾ KHÁC

**M**ặc dù trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng rất nhỏ khoảng 4,06%, nhưng với 70% dân số địa phương làm nghề nông thì nông nghiệp vẫn được xác định là ngành có vị trí quan trọng trong hoạt động kinh tế - xã hội địa phương. Những năm gần đây nông nghiệp địa phương đang dần hình thành một mô hình phát triển các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao gắn chặt với các ngành công nghiệp, du lịch và thương mại.

Bà Rịa - Vũng Tàu có lợi thế nằm trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam, là một trung tâm công nghiệp và du lịch, có ngành công nghiệp dầu khí phát triển rất mạnh cùng một thị trường tiêu thụ nông sản rất lớn, chủ yếu là các mặt hàng lương thực, thực phẩm. Đây cũng là tiền đề để phát triển ngành nông nghiệp phục vụ công nghiệp và dịch vụ du lịch tại tỉnh và trong vùng. Với điều kiện khí hậu mang tính chất nhiệt đới, gió mùa nên tỉnh có lợi thế để phát triển các loại cây nhiệt đới như bắp, rau đậu, cao su, tiêu, điều, trái cây đặc sản (nhãn xoong cơm vàng, xoài, măng cầu ta, cây có múi...) và chăn nuôi gia súc: bò sữa, bò thịt, heo, chăn nuôi gia cầm như gà công nghiệp, gà thả vườn...

## Xây dựng nền nông nghiệp bền vững

Theo ông Hà Văn Nghĩa, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: "Khi các ngành công nghiệp - dịch vụ - du lịch của địa phương càng phát triển thì nhu cầu về những sản phẩm nông



Thu hoạch cà phê

ng nghiệp chất lượng cao sẽ càng tăng. Vì vậy trong những năm gần đây ngành nông nghiệp tỉnh cũng đã dần hình thành những vùng đi sâu vào sản xuất, chăn nuôi chuyên canh để cho ra những sản phẩm nông sản chất lượng cao cung cấp cho địa phương và cả những địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam".

Đối với lĩnh vực trồng trọt, sự

chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá trong thời gian qua đã được định hình. Các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp trong đó có các loại cây dài ngày như tiêu, cà phê và cây ăn quả ở các huyện Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc, Thị xã Bà Rịa luôn được gia tăng cả diện tích lẫn sản lượng. Nếu như năm 1992 tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn

mới chỉ có 28.703 ha thì đến năm 2002 tăng 44.888 ha. Ngoài ba vùng chuyên canh lúa ở Long Đất, Châu Đức, Xuyên Mộc, các vùng chuyên canh bắp cũng phát triển mạnh tại địa bàn Tân Thành, Châu Đức, Long Đất và thị xã Bà Rịa. Tốc độ tăng trưởng về diện tích trồng lúa lai luôn chiếm ưu thế của ngành nông nghiệp tỉnh và thuộc hàng cao so với các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ.

Lĩnh vực chăn nuôi cũng có những bước phát triển đáng kể. Các chương trình nhằm phát triển số lượng và nâng cao chất lượng đàn gia súc gia cầm đã gia tăng cả về quy mô, phương diện. Chương trình sinh hoá đàn bò được thực hiện từ năm 1995 đã nâng tỉ lệ bò lai sinh từ 41% lên 70% tổng đàn năm 2002, tỉ lệ nạc hóa đàn heo từ 51% năm 1993 lên trên 90% tổng đàn, gà thả vườn từ việc chỉ cung cấp khoảng 10% cho địa phương năm 1993 nay đã lên đến trên 60%...

Việc trồng rừng nhằm phủ xanh đất trống đồi trọc cũng dành được sự quan tâm lớn của tỉnh, kể từ năm 1993 đến năm 2002 đã thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, toàn

tỉnh đã trồng mới phủ xanh 5.231 ha rừng phòng hộ và đặc dụng. Hàng năm thực hiện công tác chăm sóc rừng trồng và bảo vệ rừng, cùng với việc thực hiện chủ trương giao đất trống để trồng rừng và giao rừng để chăm sóc bảo vệ, sản xuất nông lâm kết hợp đã từng bước xã hoá nghề rừng. Công tác quản lý bảo vệ rừng được tăng cường đối với diện tích rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Nhận thức được tầm quan trọng của hạ tầng cơ sở để phát triển nông nghiệp - nông thôn, trong những năm qua tỉnh đã đầu tư gần 700 tỷ đồng cho xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn. Đến năm 2002, 100% xã phường có đường nhựa đến trung tâm xã, 100% xã phường có đường điện trung hạ thế, 89% dân số nông thôn được sử dụng điện, 78% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 100% xã phường có trường tiểu học, hệ thống thủy lợi có 40 công trình, trong đó có 20 hồ chứa với dung tích hữu ích 95,16 triệu m<sup>3</sup>, 29,5 km kênh mương cấp 1 đã được bê tông hoá. Các chương trình lĩnh vực tiêu dùng đã và đang triển khai như chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình

giống nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa... để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nông dân.

### **Mục tiêu và các giải pháp phát triển nông nghiệp giai đoạn 2002 - 2010**

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III và Nghị quyết 15 - NQ/TW (khóa IX) về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010 đã định hướng cần phát triển dựa theo quy hoạch và các điều kiện thổ nhưỡng để xây dựng các vùng chuyên canh, từng bước đa dạng hóa nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa... Khuyến khích kinh tế trang trại phát triển sản xuất và chế biến nông hải sản, ứng dụng rộng rãi các công nghệ sinh học vào chọn giống cây trồng vật nuôi năng suất cao. Bên cạnh đó cần cơ giới hóa khâu làm đất, thủy lợi, thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đẩy mạnh tiếp thị, mở rộng thị trường, cũng như thực hiện các chương trình đầu tư kết cấu cơ sở hạ tầng ở các xã, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa nông thôn...

Mục tiêu đặt ra là phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 4,7%/năm và giai đoạn 2001 - 2005 là 4,85%/năm, trong đó trồng trọt tăng 4,85%/năm và chăn nuôi tăng 4,67%/năm. Nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, gấp 1,5 - 2 lần so với trước năm 2001, giảm hộ nghèo nông thôn xuống dưới 4% vào năm 2005. Đảm bảo đến năm 2005 có 95% số hộ gia đình nông thôn được sử dụng điện lưới quốc gia và nước sạch. Nâng cao dân trí khu vực nông thôn và dần từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn.

Để thực hiện được nhiệm vụ này



*Chương trình Sinh hoá đàn bò*

ngành nông nghiệp, nông thôn tính sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

1. Thúc đẩy nhanh việc hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng địa phương và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Theo đó tiếp tục phát triển vùng chuyên canh tiêu 7.000 ha, cây cao su 19.000 ha, cây điều cao sản 12.000 ha, ổn định và chuyên canh cà phê 7.000 ha và cây ăn trái đặc sản 14.000 ha ở các huyện, trên đất đã và sẽ xây dựng các công trình thủy lợi và phát triển nhân giống trên các vùng đất cát ven biển. Các vùng chuyên canh lúa, bắp, khoai mì, bông vải, rau đậu các loại thực hiện các mô hình chuyển đổi cơ cấu luân canh, xen canh, thâm canh hợp lý bảo đảm canh tác bền vững nâng cao giá trị sản lượng và hiệu quả trên đơn vị diện tích. Hình thành các vùng chăn nuôi tập trung ở các huyện nông thôn, các xã nằm ngoài trung tâm xã Bà Rịa cũng như triển khai các vùng thịt chất lượng cao và bò sữa, phát triển nuôi gà thả vườn...

2. Tăng cường đầu tư nghiên cứu khoa học, đưa tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng và giá thành sản phẩm. Tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới như nhân giống cây trồng, vật nuôi mới tạo ra bước đột phá về năng suất và xây dựng các khu sản xuất công nghệ cao.

3. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật



*Thu hoạch mùn cao su tại Công ty Cao su Thông Nhứt*

chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện chương trình kiên cố hoá hệ thống kênh mương, hoàn thiện mạng lưới dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, tăng cường hệ thống thú y, bảo vệ thực vật, khuyến nông, thú nông từ tỉnh xuống huyện, xã các cơ sở... Xây dựng các dự án đầu tư cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, phát triển đường giao thông nông thôn. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới các hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, hoàn thiện hệ thống thông tin.

4. Tăng cường công tác theo dõi thông tin thị trường tiêu thụ nông sản, chú trọng công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kết hợp với Sở Thương mại chỉ đạo cho các

doanh nghiệp tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản. Tinh chỉnh các cơ chế chính sách hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi để các doanh nghiệp hợp đồng chặt chẽ với nông dân, phát triển mạnh các loại hình liên kết hợp tác trong sản xuất. Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, chợ nông sản nhằm trao đổi thông tin, tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến với nông dân...

5. Tập trung đào tạo, nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đối với đội ngũ lao động nông nghiệp và lao động nông thôn. Tăng cường công tác tập trung khuyến nông, nâng cao trình độ chuyên môn cho bà con nông dân.

Cùng với những kết quả đáng ghi nhận mà ngành nông nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt được trong thời gian qua và những định hướng, mục tiêu đưa ra sẽ là tiền đề để ngành nông nghiệp phát triển song song với các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trong thời gian tới sẽ không chỉ có nhiều sản phẩm nông sản chất lượng cao để phục vụ cho các khách du lịch, người dân địa phương mà còn xuất khẩu.

**Giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá trị hiện hành**

*Đơn vị: triệu đồng*

Năm	1996	1999	2000	2001	2002
Trồng trọt	648.155	813.898	893.335	852.452	926.012
Chăn nuôi	267.164	276.811	303.408	300.559	355.541
Dịch vụ nông nghiệp	338	390	459	459	484
Tổng số	915.657	1.091.099	1.197.202	1.153.470	1.282.037

AGRICULTURE AT BA RIA-VUNG TAU

## CEMENTING AGRICULTURE WITH OTHER ECONOMIC SECTORS IN THE DEVELOPMENT PROCESS

*In spite of small proportion in economic mechanism of the province, around 4.06%, agriculture accounting for 70% population is still defined as a main sector in economic activities at local society. Being able to produce the high quality agricultural products, recently, a model local agriculture together with the industrial, tourist and trading sectors in locality is gradually developed.*

Situated in the main point economic region, Ba Ria - Vung Tau has benefited its priority: a center of industry and tourist possessing a prospective petrol industry as well as the huge market of agricultural products, especially foodgrains and foodstuffs. These are premises for agricultural development in order to serve the industry and tourist in the province and region. The tropical and monsoon weather is the ideal condition for the tropic plants such as: corn, vegetables crops, rubber, pepper, and special fruits: "Canoe"

longan with yellow pulp, mangoes, regional custard-apple, etc.) and domestic fowl breeding: milch cow, flesh cow, pig as well as poultry breeding: chickens kept in cage or let free.

### Building a sustainable agriculture.

According to Mr. Ha Van Nghia, vice manager of Province Service Agriculture and rural development: "More the industry, service, tourist in region develop, more abundant the inquiries for high

quality agricultural products get. Consequently, in recent years, many areas specializing in manufacturing, breeding are established with the purpose to provide the high quality product for in region and neighboring province in the main point economic zone.

In term of agriculture, the exchange of plant mechanism towards the commodities production direction has been recently founded. These areas specializing in long-day tree: such as pepper, coffee, fruit tree at Chau Duc, Long Dat, Xuyen Moc in Ba Ria town is always concerned on increasing surface and quantity. If in 1992, the area for long-day tree accounted for 28,703 ha, in 2002, this figure has attained 44,888 ha. Beyond three regions specializing in rice at Long Dat, Chau Duc, Xuyen Moc, those for corn are also seen a significant development at Tan Thanh, Chau Duc, Long Dat. The growth rate of rice area takes the majority in provincial agriculture, quite high in comparison to others localities in Southwestern region.

Breeding also got the noticeable improvement. These programs, whose purposes are increasing quantity and quality of domestic



*Growing fireworks*

fowl or poultry, are enriched both in scale and aspects. The project of multiplying the cow flock was implemented since 1995, augmenting the proportion of cross-breed cow from 41% to 70% in 2002, proportion on leanizing pigs from 51% in 1993 to 90% per flock, chickens raised in garden from supplying 10% of the locality in 1993 to 60% in 2002.

Eliminating the bald hill by the afforestation gained more attention at province level. From 1993 to 2002, 5 millions ha forest has been implemented, the greened area in whole province attains 5.231 ha of protective and specialized forest. The plantation and care are annually executed. Together with the policy to deliver the cultivated land for afforesting and caring; agricultural and forestall producing has step-by-step developed the forestry in whole town. The management and protection tasks are enhanced especially the protective and specialized forest.

Realized the necessity of infrastructure on the way to develop the rural agriculture, in recent years, the province has invested nearly 700 billions in the infrastructure at rural areas. Up to 2002, 100% communes possess the asphalt road to center, 100% communes have an average-low tension line, 89% household could benefit the electricity, the hygiene water is available for 78% population 100% communes has the primary school, the irrigational works consist of 40 ones in which 20 water reservoirs with the effective capacities 95.16 millions m<sup>3</sup>, 29.5 km-irrigation canal of the 1st rank has been concreted. Some spearhead programs were and were about to deploy: The eliminating hunger and reducing the poverty program, the breed pro-



*A case of self-contained raising pig*

gram in order to favourize the agricultural development toward the direction of commodities manufacturing. All of these are not out of the purpose to increase the material and cultural life of the townsfolk.

**The target and solution for the development of agriculture in the period 2002-2010.**

The resolution of 3rd provincial communist conference and resolution no 15 -NQ/TW session IX about the acceleration of the agriculture to the industrialization and modernization in the period 2001-2010 has been oriented to develop according the topographic condition and project for the specializing area. That is the launching-pad for flying to new height: diversifying the agriculture in the market economy, encouraging the farmhouse economy develop on producing and processing agricultural and marine products, applying extensively the biologic technology in choosing the breeding plants and animals with high productivity. In addition, it is very necessary to mechanize the phase of production

line: soil work, irrigation; following strictly the hygiene regulation for foods, reinforcing the marketing in order to widen market. It is familiar with the investment program on infrastructure in the communes in the intension to step up the urbanization velocity.

The suggested objective is trying to attain moderately the grow rate 4.7% per year, and 4.85% for the period 2001-2005, in which the cultivation every year increases 4.85% each year, 4.67% per year for breeding; augmenting the future income of the farmer 1.5-2 times more than the current one in 2001: 5.5 millions dong per year, reducing the rate of poor household below 4% in 2005; 95% population are supplied sufficiently with the national electricity network and pure water system in order to heighten the intellectual standard in the urban, step by step enter the modernization and

**To carry out these missions, the rural agriculture will concentrate on some solutions**

1- Accelerating the formation of agricultural products firm to answer the consumption demand as well as the material for processing industry in the localities. Continuously, expanding the specialized area of pepper (7,000 ha), rubber tree (19,000 ha), high yield "Dieu" (12,000 ha), stabilizing and specializing in coffee: 7,000 ha and fruit specialities surface will occupy 14,000 ha in the districts where the irrigational work were and were about to be constructed, developing the "canoe" longan on the sandy land along the sea-shore. The specialized area of rice, corn, manioc, cloth-flower, vegetables and beans will experience the alternative, interleaving, intensive mechanism reasonably to assure the sustainable farming, high productivity and efficiency on the area unit. Other hand, the breeding region are also focused in the district and communes out of downtown, especially with milky cow, and garden-rearing chickens

2- Enhancing the investment in sciences, applying the advanced technology in producing for high productivity and reasonable cost price. Concentrating on the research

### The value of agricultural manufacturing based on the current exchange.

Unit: million VND

Year	1996	1999	2000	2001	2002
Cultivation	648,155	813,898	893,335	852,452	926,012
Husbandry Farming	267,164	276,811	303,408	300,559	355,541
Agricultural services	338	390	459	459	484
Total	915,657	1,091,099	1,197,202	1,153,470	1,282,037

for the application of new technology such as: plants and animals multiplication so as to made a breakthrough in productivity and the construction of high technology zones

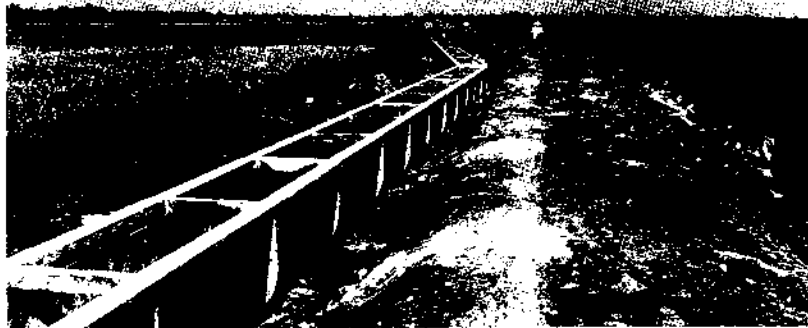
3- Continuing to ameliorate the technical infrastructure to respond the demand for modernization and industrialization in agriculture. Implementing the program which focus on concreting the irrigational system, perfecting the technique-service network for manufacturing, supplying the breed of plants, animals; reinforcing the veterinary system, botanical protection, agricultural incentives and irrigation, from town-level downed to districts, communes and even the basis... Realizing the investment project to mechanize agricultural agriculture, improve the rural traf-

fic; further more incessant investment in the water supply systems in the communes, upgrading the communication channel.

4- Strengthening the informative observation on agricultural products on consumptive market, attaching special importance to business promotion, finding the market for agricultural products. Many supportive policies have been offered to the businesses with preferential interest for them to co-operate with farmers, which promote the coalition model in manufacture; organizing regularly the seminars, agricultural market so as to exchange the information, creating the relationship between producing business with the farmer.

5-Focusing on heightening intellectual standard, training the human resources; paying more attention at the agricultural and rural labour force. Enhancing incentive tasks, leveraging the qualification for the farmers.

Together with the remarkable result, which the agriculture at Ba Ria-Vung Tau obtained in the passing period, the objectives, orientations are pointed out as premises, ideal condition for the agriculture developing in parallel with other spearhead sector of the town. In the coming period, the agriculture sees a significant change: the high-quality products are available not only for tourists and local inhabitants but also for export. ■



Concreting the irrigational system

## CÔNG TY CAO SU THỐNG NHẤT

## THÀNH QUẢ SAU 10 NĂM VẬT LỘN VỚI KHÓ KHĂN

**C**ông ty Cao su Thống Nhất được thành lập vào năm 1991, trên cơ sở tiếp nhận Nông trường Cao su Phong Phú và Hòa Bình 2 (thuộc tỉnh Đồng Nai) và Nông trường Cà phê Châu Thành cũ với chức năng là trồng mới, khai thác, chế biến, kinh doanh, xuất khẩu mủ cao su và các thiết bị ngành cao su. Những ngày đầu thành lập, với tổng số vốn chỉ khoảng 1,7 tỷ đồng bao gồm 512 ha cao su chủ yếu là già vì được trồng từ năm 1942 và 1 nhà máy sơ chế cao su từ RSS thô sơ với thiết bị vừa cũ, công nghệ lạc hậu có công suất dưới 300 tấn/năm nên công ty gặp không ít khó khăn. Nhất là giai đoạn 1996 - 2001, do giá cả đổi với thị trường cao su bị giám sát, thị trường xuất khẩu đường như bị ngưng lại, cùng với tình hình trên về khí hậu, thời tiết đối với ngành cao su những năm đó không mấy thuận lợi đã đẩy doanh nghiệp vào tình trạng khó khăn hơn.

### Vượt qua sóng gió bằng chính nội lực

Đứng trước thử thách và khó khăn trong chừng như phá sản, toàn thể cán bộ nhân viên công ty đã đề ra những biện pháp hạ giá thành bằng cách đặt chỉ tiêu tiết kiệm và thưởng tiết kiệm vật tư. Chính nhờ sáng kiến này mà giá thành trong 4 năm liên tiếp, năm sau giảm hơn năm trước từ 0,7 đến 3%. Xác định công tác đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những nhiệm vụ then chốt nên việc phát triển hạ tầng cơ sở và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống người lao động luôn được Công ty chú trọng. Bằng quỹ đầu tư phát triển mà Công ty đã tích lũy được trong 10 năm qua lên đến 14 tỷ đồng, ban lãnh đạo đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ bản những công trình thiết thực: xây dựng nhà máy chế biến mủ cốm công suất 600 tấn/năm, nhà kho thành phẩm và lắp đặt thêm hệ thống thiết bị chế biến mủ từ RSS... Công ty đã kết hợp cùng Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam trong công tác quản lý kỹ thuật, cây giống để quản lý



Cao su vào si

tốt kỹ thuật trong qui trình khai thác vườn cây và sử dụng các biện pháp để gia tăng sản lượng. Ngoài ra, Công ty đã đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm sản xuất thông qua việc kết hợp với tiêu thụ sản phẩm kinh doanh nhằm đa dạng hóa mặt hàng, từ đó khách hàng sẽ dễ dàng chọn lựa những phương án kinh doanh phù hợp kết hợp với việc "nuôi dưỡng" khách hàng truyền thống bên cạnh tìm tòi thêm những khách

hàng mới làm phong phú thị trường tiêu thụ sản phẩm cho Công ty.

Nhìn lại chặng đường sau 10 năm phấn đấu, tuy chưa dài nhưng đối với Công ty Cao su Thống Nhất, đây thực sự là một dấu mốc quan trọng khẳng định sự vươn lên bằng chính nội lực bản thân và đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng. Từ nguồn vốn pháp định 1,7 tỷ đồng ngày đầu thành lập, đến nay tổng nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty đã lên đến hơn 30 tỷ đồng, nộp ngân sách trên 15 tỷ, tổng lợi nhuận đạt 25 tỷ đồng và sản lượng khai thác đạt 11.247 tấn.

Để phát triển bền vững và ổn định, công ty luôn quan tâm đến công tác chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên. Từ ngày thành lập đến nay, cán bộ của công ty đã được vay trên 550 triệu đồng để sửa chữa nhà và làm kinh tế phụ gia đình từ nguồn vốn hỗ trợ của công ty. Năm 1992, lương bình quân của cán bộ công ty mới chỉ đạt 120.000 đồng/ người/ tháng thì đến cuối năm 2002 con số này đã lên đến 1.000.000 đồng/ người/ tháng, tăng từ 12 - 15% qua mỗi năm.

Có được kết quả trên, trước tiên phải khẳng định vai trò lãnh đạo của ban giám đốc công ty bên cạnh một tập thể trên 600 cán bộ công nhân viên, gồm những người yêu nghề, có chuyên môn và trách nhiệm cao. Nhờ vậy Công ty đã tạo được mối quan hệ thống nhất từ chỉ đạo đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hiện nay Công ty Cao su Thống Nhất là đơn vị xuất khẩu trực tiếp sang các thị trường: Belarus, Nga, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore. Ông Lê Văn Lợi, Giám đốc Công ty nhấn mạnh: "Phương châm mở rộng sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, có chính sách đãi ngộ và khuyến khích hợp lý với khách hàng chính là chìa khóa để Công ty gặt hái thành công".

### **Tin ở tương lai việc mở rộng mô hình sản xuất**

Đối với Công ty, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất là mô hình mà công ty đã ấp ủ bấy lâu. Năm 1998 Công ty đã đầu tư

xây dựng nhà máy chế biến mù côm và kho thành phẩm với những thiết bị hiện đại đã tạo cho tốc độ tăng trưởng nhích dần lên, giữ ổn định liên tục 10 - 12%/năm. Phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, năm 2003, Công ty sẽ mở rộng sản xuất bằng cách đầu tư xây dựng một nhà máy sơ chế hạt điều xuất khẩu với số vốn khoảng 2 tỷ đồng và nâng cấp một nhà máy chế biến mù sao su SVR10 - SVR20. Để tạo đà bứt phá mới, Công ty sẽ triển khai chương trình thanh lý cải tạo và trồng lại đúng qui trình kỹ thuật với giống mới sản lượng cao.

Vấn bám sát nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn, theo dự kiến vào năm 2004 - 2005, Công ty tập trung đầu tư cho dự án nhà máy chế biến gỗ cao su với số vốn 2 tỷ đồng. Để dự án được thành công, cùng với vành đai của các hộ nông dân có vườn cây cao su trong tỉnh, ngay từ thời điểm này Công ty có phương án thu mua nguyên liệu cao su của các tiểu điền trên diện tích gần 700 ha với sản lượng hàng năm từ 600 tấn đến 800 tấn. Đồng thời áp dụng mô hình tiến độ thanh lý và trồng mới cây cao su mỗi năm trên 100 ha để tạo nguồn nguyên liệu gốc đảm bảo đủ kế hoạch sản xuất gỗ cho nhà máy, mặt khác việc trồng lại hoàn toàn bằng các giống cây mới, năng suất sản lượng cao, kháng bệnh tốt là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển bền vững của Công ty trong tương lai. Trả lời câu hỏi của chúng tôi về những dự định trong tương lai, ông Lai cho biết: "Bằng sức mạnh và lòng nhiệt huyết của toàn thể cán bộ, chúng tôi tin tưởng vào những dự án đầu tư xây dựng, với nét đặc thù về điều kiện địa lý và xã hội sẽ còn tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa".

Sự tận tụy của Công ty đã được tỉnh và Nhà nước ghi nhận trong sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. Với những thành tích mà Công ty đã gầy dựng trên sẽ góp phần đưa doanh nghiệp bước dài trên con đường hội nhập và khẳng định vị thế của mình trên thương trường trong nước cũng như quốc tế. ■

## THONG NHAT RUBBER COMPANY

# A BIG LEAP FORWARD AFTER A DECADE OF STRUGGLING WITH DIFFICULTIES

**T**hong Nhat Rubber Company was founded in 1991 on the basis of a merger of Dong Nai-based Phong Phu and Hoa Binh 2 Rubber Plantation and Chau Thanh Rubber Plantation. Its new functions include planting, exploitation, production, conducting business and exporting rubber and machinery. During its fledgling time, its total capital amounted to only around VND 1.7 billion with 512 hectare of mainly aging rubber trees which were almost grown since 1942 and an obsolete and backward RSS rubber sheet draft processing chain with a capacity of less than 300 tonnes per annum, all of which drove the company to dilemma. The company was in an ever difficult time during 1996 - 2001 when rubber price plummeted, exports were stagnated in addition to unfavorable weather conditions.

### Overcoming obstacles by internal strength

On the verge on collapse and bankruptcy, the company reduced its production cost by measures of material saving and saving bonus for its staff. With this initiative, the cost declined between 0.7% and 3% each year for four consecutive years. Being aware of the key role of basic construction, the company has put due attention to development of its basic and technical infrastructure and to sustaining its employees' living conditions. Its cumulative capital of VND 14 billion for ten years in a row has been invested in critical constructions including a latex processing factory with a capacity of 600 tonnes per year, a end-product warehouse and a system for processing RSS rubber sheet latex.

The company has also established a close linkage with the Vietnam Rubber Institute of Vietnam in terms of technical and breed management in the process of exploitation and production. In

addition, rubber product sales was boosted up by the measure of merging sales of rubber for production and rubber end-products, which is aimed at product diversification, thus creating favorable conditions customers to choose their most suitable business methods while fostering tradition customers and seeking new customers for the company.

For the company, these are significant breakthroughs that indicate its great efforts and respectful accomplishments thanks to its own strength after ten years of development. Its initial legal capital of VND 1.7 billion has now mounted to over VND 30 billion. It contributed over VND 15 billion to the government budget, earned a total benefit of VND 25 billion and exploited 11,247 tonnes.

For sustainable and stable development, the company has always taken great care of its employees' living. Since its establishment, it lent over VND 550 million for house upgrading and provided financial support for house-

hold business development. Average monthly employment salary per head has increased sharply from VND 120,000 in 1992 to VND 1,250,000 in late 2002, a rise of 12-15% a year.

Such accomplishments should be counted on the efforts of both the leadership and over 600 staff of the company, who are diligent, skilled and responsible. A close relationships between management, production and sales stages. Currently, Thong Nhat Rubber has expanded its major export market to Belarus, Russia, China, Taiwan and Singapore. "Our mottos, including simultaneous production expansion, product quality improvement, and reasonable customer facilitating and favoring policies, are the key to our achievements," said the Director Le Van Loi.

### Production expansion a development objective

For Thong Nhat Rubber Co., production expansion is at hand thanks to its investment in factory

infrastructure for such a long decade. In 1998, a latex processing factory and an end-product warehouse equipped with modern technology were constructed, which has helped sustain its growth at 10-12% per year. In 2003, another step was taken by the construction of a factory to produce cashew for exports and the upgrade of the SRV10-SVR20 latex processing factory. With a view to make a new momentum for development, the company will initiate a program on replanting rubber trees with high productivity following standardized technical norms.

A supporter for agriculture and

rural development, as projected, between 2004 and 2005, the company will invest VND 2 billion in building a rubber wood processing factory. To reap fruits from the project, beside coordinating with rubber planting households in the province, the company plans to buy materials from smaller plantations that have a total area of nearly 700ha and can produce from 600-800 tonnes in total volume. Moreover, each year about 100 old rubber trees are cut down for wood and replaced by new trees which are high quality and disease resistance breeds for sustainable development of the company in the long run.

When asked about the company's future plans, Lai said: "Our strengths and the employees' commitments and enthusiasm are foundations for our belief that we will further develop with our future construction projects and favorable typical geographical and social conditions"

The company's devotion to the cause of modernization and industrialization of the country has been acknowledged by the province and the Government. What the company has achieved will pave the way for its integration into the local and global markets as well as confirm its status therein. ■



## **CÔNG TY CAO SU THỐNG NHẤT** **THONG NHAT RUBBER COMPANY**

Office: 173 Le Hong Phong St, Ward 8, Vung Tau City  
Tel: 064. 853533 - 859601 - 859737 Fax: 064. 859737  
E-mail: [nhuong66@hcm.vnn.vn](mailto:nhuong66@hcm.vnn.vn)



**NGÀNH TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ**

# CÔNG CỤ "ĐỘN BẦY" TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

**N**ền kinh tế của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong những năm gần đây luôn đạt mức tăng trưởng cao, trong đó có sự đóng góp của ngành tài chính, ngân sách. Tổng thu ngân sách luôn duy trì được ở mức cao, hàng năm đóng góp gần 30% vào tổng thu ngân sách cả nước. Chi ngân sách bảo đảm được các yêu cầu bức thiết của tỉnh, ngân sách địa phương dành nhiều vốn cho chương trình quốc gia và chương trình mục tiêu của tỉnh.

## Thừa hưởng một nền tài chính mạnh

Có thể khẳng định, từ ngày thành lập đến nay, tỉnh luôn hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách hàng năm đó là nhờ tổng thu ngân sách của cả nước được khai thác trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả tốt. Tổng thu ngân sách trên đại bàn tỉnh trong giai đoạn 1991 - 2002 đạt trên 164.000 tỷ đồng, trong đó thu từ dầu thô đạt 133.000 tỷ đồng, thuế xuất nhập khẩu khoảng 15.000 tỷ đồng, thu ngoài dầu thô và xuất nhập khẩu là 16.000 tỷ đồng. Tổng chi cho ngân sách địa phương trên địa bàn khoảng trên 8.600 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản là 4.000 tỷ (chiếm tỷ trọng 46%), chi thường xuyên 4.600 tỷ (chiếm 64%). Đối với một tỉnh nhỏ có diện tích tự nhiên khoảng trên 2 triệu km<sup>2</sup>, dân số chỉ khoảng hơn 800.000 người thì có thể thấy số thu và chi ngân sách trong giai đoạn vừa qua của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là lớn.

Việc duy trì luồng vốn đầu tư dồi dào trên địa bàn tỉnh những năm qua đã hâm nóng hoạt động kinh tế địa phương. Từ nguồn ngân sách, đã có 4.000 tỷ đồng được chi cho đầu tư. Tỉnh đã tập trung đầu tư cho hầu hết các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và một số dự án kinh tế quan trọng của tỉnh. Tính đến cuối năm 2002, tỉnh đã có gần

2.500 km đường giao thông các loại. Rất nhiều tuyến đường giao thông lớn đã được tỉnh tập trung đầu tư trong giai đoạn này. Tất cả các xã trong tỉnh đều có đường nhựa chạy về trung tâm. Huyện nào cũng có một tuyến đường trục chính lớn chạy qua. Hệ thống giao thông ở đây được các ngành Trung ương đánh giá là tốt nhất so với cả nước. Cùng với giao thông, đầu tư phát triển lưới điện cũng được quan tâm đặc biệt. Hiện nay, hầu hết các trung tâm xã đều có điện với tỉ lệ 95% hộ dân được sử dụng điện. Với chính sách phụ thu tiền điện để đầu tư, ngành tài chính đã có những đóng góp không nhỏ. Để phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực công nghiệp, thương mại, du lịch, thủy sản, vốn là những thế mạnh, có khả năng tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Một số dự án lớn có tính chất chiến lược công nghiệp của tỉnh đã được tập trung đầu tư như các khu công nghiệp Đông Xuyên, Phú Mỹ hay hàng loạt các khu du lịch nổi tiếng như Biển Đông, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Trung tâm Thương mại Bà Rịa... Các công trình này hiện đang phát huy hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, nguồn ngân sách cũng đã bảo đảm cho các hoạt động sự nghiệp và các công trình phúc lợi xã hội, công cộng khác nâng cao

chất lượng sống cho người dân, để đạt được kết quả như đã nêu.

Trong giai đoạn phát triển 11 năm qua, công tác tài chính cũng đã được ghi nhận ở việc huy động đầu tư từ các nguồn vốn khác. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các doanh nghiệp nhà nước cũng đã đầu tư vào lĩnh vực phát triển kinh tế khoáng gần 20.000 tỷ đồng. Số vốn trên chủ yếu dùng để đầu tư khai thác dầu khí, vận chuyển, chế biến khí, xây dựng nhà máy điện, các công trình kỹ thuật có quy mô lớn. Từ nguồn đầu tư của dân các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, ước có khoảng trên 3.000 tỷ đồng đã được đầu tư chủ yếu cho phát triển với quy mô vừa và nhỏ. Nguồn vốn nước ngoài đầu tư vào địa bàn tỉnh ước vào khoảng trên 2.000 tỷ. Nguồn vốn tín dụng trong những năm qua cũng đã huy động vào phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh với tổng số tiền ước tính khoảng trên 1.000 tỷ đồng.

Ngoài ra trong giai đoạn này, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được Trung ương cho cơ chế tạo quỹ đất đổi lấy hạ tầng. Cơ chế này tạo cho tỉnh một nguồn vốn đầu tư khá lớn (trên 1.100 tỷ đồng) đầu tư cho 69 danh mục. Có thể nói, nhờ có nguồn vốn này, thời gian qua, tỉnh đã đầu tư nhiều công trình lớn có tính chất chiến lược. Nhờ đó cơ sở vật chất

được nâng cao, cơ sở hạ tầng xã hội được khang trang sạch đẹp như hiện nay.

### Tiến đến những định hướng lâu dài

Có thể nói trên chặng đường 11 năm qua, việc đầu tư đã đạt được những hiệu quả nhất định. Song theo đánh giá của một số chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực này ở địa phương, những kết quả đó vẫn chưa tương xứng với vị trí là một trung tâm kinh tế lớn của khu vực miền Đông Nam Bộ và đầu tàu trên cả nước. Bởi vậy trong thời gian tới, tỉnh đã tiếp tục đề ra một số giải pháp chính sách nhằm thu hút mọi nguồn lực tài chính để đầu tư tiếp tục tạo ra chuyển biến lớn hơn. Chủ trương của tỉnh đối với lĩnh vực tài chính ngân sách là tập trung nguồn lực tài chính tại địa phương, kết hợp

với tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng đã đặt ra. Trên cơ sở phát triển sản xuất để ổn định và tăng thu ngân sách nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển kinh tế nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện các mục tiêu đề ra. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương thông qua cơ chế, chính sách cụ thể để bổ sung cho khả năng ngân sách của địa phương.

Đối với nguồn ngân sách, tỉnh có chủ trương tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư khác để bổ sung cho ngân vốn ngân sách thông qua hệ thống tín dụng thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao... đẩy mạnh phương thức nhà nước và nhân dân cùng

làm, động viên nguồn vốn nhân rồi của nhân dân... từ đó tạo nên nguồn lực tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Những định hướng để thực hiện các chủ trương trên cũng đã được ngành tài chính và cấp thẩm quyền xây dựng và sẽ trên khai cụ thể, trong đó có những biện pháp nổi bật như đa dạng hoá thu hút đầu tư, nhất là hình thức đầu tư BOT, BT, hỗ trợ từ ngân sách đầu tư các dự án phát triển ngành kinh tế có thế mạnh... Trong giai đoạn trước mắt tới năm 2005, Nghị quyết tỉnh Đảng bộ đề ra việc huy động, bố trí ngân sách để thực hiện đầu tư vào 6 dự án lớn của tỉnh với tổng vốn lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Như vậy, trong thời gian tới, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ có một cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại và một nền kinh tế công nghiệp sôi động hơn. ■

## DEPARTMENT OF FINANCE AND PRICE

# “LEVER” TOOL USED FOR THE LOCAL ECONOMIC DEVELOPMENT

*Over recent years, the economy of Ba Ria - Vung Tau province has obtained a high growth rate, including great contribution made by the local finance sector. The total budget revenue is always maintained at the high rate. About nearly 30 percent is delivered to the total national budget revenue. The budget expenditure covers urgent needs of the province. The local budget is mainly allocated to national programs and provincial target programs.*

### Inherit a strong financial source

Since its re-establishment, the province has always surpassed the annual budget target because the total national budget revenue was effectively exploited within the province. The provincial total budget revenue obtained more than VND 164,000 billion for the period 1991-2002, including revenue of

VND 133,000 billion from crude oil and VND 16,000 export turnover. The total local expenditure budget included more than VND 8,600 billion, consisting of VND 4,000 billion for capital construction (46 percent) and VND 4,600 billion (64 percent) for regular expenditures. Being a small province with the natural area of more than two million square kilo-

metre and a population of more than 800,000 people, Ba Ria - Vung Tau seems to have a large budget revenue and expenditure over the last period.

Maintaining an investment capital source available in the province has warmed up local economic activities. The amount of VND 4,000 billion extracted from the local budget has been disbursed for

investment. The province focused on investing in majority of technical and social infrastructure and some important economic projects. As of 2002, the province had nearly 2,500km of various transport roads. The province already put premium on constructing many big transport roads for this period. All communes of the province had mortar roads running towards the downtown. All districts had a main high way. The central level evaluated the existing transport system as the best throughout the country. Apart from the transport system, special attention was paid to investing and developing the power grid. At present, about 95 percent of households can have access to electricity in almost all commune towns. Thanks to the policy additionally levied on electricity cost, the financial sector has made great contributions. With aims to develop the economy, the province has dramatically invested in industrial sectors, commerce and tourism and fisheries which are seen as the province's strengths creating big budget revenue. Under the provincial strategy, the province is giving priority to investing some big projects such as industrial zones Dong Xuyen, Phu My or series of famous tourism resorts like the Eastern Sea, Con Dao National Park, and Ba Ria Trade Center. These projects are bringing in high economic efficiency. In addition, the Budget also can cover all operational costs and other social welfare service costs, which improves people's living standards and attaining the above-mentioned targets.

Over the last 11 years, many various capital sources have been mobilized. The local State owned enterprises (SOEs) also invested nearly VND 20,000 billion in eco-

nomic development sectors during their production and business activities. Such capital source is mainly used for investment in oil exploitation, gas transport and processing, power plant construction and large-scale technical projects. It is anticipated that more than VND 3,000 billion coming from non-state enterprises was invested in small and medium sized economic development. The foreign investment capital was estimated to be about more than VND 2,000 billion. Credit loans were also mobilized to develop the provincial economy and society with the total amount of more than VND 1,000 billion for recent years.

Furthermore, the Central Committee permitted Ba Ria - Vung Tau province to create a land fund at the expense of infrastructure. This mechanism created a potential investment capital (more than VND 1,100 billion) to the province in order to invest in 69 categories. So to speak, thanks to the existing capital source, the province has recently invested in so many big strategic projects. As a result, infrastructure and social welfare services have been improved as at present.

### **Long-term vision**

The investment obtained certain good results over the last 11 years. However, as evaluated by some local experts specialized in such field, the achievements are not worthy of the status-as being a big economic center in the southeast central area and a motive force of the entire country. Therefore, the province has found out some policy solutions in an attempt to absorb all financial sources in order to make further investment, creating greater changes. The province advocated concentrating on local financial

resources, making the best use of the support from the Central in order to continue investing, developing and attaining socio-economic targets; ensure national defense and security. Production expansion aims to stabilize and increase budget revenue for the purpose of meeting requirements for technical infrastructure construction; develop the economy; improve people's living standard and fulfill the set objectives. It is necessary to make advantage of the support from the Central through specific policies in order to supplement local budgets.

With respect to the budget sources, the province advocates to continue mobilizing other investment capital suppliers, aiming to supplement the budget fund through the credit system; attraction of foreign investment; socialization of education, health care, culture, sports, promoting the method done by the State and people together, creating strong enough financial resource to meet the immediate and future requirements.

The financial sector and competent agencies have developed orientations to fulfill the above-mentioned tasks, inclusive of typical measures such as diversification and mobilization of investment, especially the investment method Built-Operation-Transfer (BOT) or Built-Transfer (BT), support to the investment budget for economic development projects. By the year 2005, the Resolution of the Party provided for budget mobilization and allocation in order make investment in six big provincial projects with the total capital of billions of VND. Therefore, in the coming time, the Ba Ria-Vung Tau province will have modern technical infrastructure and more effective industrial economy. ■

**HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG**

# KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG QUI MÔ

**N**ỗ lực phục vụ khách hàng, đáp ứng kịp thời tiền mặt cho nhu cầu sản xuất và chi tiêu, cải tiến công tác thanh toán và không ngừng mở rộng các dịch vụ, điểm giao dịch, đó là những định hướng hoạt động cơ bản của hệ thống các ngân hàng đóng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thực hiện những mục tiêu chiến lược của ngành ngân hàng và các mục tiêu phát triển vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2001 - 2005, hoạt động ngân hàng trên địa bàn luôn được phát triển và mở rộng qui mô. Hệ thống các ngân hàng thương mại ngoài trụ sở chính còn có các phòng giao dịch được mở ở các huyện, thị xã đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn, phục vụ đặc lực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh.



*Ngành ngân hàng đã cho nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản vay vốn*

## **Đa dạng nguồn vốn huy động**

Trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xuất hiện nhiều kênh huy động vốn khác ngoài ngân hàng như bảo hiểm nhân thọ, tiết kiệm bưu điện, trái phiếu kho bạc ... đã phần nào tạo nên áp lực cạnh tranh và ảnh hưởng đến việc huy động lượng tiền gửi tiết kiệm vào ngân hàng. Chính vì vậy từ năm 1996 đến nay, hệ thống ngân hàng tỉnh đã thành lập thêm nhiều địa điểm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, ví dụ như chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện Tân Thành, huyện Châu Đức, các phòng giao dịch của Ngân hàng Công thương (tại thị xã

Bà Rịa), phòng giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Tân Thành, phòng giao dịch Ngân hàng Ngoại thương ở phường 7, thành phố Vũng Tàu ... Sự ra đời của các văn phòng giao dịch đã phần nào làm cho công tác huy động nguồn vốn của các ngân hàng trở nên sôi động hơn. Đến ngày 31 - 12 - 2002 nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đạt 5.648 tỷ đồng, trong đó tiền gửi tiết kiệm bằng tiền Việt Nam là 2.691 tỷ, chiếm 47,6% tổng nguồn vốn, ít hơn so với tiền thu từ ngoại tệ là 2.957 tỷ, chiếm 52,4%.

Theo đánh giá của ông Lê Đình Liệu, Giám đốc Chi nhánh Ngân

hàng Nhà nước tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tiền gửi ngoại tệ có mức tăng trưởng khá hơn so với tiền Việt Nam. Nguyên nhân là do những năm gần đây tỷ giá và lãi suất tiền gửi ngoại tệ khá ổn định. Nhà nước có chính sách thu hút kiều hối nên lượng ngoại tệ thu hút từ nước ngoài nhiều. Số ngoại tệ thu từ hoạt động xuất khẩu cũng tăng khá trong khi nhu cầu nhập khẩu giảm. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng vốn huy động vào hệ thống ngân hàng tăng chậm hơn tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay nền kinh tế. Đây là nguyên nhân gây nên tình trạng khan hiếm vốn tiền đồng Việt Nam trong các

ngân hàng thương mại của tỉnh hiện nay. Nếu xét về thị phần vốn huy động ngoại tệ, Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Vũng Tàu chiếm tỷ lệ cao nhất 82,3% vốn huy động ngoại tệ trên địa bàn, tập trung ở các đơn vị dầu khí và các đơn vị có hàng xuất khẩu lớn.

Đạt được con số huy động nguồn vốn như trên trong dân cư và các tổ chức kinh tế như trên, bản thân từng ngân hàng thương mại đã có những cố gắng nỗ lực. Các ngân hàng quan tâm hơn đến công tác huy động nguồn vốn bằng cách đa dạng hoá các hình thức tiền gửi, với các mức lãi suất khác nhau ở các kỳ hạn khác nhau. Các ngân hàng cũng hết sức chú trọng đến chính sách chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng truyền thống như những công ty thuộc ngành dầu khí, công ty xuất khẩu lớn. Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng luôn nâng cao tinh thần phục vụ tận tình chu đáo "hết khách chữ không hết giờ", tăng thêm thời gian giao dịch ngoài giờ, thời gian giao dịch vào thứ bảy để nhận tiền gửi của khách hàng mà trong giờ làm việc họ không thể đến ngân hàng được. Ngoài ra một số ngân hàng còn nhận tiền gửi tại nhà khi khách hàng yêu cầu mà không thu thêm một khoản phí nào khác

Một số ngân hàng thương mại quốc doanh còn phát hành nhiều đợt kỳ phiếu nhằm huy động tại chỗ lượng tiền trong dân để tăng nguồn vốn trung và dài hạn.

### **Tín dụng cho vay tập trung ở những dự án lớn**

Bằng những chính sách linh hoạt mà Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước ban hành, các tổ chức tín dụng đã có cơ hội phát huy vai trò của mình. Chẳng hạn như Quyết định 546/2002/QĐ - NHNN về việc thực hiện cơ chế lãi suất thả nổi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng đã tạo điều kiện cho các tổ chức này chủ động và linh hoạt hơn trong việc cho vay, phù hợp với thông lệ quốc tế trên thị trường. Hay Nghị định 85/2002/NĐ - CP về bảo đảm tiền vay tạo sự thông thoáng hơn cho các tổ chức tín dụng trong hoạt động cho vay, lựa chọn các hình thức bảo đảm tiền vay phù hợp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận hơn với tín dụng ngân hàng.

Bên cạnh đó, để đáp ứng kịp thời xu hướng phát triển kinh tế địa phương, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã chủ động hơn trong việc tiếp cận, khảo sát đầu tư vốn tín dụng cho các chương trình, vùng

kinh tế trọng điểm, các dự án phát triển nông thôn. "Các tổ chức tín dụng đã chú trọng đến việc tìm kiếm khách hàng và đánh giá lại khách hàng để có chính sách tín dụng thích hợp, chủ động lựa chọn, thẩm định các dự án lớn đang đầu tư hoặc chuẩn bị đầu tư để xem xét cho vay hoặc hợp vốn tham gia đầu tư", ông Liêu nói. Đến hết năm 2002, các tổ chức tín dụng đã cho vay nhiều dự án lớn trong tỉnh như Dự án đồng tài trợ Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ, Dự án Đường ống dẫn khí Rạng Đông - Bạch Hổ, Dự án Cầu Cỏ May I, Nhà máy Nước đã thuộc Công ty Dịch vụ hậu cần thủy sản, Dự án tài chính nông thôn ...

Vì vậy, dư nợ cho vay của các tổ chức kinh tế trên địa bàn tính đến ngày 31 - 12 - 2002 đạt 4.043 tỷ, trong đó tín dụng ngắn hạn đạt 1.812 tỷ đồng, chiếm 44,8% so với tổng dư nợ, tín dụng cho vay trung và dài hạn (kể cả cho vay xây dựng cơ bản và tài trợ ủy thác) đạt 2.231 tỷ đồng, chiếm 55,2% so với tổng dư nợ. Các tổ chức tín dụng đã cho vay theo hướng chú trọng các doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... tạo sự bình đẳng tương đối giữa các thành phần kinh tế trên địa bàn. Trong cơ cấu cho vay theo thành phần kinh tế, dư nợ cho vay doanh nghiệp nhà nước đạt 1.923 tỷ đồng, chiếm 47,6% so với tổng dư nợ, còn lại là của các thành phần kinh tế khác. Nếu xét về cơ cấu cho vay theo ngành kinh tế, ngành thương nghiệp, khách sạn và nhà hàng đạt 1.059 tỷ, chiếm 26,1%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước đạt 833 tỷ đồng, chiếm 20,6%, xây dựng đạt 781 tỷ, chiếm 19,3% ...

Đến tháng 12 - 2002, nợ xấu của ngành ngân hàng là 232 tỷ, chiếm 5,7% so với tổng dư nợ, trong đó nợ khoanh là 171 tỷ, chiếm 4,2% trong



*Dự án xây dựng đường ống dẫn - Cảng Thị Vải*

tổng dư nợ và nợ quá hạn là 61 tỷ, chiếm 1,5%. Để xử lý và thu hồi các khoản nợ tồn đọng, nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế nợ quá hạn phát sinh, các ngân hàng thương mại trên địa bàn tiếp tục thực hiện Công văn 174/NHNN - TD ngày 21 - 2 - 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc xử lý nợ quá hạn khó đòi, nợ tồn đọng không có tài sản đảm bảo theo Quyết định số 149/2001/QĐ - TTg ngày 5 - 10 - 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

**Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ**

Như đánh giá chung của ông Liêu: "Những năm qua các ngân hàng đã hết sức cố gắng thực hiện các dịch vụ thanh toán và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ như thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, chi trả kiều hối, thanh toán thẻ ... để phục vụ các nhu cầu của khách hàng. Các giao dịch chuyển tiền đi và đến bằng điện tử được giao dịch rất nhanh, an toàn. Có thể khẳng định với thành công tuy là bước đầu nhưng mang ý nghĩa chiến lược quan

<b>Hoạt động của hệ thống ngân hàng trong 5 năm gần đây</b>					
<i>Đơn vị: Nghìn tỷ đồng</i>					
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>1998</b>	<b>1999</b>	<b>2000</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>
Huy động vốn	3.093	5.11	6.739	7.29	5.648
Tổng dư nợ (không kể cả nợ kinh doanh )	1.63	1.828	2.262	3.006	4.043

trọng đối với việc phát triển và mở rộng thanh toán".

Tổng số phương tiện thanh toán qua ngân hàng đến hết năm 2002 là 251.377 món, số tiền là 146.936 tỷ đồng trong đó thanh toán không dùng tiền mặt là 153.571 món, số tiền là 136.716 tỷ. Điều này cho thấy số lượt khách hàng chuyển tiền đi, đến qua các kênh thanh toán của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh ngày càng nhiều, ngân hàng đã gây được lòng tin cho khách hàng.

Sự nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước được thể hiện rõ hơn khi ngân hàng luôn đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời tiền mặt cho các ngân hàng thương mại, kho bạc của tỉnh để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu chi tiêu của các tổ chức kinh tế trong tỉnh. Bên cạnh đó là những cố gắng trong việc

cung ứng đầy đủ nhu cầu ngoại tệ cho các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu. Song song đó còn thực hiện công tác đấu mối thu mua ngoại tệ và thu hút ngoại tệ trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 7 bàn đại lý thu đổi ngoại tệ đặt tại các khu vực thương mại dịch vụ, bến cảng. Hai quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh được thành lập thí điểm đã phần nào đáp ứng nhu cầu cung ứng vốn cho các thành viên tham gia để đưa vào sản xuất kinh doanh, nhất là vốn đưa vào canh tác, sản xuất nông nghiệp.

Bằng sự nỗ lực của mình, hệ thống các ngân hàng trên địa bàn tỉnh đang tạo lòng tin với các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Nhiều ngân hàng thương mại đã phát huy được vai trò của mình trong sự phát triển kinh tế địa phương. ■

**Kế hoạch hướng tới năm 2005**

Chỉ tiêu mà ngành ngân hàng đặt ra trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2005:

- \* Phân đầu đưa nguồn vốn hàng năm tăng trung bình 1.200 tỷ, tốc độ tăng khoảng 17,9%/năm, trong đó mức tăng huy động nguồn vốn từ tiền gửi tiết kiệm tăng 380 tỷ đồng/năm. Tổng mức tăng dư nợ đến cuối năm 2005 là 2.000 tỷ đồng so với năm 2000, tăng 80%.
- \* Khu vực kinh tế quốc doanh vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn cho vay. Ngành ngân hàng phấn đấu đến cuối năm 2005, tổng dư nợ đầu tư cho khu vực kinh tế quốc doanh đạt 2.300 tỷ đồng, chiếm 51% tổng dư nợ.
- \* Để thực hiện những mục tiêu trên, các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục hoàn thiện mình nhằm tạo ra một mạng lưới dịch vụ đa dạng, rộng khắp trên địa bàn, trên cơ sở đó khơi tăng nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tín dụng phục vụ cho sản xuất và kinh doanh.
- \* Các hình thức huy động vốn tại chỗ được mở rộng, kết hợp với tiếp nhận các nguồn vốn tài trợ uỷ thác trong và ngoài nước nhằm tập trung mọi nguồn vốn nhân rồi để đầu tư cho các ngành.
- \* Bám sát các mục tiêu kinh tế của tỉnh, hệ thống ngân hàng cùng các ngành và doanh nghiệp xây dựng mối quan hệ cung ứng vốn đầu tư phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh; tập trung ưu tiên vốn đầu tư cho các ngành, các đơn vị kinh tế mũi nhọn có hiệu quả ở các ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu, dịch vụ dầu khí, thương mại, nâng cao chất lượng tín dụng, nợ tồn đọng và tìm các giải pháp tăng trưởng dư nợ thông thường...

**THE BANK'S ACTIVITIES**

## **DEVELOPING AND ENLARGING INCESSANTLY THE SCALE**

**E**xerting in serving the customers, answering timely the cash for producing demand and target, improving the payment-term and incessantly expanding the transaction bureau, those are the base guidelines of the activities of bank system on the area of Ba Ria-Vung Tau.

Executing these strategic target of bank sector and the development purpose in the key economic region of Ba Ria-Vung Tau in the period 2001-2005, the bank activities in the area is also improved and widened their scope. The system of the bank beyond the main office, still opens the office of transaction in the districts and communes, meeting the producing and commercial demand of all economic part in the area, serving effectively the work of industrialization and modernization.

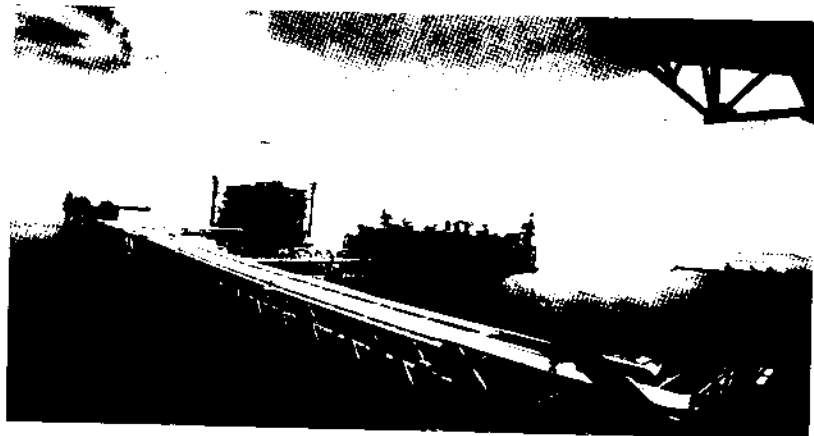
### **Diversifying the mobilized capital**

In Ba Ria-Vung Tau, many channels mobilizing the capital beyond the bank such as: life expectancy insurance company, economical account in post office, the bond of treasury have been partially created the pressure of competition effecting on the mobilization of economical capital in the bank. Therefore since 1996 so far, the system of provincial banks has founded many sites in order to create the favorable condition for the customers like: Agricultural Bank

in Tan Thanh and Chau Duc district, the transaction office of Industry and Trade bank (in Ba Ria commune), the transaction office in Investment and development in Tan Thanh, one in Foreign Trade Bank in ward 7 of Vung Tau city, etc..The appearance of transaction offices warms and made the mobilized capital work somewhat more eventful. Until 31/12/2002, the mobilized capital over the area account doe VND 5,648 billions, among of that the economical moneys in Vietnam dong is 2,691 billions, occupying 47.6% of capital source less than foreign currency revenue 2,957 bil-

lions, taking 52.4%.

According to the estimation of Mr. Le Dinh Lieu - manager in one branch of State Bank in Ba Ria-Vung Tau, the bank deposits by foreign currency take a higher growth rate compared with VND. That's the consequence of the stability of exchange rate and interest of foreign currency due to the attractive policy on oversea national currency exchange. The amount foreign currency of export increased fairly well, meanwhile the import income decreased. In addition, the expansion speed of mobilized capital in the bank is lower than the rate of



*Petroleum Industry has received many supports from banking sector*

excess debt for economy's loan. This is the reason causing the current shortage of Vietnamese capital in the local commercial bank. Regarding the market-share of mobilized capital by foreign currency, the agency of Vung Tau Foreign Trade Bank accounts highest 82.3% in the local, especially in oil and gas units or the ones having huge export quantity.

Gaining the mobilized figure of unused capital in habitants and the economic organization, each of trade banks, itself, has the endeavours. The banks are more interested in the work of mobilizing capital by diversifying the form of bank deposits with the different interest rate in different terms. The banks extremely pay attention to the customer care policy, exceptionally for the traditional customers such as: the companies in the petro sector, huge export company. Beyond of this, the credit organizations always keep in mind the whole heart and thorough sense: "Out of guest not out of time" augment the part-time transaction, the transaction period on Saturday to get the bank deposit of the customers who cannot go to the bank on workday. Furthermore, some banks accept to take the

**The activities of bank systems in 5 recent years**

*Unit : VND 1,000 billions*

Target	1998	1999	2000	2001	2002
Mobilized	3,093	5,11	6,739	7,29	5,648
Total remaining debt(not included the rounded debt)	1,63	1,828	2,262	3,006	4,043

deposit at home without any surplus fee while having the requirement. Some of state-owned commercial bank still promulgate the bill of exchange in multi-turns to mobilized on spot the capital in population for the source of medium and long-term capital.

**The credit note is concentrated in the grand project.**

By the flexible published policy of the Prime Minister and State Bank, the credit organization has the opportunity to bring into play their roles. For example the Decision 546/2002/QĐ - NHNN, on the compromising interest mechanism in Vietnam dong of the credit system, it also makes the active and flexible condition for these organizations in lending money, fitting with the tradition in international market. The Decree 85/2002/NĐ-CP in borrowed money assurance for the conven-

ience of the credit establishments in lending activities, choosing the appropriate formalities of the enterprises in the process of approach to the bank.

Besides, to answer timely the tendency of economic development in the local, the credit agency in area is more active in approaching, researching the credit capital for the program on key economic region and rural development. "The credit agency has concentrated on seeking customer and re-estimating the for the suitable credit policy in order to be more active in choice and evaluation of projects, which have been invested and require the loan and joint capital. Mr. Lien said: "Until the end of 2002, the credit establishments have sponsored many great projects in the province such as finance together the Phu My gas delivery centre, Rang Dong - Bach Ho air pipe project, Co May bridge project I, Ice-water supply enterprise under the management of aqua-logistic service company, rural finance program, etc..

Therefore, until 31 -12 - 2002, the remaining debt of economic agencies in the province attains 4,043 billions, in which 1,812 billions for the short-term credit, occupying 44.8% in the amount medium and long-term loan (included the debt for basic construction and delegating sponsor) attains 2,231 billions, equal 55.2% of the total remaining debt. The credit organizations have lent significantly the money to the privately owned



*Project for upgrading rural transportation system*

**The plan towards 2005**

The target of the bank from now to 2005 is increasing the annual average capital 1,200 billions, growth rate: 17.9% per year, in which the rate of growth on mobilized capital is 380 billions, further more they are the free credit and credit payment. The increase level of debt until the end 2005 is 2,000 billions dong more than 80% in 2000.

The economy in state-owned local still accounts for the high rate for loan source. Trying to reach the total investment debt in State-owned establishment is 2,300 billions, equally 51% of the amount.

Implementing these above targets, the trade bank continuously ameliorate themselves in order to create a diversified and wide service network. This is the launching pad for inspiring the capital source to meet the credit need in producing and trading. The forms of mobilizing on spot capital are expanded, combined with receiving the delegating sponsor capital at home and abroad for the investment in many sectors by concentrating the spare capital.

Following the economic target of the province, the bank system has accompanied with the other sectors and establishments to build the relation between capital supply and producing business plan: mustering firstly in the spearhead sectors or economic units which is effective in processing industry, export, petrol service, trade; boosting the credit quality and remaining debt, finding the strategy for the augmentation in usual credit.

establishment, small and medium one, the enterprises possessing the foreign capital...creating the relative equality among the economic elements in area. In the credit mechanism according the economic elements, the credit loan in the state establishments is 1,923 billions dong, accounting for 47.6% over the total remaining one, the rest belongs to the other economic constituents. In term of the credit mechanism on the economic sectors, the trade, restaurant and hotel branches reaches 1,059 billions, gaining 26.1%, the manufacture and delivery of electricity, the gas and water get 833 billions dong, equal 20.6%, and 781 billions, equivalent 19.3% in construction sector, etc...

Until the December in 2002, the irrecoverable debt is 232 billions, equal 5.7% of the total credit, among of that the outstanding debt is 171 billions, occupying 4.2% of the whole, the overdue debt is 61 billions for 1.5%. In order to process and recover the remaining debt for enhancing the credit quality: limiting the arising overdue loan. All the trade bank in local continue to implement the official

dispatch of the Bank Governor of Vietnam state 174/NHNN - TD dated 21-2- 2002 on processing the irrecoverable and overdue debt, the remaining debt without the guarantee like the decision number 149/2001/QĐ - TTg dated 5-10-2001 of the Prime Minister.

**The other activities**

According to Mr Lieu's general evaluation: "In the recent years, the bank has tried to execute the payment service and to diversify the services: such as international payment, foreign currency business, overseas national currency exchange payment, payment by card, etc... in order to answer the customer's demand. The transaction for incoming and outgoing cash and are implemented quickly and safely. It's is possible to confirm that this is an initial success but carrying the deep meaning in the strategy of the development and expansion on payment.

Total means of payment through the bank until the end of 2002 is 251,377 items, with the amount of 146,936 billions dong among that the non-cash payment is 153,571 items, the amount 136,716 billions. This demonstrates that more and

more customers use the bank channel for transferring the incoming and outgoing money due to the belief of the customer to the bank

The State Bank's effort has been shown more clearly when the bank always guarantee the sufficient and timely cash supply to the trade bank, the provincial treasury for manufacture, business and expense demand in the economic organization in local. Besides of this is the endeavour in enough supply for the export establishment. Parallel of that, it works as a clue for buying and attracting the foreign currency in the provincial area. Whole province exists 7 agencies of buying and exchanging in the trade service center and harbour.

Two founded experimental people's credit funds have partially answer the capital demand for the participants so as to place in the manufacture, business, especially in cultivation and agricultural producing.

Through their efforts, the bank system in the province has created the trust with the establishment, business household. Many banks have deployed their parts in local economic development. ■

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

## HUY ĐỘNG HIỆU QUẢ SỨC MẠNH CÁC NGUỒN VỐN

**N**ăm 2002 được coi là mốc đột phá về doanh thu của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu (BIDV) khi đạt mức tăng trưởng kỷ lục 65,5%. Với phương châm "Đi vay để cho vay", chi nhánh từng bước tháo gỡ những khó khăn, cải tiến nghiệp vụ, đổi mới chiến lược kinh doanh, thực thi chính sách khách hàng để mở rộng thị phần huy động vốn và cho vay.

Từ năm 1995, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu đã từng bước xây dựng chiến lược kinh doanh theo cơ chế hoạt động của kinh tế thị trường và chính sách khách hàng, tất nhiên có sự điều chỉnh, cải tiến phương thức thực hiện cho phù hợp với biến động của thị trường tiền tệ trong nước và tác động của kinh tế tài chính thế giới. Chính vì thế, chỉ trong khoảng thời gian hơn 5 năm (1997 - 2002), chi nhánh đã có bước phát triển đáng kể về nhiệm vụ quản lý Nhà nước cũng như hoạt động kinh doanh: Tăng trưởng trong huy động và cho vay vốn tương đối đồng đều, năm sau luôn cao hơn năm trước; nợ xấu giảm đáng kể, dư nợ cho vay thương mại ngày càng tăng tương ứng với tính chất của một ngân hàng thương mại tăng dần.

### Khẳng định vai trò hoạt động của một ngân hàng có uy tín

Xác định được vai trò của mình trong kinh doanh cung ứng vốn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát huy cao độ khả năng phát triển sản xuất kinh doanh, tháo gỡ những khó khăn, khuyến khích nâng cao sử dụng vốn tại các doanh nghiệp... BIDV Vũng Tàu đã đề ra những biện pháp thích hợp và kịp thời trong công tác huy động vốn. Nếu năm 1997 tổng nguồn vốn huy động của chi nhánh là 263.948 triệu đồng, thì đến hết năm 2002 nguồn vốn này đã lên tới 1.620.074 triệu đồng, mỗi năm tăng bình quân gần 40%. Vốn huy động từ

thành phần dân cư tăng trưởng mạnh, đạt 658 tỷ đồng năm 2002 so với 153 triệu đồng vào năm 1997. Ông Dương Bá San, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, nhấn mạnh: "Tuy tỷ lệ tăng trưởng không cao như những năm về trước, song chi nhánh đã cố gắng áp dụng nhiều phương thức thích hợp, kịp thời để giữ vững và tăng trưởng đáng kể nguồn huy động từ các tổ chức kinh tế và vốn huy động từ thành phần này những năm trước không cao chỉ mới tăng trưởng mạnh từ năm 2000 trở lại đây, đặc biệt là dựa vào những mối quan hệ từ các doanh nghiệp dầu khí như Vietsovpetro, Vietgas... Chính vì thế, thị phần huy động vốn từ năm 1995 trở lại đây được mở rộng qua từng năm (bình quân tăng 1,2%/năm)".

Chi nhánh hiện đang chiếm 34% thị phần huy động vốn bằng đồng nội tệ, giữ vị trí số một trong khối ngân hàng. Riêng về thị phần huy động ngoại tệ, nếu năm 2001 mới chỉ là 3,5% thì đến hết năm 2002 đã đạt 10,5% với số dư huy động là 535 tỷ đồng tạo bước chuyển động đột phá của Chi nhánh trong thị phần huy động ngoại tệ tại địa bàn, với tỷ lệ vốn huy động trên 12 tháng chiếm gần 50%. Cơ cấu này phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay của Chi nhánh, vừa phục vụ yêu cầu cho vay đầu tư phát triển, vừa mở rộng cho vay các thành phần kinh tế, bảo đảm tăng trưởng ổn định và vững chắc đối với các món cho vay trung hạn.

Với công tác cho vay, vai trò là một ngân hàng chính sách hỗ trợ vốn phát triển đầu tư

**Bảng biểu về quá trình hoạt động từ năm 1997 - 2002**

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>1997</b>	<b>1998</b>	<b>1999</b>	<b>2000</b>	<b>2001</b>	<b>2002</b>
Nguồn vốn huy động	263.948	366.388	528.798	734.942	978.569	1.620.074
Tín dụng	544.324	579.653	652.693	761.138	873.95	1.135.211

xây dựng cơ bản tại Chi nhánh đã ngày càng giảm dần và thay vào đó tính chất của một ngân hàng thương mại tăng dần. Tổng dư nợ vay tính đến hết năm 2002 là 1.135 tỷ đồng tăng gấp 2 lần so với năm 1997 và tăng gần 1,5 lần so với năm 2000. Mỗi năm dư nợ hữu hiệu tăng bình quân trên 15%, trong đó dư nợ cho vay thương mại tăng trưởng nhanh tập trung chủ yếu vào các công trình trên địa bàn tỉnh như căn cứ đầu mối LPG Hải Phòng, Nhà máy Condensate, Nhà máy Điện Bà Rịa, Cầu Long Sơn, hệ thống nước ngầm và mở rộng mạng lưới, các công trình giao thông huyết mạch của tỉnh. Đường ống dẫn khí đốt mỏ Bạch Hổ - Rạng Đông (một dự án lớn mang ý nghĩa chiến lược của ngành dầu khí Việt Nam, trong đó BIDV Vũng Tàu đã tham gia cho vay tín dụng trung hạn đến 11 triệu USD)... Nếu như năm 2000, tổng dư nợ tại chi nhánh chiếm 29,22% trên tổng dư nợ trên địa bàn thì năm 2001 là 29,41% và năm 2002 là 33,40%, trong đó cho vay tín dụng trung, dài hạn chiếm tỷ trọng 53% nhiều hơn trong cơ cấu vốn tín dụng, từ tỷ lệ 34,13%/tổng vốn trung dài hạn trên địa bàn năm 2001 tăng đến 35,37% năm 2002. Hiện nay thị phần tín dụng của Chi nhánh đứng thứ nhất trên toàn địa bàn bao gồm cả tín dụng ngắn và trung, dài hạn.

**Tăng cường các hoạt động dịch vụ khác**

Ngoài các giải pháp và chính sách trên, ngân hàng còn đẩy mạnh đáng kể các hoạt động dịch vụ như thanh toán quốc tế, tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại tệ, chi trả kiều hối, thanh toán thẻ và nghiệp vụ bảo lãnh. Về thực hiện thanh toán quốc tế với tổng số tiền ước đạt 60 triệu USD, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt 35 triệu USD, phí thu được từ hoạt động này là 1,05 tỷ đồng, cho thấy hoạt động thanh toán quốc tế năm 2002 tăng trưởng vượt bậc. Phát huy hết năng lực vốn có, Chi nhánh đã tích cực tiếp thị và thu hút một số doanh nghiệp

kinh doanh xuất nhập khẩu về giao dịch tại Chi nhánh. Hiện nay, số khách hàng có quan hệ giao dịch về thanh toán quốc tế là 14 doanh nghiệp tăng thêm 4 khách hàng so với năm 2001. Đây cũng là bước chuyển dịch cơ cấu thanh toán xuất nhập khẩu phù hợp với chủ trương mà Nhà nước chỉ đạo.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh mua bán ngoại tệ cũng được triển khai tích cực. Năm 2002 doanh số mua đạt 36,5 triệu USD và doanh số bán đạt 36,3 triệu USD, phí thu được từ hoạt động này đạt 568 triệu đồng, tăng 45% so với năm 2001. Về hoạt động tín dụng tài trợ xuất nhập khẩu cũng có những bước chuyển mới, ngân hàng đã tự tìm kiếm và cho vay được một số khách hàng thu mua chế biến xuất khẩu đã thu hút được một lượng ngoại tệ khá lớn từ đó cung cấp được các dịch vụ, tiện ích từ những doanh nghiệp này. Doanh số cho vay đạt 10,3 triệu USD và 66,2 tỷ đồng, lãi thu được từ hoạt động này đạt 3,3 tỷ đồng tăng 55% so với năm 2001.

Là một trong những đơn vị chiếm thị phần tín dụng cao và đứng đầu trong lĩnh vực đầu tư cho vay trong tổng số 9 tổ chức tín dụng trên địa bàn, BIDV Vũng Tàu đã phát huy tính chủ động trong toàn bộ hệ thống hoạt động kinh doanh với những chiến lược, bước đi thích hợp nhằm tận dụng và khai thác thế mạnh sẵn có của nền công nghiệp tỉnh. Thời gian tới, Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu phấn đấu xây dựng trở thành một ngân hàng mạnh trên địa bàn, có năng lực cạnh tranh cao và phát triển bền vững trở thành Chi nhánh có tổng nguồn vốn và sử dụng vốn trên 1.700 tỷ đồng, nằm trong 10 chi nhánh lớn nhất của hệ thống, từng bước nâng cao hơn nữa vị thế và uy tín của BIDV Việt Nam trong cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư, đóng góp ngày càng nhiều cho sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. ■

**BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF BARIA-VUNGTAU**

## **FURTHER EFFICIENCY OF VARIOUS CAPITAL SOURCES**

***The year 2002 is considered a benchmark for the Bank for Investment and Development of Vietnam, Ba Ria - Vung Tau branch - (BIDV)'s revenue as the record growth rate reached 65.5 percent. With the motto "Loans for Lend", this Bank subsidiary gradually unravels obstacles, improves expertise, renovates business strategy, implement client policy in order to extend market shares, further mobilize capital sources and grant loans.***

Since 1995, the BIDV has been gradually developing its business strategy under the market economy, and its client policy. It has adjusted and renovated the implementation approach conform to currency market changes and impacts by the world financial markets. Therefore, during the last five years (1997 - 2002), the BIDV has considerably advanced its State administrative duty and business activity. It has also mobilized more capital resources and extend stable loans. Bad debts has remarkably reduced. Surplus from commercial loans is on the increase, implying a better commercial Bank.

### **Confirming the operation role of a prestige bank**

With aims to confirming the operation role of a prestige bank and identifying the task involved in loan grants, business support to improvement of business and production capacity, solutions to difficulties, futher utilization of capital in enterprises, BIDV Vung Tau took proper and prompt measures in capital mobilization. In 1997, the Bank subsidiary mobilized a total capital of VND 263,948 million, as of 2002, this figure reached up to VND 1,620,074 million, an annual increase of 40 percent. The capital resources were dramatically mobilized from the communities, obtaining VND 658 billion in 2002 compared to VND 153 million in 1997. Mr. Duong Ba San, Director of BIDV

emphasized, "Depsite not high growth rate against previous years, the BIDV subsidiary has made greatest efforts to adopting many reasonable approaches to maintaining and remarkably mobilizing capital resources from economic institutions just from 2000 now on, especially based on relations with oil enterprises such as Vietsovpetro, Vietgas... That's the reason why, the capital market share is extended every year from 1995 to date (on average, 1.2 percent/year).

The Bank is representing 34 percent of the market shares of domestic currency capital sources, ranking first in the banking industry. Concerning foreign currency mobilization, the year 2001 saw the Bank gain only 3.5 percent, as of 10.5 percent with the surplus of VND 535 billion, creating a big leap, representing nearly 50 percent for more than 12 months. This structure is conform to existing business conditions in order to facilitate busiess activity of the Bank subsidiary, grant loans for investment and development, to extend loans to various economic components, to ensure stable and steady growth of mid-term loans

Stemming from a bank for financial support to capital construction development and investment, the Bank has shifted itself into an increasingly commercial bank. As of 2002, the total debt value reached VND 1,135 billion, twice as much as that of 1997 and nearly 1.5 times as much as 2000. On average, the effec-

## Result of operation since 1997-2002

Unit : Million VND

Indicator	1997	1998	1999	2000	2001	2002
Capital mobilisation	263,948	366,388	528,798	734,942	978,569	1,620,074
Credit	544,324	579,653	652,693	761,138	873,950	1,135,211

tive debt value increased by 15 percent per year, in which the value of commercial debts grew very fast, mainly focusing on construction works within the province like: LGP Hai Phong, Condensate Factory, Long Son bridge, underground water system and network extension, provincial important transport works, oil-gas pipelines for Bach Ho-Rang Dong oilrigs (a big project in Vietnam in which BIDV Vung Tau extended mid-term credit loans of US\$ 11 million). In 2000, the value of debts in the Bank subsidiary occupied 29.22 percent out of the total debt value in the province, the figure was 29.41 percent in 2001 and 33.40 percent in 2002. The long-term and mid-term credit loans made up 53 percent, beyond the credit loan structure. The total long-term and mid-term capital increased from 34.13 percent to 35.37 percent in 2002. At present, the credit market share of the Bank ranks No.1 over the entire province, including shorter-term, mid-term and long term credits.

### Promotion of other services

Apart from the above-mentioned solutions and policies, the Bank is promoting other services such as international settlement, export and import sponsor L/C, foreign currency trade, overseas national currency exchange, master card and bank guarantee. The Bank has made international payments with the total value of US\$ 60 million and obtained US\$ 35 million of import-export revenue and VND 1.05 billion of fees charged on import-export activities. This has shown that the international settlement obtained many achievements in 2002. The Bank spared no efforts to attracting some enterprises trading in export and import. At present, there have been 14 enterprises involved in international settlement, four additional clients compared to 2001. This is a restructuring for

export and import payment conform to the State advocates.

Furthermore, foreign currency trade has also positively promoted. In 2002, buying turnover obtained US\$ 36.5 million in 2002 and selling turnover gained US\$ 36.3 million. This activity brought in export and import fees of VND 568 million, an increase of 45 percent over 2001. The activities of export and import assistance have seen a lot of positive changes. The Bank has actively mobilised capital and provided local enterprises with loans for improving their import, export operation. Thanks to the Bank's assistance, many enterprises have earned hard foreign currency, and in return they have helped the Bank improving its services. The total loans reached US\$ 10.3 million and VND 66.2 billion in 2002, generating an interest of VND 3.3 billion, an increase of 55 percent over that of 2001.

Being one among the leading banks in the province in the local credit market with very high loan surplus, BIDV Vung Tau has actively improved its business activities by launching and carrying out development strategies and bringing into play the available potential of the province. In the near future, the BIDV is striving to become one of the most powerful banks of Ba Ria-Vung Tau province with full capacity for competitiveness and sustainable development. The Bank expects to reach the total capital circulation of VND 1,700 billion, being one among 10 biggest branches of the system of the Bank for Investment and Development of Vietnam, contributing to improving the prestige of this system in the community of Vietnam. In addition, the Bank also hopes to make more and more contribution to the socio-economic development course of the province in particular, of the southern region and of the whole country as a whole. ■

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG**

# ĐÁP ỨNG NHU CẦU VỐN CHO MỌI DOANH NGHIỆP

**T**hừa hưởng những thế mạnh của một ngân hàng thương mại quốc doanh lớn nhất tại Việt Nam với tổng tài sản chiếm 25% thị phần trong toàn bộ hệ thống ngân hàng, Chi nhánh Ngân hàng Công thương Bà Rịa - Vũng Tàu (Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu) đang ngày càng phát huy hiệu quả hoạt động trong công tác huy động vốn cũng như cho vay và tài trợ các dự án lớn tại tỉnh. Với văn phòng chính đặt tại thành phố Vũng Tàu, 2 điểm ở thị xã Bà Rịa, huyện Côn Đảo và một số điểm huy động vốn, Chi nhánh Ngân hàng Công thương đã cơ bản hình thành được mạng lưới giao dịch tại tỉnh.

### Phấn đấu làm hài lòng khách hàng

Với phương châm hoạt động "Nhanh chóng - Chính xác - An toàn - Hiệu quả", các cán bộ của Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu luôn cố gắng làm yên lòng khách hàng về chất lượng sản phẩm dịch vụ, tinh thần phục vụ cũng như những lúc tiếp cận với các doanh nghiệp. Bản thân chi nhánh ngân hàng cũng không ngừng cải tiến các sản phẩm và luôn đưa ra những sản phẩm mới nhằm gia tăng nguồn vốn huy động cũng như cho vay. Do vậy mà Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu luôn huy động được nguồn vốn dài, trung và ngắn hạn với mức tăng hàng năm từ 20 - 30%.

Song song với việc đẩy mạnh công tác huy

động vốn, chi nhánh ngân hàng còn thực hiện cho vay ngắn hạn với mọi thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như dịch vụ, đầu tư phát triển đời sống khách hàng. Khách hàng cho vay thường xuyên của Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu chủ yếu là các doanh nghiệp đánh bắt và chế biến hải sản, doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, một số dự án liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

Ông Huỳnh Công Lợi, Giám đốc Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu, cho biết: "Lãi suất cho vay được áp dụng cụ thể với từng loại cho vay do Ngân hàng Công thương thoả thuận với khách hàng. Đặc biệt ngân hàng có ưu đãi lãi suất với khách hàng uy tín, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Ngoài ra ngân hàng còn lắng nghe và tư vấn cho khách hàng về nhu cầu vay vốn, mức độ cũng như một số thông tin kinh tế trên các lĩnh vực mà ngân hàng nắm được".

Chính bằng việc áp dụng lãi suất linh hoạt, hợp lý, thủ tục cho vay vốn nhanh chóng, thuận tiện và các dịch vụ hỗ trợ khác đa dạng, hiệu quả, chi nhánh



Quầy giao dịch

Ngân hàng Công thương đã đạt dư nợ hàng năm tăng 30 - 40%. Đến nay, tổng dư nợ của chi nhánh ngân hàng lên đến 700 tỷ đồng. Riêng năm 2001 và 2002, dư nợ của Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu tăng từ 50 - 60% do tham gia đồng tài trợ dự án lớn như Dự án trung tâm phân phối khí hay dự án nằm trong Khu Công nghiệp Phú Mỹ như Nhà máy Chế biến Bột mỳ Interflour...

Ngoài việc huy động vốn cũng như cho vay, giống như các chi nhánh ngân hàng khác đóng trên địa bàn, Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu cũng thực hiện các loại hình dịch vụ khác. Cụ thể như chi trả tiền nhanh trong nước, chi trả kiều hối, master card, visa card, làm đại lý chứng khoán, giới thiệu giao dịch chứng khoán trên địa bàn tỉnh.

### **Củng cố vững chắc những thành quả đã đạt được**

Trong bối cảnh nền kinh tế của tỉnh nhà ngày càng phát triển, nguồn vốn huy động từ các ngân hàng thương mại khá dồi dào thì sự tự do cạnh tranh ngày càng lớn, khách hàng sẽ có nhiều cơ hội tìm cho mình một nhà cung cấp tài chính tối ưu. Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng với khẩu hiệu: "Sự thành công của khách chính là sự thành công

của ngân hàng".

Giám đốc Huỳnh Công Lợi nhấn mạnh: "Để thu hút khách hàng đến với mình ngày càng đông, chi nhánh ngân hàng đang áp dụng các dịch vụ với chất lượng tốt nhất cho khách như về lãi suất, phí dịch vụ, ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại. Đội ngũ cán bộ nhân viên của ngân hàng với khoảng 150 người giàu kinh nghiệm, nghiệp vụ giỏi, thái độ văn minh lịch sự, luôn cầu tiến chắc chắn sẽ đáp ứng nhu cầu vốn tốt nhất cho khách hàng. Ngoài ra, các cán bộ Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu rất chủ động trong việc tìm kiếm đến khách hàng, đây là biện pháp tiếp thị có hiệu quả".

Tất nhiên muốn thu được những kết quả tốt nhất, Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ phải quan tâm nhiều hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ ngân hàng nhằm đáp ứng những yêu cầu về trình độ thẩm định dự án, nắm bắt kịp thời diễn biến quá trình sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của khách hàng. Bên cạnh đó, các cán bộ nhân viên sẽ được tập trung nâng cao trình độ trong quan hệ giao dịch và xử lý các thông tin chuyên ngành. Đây cũng là những vấn đề cần củng cố để Incombank Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục giữ vị trí trụ cột trong khối ngân hàng thương mại quốc doanh. ■

## **INCOMBANK BRANCH**

# **ALL DEMANDS FOR CAPITAL SATISFIED**

***Inheriting the advantages of the biggest state commercial bank of Vietnam with the total assets accounting for 25 percent of the market share of the whole banking system, Ba Ria - Vung Tau Incombank has been operating more and more effectively in mobilizing capital as well as providing loans and sponsoring big projects in the province. With the headquarters in Vung Tau City, two subsidiary offices in Ba Ria town and Con Dao district, and several capital raising chambers, the Incombank branch has basically formed a trading network in the province.***

### **Effort to satisfy all clients**

With the operation motto of "rapidness-accuracy-security-efficiency", the Ba Ria-Vung Tau Incombank staff has always made every effort to satisfy their clients by ensuring the quality of their products and services. The

branch itself has also kept improving its products and launching new ones in order to increase its mobilized capital and loans. Therefore, Ba Ria-Vung Tau Incombank has always managed to mobilize long, mid, and short-term capital with the annual increase of

20-30 percent

Along with the acceleration of its capital mobilization, the branch has provided short-term loans for all economic sectors and local people to meet the capital demand for their production and business as well as service and investment in development for the sake of customers. The regular debtors of the bank are mainly fishing and aqua-products processing businesses, trading and service ones, and several joint-ventures and businesses with 100 percent foreign capitalization.

Mr. Huynh Cong Loi, Director of Ba Ria-Vung Tau Incombank said: "The interest rates are applied to specific bank loans agreed upon by the bank and its clients. Especially, the bank offers preferential interest rates to prestigious clients and export-import businesses. In addition, the bank listens to and consults its clients on demand and level of bank loans as well as some information on certain fields that the bank is aware of".

Thanks to its flexible and reasonable interest rates, rapid and convenient lending procedures, and other diversified and efficient support services, the bank's annual surplus of loans amounts to 30-40 percent with a total current figure of VND 700 billion. In 2001 and 2002 only, the bank's surplus of loans increased by 50-60 percent thanks to its participation in co-sponsoring big projects such as Gas distribution center or Interflon factory in Phu My industrial zone

In addition to capital mobilization and lending, like other locally-based banking branches, Ba Ria-Vung Tau Incombank has offered other services such as domestic rapid settlement and payment of overseas remittance, master card, visa card. Besides, it serves as a securities agent, recommending securities exchange in the province

### **Firm consolidation of recorded achievements**

In the context of the provincial economic development and plentiful source of



*Exchange department*

capital mobilized from commercial banks, the competitiveness is increasingly high and clients are likely to have more opportunities to find the best finance suppliers. Ba Ria-Vung Tau Incombank certainly manages to meet all demands of its clients with the motto of "The success of the bank originates from the success of clients".

Mr. Loi stressed "In order to attract more and more clients to the bank, we have been applying services with the best quality in interest rates, service fees, and application of advanced banking technologies. Over 150 staff members of the bank, who are all well-qualified with good technical skills, experience, courteousness, and eagerness for progress will certainly meet the demands for capital of our clients. Apart from that, they always take initiative of looking for clients, which represents an effective marketing measure".

However, with a view to recording the best achievements, Ba Ria-Vung Tau Incombank will have to pay more attention to technical training and fostering of the staff members to satisfy the demands for verification of projects, timely awareness of business and trading developments and the demand for capital of the clients. Additionally, the staff members' skills and qualification need to be improved. Fulfilling the above-mentioned tasks is bound to maintain the bank's pivotal status in the bloc of state commercial banks. ■

NGÀNH XÂY DỰNG BÀ RỊA - VŨNG TÀU

## ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH HIỆN ĐẠI HOÁ ĐÔ THỊ

**N**goài sáng tạo trong thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, Bà Rịa - Vũng Tàu còn nổi bật trong sự chủ động đề xuất với Trung ương về chính sách sử dụng quỹ đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Hiệu quả tích cực từ việc đầu tư xây dựng nguồn quỹ đất đã làm thay đổi hẳn bộ mặt xã hội của tỉnh từ nông thôn đến thành thị, đặc biệt là các đô thị trong tỉnh.

Hơn 10 năm trở lại đây, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ của bộ mặt đô thị và nông thôn. Không chỉ có thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa, thị trấn Ngã Giao, thị trấn Phước Hải, thị trấn Phú Mỹ, thị trấn Long Điền mà cả Côn Đảo xa xôi đến các trung tâm xã, vùng sâu vùng xa cũng thay da đổi thịt một cách căn bản. Kiến trúc, cảnh quan môi trường đô thị và nông thôn ngày càng được cải thiện cùng với sự đi lên của nền kinh tế, văn hoá, xã hội. Đó là thành tích to lớn mà ngành xây dựng đạt được.

### Qui hoạch đi trước một bước

Đến nay, hầu hết các đô thị trong tỉnh đã lập xong qui hoạch chi tiết trên cơ sở qui hoạch chung và đã được phê duyệt. Như đánh giá của ông Nguyễn Hữu Mạnh, Phó Giám đốc Sở Xây dựng: "Những năm gần đây, công tác qui hoạch ở Bà Rịa - Vũng Tàu đã phát huy hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và quá trình đô thị hoá trên địa bàn toàn tỉnh nói riêng. Các đồ án qui hoạch chung và chi tiết đã vừa là cơ sở pháp lý, vừa là cơ sở khoa học để quản lý quá trình hình thành, phát triển bền vững của hệ thống các đô thị toàn tỉnh. Từ việc đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng

kỹ thuật, hạ tầng xã hội, việc cải tạo, đầu tư xây dựng các khu đô thị cũ và mới, các dự án dân dụng, công nghiệp đến cả mỗi công trình nhà ở riêng lẻ của công dân". Qui hoạch đã góp phần tăng cường có hiệu quả việc quản lý phát triển nhà ở và xây dựng đồng bộ các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực cấp phép nhà ở và các khu dân cư mới.

Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong số ít tỉnh trên toàn quốc đã lập xong qui hoạch chung xây dựng cho tất cả các đô thị trên địa bàn (8 đô thị) và 2 xã (Lộc An và Long Sơn). Có 4 đô thị được phép nghiên cứu điều chỉnh qui hoạch gồm thành phố Vũng Tàu, thị xã Bà Rịa, thị trấn Ngã Giao và thị trấn Long Hải). Qui hoạch chung khu phát triển Bắc Phước Thắng cũng đã được lập, thẩm định xong đang trình phê duyệt. Qui hoạch chung đảo Long Sơn cũng đã lập xong.

Tại những khu vực có tốc độ đô thị hoá cao, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã chỉ đạo nghiên cứu, lập đồ án qui hoạch chi tiết 1/2000 đến 1/500 để quản lý chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng. Tỉnh đã cho lập và phê duyệt 23 đồ án qui hoạch chi tiết sử dụng đất (gồm 7 khu dân cư, 8 khu



Khu thương mại Vũng Tàu

du lịch, 7 khu công nghiệp, 2 khu văn hoá thể thao). Ngoài ra còn có 3 qui hoạch 1/2000 khu dân cư (khu dân cư bắc sân bay, khu dân cư nam sân bay và khu dân cư đợt đầu khu đô thị mới Phú Mỹ) đang trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc công khai qui hoạch đất được thực hiện khá tốt thông qua các phương tiện thông tin đại chúng địa phương và panô ngay tại khu vực qui hoạch.

Trên cơ sở những qui hoạch được lập, hơn 10 năm qua, Sở đã cấp phép xây dựng cho khoảng 5.000 công trình. Đặc biệt từ tháng

3 - 2000 sau khi thực hiện phân cấp cho Ủy ban Nhân dân thành phố, các quận, huyện cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ và các công trình có qui mô dưới 500 triệu thì việc giải quyết thủ tục cấp phép xây dựng đã được cải thiện hơn so với trước đây. "Việc thực hiện cấp phép xây dựng là tương đối tốt, đã thực hiện đúng qui hoạch được duyệt và đáp ứng cơ bản nhu cầu của nhân dân. Việc phối hợp giữa Sở Xây dựng và các cơ quan cấp phép cấp huyện được thực hiện thường xuyên và kịp thời".



*Xây dựng dự án bồn chứa condensate - Dự án Điện Đạm Phú Mỹ*

**Phát triển quỹ nhà ở đô thị**

Tuy dân số đô thị không đồng (Khoang 340.000 người) nhưng trong thời gian hơn 10 năm, trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đầu tư được 10 dự án phát triển nhà ở với tổng diện tích sàn 290.651 m<sup>2</sup> với tổng vốn đầu tư 397,4 tỷ đồng (chưa kể nhà ở do dân tự xây dựng). Trong đó có những dự án với qui mô khá lớn như khu nhà ở đường Nam Kỳ Khởi nghĩa phường 3 (256 căn), khu nhà ở phố chợ phường 10 (208 căn), khu nhà ở trung tâm thương mại phường 7 - thành phố Vũng Tàu (110 căn) và nhà ở Trung tâm Thương mại thị xã Bà Rịa (212 căn). Ngoài ra các khu nhà ở thị trấn Long Điền, chợ Phước Hải huyện Long Đất ... cũng góp phần tạo quỹ nhà ở đáng kể cho tỉnh. Ngoài các dự án đầu tư phát triển nhà ở nêu trên còn có trên 50 dự án phân lô, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bán nền thương phẩm có diện tích bán nền với tổng vốn đầu tư 117 tỷ đồng. Sắp tới tại thành phố Vũng

Tàu, thị xã Bà Rịa, thị trấn Long Hải, Ngãi Giao, Phú Mỹ, Phước Bửu ... sẽ có nhiều dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để tái định cư phục vụ giải toả sẽ được triển khai xây dựng.

Đánh giá về hiện quả đầu tư các dự án phát triển nhà ở, ông Mạnh cho rằng: "Trong 10 năm qua, số lượng và qui mô các dự án đầu tư phát triển nhà ở Bà Rịa - Vũng Tàu tuy chưa lớn nhưng đã góp phần quan trọng trong quá trình giải quyết nhu cầu ở ngày một lớn cho các đô thị và quá trình đô thị hoá".

Nhờ có các dự án phát triển nhà (kể cả khu vực nhân dân tự xây dựng) mà ở tỉnh hình thành nhiều khu phố mới, làm thay đổi hẳn bộ mặt các đô thị. Bên cạnh đó, các dự án đã đáp ứng được nhu cầu nhà ở theo nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội chung ở địa phương. Ngoài ra các dự án đã bước đầu giải toả được các khu nhà ở cũ, từng bước hình

thành các khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ như thành phố Vũng Tàu, Trung tâm Thương mại thị xã Bà Rịa, khu phố chợ phường 10 - Vũng Tàu.

Theo kế hoạch phát triển nhà ở đến năm 2010, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dự kiến triển khai tất cả 12 dự án với tổng diện tích sàn là 368.742 m<sup>2</sup> và tổng vốn đầu tư dự kiến 542,5 tỷ đồng. Trong đó có những dự án với qui mô lớn như khu nhà ở 10 tầng Trung tâm thương mại phường 7 (200 căn), khu nhà ở Bến Đình phường 6 (300 căn), khu nhà ở Tây Hàng Điều phường 11 (536 căn) thuộc thành phố Vũng Tàu và khu nhà ở đợt đầu Phú Mỹ - Tân Thành (782 căn). Mục tiêu phát triển nhà ở sẽ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như giải quyết nhà ở cho nhu cầu của nhân dân thành thị (tập trung ở thành phố Vũng Tàu, đô thị mới Phú Mỹ và thị xã Bà Rịa). ■

**WWW.VINHTHAI.COM - XÂY DỰNG - TRANG TRÍ - ĐỒ GỖ**

90 Xô Viết Nghệ Tĩnh Str.,  
Vung Tau City - Vietnam  
Tel: 84 - 8588648 Fax: 84 - 816996

Mil: 27 Võ Thị Sáu Str.,  
Vung Tau City - Vietnam  
Tel: 84 - 64 - 818822

Email: info@vinhthai.com  
Website: www.vinhthai.com  
Website: www.vinhthai.com.vn



BA RIA-VUNG TAU CONSTRUCTION SECTOR

## SPEEDING UP THE URBANIZATION PROCESS

**B**esides the creature in executing the economic development policy, Ba Ria-Vung Tau is still being prominent in the initiative proposed to the Central government: using the investing land fund for necessary infrastructure. The active efficiency from the investment in the land fund has changed remarkably the social face from the rural to the town, especially the urban centre in province

Nowadays, come and visit Ba Ria-Vung Tau, the sightseer will witness the change of rural and town face during last 10 years. Not only for Vung Tau city, Ba Ria commune, Ngai Giao town, Phuoc Bui town, Phu My town, Long Dien town but also remote Con Dao either the centre of commune, the mountain spine area are basically change their appearances. The architecture and environmental scenery have all been promoted together with the increase of economy, culture and society. This is really the great success of the constructional sector



The Training Center

### The project obtaining one advanced step

So far, almost towns in the province have finished the detail projects on the common base of program and been already ratified. According to the Mr. Nguyen Huu Manh's evaluation, vice director of Construction Department: "In these recent years, the projecting work at Ba Ria-Vung Tau has brought into play the effects. In

the process of economic development altogether and urbanization on whole provincial area in particular, the tracing project from general to detail is both the legal basic and scientific one to administer the foundation process, stable improvement in the town system in the province such as the investment for either ameliorating the system of scientific infrastructures, social basic or the construction or reconstruction in the old

and new urban area, civil and industrial architectural project even individual house". The projecting work has contributed to enhance the efficiency in housing management and development and simultaneous construction of program on scientific lower layer improvement, especially in authorizing for accommodation and new residential quarters.

Under the guidance of provincial People's Committee, Ba Ria-

Công ty cổ phần phần mềm ITI

itivn.com

information - technology - investment



Chúng tôi là nhà cung cấp giải pháp  
Chính phủ điện tử  
& thương mại điện tử

90 Xô Viết Nghệ Tĩnh-TP Vũng Tàu

ĐT: 84 - 64 - 858648 - Fax: 84 - 64 -

Vung Tau is one of the small number of town in nationwide, finished the general projecting work for all towns in the area (8 cities) and 2 communes (Loc An and Long Son). 4 cities town are permitted to research and adjust the projects are Vung Tau city, Ba Ria commune, Ngai Giao and Long Hai town). The general project for ferry-boat in Phuoc Thang is already done and estimated, only waiting for the ratification. It happens same to the Long Son island project. Mr. Manh stated: "In the area possessing high urbanize rate, the provincial people committee has directed the research, tracing out the particular plan 1/2000 to 1/500 to boost the management on investment and construction. The Committee has planed and ratified 23 particular projects on using land (including 7 residential quarters, 8 tourist areas, 7 industry zones, and 2 culture and sport places). Besides, there are 3 projects of residential areas 1/2000 (one in the North of the airport, one in the South of airport and the first-stage one in new residential quarters Phu My) requiring the ratification. To be in open land project is fairly well done by the help of the multimedia in local, and the panel right at the projecting place

Basing on the established project, over 10 years, the Service licensed for about 5000 works. Especially from 3/2000 after implementing the sharing authorities to the people's committee in city, district in the case of individual housing, and the work of under 500 millions, the problem of construction license has been strongly ameliorated. "The promulgation of construction license is relatively good, has well

done the ratified program, and answered partially the base requirement of the habitants. The combination between Service of construction and authorized agency in district is carried out in time with a regular frequency.

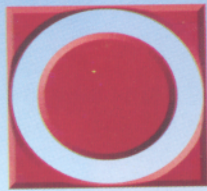
### Improving the accommodation fund in urban area

Although the population is not too crowded (about 340,000 persons), during 20 years, on the area Ba Ria-Vung Tau has invested 10 program on housing development. The net surface is 290,651 m<sup>2</sup> with total capital investment VND 397.4 billions (not including the self built house of the citizen). Among of that, there are some large scale project such as the residential quarter on Nam Ky Khoi Nghia, ward 3 (256 compartments), one in the market quarter in ward 10 (208 compartments), block in commercial centre ward 7 of Vung Tau city (110 compartments) and the accommodation in trade centre in Ba Ria commune (212 compartments). In addition, the residential quarter in Long Dien town, Phuoc Hai market at Long Dat district, etc... contribute noticeable to housing fund of the province. There are still 50 projects on dividing into plots, investing in scientific infrastructure and selling the commercial plot of 390 hectare by the total capital 117 billions. Vung Tau city, Ba Ria commune, Long Hai, Ngai Giao, Phu My, Phuoc Bui town ...with many projects to resettle and serve the clearance are about to deployed for construction.

Discussing the investment efficiency of the housing development project, Mr. Manh stated: "In 10 past years, even though

quantity and small scale of housing project in Ba Ria-Vung Tau are not great, it contributed its important role in the process of housing settle higher and higher toward the urban area and also the urbanization process". Indeed, due to the accommodation development project (consisting the self constructed area, too), many new quarters are founded, the urban faced has been changed. Furthermore, these projects answer the accommodation demand, increasing in accompaniment with economic development rhythm in local area. Besides, the projects have attained the successful first stage: clearance of old quarter, step by step establishing the residential quarter combined with commercial and service centre like Vung Tau city, the trade centre in Ba Ria commune, market quarter ward 10 in Vung Tau.

According to the housing development project, until 2002, Ba Ria- Vung Tau expects to deploy all 12 projects worth the net area 386,783 m<sup>2</sup> and amount expected capital is VND 542.5 billions, some of which is large scale project as 10 storey building in trade centre ward 7 (200 compartments), residential block in Ben Dinh ward 6 (300 compartments), or one in ward 10 (400 compartments), or block in the West of Hang Dieu ward 11 (536 compartments) in Vung Tau, and first block of Phu My-Tan Thanh (782 compartments). The goal of housing development is concentrated mainly in these aspects such as solving the accommodation for citizen's demand (especially in Vung Tau, new residential quarter Phu My, and Ba Ria commune)



NEW ASIA CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TÂN Á CHÂU

ĐỊA CHỈ : C12 KHU NHÀ Ở TECAPRO, LÀNG CÁ BẾN ĐÌNH 3,  
PHƯỜNG 9, ĐƯỜNG 30-4, TP. VŨNG TÀU

TEL/FAX: 84.64.570122 E-MAIL: newasia-co@hem.vnn.vn



Ủy ban Nhân dân xã Quảng Thành  
(Huyện Châu Đức)



**Chức năng :**  
Nhận thầu xây dựng các  
công trình công nghiệp,  
điện, giao thông, ...



Trường tiểu học Phú Xuân ( Huyện Châu Đức )  
Trường Tiểu học Phú Xuân - Huyện Châu Đức

Xây dựng hồ axit



Lắp đặt điện trung & hạ thế



Lắp đường ống



Đê bao bọc bồn dầu



NGÀNH KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

# PHỤC VỤ ĐẮC LỰC CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

**T**rong hơn mười năm qua, các đề tài khoa học - công nghệ và các dự án trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã từng bước được đưa vào phục vụ sản xuất, trong đó đã có rất nhiều đề tài, dự án mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Tính đến năm 2002 trên địa bàn tỉnh đã có 168 đề tài và dự án được thực hiện, với tổng kinh phí trên 17 tỷ đồng. Các đề tài nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực khoa học tự nhiên (các điều kiện tự nhiên và tài nguyên môi trường), khoa học xã hội và nhân văn. Các dự án triển khai và sản xuất thử nghiệm tập trung vào các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và kỹ thuật công nghệ. Trong đó, khoảng 80% các kết quả đề tài đã được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

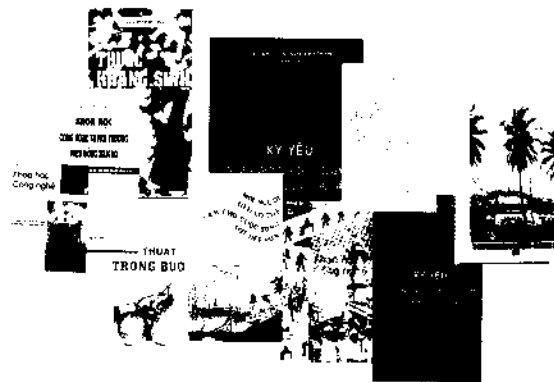
Theo đánh giá của ông Trương Thành Công - Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường: "Các kết quả đề tài đã tiếp cận và ứng dụng được nhiều thành tựu khoa học công nghệ của thế giới và trong nước để tạo những sản phẩm có giá trị. Đã gắn kết chặt chẽ hơn với sản xuất, đời sống và mang lại hiệu quả thiết thực. Những đề tài được áp dụng vào sản xuất và đời sống đã tạo ra những sản phẩm có chất lượng, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Ngoài ra, khi áp dụng vào thực tiễn một số sản phẩm đã mang lại lợi ích trực tiếp cho xã hội hàng chục tỷ

đồng và tiết kiệm được hàng trăm nghìn USD/năm. Ngành cũng sử dụng kết hợp các kết quả điều tra cơ bản do vốn Trung ương đầu tư trong việc triển khai các đề tài điều tra cơ bản tại địa phương, từ đó tiết kiệm cho ngân sách tỉnh hàng tỷ đồng, giúp lãnh đạo tỉnh, các ngành ra quyết định đúng đắn và kịp thời trong việc quản lý tài nguyên môi trường, phát triển các ngành kinh tế cũng như xây dựng các công trình".

### Đưa các đề tài nghiên cứu khoa học vào cuộc sống

Các đề tài khoa học xã hội và nhân văn là căn cứ khoa học giúp cho tỉnh trong việc ra các quyết định, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, các đề tài được in và xuất bản thành sách làm tài liệu để phổ biến rộng rãi trong các đối tượng học sinh, sinh viên và quần chúng nhân dân trong và ngoài tỉnh. Có nhiều đề tài bước đầu được áp dụng vào việc giúp các cơ quan quản lý ra quyết định, chính sách phù hợp.

Về điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên và tài nguyên môi trường, các



Các ấn phẩm thông tin tư liệu của Sở Khoa học, Công nghệ & Môi trường

kết quả nghiên cứu cơ bản đã thiết lập các luận cứ khoa học phục vụ thiết thực cho xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, với gần 50 công trình của nhiều lĩnh vực rừng, biển, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, động lực học biển... các đề tài nghiên cứu tổng hợp về thủy văn, động lực học và nhiệm vụ cửa ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu và nghiên cứu nhiệm vụ trong vùng ven bờ Vũng Tàu - Bình Châu. Qua nghiên cứu các quá trình động lực khu vực Cửa Lấp đã tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định kịp thời không cho khai thác cát tại Cửa Lấp...

Các kết quả nghiên cứu về sông, dòng chảy, xói lở và bồi lắng đã giúp hầu hết các ngành có tài liệu tham khảo phục vụ cho quy hoạch và xây dựng các công trình. Các nghiên cứu này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong thời gian qua, hiện tại mà còn cho tương lai.

Qua nghiên cứu điều tra cơ bản địa chất thủy văn, địa chất công trình, trên cơ sở xây dựng bản đồ địa chất thủy văn tỉnh. Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã tham khảo sử dụng và tiếp tục triển khai các trạm cấp nước sạch nông thôn với tổng trữ lượng khai thác gần 10.000m<sup>3</sup>/ngày (19 nhà máy).

Về công tác quản lý và bảo vệ môi trường, việc xây dựng danh mục ô nhiễm công trình tỉnh, xây dựng phần mềm quản lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, các đề tài về điều tra hiện trạng môi trường ở tỉnh đã xây dựng và tham mưu cho lãnh đạo tỉnh ban hành các Quy chế tạm thời về Bảo vệ môi trường tỉnh. Việc đánh giá hiện trạng môi trường hàng năm giúp cho tỉnh theo dõi được diễn biến môi trường



*Chương trình Sui hóa dân cư*

và đề ra giải pháp khắc phục.

### **Hiệu quả từ các dự án thực nghiệm**

Trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, khoảng 10 năm qua đã có 47 đề tài, dự án được thực hiện trong lĩnh vực này. Ông Hà Văn Nghĩa - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết: "Trong ngành nông nghiệp, những đóng góp của các yếu tố khoa học công nghệ chiếm khoảng 30% giá trị sản lượng nông sản trong thời gian qua. Đặc biệt, các dự án trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, tăng năng suất, chất lượng, tăng năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, góp phần giúp đỡ nông dân xóa đói giảm nghèo nâng cao đời sống".

Lĩnh vực trồng trọt đã tuyển chọn các giống có năng suất cao, chất lượng tốt bao gồm các cây lương thực như lúa, bắp, khoai mì. Đặc biệt diện tích bắp lai toàn tỉnh đã tăng 6% năm 1993 lên 100% vào năm 2002 và năng suất bình quân tăng từ 1,6 tấn/ha lên 5,8 tấn/ha. Việc áp dụng các giống bắp lai của

Việt Nam đã hàng năm tiết kiệm cho tỉnh một lượng ngoại tệ hàng trăm ngàn đôla Mỹ do phải nhập giống từ nước ngoài, lợi nhuận do tăng năng suất phục vụ cho xã hội lên đến hàng tỉ đồng.

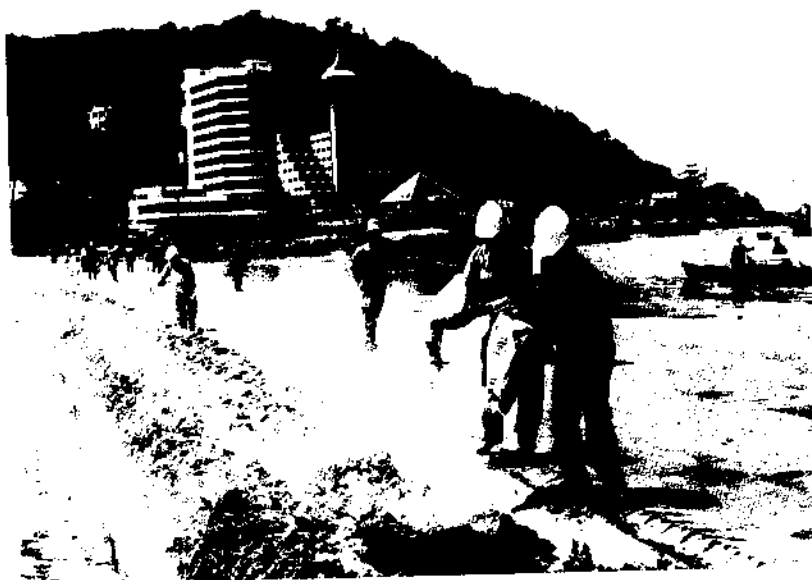
Chương trình cải tạo vườn tạp thành vườn chuyên canh cây ăn trái với các loại cây có giá trị như nhãn (tiêu da bò, sấu riêng hạt lép, chôm chôm, sapoche lông mứt, xoài cát Hoà Lộc... được khuyến khích phát triển nhanh. Diện tích cây ăn quả đến nay đạt gần 7.000 ha cho sản lượng hơn 20.000 tấn quả các loại/năm. Ngành đã phổ biến quy trình trồng rau an toàn cho các hộ dân sản xuất rau trong tỉnh, khuyến cáo nông dân hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có hại, tránh ngộ độc. Đến năm 2002, dự án rau an toàn đã được triển khai đến toàn bộ các huyện, thị của tỉnh.

Các nghiên cứu trong chăn nuôi cũng xác định lại cơ cấu vật nuôi phù hợp với điều kiện và quy mô kinh tế hộ gia đình, con giống cao sản mang tính thương phẩm cao được đưa vào sản xuất như giống heo lai Yorskir, Landras. Duroc bằng phương pháp gieo tinh nhân

tạo (85 - 90%); giống bò lai sinh được tăng dần tỷ lệ trong cơ cấu đàn bò, từ số lượng không đáng kể, đến năm 2002 tỷ lệ sinh hoá đàn bò tính lên đến hơn 70%.

Về y tế, các đề tài về y tế đã giúp cho công tác phòng chống dịch bệnh có hiệu quả hơn, giúp cho bác sĩ trong việc chuẩn đoán, phát hiện và điều trị sớm giảm chi phí và thời gian nằm viện cho các bệnh nhân trong một số lĩnh vực... Qua kết quả nghiên cứu lần đầu tiên của đề tài trẻ em khuyết tật đã đưa ra được một số liệu tổng quát về trẻ khuyết tật ở tỉnh. Trên cơ sở đó đã kêu gọi được 4 dự án đầu tư với kinh phí tài trợ của Australia, Liên minh dầu khí BP và Statoil lên đến 3,32 tỷ đồng. Các dự án này đã và đang mang lại hạnh phúc cho hàng ngàn trẻ em khuyết tật. Phần vùng dịch tễ sốt rét chính xác và cụ thể đã giúp cho công tác dự phòng và các biện pháp điều trị bệnh sốt rét có hiệu quả về kinh tế cũng như xã hội.

Trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, nổi bật là dự án xây dựng hầm biogas phục vụ đời sống và bảo vệ môi trường, từ 10 hầm biogas xây dựng từ năm 1992 - 1993 đến 2002 toàn tỉnh đã có hàng nghìn hầm và túi ủ biogas ở các vùng nông thôn. Việc ứng dụng năng lượng mặt trời và gió phát



Nữ kỹ sư có trên đường 17 - 9 - 2004

điện cho vùng sâu, vùng xa và Côn Đảo những năm 1992 - 1995 phục vụ đời sống và an ninh - quốc phòng có hiệu quả thiết thực và ý nghĩa lớn, đặc biệt với Côn Đảo. Kết quả đề tài nghiên cứu xử lý tái sử dụng cặn dầu (1995) đã trở thành dự án giúp Công ty Sông Xanh mạnh dạn đầu tư xây dựng xử lý nước thải (2001) góp phần quan trọng xử lý chất thải công nghiệp đặc biệt giải quyết khó khăn cho Vietsovpetro trong thời gian qua. Nghiên cứu động lực học cấp và đốt vỏ hạt điều là đề tài góp phần

giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng chất lượng sản phẩm, phục vụ trực tiếp cho sản xuất.

Với các kết quả đạt được, có thể thấy hoạt động nghiên cứu triển khai ở tỉnh trong hơn 10 năm qua về cơ bản đã có những đóng góp tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những mặt còn hạn chế, và hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhất định sẽ đạt kết quả tốt hơn trong những năm tới. ■

### Tổng hợp số lượng và kinh phí đề tài nghiệm thu trong giai đoạn (1992 - 2001)

Các lĩnh vực khoa học	Số đề tài, dự án nghiên cứu	Tỉ lệ (%)	Số đề tài nghiệm thu	Kinh phí (triệu đồng)
Tự nhiên	44	26,2	40	5.455,42
Nông - Lâm - Ngư nghiệp	47	28	32	1.709,95
KHXH và Nhân văn	33	19,7	24	2.510,22
Giáo dục và Đào tạo	13	7,7	13	460,55
Y - Dược	18	10,7	13	546,67
Kỹ thuật - Công nghệ	13	7,7	11	614,22
Tổng cộng	168	100	133	11.297,03

SCIENCE AND TECHNOLOGY

## SERVE THE LOCAL SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT EFFICIENTLY

**O**ver the past ten years, technological scientific subjects and projects in the province of Ba Ria-Vung Tau have been step by step effective to serve production activities. Many of those have brought about high socio-economic efficiency.

By 2002, the whole province has 168 effective subjects and projects with a total expending of VND17 billion. Those mainly focus on the fields of natural science (natural conditions and environmental resource), humanities and social science. The test production and development projects concentrate in agriculture, sylviculture, pisciculture and technological application. Consequently, 80 percent of its results have been applied to reality.

According to Director of the Environment, Technology and Science Department Truong Thanh Cong, "The subject results have approached to and made use of the national and world technological and scientific achievements to generate products of great worth, at the same time set up a close link between production and life to bring in practical results. The subjects applied to the production and real life have made high value products, contributing to develop the province's social economy. Furthermore, several products have brought in tens of billions dong and saved on hundreds thousand US dollar a year. The sector also uses the Central's investment capital to develop basic investigations in the locality, on the one hand saving on

billions dong for the provincial budget, on the other hand helping the local authorities and sectors' leaders map out the timely and sound decisions in managing environmental resources, developing economic industries and constructing works."

### Bringing scientific research themes into life

Humanity and social scientific themes are always a firm foundation for the province to set up decisions and policies on the local socio-economic development. Besides, all of those are printed and published in books to popularize over pupils, students and local people. Many themes have been applied to reality, helping management bodies to make decisions and appropriate policies.

In regards to basic investigations on natural conditions and environmental resources, the basic research results have set up scientific basis to serve the construction and development of the local economy. Additionally, there are nearly 50 researches on forestry, ocean, geology, environment, hydrometeorology and oceanic dynamics. Complex research subjects on hydrography, dynamics and pollu-



*Cross-bred maize*

tion on the edges of Ba Ria-Vung Tau sea and Vung Tau-Binh Chau. The researches on dynamic processes in Cua Lap area have assisted the People's Committee of the province to put forth opportune decisions and prevent exploiting sand in Cua Lap area.

Other researches on river, flows, erosion, consolidation and deposition have served as reference materials for almost sectors in planning and building works. These researches have a special importance not only in the past time, the

**General report on quantity and expenses of the reviewed subjects in period of 1992-2001**

Scientific	Quantity of testing subjects and projects	Rate (%)	Quantity of the reviewed subjects	Expenses (Mill.Dong)
Nature	44	26.2	40	5,445.42
Agriculture -	47	28	32	1,709.95
Sylviculture -				
Pisculture				
Social science and humanities	33	19.7	24	2,510.22
Education	13	7.7	13	460.55
Medication - Pharmacy	18	10.7	13	546.67
Technological technique	13	7.7	11	614.22
Total	168	100	133	11,297.03

present but also in the future.

In basic investigation researches on hydro geology and work geology, based on the construction of hydrographic geology map, the Rural Environmental Hygiene and Clean Water Centre under the Department of Agriculture and Rural Development has take referential use and deployment of rural clean water supply stations with its exploitation capacity of nearly 10,000cu.m per day (19 stations).

As for environmental management and protection, it is necessary to build up a list of polluted works in the province and write software

program to manage environmental pollution makers in the province. The subjects investigating environmental situation have helped the province's leaders constitute and promulgate temporary regulations on the province's environmental protection. The annual inspection on environment has efficiently assisted the province to keep an eye on environmental changes and propose solutions.

**Effects of experimental projects**

In the field of agriculture, sylviculture and pisciculture, there have

been 47 effective subjects and projects over the past 10 years. Vice Director of the Department of Agriculture and Rural Development Ha Van Nghia says, "In agriculture, scientific and technological contributions always occupy around 30 percent of agro-products' value. Especially, the projects in the field of agriculture, sylviculture and pisciculture have contributed to transfer structure of crop plants and livestock, enhance productivity and quality, increase productivity of labour and lower the prices, helping the local farmers eradicate hunger, alleviate poverty and improve their living standard".

Crop seedlings are all qualified and selected carefully, including food plants such as rice, maize and manioc. Particularly, the province's area of breeding cross-bred maize increased by 100 percent in 2002 from only 6 percent in 1993, average rice productivity was up to 5.8 tons per ha in 2002 against 1.6 tons per ha in 1993. The use of cross-bred maize seedlings has saved hundred thousands of US dollars a year for the province's budget and profits also reaches billions dong thanks to an increase in social services.

Program of improving miscella-



*Producing Bio fertilizers at Ba Ria-Vung Tau's Waster water Treatment*

neous gardens into the fruits specialised ones with fruit-trees of high value such as cow-hide longan, durian, rambutan, sapodilla, Hoi Loc sweet mango, etc., which are encouraged to further develop. Area of fruit-tree growing reaches nearly 7,000 ha so far, allowing an output of 20,000 tons of different fruits per year. In terms of vegetables, program of planting safe and clean vegetables has been popularised over the local farming households while recommending them not to use harmful plants protective chemicals and to avoid poisoning. By the end of 2002, the project on safe and clean vegetables had covered all the province's districts and towns.



*Conference on reviewing scientific projects*

Through breeding researches, the province also readjusts the live-stock structure conformable to the current situation and the households' production scale. High-yield commercial breeds have been put in production, including Yorkskir, Landras and Duroc cross-bred pigs created by artificial insemination (85-90 percent); proportion of Sind cross-bred gradually increased to more than 70 percent of the total herd of cows in 2002.

In regards to health service, the relevant subjects make the epidemic diseases prevention work more effective, help doctors diagnose diseases correctly, discover and treat opportunely, contributing to reduce hospitalisation expenses and time for the patients. Initial research results on subject of defected children have brought out comprehensive data about the referent objects

in the province. With the obtained results, the province has appealed four investment projects with a total investment capital of VND 3.32 billions financed by Australia and BP-Statoil Petrolimex Alliance. These have and been bringing happiness to thousands of defected children in the province. Furthermore, the accurate malaria epidemic zoning has contributed to raise the economic and social efficiency in preventive works and disease treatment.

In terms of technology and technique, it was highlighted with the construction of Biogas cellar to serve the people's living and protect environment. There have been so far thousands of biogas cellars in 2002 from only 10 in period of 1992-1993 in rural areas. The utilisation of solar energy and wind-generated electricity in remote areas and especially Con Dao in period of 1992-1995 served well the local people's living and national

security. Results of the research on recycling oil sludge (1995) has impulsed the Song Xanh (Green River) Company's investment project of building a waste treatment work (2001), meeting the need on industrial waste treatment and settling obstacles of Vietsopetro in the past time. Research on dynamics and firing cashew nuts' shells is an important subject in attempts of diminishing environmental pollution, raising products' quality and directly serving production activities.

With the obtained results, it is easy to find that the research work over the past 10 years have made positive contributions to the socio-economic development of the province, brought the obtained achievements into play and surmounted difficulties. Technological and scientific researches work of Ba Ria-Vung Tau province will be sure of better results in the coming years.

SỞ NGOẠI VỤ

# ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

**L**à một trong 5 tỉnh thành của cả nước có Sở Ngoại vụ hoạt động, Sở Ngoại vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu suốt hơn hai thập kỷ qua đã không ngừng vươn lên, đáp ứng các yêu cầu của công tác đối ngoại ngày càng phát triển, làm hậu thuẫn đắc lực cho việc thúc đẩy hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn.

Cách đây hơn 25 năm, ngày 24-10-1977, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã ban hành Quyết định số 385/QĐ thành lập Ban Ngoại vụ của Bộ Ngoại giao tại khu căn cứ dịch vụ đầu khí Vũng Tàu (tiền thân của Sở Ngoại vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Sở Ngoại vụ ra đời được giao chức năng tổ chức và quản lý công tác đối ngoại, thực hiện việc quản lý Nhà nước và chỉ đạo toàn diện công tác về người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh, là đầu mối giúp kiều bào liên hệ với các cấp, các ngành trong tỉnh.

## Đóng vai trò tham mưu công tác đối ngoại

Được giao nhiệm vụ là cơ quan tham mưu giúp tỉnh quản lý Nhà nước về công tác đối ngoại nên mọi hoạt động chuyên môn của Sở Ngoại vụ đều thống nhất theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ công chức chưa được đào tạo chính quy về các lĩnh vực đối ngoại, song Sở đã hoàn thành mọi kế hoạch, nhiệm vụ chi tiêu được giao, đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại ngày càng cao của tỉnh và Bộ Ngoại giao.

Sở Ngoại vụ đã chủ động phát hành hàng trăm văn bản tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân

tỉnh đề tặng thưởng quân lý Nhà nước về công tác đối ngoại tại địa phương. Đồng thời Sở cũng tham mưu cho tỉnh ban hành Quy chế chính thức về tổ chức và hoạt động của Sở Ngoại vụ (thời 20 năm qua chỉ hoạt động theo qui chế tạm thời).

Sở đã thành lập phòng tiếp đón dành riêng cho người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, thân nhân kiều bào và nhân dân với mục đích hướng dẫn tư vấn cho các đối tượng nêu trên hiểu biết về pháp luật Việt Nam và một số qui định của các nước thuộc những lĩnh vực như thủ tục xuất nhập cảnh, thủ tục đầu tư nước ngoài, thủ tục mua nhà tại Việt Nam, hôn nhân, kết hôn, nhận con nuôi ... Đây là mô hình hoạt động mới chỉ có ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được Bộ Ngoại giao và Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài đánh giá cao.

Đáng chú ý, sau hơn hai năm chuẩn bị bằng nguồn kinh phí tự trang trải, Sở Ngoại vụ đã xây dựng một website được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép hoạt động,



Chiều họp mặt kỷ niệm 25 năm ngày thành lập

website của Sở Ngoại vụ có kết nối với Bộ Ngoại giao và được Bộ giới thiệu cho gần 70 cơ quan ngoại giao Việt Nam ở các nước để tuyên truyền cho bạn bè quốc tế. Đây là trang website đầu tiên của ngoại vụ địa phương trong cả nước. Thông qua website, Sở đã giới thiệu những thông tin cơ bản về vị trí địa lý, tiềm năng, dự án kêu gọi đầu tư, thông tin về các doanh nghiệp, tìm thị trường, tìm đối tác, các qui định có liên quan đến xuất nhập cảnh và nghiệp vụ ngoại giao.

Các hoạt động thực hiện theo chức năng như công tác lễ tân, lãnh sự, công tác báo chí thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài ... đều được thực hiện nghiêm túc với kết quả đáng phấn khởi. Về công tác lãnh sự, Sở cũng

phối hợp với các cơ quan chức năng và đơn vị chủ quản quản lý có hiệu quả số công dân nước ngoài đang cư trú và làm việc trên địa bàn tỉnh cũng như khách vắng lai, du lịch đến Vũng Tàu; giải quyết nhanh các thủ tục về nước cho hàng trăm người Indonesia, Đài Loan, Thái Lan trong những vụ tai nạn trên vùng biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngoài ra Sở Ngoại vụ cùng với Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Đại sứ quán ... giải quyết một số vụ vi phạm pháp luật tại Việt Nam của một số người nước ngoài và người Việt Nam có quốc tịch ở nước ngoài. Đặc biệt, Sở tham mưu cho lãnh đạo địa phương xử lý những vấn đề liên quan đến lãnh hải, tàu thuyền nước ngoài xảy ra ở địa phương. Sở đã tích cực đấu tranh qua con đường ngoại giao và đã đưa 10 chiếc tàu cùng hàng trăm ngư dân về nơi an toàn, làm lợi cho ngư dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Đất hơn 20 tỷ đồng.

### **Tham gia trực tiếp vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội**

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao và Ủy ban nhân dân tỉnh, từ năm 2000 trở lại đây, Sở Ngoại vụ còn tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương như tổ chức hội thảo "Công nghệ thông tin - Thực trạng và triển vọng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu", thu hút nhiều doanh nghiệp công nghệ thông tin, nhiều nhà khoa học tham gia; tọa đàm với các sở, ban ngành của tỉnh về "Nội dung và hiện pháp phối hợp giữa Sở Ngoại vụ và các sở trong công tác hỗ trợ đầu tư ngoại thương"; tổ chức họp mặt các tổng lãnh sự quán, Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức thương vụ các nước để giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư và ngoại thương tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sở Ngoại vụ cũng phối hợp với Sở Kế hoạch - Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức họp mặt kiều bào: "Giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư và ngoại thương tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu". Cuộc họp thu hút 55 kiều bào là giám đốc, tổng giám đốc thành viên của Hiệp hội doanh nghiệp Việt Kiều tham dự.

Bên cạnh đó, Sở còn tổ chức hàng chục lớp tập huấn, bồi dưỡng để hỗ trợ cho các doanh nghiệp và các ngành trong tỉnh về lĩnh vực nâng cao chất lượng sản phẩm, công nghệ thông tin hội nhập quốc tế, kiến thức ngoại giao. Sở đã đặt quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức nước ngoài như Tổ chức Xúc tiến Thương mại Nhật Bản (Jetro), Kotra Hàn Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội Doanh nghiệp Ấn Độ, Thái Lan, Mỹ, Hàn Quốc, Công ty Dầu khí Ấn Độ, Công ty TATA Group. Sở giúp tỉnh gửi văn bản kiến nghị Bộ Ngoại giao về việc ký kết hiệp định đánh bắt hải sản trong vùng chồng lấn giữa Việt Nam với các nước Indonesia, Malaysia, Bruney ... tạo thuận lợi cho ngư dân đánh bắt hải sản xa bờ.

Ngoài ra, Sở Ngoại vụ còn tổ chức nhiều hình thức kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh, đồng thời nắm bắt những nhu cầu của các nhà đầu tư để đề xuất cho lãnh đạo tỉnh về chính sách ưu đãi phù hợp hơn trong tình hình kinh tế hiện nay.

### **Chiến lược thúc đẩy quan hệ đối ngoại của tỉnh với nước ngoài**

Tình hình thế giới và khu vực trong năm 2003 sẽ còn diễn biến phức tạp, Mỹ và Anh đã phát động chiến tranh chống Iraq, sự bất ổn ở một số nước và khu vực sẽ làm nảy sinh nhiều nhân tố mới đe dọa an ninh thế giới, toàn cầu hoá kinh

tế ... đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến Việt Nam nói chung và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu riêng. Vì vậy hoạt động đối ngoại của địa phương hiện nay và những năm tiếp theo rất quan trọng, đòi hỏi sự sáng tạo, nhạy cảm. Trên cơ sở đó, Sở Ngoại vụ đặt ra phương hướng hoạt động từ nay đến năm 2005 trong đó sẽ tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu:

+ Quan hệ tốt với các đối tác đã có, tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác mới gồm các tổ chức ngoại giao của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ ... và cá nhân nước ngoài nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị giữa tỉnh với các nước; qua đó giới thiệu tiềm năng của địa phương, mở rộng giao lưu, hợp tác giữa tỉnh với các nước.

+ Xây dựng đề án về công tác "Ngoại giao phục vụ kinh tế" của tỉnh, đẩy mạnh thông tin đối ngoại trên cả 3 lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá; Tổ chức nhiều loại hình hoạt động như hội thảo, cung cấp thông tin cho các ngành và doanh nghiệp, tham gia tìm thị trường cho doanh nghiệp, quảng bá và kêu gọi đầu tư cho tỉnh.

+ Chủ động phối hợp với các ngành tổ chức tuyên truyền thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, Quyết định 37 của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch về hội nhập kinh tế quốc tế của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh trong tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể các tầng lớp nhân dân và đặc biệt trong các doanh nghiệp.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động kiều bào trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nguồn nội lực quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước. ■

DEPARTMENT FOR EXTERNAL AFFAIRS

## SPEED UP COMMUNICATION ACTIVITY- CONTRIBUTING TO THE LOCAL SOCIAL

*Being one among the country's five provinces having departments for external affairs in operation, the Ba Ria-Vung Tau Department for External Affairs (hereinafter called as the Department) has constantly developed themselves over the last two decades, satisfying requirements for ever-developing communication activity, backing up the international cooperation and foreign investment in certain localities.*

The Minister of Foreign Affairs issued Decision No. 385/QĐ on 24 October 1977 on the establishment of the Bureau for External Affairs under the jurisdiction of the Ministry of Foreign Affairs at Vung Tau oil service base (predecessor of Ba Ria-Vung Tau Department for External Affairs) almost 26 years ago. The Department was assigned to organize and manage communication activities, perform the administrative functions and provide comprehensive guidelines to businesses related to Vietnamese overseas who settled down in foreign countries. It acts as a focal point to help Vietnamese overseas to contact provincial competent relevant agencies.

### Functioning as a consultant to foreign affairs

It is appointed to be a consulting agency. It is assigned to help Provincial People's Committee to administrate foreign communication activities. Thus, all professional activities of the Department shall be under the instruction of the Provincial Council and Provincial People's Committee. However, although the Department is confronting poor infrastructure and staff with poor education in com-

munication area, the Department fulfills all tasks, improving the communication activity as required by the Province and the Ministry of Foreign Affairs.

The Department takes initiative in issuing hundreds of document files in an attempt to advise the Provincial Council and Provincial People's Committee to enhance administration of local communication. At the same time, the Department also consults the Provincial People's Committee to promulgate an official regulation for its organizational structure and operation (the Department operated under the temporary regulation for over 20 years). The Department has set up an office to receive foreigners and Vietnamese overseas, overseas relatives and people with aims to provide them with guidelines and consulting to the above-mentioned persons to learn about Vietnamese Law and some foreign regulations on visa procedures, foreign investment; house purchase in Vietnam, marriage, and child adoption. The unique model in Ba Ria-Vung Tau was highly appreciated by the Ministry of Foreign Affairs and Vietnamese Overseas Committee.

Notably, after the more than two year-operation with its own finan-

cial fund, the Department has been granted a permit to develop and operate a website by the Ministry of Culture and Information. The Department's website is linked with the website of the Ministry of Foreign Affairs and introduced by the Ministry to the nearly 70 Vietnamese foreign affairs agencies in foreign countries. It is the first website about local public relations and communication activity all over the province. Through the website, the Department provides basic information on geography, potential, projects needed for investment capital, information on enterprises, markets, trade opportunity, visa procedures and communication skills.

Functions such as reception, consulate, press relation, communicative information, and other work related to Vietnamese overseas are seriously performed, bringing in satisfactory results. Functioning as a consulate, the Department cooperates with competent agencies and living agencies to effectively manage the number of foreigners who are provisionally staying and working in the province and the number of foreign travelers and tourists in Vung Tau; facilitate Indonesian, Taiwanese and Thai citizens who had accidents

on the Sea of Ba Ria and Vung Tau on their returning home. In addition, the Department cooperates with Policemen, People's Procuracy Court, People's Court, Embassies... to deal with some law-breaking acts of foreigners and Vietnamese overseas in Vietnam. Especially, the Department advises local authorities to cope with problems related to marine boundaries and foreign ships. The Department actively struggles for better foreign affairs. It has been safely rescuing 10 ships with hundreds of fishermen, saving VND 20 billion to fishermen in Phuoc Tinh commune, Long Dat district.

### **Direct participation in socio-economic areas**

Under the instruction of the Ministry of Foreign Affairs and Provincial People's Committee, since 2000, the Department has organized many activities to support the local socio-economic development. For instance, it organized the seminar "Information Technology - Current status and prospective of Ba Ria - Vung Tau", attracting many IT companies and scientists to participate; held discussions with relevant agencies and departments about "Tasks and methods to make cooperation between the Department and other departments responsible for supporting foreign trade investment"; organized meetings with the participation of consulates, foreign business associations, foreign trade affairs organizations for the purpose of introducing potential, investment possibility and foreign trade in Ba Ria-Vung Tau.

The Department in cooperation with the Ministry of Planning and Investment, Vietnamese overseas business association in Ho Chi Minh City has organized a meeting

with the participation of Vietnamese overseas: "Introduction of potential, investment possibility and foreign trade in Ba Ria-Vung Tau". The meeting attracted 55 Vietnamese overseas including directors and general directors as Members of Vietnamese overseas Business Association.

Furthermore, the Department held dozens of refresher courses in order to support enterprises and sectors specializing in product quality improvement, information technology, international integration and communication skills. The Department established the cooperative relations with many international organizations such as Japan Trade Promotion Organization (JETRO), Korean Trade (KOTRA) in Ho Chi Minh City, Indian, Thai, American and Korean Business Associations, Indian Oil and Gas Company, TATA Group. The Department helps the province submit recommendations to the Ministry of Foreign Affairs on signing an agreement on marine product exploitation in the anti-encroached areas between Vietnam and Indonesia, Malaysia, Brunei aiming to create favorable conditions to fishermen for offshore fishing activities.

### **Strategy for better communication between the province and foreign partners**

In the light of regional and international economic conditions, there will be complicated changes in 2003. Turmoil in some countries and regions will give a rise to many new factors threatening to the world security and economic globalization which have great influence on Vietnam in general and Ba Ria-Vung Tau province in particular. Therefore, the local communication

at present and for the coming years is very important, requiring for creativeness and sensitiveness. Thereby, the Department has developed a work plan by 2005, inclusive the following major duties:

Establishing a good relationship with existing partners, develop the relations with new partners, including foreign affairs organizations, international organizations, non-government organizations and foreign individuals in an attempt to enhance the friendship between the province and foreign countries; introducing local potential between the province and foreign countries.

Developing a work plan for "diplomacy serving as a tool to develop the economy"; further promoting communicative information on politics, economy and culture; launching many activities such as seminar organization and information provision to various sectors and enterprises, market research for enterprises and investment mobilization.

Taking initiatives in cooperating with other sectors to disseminate the Resolution 07 of the Politburo, the Decision No. 37 by the Prime Minister and the international integration plan drawn by the Party Committee and Provincial People's Committee within the Party and authority organizations, mass organizations, among all people and especially enterprises.

Speeding up the encouragement of Vietnamese overseas to make contribution to the national industrialization and modernization. As confirmed by the Resolution of the IX<sup>th</sup> National Assembly, Vietnamese overseas is a part of Vietnamese national community and an important internal force during the national construction and development. ■